NĂM THỨ SÁU • #64 • AUGUST 1994

English Section PAGE 45

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 ● TEL (714) 894-9021 ● FAX (714) 894-2752

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

CON CẮT BIỂN

TRẦN VINH

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG DANH NHÂN ANH HÙNG

LẠI MẠNH CƯỜNG

VẤN ĐỀ CỨU TRỢ Y TẾ QUỐC NỘI

Sách do Thế Kỷ xuất bản và phát hành

Hà Nội Trong Mắt Tôi

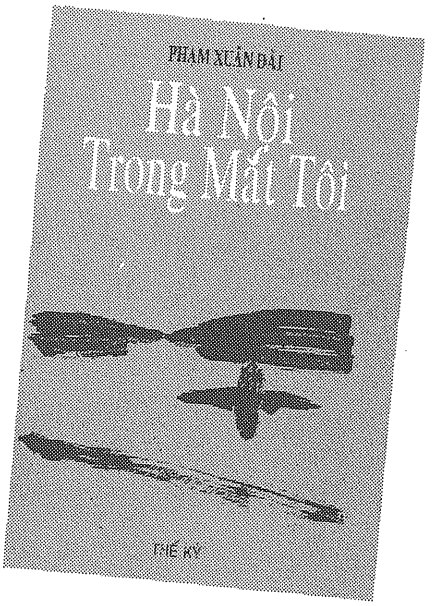

Bút ký, tùy bút...của **Phạm Xuân Đài,** viết tại Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm năm qua. Trần Hồng Châu (tức Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon) cho rằng: "Niềm yêu đời thắm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện...(...) Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó."
Tựa của **Trần Hồng Châu**
■ *185 trang. Giá $10.00*

Nửa Đời Nhìn Lại

Truyện của **Tiêu Dao Bảo Cự** (tác giả hiện ở trong nước). Truyện phơi bày một bi kịch nội tâm, phản tỉnh của một đảng viên Cộng Sản. Một mảng của cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ và đổi mới thực sự.

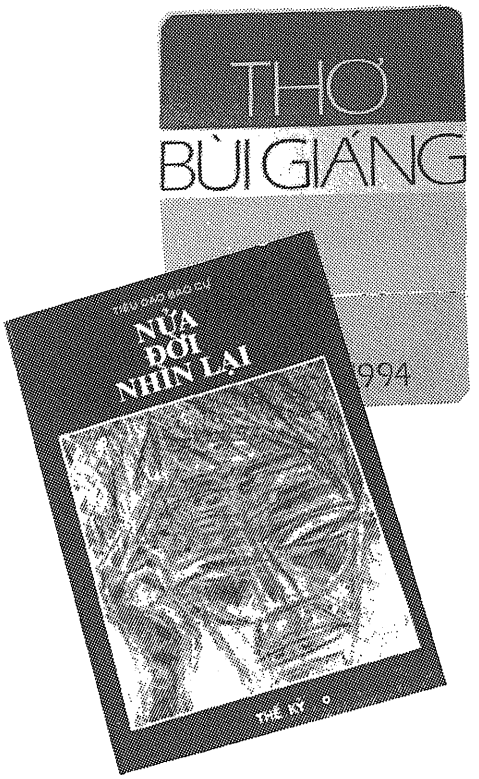

Tựa của **Đặng Tiến.** Bạt của **Hà Sĩ Phu.**
■ *340 trang. Giá $14.00*

Thơ Bùi Giáng

Một tập hợp các bài thơ mới nhất, sáng tác trong các năm 1992-1993 của nhà thơ tài hoa và lạ lùng nhất trong thời đại của chúng ta. Cũng là nhà thơ dài hơi nhất...

Giá $8.00

Thư từ và ngân/lệnh phiếu (US$) xin đề THẾ KỶ, và gửi về PO BOX 2054-H39 Westminster CA 92684.
ĐT (714) 894-9021
FAX (714) 894-2752.

Hằng triệu khán thính giả trong và ngoài nước đã yêu thích:

VIDEO *PARIS BY NIGHT 26*

Thúy Nga Video hân hạnh kính mời quí khán thính giả trở lại phim trường SACRÉE SOIRÉE lộng lẫy nhất Âu Châu, với chương trình ca vũ nhạc tuyệt vời:

VIDEO

PARIS BY NIGHT 27

SACRÉE SOIRÉE 2

Điều khiển chương trình:
NGUYÊN NGỌC NGẠN

CHỦ ĐỀ: *tiếng hát với cung đàn*

NHẠC SĨ VĂN PHỤNG

Giá 25$ / 1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
P.O. Box 2174
Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860
Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry
75013 Paris - France
Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd.
Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA
Tel. (02) 796-7227

Khánh Hà - Châu Hà - Thanh Lan
Ý Lan - Ái Vân - Hương Lan
Dalena - Phi Khanh - Phương Hồng
Quế - Lưu Bích - Diễm Liên - Trang
Thanh Lan - Mỹ Lan - Phương Loan
Bảo Hân - Jenny Loan - Ngọc Thúy
Elvis Phương - Anh Khoa - Duy
Quang - Don Hồ - Quang Bình
Henri Chúc - Nguyễn Hưng
Chí Tài - Chí Thiện...

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC
Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

HOÀNG OANH CD8

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

THẾ KỶ 21

P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ 06 số / issues (US$17.10) ☐12 số / issues (US$32.40) ☐24 số / issues (US$61.20)

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.
- Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.
- Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- **Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.**
- **Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.**
- **Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.**
- **Kế hoạch hoá gia đình.**
- **Giải phẫu các bệnh phụ nữ.**
- **Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.**

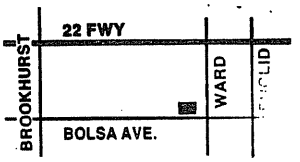

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE HMO,PPO, MEDI-CAL

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Bảy: **9:00 AM - 6:00 PM**

THẾ KỶ 21
PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER, CA 92684
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

I. BÌA (lọc màu):

- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):

- 1 trang:.....$460.00

(không có cỡ nhỏ hơn)

III. TRANG TRONG (trắng đen):

- 1 trang:.....$200.00
- 1/2 trang:.....$110.00
- 1/4 trang:.....$60.00
- 1/8 trang:.....$40.00

Thêm màu đỏ (bất cứ cỡ nào):...thêm $40.00

CHƯỚC GIẢM:

— 05% cho 4 lần.
— 10% cho 8 lần.
— 20% cho 12 lần.
— 25% cho trả tiền trước.

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam
khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

Chúc Mừng Năm Mới

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

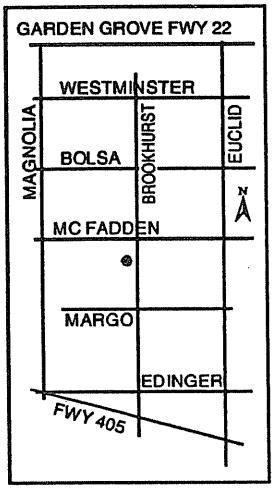

Xin khám bệnh
theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

Bìa: tranh *Nguyên Khai*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Nguyễn Hữu Nhật, Vũ Thái Hòa*
Hí họa: *Babui Mamburao*
Ảnh: *Lê Tam Ca, Lý Kiến Trúc*

MỤC LỤC

SỐ 64 - THÁNG TÁM 1994

CHÍNH TRỊ - NHÂN VẬT

20 Phương hướng tổ chức hành chánh Việt Nam hậu cộng sản (*Trần Huỳnh Châu*)
11 Nguyễn Hộ: Khuôn mặt đối lập đầu năm 1994 (*Lại Mạnh Cường*)
18 Nguyễn Hộ đã bị bắt như thế nào? (*Nguyễn Hộ*)

LỊCH SỬ

26 Việt Nam thế kỷ 20 (*Đỗ Ngọc Yến - Phạm Xuân Đài* ghi)
58 Con cắt biển (*Nguyễn Thị Chân Quỳnh*)

VĂN HÓA - PHONG TỤC

31 Tín ngưỡng thờ cúng các danh nhân anh hùng... (*Trần Vinh*)
37 Lạy trong chánh niệm (*Thích Nhất Hạnh*)
40 Cô hồn tháng Bảy (*Hiếu Đệ*)

DU LỊCH

42 Công viên núi lửa Lassen (*Ngô Thanh Tùng*)

ANH NGỮ (ENGLISH SECTION)

45 American Masochism and the Vietnamese war (*Tôn Thất Thiện*)
46 Anouncing Vietnamese literature (*Nguyễn Đình-Hòa*)
46 A day in Paris (a poem *Cao Xuân Tứ*)
47 Moon over the river (*Cao Xuan Tu*)

CHỮ VÀ NGHĨA

53 Một số thuật ngữ thông dụng (*Đỗ Thông Minh*)

XÃ HỘI - KHOA HỌC

55 Y sĩ Việt Nam hải ngoại trước vấn đề cứu trợ y tế quốc nội (*Lại Mạnh Cường*)
74 Sao chổi đụng Mộc tinh

ÂM NHẠC

71 Nghĩ về nền hợp ca Việt Nam (*Lê Văn Khoa*)

VĂN HỌC

75 Sáu khắc hồn tan (Ký, *Hồ Phổ Lại*)
81 Đà Lạt chiều buông (Truyện ngắn, *Nguyễn Tấn Hưng*)

THƠ

33 Huyền tích (*Huy Tưởng*)
35 Cảnh tượng (*Huy Tưởng*)
60 Tôi sợ đêm (*Trần Hồng Châu*)
63 San Diego nhìn lại và (vẫn) Nghiêu Đề (*Hoàng Xuân Sơn*)
66 Cây bông chuối (*Viên Phong*)
70 Chạnh niềm kỷ vật (*Lê Thị Tường Loan*)

MỤC THƯỜNG LỆ

6 Thư tòa soạn
7 Bạn đọc viết
10 Tòa soạn và bạn đọc
86 Sách báo trong tháng
88 Chân trời văn học nghệ thuật

THẾ KỶ 21

Tòa soạn: 14901 Moran St.,
Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752
Địa chỉ gửi thư:
P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684 USA

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Phụ tá Chủ nhiệm:
Đỗ Việt Anh

Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự

Quảng cáo:
Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu

Đại diện phát hành:
San Jose:
Bùi Duy Thuyết

Washington DC.
Nguyễn Văn Khanh

Paris
Mme Lê Tất Luyện

Đức
Thế Giang

Úc
Gia Du

Canada
Hoàng Chiều Nhân

Quảng cáo: Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Tháng Tám, nhằm tháng Bảy âm lịch, gợi nhớ "tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt" và một cảnh tượng cũ của Việt Nam: tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân, tín ngưỡng cúng cô hồn, mùa báo hiếu... Đó là thời điểm gặp gỡ nhau giữa âm và dương, của cõi sống và cõi chết, đó là một nét văn hóa của người Việt Nam có lẽ để tìm sự quân bình cho đời sống tinh thần và tình cảm của mình. Mặc dù không chủ trương tạo chủ đề cho mỗi số báo, Thế Kỷ 21 số này vẫn có mấy bài liên quan xa gần đến nét văn hóa ấy như "Tín ngưỡng thờ cúng các danh nhân anh hùng của người Việt Nam ngày trước", "Lạy trong chánh niệm", "Cô hồn tháng bảy.

Chuyện cứu trợ hay không cứu trợ về y tế cho đồng bào trong nước vẫn đang là đề tài bàn cãi của giới y sĩ Việt Nam tại hải ngoại, mà ý kiến các bên đã hơn một lần xuất hiện trên mặt báo này. Vấn đề này được Lại Mạnh Cường từ Hòa Lan nhìn lại một cách tổng quát và đưa ra lời giải thích, có thể đây là một tiếng nói góp ý để tìm cách ra khỏi các lúng túng hiện có.

Nhiều độc giả và văn hữu thắc mắc việc Thế Kỷ 21 chuyển từ công ty Người Việt qua hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ có làm thay đổi tờ báo hay không. Câu trả lời là nó đã sinh ra, lớn lên và trưởng thành như thế nào thì nay nó vẫn như thế. Các thay đổi nếu có trong tương lai thì chỉ là các thay đổi bình thường của một tờ báo đang phát triển, mà ảnh hưởng quyết định đến từ độc giả là chính. Mong rằng không khí "văn học nghệ thuật" tờ báo của chúng ta sẽ chuyên chở ngày một hữu hiệu hơn các ước vọng của nhóm chủ biên cũng như của tất cả bạn đọc.

Thế Kỷ 21

HỎI NGUYỄN KẾT

Nhân đọc "Góp ý về một nghịch lý thời gian", xin được trình bày với học giả Nguyễn Kết vài thắc mắc:

1- Theo thuyết tương đối, có phải khi một vi tử đi nhanh hơn tốc độ của ánh sáng, thì vi tử đó đi ngược thời gian hay không? Khi đó sẽ có những "nghịch lý" như: *đến trước khi đi*, và có phải vì vậy mà người ta đặt thành quy luật là: không gì có thể đi nhanh hơn ánh sáng?

2- Một trong những biện minh cho tính bất phản hồi của thời gian là một quy luật của nhiệt động học (thermodynamique), có được nhắc qua trong bài "góp ý...", theo đó "mức độ hỗn loạn" (entropie) của một hệ thống *luôn* gia tăng. Ở đây, thắc mắc của tôi không còn liên hệ đến nghịch lý thời gian, mà là: xã hội con người có giống như một hệ thống vật lý, có bắt buộc phải nhìn thấy mức độ hỗn loạn của nó ngày một gia tăng hay không? Nếu xã hội con người ngày càng ổn định, thì các nhà nhiệt động học lại có thể nói rằng một hệ thống lớn hơn, bao gồm xã hội loài người, thí dụ môi sinh trên địa cầu, sẽ bắt buộc phải chịu gia tăng hỗn loạn, để trong toàn bộ, sự hỗn loạn luôn gia tăng, như nhiệt động học đã quy định? Nói cách khác, con người chỉ có thể tạo sự ổn định cho mình bằng cách gây hỗn loạn trong môi trường quanh mình?

3- Đạo Phật có nói đến "năm trăm ngàn muôn triệu thế giới" (Kinh Pháp Hoa), có lẽ ý nói một con số rất lớn, vô lượng thế giới. Thế giới kinh Phật nói có thể coi như thế giới của khoa học gia hay không, và "vô lượng thế giới" của Phật có phải là thuyết đa thế giới ngày nay hay không?

Xin cảm ơn và kính chúc học giả Nguyễn Kết mọi sự tốt lành.

Cảm ơn tòa soạn Thế Kỷ 21 chuyển giúp.

Nguyễn Hoài Vân

CẢM NGHĨ ĐỘC GIẢ QUA BÀI ĐỖ BẰNG LĂNG TRÌNH TẤU DƯƠNG CẦM

Người viết tiếc không được hân hạnh có mặt tại thính đường để thưởng thức ngón đàn điêu luyện của nghệ sĩ dương cầm Đỗ Bằng Lăng nhưng cũng xin viết vài suy nghĩ đóng góp xây dựng cùng Bằng Lăng cũng như với người viết bài "*Đỗ Bằng Lăng trình tấu dương cầm*". Nhìn qua chương trình độc tấu của Bằng Lăng, tôi nhận thấy cô thiên hơi nhiều về việc "khoe" kỹ thuật khi đưa ba tác phẩm lớn ra biểu diễn! Thiết nghĩ trong một buổi trình tấu thân mật với gần 300 thính giả ta nên đưa một số tiểu phẩm xen vào để dung hòa phần diễn tả nhạc tính và kỹ thuật. Vả lại cách chọn lựa chương trình chưa cho ta thấy cô là một danh cầm lão luyện: Quá nhiều biến tấu cho một buổi biểu diễn. Ngoài chủ đề, 25 biến tấu và 1 tẩu nhạc kết thúc của *Variations sur un thème de Handel - J. Brahms* biên soạn dài lê thê, *Sonate* số 30 op 109 cung Mi trưởng của *Bethoven* chương 3 cũng là một chùm 6 biến tấu dài đằng đẵng. Hy vọng lần sau Bằng Lăng chú ý nhiều hơn về việc chọn lựa những tác phẩm biểu diễn.

Tác giả bài tường thuật nêu ra một số tên tuổi các thính giả tham dự buổi trình tấu. Theo thiển ý tôi điều đó không cần thiết, có thể những vị đó có tên tuổi tại Mỹ, hay đúng hơn với người Việt tại Hoa Kỳ thôi, chứ đối với chúng tôi chỉ là "*incognito*", thí dụ: *Trần Chúc, Cao Thanh Tùng, Lê Văn Khoa, Luis G. Spisto...* Trong làng nhạc cổ điển chúng tôi thật bất hạnh không biết các vị này.

Lời phát biểu của ông Lê Văn Khoa quả hơi vô thưởng vô phạt. Nhất là khi ông nói câu: "...Chiếc áo dài màu tím sáng, và mái tóc xõa hồn nhiên của người biểu diễn không hợp với không khí một buổi trình tấu nhạc cổ điển Tây phương...". Thế thì ông Lê Văn Khoa có lẽ là người ít đi nghe nhạc cổ điển. Danh cầm thủ *Martha Argerich* ăn bận bụi đời, điêm dúa mái tóc đen xõa dài trình tấu đâu thấy nhà phê bình âm nhạc nào chỉ trích? Ta đi nghe nhạc chứ đâu phải ta đi xem trình diễn thời trang mà để ý nhạc sĩ mặc áo màu gì biểu diễn.

Riêng phần tiểu sử Bằng Lăng cần sửa lại như sau: "...Đến Montréal năm 1975, cô tiếp tục học tại nhạc viện Montréal (chứ không phải Québec), classe de maitre với *Monique Deschaussees* tại Pháp và Montréal, *Tatiana Nikoleava* người Nga tại Montréal... Và hiện nay cô đang theo học tại đại học Montréal với *Soeur Nathalie Pépin.*

Thiết tưởng những nhà cầm bút người Việt nên trung thực khi nhận xét, phê bình và thông tin, vì nếu không ta đã vô tình truyền đạt sai lầm những dữ kiện đến độc giả.

Đức quốc vào Hạ 94

Châu Liên

Tòa soạn rất mừng vì bài vở trên TK 21 được độc giả the dõi kỹ và góp ý nhằm cải tiến. Xin cám ơn độc giả Châu Liên. Chỉ xin "góp ý" thêm: 1. Tên đầy đủ của nhạc viện là "Conservatoire de Québec à Montréal" (Nhạc viện Québec tại Montréal). 2. Ý kiến của các nhạc

sĩ có thể hợp hay không hợp ý bạn đọc. Nhưng TK 21 khi tường thuật các ý kiến đó đã làm đúng nhiệm vụ của cơ quan truyền thông. Bạn đọc Châu Liên thử xem lại câu kết bài góp ý. Đa tạ.

Kính thưa quý bạn,

Báo tháng 4-94 chậm gần một tháng so với hồi trước. Không phải tôi dám trách, mà trái lại rất thông cảm với sự khó khăn của quý bạn.

Nhân tiện, xin phép bàn vài chữ được không?

1- BỨC THƯ NGỎ GỬI NHÀ VĂN TIÊU DAO BẢO CỰ (TK 21 số tháng 4-94): Tôi viết thư này để hoan nghinh tác giả viết bức thư rất hay và xin thưa vài lời về mấy câu TÁI BÚT ở cuối trương 76. Bà TRƯƠNG ANH THỤY viết:

TB: Xin lưu ý anh về một sai lầm nhỏ. Câu "Chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân" (tr.286) là của Tuân Tử viết trong chương "Thiên Vương chế" (chớ không phải của cụ Nguyễn Trãi) và nguyên văn như sau0: "Phù thủy sở dĩ tải chu. Diệc sở dĩ phúc chu", nghĩa là "Nước vốn dĩ có thể chở thuyền, (thời) cũng có thể lật được thuyền".

Nếu bà nói câu này đã có người nói trước Nguyễn Trãi rồi thì tôi cũng chẳng có gì để bàn, nhưng bà khẳng định *câu này là của Tuân Tử chớ không phải của cụ Nguyễn Trãi*, nên tôi xin thưa: Nguyễn Trãi *cũng* có viết trong bài QUAN HẢI:

"Phúc chu thủy tín dân do thủy"

(Úp thuyền, mới rõ sức dân như nước)

(THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN TRÃI - Nxb VĂN HỌC 1962 - Phan Võ, Lê Thước, Đào Phương Bình dịch).

Không biết cụ Ức Trai phỏng ý người xưa hay sự trùng hợp tình cờ, nhưng điều rất thú vị và ít có là bàn chuyện chữ nghĩa mà ai cũng *phải* cả!

2- Trên TK 21 thường hay xuất hiện từ *HỢP CHỦNG QUỐC* hoặc *Hiệp Chủng Quốc Huê Kỳ* tùy người viết. Chỉ riêng số tháng 3 và số tháng 4-94 cũng đã có bốn tác giả viết trên 10 lần như vậy. Tôi nghĩ danh từ gốc Hán thì mình không thể Tàu hơn Tàu được. Trong TỪ HẢI họ chép *Hợp chúng quốc* (The United States of America). HÁN VIỆT TỪ ĐIỂN của Đào Duy Anh cũng như của Nguyễn Văn Khôn đều chép *Hợp chúng quốc*.

Nguyễn Hữu Thành (Paris, 4-94)

Chuyện ông Colby

Thấy thiên hạ kỷ niệm 50 năm ngày Hoa Kỳ và Đồng Minh đổ bộ ở Normandie, mới sực nhớ lại là ông W. Colby đã từng nhảy dù xuống đất Pháp lúc nước này bị Đức chiếm (với tính cách nhân viên OSS?). Vì vậy, nếu Thế Kỷ 21, nhân dịp này phỏng vấn cụ ta một chuyến về chuyện này thì cũng có thể là một điều lý thú? Đó cũng là một cách để người mình biết rõ hơn về một nhân vật đã có nhiều quan hệ với thời cuộc nước nhà.

Nguyễn Hoài Vân (Pháp)

Đề tài hấp dẫn. Nhưng tìm ra người có thì giờ để làm tới nơi tới chốn thật khó. Xin để nghiên cứu thêm.

Bàn tròn văn học đã có, còn...

Chúng tôi thấy quý bạn đã tổ chức nhiều bàn tròn văn học (nhất là gần đây với đề tài: Tại sao tôi viết văn) nhưng vẫn chưa đề cập tới nghệ thuật. Nếu bỏ quên phần này thì thiếu hụt, vì đứng có một chân!

Phải có nhiều bàn tròn về Nghệ Thuật nữa vì:

- Nghệ thuật là gì?
- Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật ở đâu, khi người nghệ sĩ say mê sáng tạo đến quên ăn mất ngủ?
- Thế còn cắm họa thì sao, nấu ăn thì sao? Nếu thực hiện khéo léo, gợi cảm và có ý nghĩa khiến nhiều người say mê thì cũng là một Nghệ Thuật chứ?

Hẳn các anh đồng ý vấn đề Nghệ Thuật rất phong phú và bao gồm nhiều bộ môn, sẽ đòi hỏi nhiều bàn tròn hứng thú lắm. Mong các anh lưu ý để chúng ta cùng có dịp trao đổi ý kiến và học hỏi lẫn nhau thêm.

Nguyễn Văn Luận (Garden Grove)

Tăng cường phần tiếng Anh

Tôi vẫn đọc TK 21 hằng tháng và rất vui khi nhận được báo. Bài vở rất phong phú. Tuy nhiên, tôi đề nghị in thêm những bài thơ lục bát có vần có điệu. Nhiều khi đọc thơ trong TK 21 đối với tôi quá "cao xa" và không còn vần điệu cổ truyền của văn thơ Việt Nam nữa!

Điểm son của TK 21 là những bài bằng tiếng Anh. Cộng đồng Việt Nam hải ngoại cần rất nhiều những bài bằng tiếng Anh để thu hút những người Việt Nam trẻ, lớn lên ở ngoại quốc. Để làm gì? Tôi xin thưa: Để họ hiểu thêm về văn hóa cội nguồn. Tre già măng mọc. Những người trẻ này sẽ phổ biến văn hóa Việt Nam cho người ngoại quốc. Tôi xin ngả mũ chào TK 21 về những bài Anh ngữ. Càng nhiều càng tốt.

Xin chúc TK 21 càng ngày càng lớn mạnh.

TB. Tôi đã đưa cho một giáo sư người Canada một bài trong TK 21 (bằng tiếng Anh) để ông ta làm tài liệu cho một bài viết về người Việt tị nạn tại Canada FYI. Tôi sẽ quảng bá TK 21 với các cơ sở giáo dục vùng Toronto và phụ cận. Người Canada bắt đầu để ý tới văn hóa Việt Nam vì học sinh gốc Việt càng ngày càng đông.

Đàm Trung Phán (Canada)

Giá báo TK 21 ở Canada

Để tiện cho các độc giả ở Canada trả tiền ở đây, tôi đề nghị tòa báo định lại giá bán (tính bằng Mỹ kim) như sau: Giá báo kể cả bưu phí là:

- 6 số: 25.50 Mỹ kim
- 12 số: 47.00 Mỹ kim
- 24 số: 90.50 Mỹ kim

Giá báo dài hạn kể trên, dựa trên giá báo bớt 10%, 20%, 25% rồi cộng cước phí là 1.25 Mỹ kim mỗi số.

Bưu phí tính theo giá trung bình một số bên Mỹ gửi cho đại diện phát hành, cộng với giá tem một số ở Canada.

Hiện nay, đổi sang tiền Canada tôi tính theo hối suất trung bình 1.38.

Hoàng Chiều Nhân (Canada)

Hoàn toàn đồng ý với anh Nhân và xin quý độc giả ở Canada liên lạc với anh Nhân, trả tiền theo giá biểu trên từ tháng Tám 1994.

Những "nghịch lý"...

Nhân đọc một số bài viết trên tạp chí TK 21 gần đây, nhận thấy có một vài điểm chưa được hợp lý, xin đóng góp như sau:

1) "Nghịch lý thời gian". Trong truyện ngắn "Một người bạn cũ" của tác giả Hoàng Khởi Phong, đăng tên số 62, tác giả cho biết nhân vật xưng tôi rời Bắc di cư vào 1954 (cột 1, trang 80). Sau đó, nhân vật này được tác giả cho biết gặp lại người bạn ấu thời, tên Mô, vào năm 1968 (cột 2, trang 80). Nếu làm một con tính nhẩm thì quảng cách giữa hai thời điểm này là 14 năm. Truyện được tác giả sắp xếp để hai người tâm sự, trong đó nhân vật chính xưng tôi cho người bạn cũ rõ về giao tình giữa những người bạn cũ rời Bắc vào Nam bằng đoạn văn như sau, "chúng tôi vẫn còn là những người bạn cũ, cho dù có khi năm, mười, thậm chí có khi *hai mươi năm* không gặp lại" (cột 2, trang 82). Làm sao có được 20 năm ở đây? Có lẽ tác giả muốn tạo ra một loại "nghịch lý thời gian" để cường điệu mối tình thắm thiết của những người bạn cũ rời Bắc vào Nam?

2) "Nghịch lý nghề nghiệp". Trong truyện ngắn "Cỏ mền lãng đãng" của tác giả Song Thao, đăng trên tạp chí TK 21 số 63, tác giả cho biết nhân vật Nghiệp đang là một giáo chức đang hành nghề tại Mỹ. Trong hồi ức, ông xách về "Những cái tên học trò từ gần hai chục năm trước" (trang 80, cột 1). Ít ra là độc giả được biết nhân vật Nghiệp đã từng là giáo chức tại Việt Nam vào thời khoảng gần và ngay tại năm 1975. Tuy nhiên, tác giả lại vẽ ra một nhân vật Nghiệp ở năm 1975 là một viên Đại úy, "Dùng dằng trút bỏ bộ quân phục, giật ra khỏi ngực những bông mai đen ngụy trang" (trang 81, cột 2). Đọc xong, người đọc tự hỏi, có lẽ nhân vật Nghiệp là quân nhân biệt phái gốc giáo chức, cấp bực Đại úy, và được điều động vào quân ngũ để chống lại Bắc quân vào năm 1975. Hoặc đây lại là một loại "nghịch lý" khác, xin được gọi là "nghịch lý nghề nghiệp"?

3) Gần đây, tạp chí TK 21 có vẻ không chu đáo lắm trong việc chăm sóc lỗi chính tả, thí dụ như bài viết "Góp ý về Nghịch Lý Thời Gian" của Nguyễn Kết, trang 62, số 61, người đánh chữ đánh sai là "phi luyến tính" (non- linearity), vừa đọc xong thấy sợ sợ, làm gì như là có mùi sex đâu đây trong một bài viết về vật lý. Nếu không có chữ non-linearity, chắc là phán đoán mò tới lui, coi tại sao vậy? Xin bắt chước ông Ký Giả trên mục Sổ Tay, trang 42, số 63, tự than, "Thấy mà ghê!"

Xin được góp vài ý nhỏ, mong tạp chí TK 21 vẫn là một tạp chí hàng đầu tại hải ngoại. Kính chúc quí tạp chí nhiều sức khỏe.

Nguyễn Anh Thăng (Houston, Texas)

1) Tác giả đã... dè dặt viết là "thậm chí có khi", theo tòa soạn, cũng phần nào giải được... nghịch lý thời gian, phải không ạ?

2) Đại úy đi dạy học nhiều chứ!

3) Xin nhận lỗi về việc để sót những chữ sai như vậy.

Ông Nixon và người Việt Nam

Tôi là một độc giả dài hạn của quí báo từ lâu. Nay đọc bài "Nhân vật Richard Nixon" của tác giả Nguyên Hương đăng trong số báo 62 tháng sáu 94 thấy có vài điểm xin được góp ý:

1) Tên đệm của Nixon là Milhous chứ không phải là Mulhous.

2) Nixon làm Phó tổng thống Hoa Kỳ từ năm 1953 chứ không phải từ năm 1950 như trong bài báo viết.

3) Bài báo viết là Nixon bí mật đi Bắc Kinh gặp Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai (trang 21 cột 1). Theo báo chí thì chỉ có Kissinger bí mật đi Bắc Kinh trước để sửa soạn cho chuyến đi của Nixon. Còn TT Nixon thì chính thức và công khai Hoa du vào tháng Hai năm 1972 có gặp cả Mao và Chu. Báo chí còn nhắc nhiều đến cái bắt tay lịch sử giữa Nixon và Chu tại phi trường Bắc Kinh, cũng như Thông cáo chung Thượng Hải.

4) Theo tôi *Thế Kỷ 21* là tờ báo của người Việt, viết cho người Việt ở khắp thế giới đọc thành thử nên tránh dùng tiếng nước ngoài. Trong bài của tác giả Nguyên Hương tôi thấy có dùng nhiều tiếng nước ngoài hoặc là không cần thiết hoặc là gây khó hiểu cho những người không biết tiếng Anh.

Thí dụ trang 21 cột 1 tại sao lại dùng chữ détente trong khi tiếng Việt có "hòa dịu" chẳng hạn. Trang 23 cột 2 chẳng nhẽ tác giả không tìm được chữ để dịch từ sorry hay sao? Trang 21 cột 3 tác giả dùng hoặc trích dẫn nhiều chữ tiếng Anh mà không dịch ra tiếng Việt nên gây khó khăn cho độc giả. (clumsy man, The Pink Lady, right down to her underwear).

5) Tác giả Nguyên Hương là người Việt viết một bài báo cho người Việt đọc trong khi nhân vật chủ đề của bài có một sự nghiệp dính dáng khá mật thiết với Việt Nam, vậy mà trong suốt bài báo không hề đề cập đến vấn đề Việt Nam đặc biệt là chiến tranh Việt Nam. Vậy không biết tác giả bài báo cố ý lờ đi hoặc là quá vô tình với đất nước Việt Nam.

Trân trọng kính chào quí báo và chúc Thế Kỷ 21 trường thọ để phục vụ đồng hương.

Hoàng Minh Đăng (Berlin, Đức).

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Độc giả mua báo hoặc gia hạn:

Lại Hữu Đức (Wesminster CA), Võ Đăng Sâm (Westminster CA), Columbia Bramch Library (Seattle WA), Nguyễn Viết Kim (Silver Spring MD, PDC tặng), Trần Huỳnh Mính (Tustin CA), Trần Chấn Giang (San Gabriel CA), Minh Hà (Stockton CA), Đoàn Ngọc Đa (Santa Ana CA), Lê Thần Chấp (Edina MN), Ái Khanh (Casselberry FL), Nguyễn Tường Quý (Richland WA), Vũ Ngọc Hà (Petaluma CA), Nguyễn Thị Nga (Tucson AZ), Lê Khắc Ngọc Túy (San Jose CA), Lê Thị Tường Loan (Houston TX), Lê Dũng Dân (Los Angeles CA), Lâm Lê Thanh (Santa Ana CA), Đỗ Văn Nhân (Nashua NH), Ngô Tiến Dũng (Chicago IL), Nguyễn Xuân Hiếu (Rancho Santa Margarita CA), Vietnam Weekly News (Garland TX), Võ Thạnh (Richland WA, NTQ giới thiệu), Đỗ Kim Bảng (Waltham MA), Đàm Trung Phán (Canada), Nguyễn Thị Suối Kiệt (Waterloo CND), Nguyễn Văn Cường (Montréal CND), Trần Quang Đại (Springvale UC).

Đỗ Kim Bảng (Waltham MA): Tòa báo đã sửa lại số trên nhãn gửi báo. Rất cám ơn ông đã cho biết để kịp điều chỉnh. Ngoài ra, cũng đã gửi hai số báo thiếu và cuốn sách ông đặt mua, hy vọng đến hôm nay thì sách và báo đã tới. Kính chào.

Lê Phú Bổn (Westminster CA): Xin chúc mừng đài phát thanh "mới" của các bạn. Về việc trích đọc các bài trên TK 21 trong mục "Đọc báo" không có gì trở ngại - miễn là có nói rõ xuất xứ. Thân ái.

Phan Ngân Hà (San Diego CA): Bài thơ tiếng Anh sẽ đăng trong một số tới (chưa biết số nào, vì hiện còn nhiều bài đang... chờ!) Có gì khác xin cứ gửi tiếp. Cám ơn và chúc vui.

Phú Bùi (Berkeley CA): Bài tiếng Anh sẽ đăng. Cám ơn nhiều. Mong tin luôn. Thân ái.

Đỗ Thông Minh (Tokyo NB): Thành thật xin lỗi đã không đi cái quảng cáo từ số trước theo yêu cầu. Sẽ đi từ số này, theo điều kiện đã thỏa thuận. Cám ơn những bài về điện toán và "chữ nghĩa." Chúc vui luôn.

Hiếu Đệ (Holland MI): Cám ơn anh đã cho những hí họa độc đáo. Sẽ đăng những tranh thích hợp. Một số chuyển cho NV. Lại sắp có triển lãm lớn, mong anh tham gia. Thân chào.

Nhắn tin chung quý đồng nghiệp:

Các độc giả của TK 21 ở một số tiểu bang cho tòa soạn biết (và có người gửi kèm báo của quý đồng nghiệp) có đồng nghiệp đã trích đăng bài của TK 21. Việc đăng lại bài vở của báo bạn thực ra giúp phổ biến sâu rộng thêm những công trình sáng tạo hoặc nghiên cứu của người cầm bút, chúng tôi hoan nghênh. Nhưng, như quý đồng nghiệp đã biết, luân lý chức nghiệp của người làm báo buộc chúng ta phải tuân thủ một số nguyên tắc tối thiểu như:

1. gửi thư hoặc điện thoại xin trích đăng;
2. khi đăng (với sự đồng ý của tòa báo có bài) phải in hàng chữ, hoặc LTS, cho biết xuất xứ;
3. nếu là báo bán hoặc có bán trang quảng cáo, phải góp một phần phí tổn nhuận bút do hai tòa báo cùng ấn định.

Rất mong quý đồng nghiệp cùng chúng tôi bảo tồn và phát huy đạo đức báo chí để làng báo Việt ngữ hải ngoại thực sự là một "ngôi làng" trong đó mọi người sống hòa thuận và tiến bộ.

Nhắn tin chung quý văn hữu:

Gần đây, tòa soạn nhận được bài của quý vị đã đánh sẵn trong đĩa. Thật là tiện lợi (đỡ tốn kém thì giờ và tiền bạc, lại bảo đảm không có, hoặc có ít, lỗi đánh máy). Chúng ta hãy cùng nhau hoan hô những tiến bộ kỹ thuật và công nghiệp, và phát huy tối đa thành quả của những tiến bộ này. Tòa soạn cám ơn quý vị lắm lắm.

Tuy nhiên, vì các loại máy (hardware) và các nhu liệu (software) có nhiều dị biệt, đôi khi không tương hợp (compatible), cho đến khi chúng tôi có đủ sức (tiền để mua nhiều máy, và kỹ năng sử dụng), chúng tôi xin quý vị thông cảm, chỉ gửi về những đĩa: 1. đánh bằng IBM/PC; 2. dùng các thảo chương VNI hoặc VNlabs; 3. để nguyên bài ở dạng text (ASCII), không cần cho kiểu chữ, cỡ chữ, cột, trang gì cả; 4. nếu gửi bằng bưu điện nên dùng đĩa nhỏ 3.5, ít rủi ro hơn đĩa lớn.

Nếu quý vị có modem, và muốn gửi thẳng vào máy của tòa soạn, hoặc để tòa soạn lấy (retrieve) từ máy của quý vị, xin liên lạc điện thoại trước để cùng sắp xếp ngày giờ thuận tiện. Thân ái chào và mong nhận được tin và bài của quý vị đều đều! Thân ái.

Đón đọc:

THẾ KỶ 21

số 65 tháng Chín 1994

Mùa Thu nói chuyện Thơ

NGUYỄN HỘ: KHUÔN MẶT ĐỐI LẬP ĐẦU NĂM 1994

LẠI MẠNH CƯỜNG

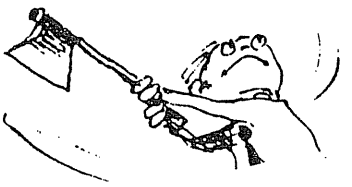

Thay vì phấn khởi trước lệnh bãi bỏ cấm vận của kẻ thù cũ là đế quốc Mỹ, giới lãnh đạo Hà Nội lại tỏ ra vô cùng lo lắng và bối rối trước đe dọa một cuộc cách mạng nhung tại Việt Nam như ở các nước cộng sản Đông Âu cũ. Báo chí nhà nước hằng ngày lên tiếng báo động nguy cơ "diễn biến hòa bình" (évolution pacifique) ở thời kỳ hậu cấm vận.

Trong mấy tháng đầu năm nay giới lãnh đạo Hà Nội đặc biệt tỏ ra hung bạo hơn bao giờ hết. Qua những tin tức thường xuyên từ trong nước gửi ra cho biết những người hoạt động dân chủ đối lập "nặng ký" như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế bị thay đổi trại giam liên tục, bị biệt giam hay phải lao động nặng trong lúc bệnh hoạn và việc thăm nuôi ngày một khó khăn hơn trước.

Nguồn tin trong nước mới nhất cho biết vào đầu tháng Ba vừa qua Uỷ Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh đã ký liền một lúc ba lệnh: khám căn hộ số 11 đường Trần Quốc Toản, phường 6, quận 3 của ông Nguyễn Văn Hộ; trục xuất ông Hộ khỏi nơi cư trú trên và đương sự bị bắt buộc phải đến cư ngụ tại một địa điểm không nêu rõ địa chỉ thuộc huyện Thủ Đức; đương sự bị quản thúc tại gia và bị tước mất quyền công dân trong thời hạn một năm. Tội trạng của ông Hộ được nêu rõ trong ba giấy quyết định cùng mang số 01/QĐ-UB do ông chủ tịch Uỷ Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh là Trương Tấn Sang ký ngày 5 tháng Ba năm 1994 như sau:

1/ Biên soạn, phổ biến tài liệu có nội dung tuyên truyền xuyên tạc, chống chế độ và nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

2/ Gây hoài nghi, chia rẽ giữa nhân dân với các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội.

Tập tài liệu "phản động" ấy được ông Hộ đặt tên QUAN ĐIỂM VÀ CUỘC SỐNG. Ông đã viết tài liệu này trong thời gian bị quản thúc tại gia lần đầu và hoàn tất nó ngày 20-5-1993. Nhà xuất bản TIN tại ngoại thành Paris nhận được bản thảo truyền tay vào cuối tháng 2-1994, đã cấp tốc đem in thành một tập sách mỏng, thật đẹp (cùng với phóng ảnh ba cái quyết định nêu trên) và cho phát hành rộng rãi ngay cuối tháng Tư vừa qua, với giá rẻ chỉ 40 quan Pháp.

Giới hoạt động tại hải ngoại cũng như người trong nước không mấy ai xa lạ gì về ông Nguyễn Hộ. Tên của ông một thời đi chung với các tên Tạ Bá Tòng, Hồ Hiếu, Đỗ Trung Hiếu của Câu Lạc Bộ Những Người Kháng chiến Cũ (CLBNNKCC), gọi tắt là Câu lạc bộ Kháng Chiến, ở thành phố Hồ Chí Minh vào những năm cuối thập niên 80. Để hiểu rõ hơn về nhóm hoạt động đối lập này thiết tưởng chúng ta nên biết sơ qua về con người ông Hộ và một vài đồng chí của ông trong câu lạc bộ nêu trên.

NGUYỄN HỘ hay Nguyễn Văn Hộ, bí danh Năm Hộ hay Tám Yến, sinh ngày 1 tháng Năm 1916 tại Gò Vấp, Gia Định. Vì nhà nghèo anh thanh niên Nguyễn Văn Hộ chỉ mới học đến lớp ba cấp một (1933) và phải phá ngang đi học nghề, làm thợ (1935) trong xưởng đóng tàu Ba Son ở bến Bạch Đằng, Sài Gòn. Nhưng chàng thanh niên này đã có ý thức cách mạng cao, nên chỉ một năm sau anh ta tham gia hoạt động trong hàng ngũ kháng chiến chống Pháp và được kết nạp vào đảng cộng sản Đông Dương ở tuổi 21. Sau gần năm năm hoạt động bí mật anh bị mật thám thực dân Pháp bắt giữ và bị đi đày Côn Đảo (1940-1945). Đến khi Việt Minh cướp chính quyền, Nguyễn Hộ, nay đã 30 tuổi đời, được tự do. Trong thời chín năm chống Pháp (1946-1954) ông Hộ tiếp tục tích cực tham gia hoạt động chống Pháp trong hàng ngũ những người đồng chí cộng sản của ông. Địa bàn hoạt động của ông là đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, nơi ông sinh ra, lớn

lên và bắt đầu cuộc đời cách mạng. Ông sẽ còn gắn bó với nơi đây nhiều năm sau này. Sau hiệp định đình chiến Genève 1954, ông Hộ tập kết ra Bắc. Tại đó, ngoại trừ những năm dài bệnh hoạn, ông giữ chức cán bộ lãnh đạo trong Tổng Liên Đoàn Lao Động, sau đổi tên lại thành Tổng Công Đoàn. Ông được lệnh đi B chiến đấu năm 1964. Ngay từ lúc đầu cho đến khi chấm dứt cuộc nội chiến Nam bắc, ông làm công tác dân vận trong vùng Sài Gòn - Gia Định. Kể từ đó cho đến khi về hưu (1975-1987) ông chỉ hoạt động trong những cơ quan ngoại vi của đảng cộng sản như Công Đoàn, Mặt Trận Tổ Quốc, hội Việt Xô... tại thành phố Hồ Chí Minh (1).

Vợ ông, bà Trần Thị Thiệt, cán bộ phụ nữ Sài Gòn, bị bắt và bị tra tấn đến chết tại Tổng Nha Cảnh Sát Sài Gòn hồi Tổng Công Kích Tết Mậu Thân 1968. Anh ruột ông, Đại tá quân đội miền Bắc, hy sinh trong một trận đánh với lính Mỹ tại Củ Chi đầu năm 1966 (1).

HỔ VĂN HIẾU hay Hồ Hiếu, bút hiệu Nguyên Phong, sinh năm 1939, cử nhân kinh tế, cao học lịch sử. Ông nội là cụ Hồ Văn Hóa, tham gia kháng chiến chống Pháp trong hàng ngũ người cộng sản và được phong liệt sĩ; thân phụ là bác sĩ Hồ Văn Cang, đảng viên cộng sản từ năm 1947; một người con trai khác của cụ Cang cũng theo cộng sản; Hồ Hiếu đã tham gia hoạt động cho cộng sản ngay từ năm 14 tuổi. Nói chung ba đời gia đình Hồ Hiếu là cộng sản và vợ ông cũng theo cộng sản. Địa bàn hoạt động chủ yếu của ông ở các tỉnh miền Trung như Huế, Nha Trang, Đà Lạt. Trước 1975, ông bị chính quyền miền Nam bắt giam cả thảy sáu lần. Tổng cộng ông ở tù mười lăm năm, trong đó có trên năm năm ngồi "chuồng cọp" Côn Đảo. Ông tham gia vào Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ thành phố Hồ Chí Minh với chức vụ trưởng ban Liên lạc thanh niên, sinh viên, học sinh kháng chiến. Đột ngột vào ngày 20-4-1990 nhà ông ở số 185 Nguyễn Văn Thụ, khu Đa Cao quận I Sài Gòn bị công an lục soát và sau đó ông bị quản thúc tại gia. Ngày 29-4- 1990 công an lại xét nhà và bắt giữ ông cùng với các nhân vật chủ chốt trong Câu Lạc Bộ Kháng Chiến. Nhà nước cộng sản dàn dựng giả tạo một âm mưu phá hoại do CIA giật dây để trấn áp những đảng viên bất đồng chính kiến với cấp lãnh đạo trung ương. Sau hơn một năm bị cầm giữ ông được xác nhận vô tội! Tuy được ra tù nhưng ông vẫn bị quản chế và ít lâu sau vợ ông mất vì bệnh hoạn và quá lo lắng cho ông. Giữa năm 1992 ông bị khai trừ khỏi đảng và cho nghỉ việc! Chẳng những ông không ân hận hay đau sót, mà còn tuyên bố: "*Khi một đảng hợp lòng dân và đấu tranh tích cực cho nền độc lập dân tộc thì vào đảng là điều kiện cần thiết. Nhưng khi đảng đó đã trở nên suy thoái, đi ngược lại lòng dân thì ra khỏi đảng cũng là điều cần thiết, tránh những ân hận và day dứt cho lương tâm. Quyết định này của đảng* (cộng sản, ghi chú) *không làm tôi ngạc nhiên*", và ông nói tiếp: "*Là một công dân bình thường ngoài đảng, tôi hằng mong: - Đảng để cho dân được sống yên lành; - Tổ quốc ta độc lập rồi, làm sao cho dân ta có được dân chủ, tự do, no ấm, hạnh phúc và nước ta giàu mạnh, không hổ thẹn với thế giới* (...)" (6).

Vài tháng sau khi về hưu ông Nguyễn Hộ cùng với các đồng chí cũ thành lập Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ tại thành phố Hồ Chí Minh vào cuối năm 1987 (1) (theo 2&7, vào năm 1986). Ngay từ đầu, nhóm ông đệ đơn xin thành lập Hội với quyền hạn và phạm vi hoạt động rộng rãi hơn câu lạc bộ như luật định, nhưng Thành uỷ và Uỷ Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh chỉ cho phép lập câu lạc bộ thôi. Trên giấy tờ mục đích thành lập Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ bao gồm ba điểm chính yếu:

- tập hợp những người tham gia kháng chiến chống Pháp hay/và chống Mỹ để phát huy truyền thống yêu nước trong quần chúng; - đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- đoàn kết tương trợ nhau trong cuộc sống.

Nhưng thực ra Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ chỉ là bức bình phong cho những người cộng sản chân chính tập hợp nhau lại để cùng "*tiến hành hoạt động bằng các hình thức: hội thảo, mít tinh, kiến nghị, viết báo, ra báo nhằm các mục tiêu cụ thể chống tiêu cực, quan liêu, cửa quyền, ức hiếp trù dập quần chúng, tham nhũng, bè phái, bao che lẫn nhau vì đặc quyền đặc lợi trong hàng ngũ cán bộ đảng và nhà nước* (...)" (sic); công tác đoàn kết tương trợ nhau chỉ là thứ yếu (1).

Trên thực tế Câu Lạc Bộ ấy đã nhiều phen đóng góp ý kiến xây dựng, nếu không muốn nói là thẳng thắn phê bình, các vị lãnh đạo cao cấp nhất trong đảng, nhà nước cộng sản về những việc làm phản dân hại nước của giới chức cầm quyền:

- Tháng 4-1998 Câu Lạc Bộ Kháng Chiến làm kiến nghị khuyên Bộ Chính Trị không nên chủ trì trò hề "độc diễn" khi quốc hội bầu Chủ Tịch Hội Đồng Bộ Trưởng (1&2);

- Câu Lạc Bộ Kháng chiến tổ chức hội thảo lần đầu vào ngày 18-9-1988 với chủ đề "Truyền thống cách mạng với hiện tình đất nước", quy tụ được hơn 80 người tham dự (2);

- Tháng 10-1988 tại đại hội Công Đoàn ông Nguyễn Hộ trực diện phê bình Thủ tướng Đỗ Mười và đòi dân chủ, tự do (2);

- Hội thảo lần thứ hai vào ngày 13-11-1988 tại Hội trường Quận uỷ quận 3 quy tụ tới hơn 700 người đến

dự. Lợi dụng mục tiêu của hội thảo là "hiến kế cho đảng, tìm ra nguyên nhân tồn tại sau hai năm thực hiện nghị quyết đại hội lần thứ 6 của đảng", các thành viên chủ chốt của Câu Lạc Bộ Kháng Chiến như Thượng tướng Trần Văn Trà, Trung tướng Trần Nam Long đăng đàn gay gắt chỉ trích đích danh hai ông uỷ viên Bộ Chính Trị Lê Đức Thọ và Nguyễn Đức Tâm (2). Những người tham dự kiến nghị "Bộ Chính Trị và Ban Bí Thư Trung Ương đảng cần có sự kiểm soát định kỳ, phê, tự phê và sự lãnh đạo của mình trước Ban Chấp Hành Trung Ương để qua đó điều chỉnh, kiện toàn cơ quan lãnh đạo: ai có đủ đức tài thì tiếp tục phát huy, còn ai không đủ đức tài thì cần cho rút lui để đưa người có đức có tài thay thế, chứ không thể cứ "sống lâu lên lão làng" (1)!

- Tháng 12-1988 ông chủ nhiệm Câu Lạc Bộ Nguyễn Hộ lên tiếng tại Nhà Văn Hóa Lao Động thành Hồ đòi quốc hội cách chức, bãi miễn, truy tố các bộ trưởng tài chính Hoàng Quy, bộ trưởng nông nghiệp và chế biến thực phẩm Nguyễn Công Tạn (Tặng?), thứ trưởng tài chính Trần Tiêu, tổng giám đốc ngân hàng nhà nước Lữ Minh Tiệm (4). Những ông này đã "không làm tròn trách nhiệm, dẫn đến hậu quả là có trên 10 triệu người (ở miền Bắc) bị đói năm 1987, và nhân dân cả nước sống cơ cực kéo dài..." (1). Trong buổi họp cử tọa tỏ thái độ bất bình và chống đối lại quyết định cấm ra báo Truyền Thống Kháng chiến của Thành uỷ và Ban Bí Thư (2);

- Ngày 2-2-1989 ông Nguyễn Hộ gửi thư phản kháng đến bộ Thông tin về việc bức tử tờ Truyền Thống Kháng chiến và sau đó cho quay ronéo phổ biến thư này (6);

- Ngày 22-8-1989 mười cán bộ lão thành trong Câu Lạc Bộ Kháng Chiến như Hồ Văn Châu, Hà Huy Giáp, Nguyễn Hộ, Tô Ký, Phạm Khải, Đào Sơn Tây, Nguyễn Thị Hồng Tâm, Võ Văn Thạnh, Huỳnh Văn Tiễng và Trần Văn Trà đồng ký tên vào thư gửi Ban Chấp Hành Trung Ương đảng (BCHTƯ) nhân Hội nghị BCHTƯ lần thứ bảy khóa 6. Nội dung lá thư nhấn mạnh vào các điểm chính sau đây: - về sản xuất, chủ yếu trong nông nghiệp, cấp lãnh đạo trung ương nên từ bỏ chính sách kinh tế dàn đều-bình quân/tự cấp-tự túc trong cả nước, ngược lại phải xác định các vùng trọng điểm kinh tế như đồng bằng sông Cửu Long, miền đông Nam bộ và thành phố Hồ Chí Minh; - không nên xát nhập vào trung ương các cơ sở làm ăn lớn địa phương như trường hợp cơ sở Petro-Saigon và nhà máy xay lúa của công ty lương thực thành phố Hồ Chí Minh; - tự do báo chí; - xin lập hội cựu chiến binh và hội những người kháng chiến cũ; - cấp lãnh đạo trung ương phải nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết đại hội đảng lần thứ 6, cũng như phải tôn trọng hiến pháp và luật pháp (9);

- Ngày 9-12-1989 Câu Lạc Bộ Kháng Chiến cho phổ biến các tin tức về đại hội nhà văn Việt Nam lần thứ tư tại hội trường Ba Đình vào các ngày 23,31- 10-1989 (tham khảo thêm trong Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương, tr.350-374, Nxb Lê Trần, Cali, USA tháng 7-1990).

- Hội thảo về tình hình Đông Âu và Liên Xô do Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ tổ chức vào ngày Chủ nhật 7-1-1990 lôi cuốn được trên 500 người tham dự từ 8-16 giờ. Các ông đảng viên kỳ cựu thi nhau nói thẳng, nói thật, nói hết. Ông Trần Văn Long, trưởng ban nội chính tỉnh Cửu Long, dám lớn tiếng rằng "đa nguyên là thực tế khách

quan chứ không tùy ta muốn hay không muốn"! Ông Nguyễn Hộ phải nhiều phen yêu cầu cử tọa hãy giữ bình tĩnh và trật tự. Nhưng chính ông Hộ "mất bình tĩnh" hơn ai hết khi phát biểu tại diễn đàn hội thảo: "*(...) Đổi mới không phải là một điều xin xỏ, mà phải bằng cách mạng của quần chúng mà chúng ta đây là những người trong đám quần chúng đó! (...). Đảng cộng sản Việt Nam ta với tình trạng suy thoái hết sức nghiêm trọng hiện nay phải lột xác hoàn toàn, không lột xác mà ba trợn là chết ngay (...). Đảng ta bây giờ không phải đi cà rịch cà tang mà phải nhảy, chạy cho nhanh, thậm chí nếu bay được thì nên bay về phía trước (...). Phải thực hiện dân chủ công khai, phát huy dân chủ, trả lại quyền dân chủ cho nhân dân, không được cướp nó (...)*". Sau mỗi câu đanh thép và nẩy lửa trên là một tràng pháo tay tán thưởng diễn giả (3&6);

- Ngày 9-5-1990 ông Hộ cho phổ biến băng ghi âm bài phát biểu "Nói với đồng bào" (7, tr.20).

Tờ TRUYỀN THỐNG KHÁNG CHIẾN (TTKC), cơ quan ngôn luận của Câu Lạc Bộ Kháng Chiến, mạnh dạn đổi mới từ hình thức đến nội dung, nên nhanh chóng chiếm được lòng tin yêu của bạn đọc cả nước. Truyền Thống Kháng Chiến chẳng những giữ vai trò thông tin nghị luận quan trọng trong quần chúng, nó còn nghiễm nhiên trở thành diễn đàn tranh đấu cho tự do, dân chủ và "nhịp cầu tri âm" giữa những người kháng chiến yêu nước năm xưa. Mặc dù gặp nhiều khó khăn và bị "bức tử" giữa chừng, Truyền Thống Kháng Chiến đã đóng góp rất nhiều trong buổi bình minh của cao trào đấu tranh đòi tự do dân chủ cho tổ quốc Việt Nam (xem thêm bài Truyền Thống Kháng Chiến của cùng tác giả).

Rất nhiều nơi trong nước rục rịch lập ra chi nhánh Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ (3&7, tr.20) khiến đảng và nhà nước cộng sản lo ngại trước nguy cơ xáo trộn chính trị liên tục, cuối cùng dẫn đến một cuộc cách mạng nhung như ở các nước Đông Âu cựu cộng sản. Trong tháng 4- 1990 chính quyền đã ít nhất hai lần hăm dọa sẽ dùng quân đội để đập tan âm mưu lật đổ chế độ (3)! Tưởng cũng nên nhắc sơ qua bối cảnh chính trị Việt Nam vào cuối năm 1989 và những tháng đầu năm 1990 (6):

- Uỷ viên bộ Chính Trị Trung Ương đảng Trần Xuân Bách bỗng dưng thoát xác thành "nhà vô địch đổi mới Việt Nam" qua buổi nói chuyện vào ngày 7- 12-1989 tại Câu lạc bộ Khoa Học Kinh Tế Hà Nội và một bài báo nảy lửa của ông đăng trên tờ Tiền Phong vào đầu năm 1990. Ông Bách đả kích nặng nề các lãnh tụ cộng sản "áp đặt khuôn mẫu chủ nghĩa xã hội như nhau vào các nước khác nhau gây hậu quả trì trệ và khủng hoảng" và "sự ngu xuẩn (này) sẽ bị trừng phạt bằng thất bại". Ông còn chỉ trích gay gắt các chính sách kinh tế tồi dở đưa đến căn bệnh kinh niên "lời giả lỗ thật" trong các xí nghiệp quốc doanh và nguy cơ "thừa giả thiếu thật" (thừa hàng hóa trong một xã hội thiếu sức mua) v.v... Kết quả là tại hội nghị Ban Chấp Hành Trung Ương đảng lần tám khóa 6 vào tháng 3-1990 ông Bách bị đuổi khỏi Bộ Chính Trị, Ban Bí Thư Trung Ương và Ban Chấp Hành Trung Ương đảng vì tội "vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và kỷ luật đảng, gây nhiều hậu quả xấu" (sic)!

- Dương Thu Hương dẫn đầu trong phong trào "cởi trói văn nghệ" (phía hải ngoại có thói quen gọi là phong trào văn nghệ phản tỉnh/phản kháng) với tiểu thuyết Thiên Đường Mù, nhất là các bài viết ngắn trên báo chí, các bài phỏng vấn hay các buổi nói chuyện đó đây trong nước của nhà văn nữ tự mệnh danh "nhà văn của quần chúng (...) ngồi bệt xuống cỏ"! Nữ sĩ họ Dương công khai và thật thẳng thắn bày tỏ những nhận định của mình trước những khủng hoảng đất nước dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản từ nhiều chục năm qua. Bài tham luận "Chức năng của người cầm bút" do bà Hương đọc trước đại hội các nhà văn lần 4 vào cuối tháng 10-1989 được xem là sâu sắc, nhiệt huyết và cảm động nhất;

- Linh mục Chân Tín và nhân sĩ Công giáo (cựu linh mục) Nguyễn Ngọc Lan bị công an cộng sản quản chế ba năm kể từ tháng 5-1990, tức chẳng bao lâu sau khi ông Chân Tín giảng ba bài Sám Hối: sám hối cá nhân, sám hối tập thể giáo hội và sám hối tập thể quốc gia nhân mùa chay tháng 4-1990 tại nhà thờ dòng Chúa Cứu Thế ở đường Kỳ Đồng cũ;

- Bác sĩ Nguyễn Đan Quế sau khi được thả ra năm 1988 lại tiếp tục hoạt động và công khai cho ra mắt Cao Trào Nhân Bản và ông bị bắt lại vào ngày 14-6-1990;

- Cũng như Bác sĩ Quế, sau khi được thả tự do, giáo sư Đoàn Viết Hoạt tích cực hoạt động trở lại. Ông được mời đi diễn thuyết nhiều nơi. Kể từ đầu năm 1990 ông lặng lẽ cho truyền tay những tập tài liệu mang tên Diễn Đàn Tự Do cổ võ cho dân chủ đa nguyên, hòa giải hòa hợp dân tộc và đấu tranh bất bạo động. Ông và bạn hữu bị bắt lại vào tháng 11 năm 1990, mặc dù lệnh bắt giam đã được ký vào cuối tháng 4-1990.

Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ cũng không tránh khỏi số phận đã an bài từ trước. Đảng và nhà nước cộng sản lại giở trò chơi bẩn được họ áp dụng trước đây đối với các nghệ sĩ trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm tại miền Bắc năm 1956. Họ tịch thu ấn bản gốc tờ Truyền Thống Kháng Chiến, khiến ban biên tập Truyền Thống Kháng Chiến phải chạy lánh nạn tạm thời xuống Mỹ Tho, rồi Cần Thơ để ra báo. Họ tiếp tục truy kích tới cùng bằng thủ đoạn tịch thu, cấm bán báo

và sau cùng ra lệnh đóng cửa vĩnh viễn tờ Truyền Thống Kháng Chiến. Chưa hết, họ vu cáo chính trị cho những người cầm đầu Câu Lạc Bộ Kháng Chiến để giở trò "thay ngựa giữa dòng". Đầu tháng 3-1990 các ông Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng... bị truất phế và được thay bởi người của đảng (3&6). Hai ông cố vấn Câu Lạc Bộ Kháng Chiến là Thượng tướng Trần Văn Trà và nhà lý luận Trần Bạch Đằng cũng tham gia tích cực vào cuộc "đảo chánh" này bằng cách bôi xấu Ban chủ nhiệm cũ của Câu Lạc Bộ Kháng Chiến (1, tr.11). Hai ông cố vấn họ Trần đã bị đảng và nhà nước cộng sản mua chuộc, nên quay ra phản lại đồng chí mình trong Câu Lạc Bộ (tham khảo thêm bài phát biểu của hai ông trên tại cuộc họp giữa Ban Thường vụ Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh và Ban chủ nhiệm Câu Lạc Bộ Kháng Chiến vào ngày 9-3-1990). Ông Bùi Tín trong tác phẩm Mặt Thật phê phán ông Trần Bạch Đằng là "con người cơ hội (chủ nghĩa) tiêu biểu". Nói ngắn gọn về Trần Bạch Đằng là người có tài nhưng thiếu đức chỉ vì tính tham lam. Ngược lại ông Bùi Tín hết lời ngợi khen Thượng tướng Trần Văn Trà (5, tr.167-170) và cho rằng ông Trà đã đóng góp rất tích cực cho Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ trong những năm 1988 và 1989. Rất tiếc ông Trà đã bị hai ông Nguyễn Văn Linh và Võ Chí Công dùng "lời ngay lẽ phải" và tình thông gia để kéo về lại với đảng (5, tr.171)!? Để thưởng công cho hai ông cố vấn họ Trần, đảng và nhà nước tặng cho tướng Trà chức phó chủ tịch ban chấp hành lâm thời hội Cựu Chiến Binh Việt Nam (được phép nhà nước cộng sản Việt Nam thành lập lần đầu tiên vào cuối tháng 12-1990), còn ông Đằng làm cố vấn chính trị cho Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh (6)! Hiện nay ông Trà được nhà nước cấp cho một biệt thự lớn trên đường Pasteur cũ (Nguyễn Thị Minh Khai) ở thành Hồ và ông cho người ngoại quốc thuê với giá 5,000 Mỹ kim mỗi tháng (Thông Luận tháng 4-94, tr.1). Con gái ông Trà là bác sĩ nhãn khoa được gửi đi tu nghiệp tại Viện Nghiên Cứu Nông Nghiệp Wageningen, Hòa Lan trong năm 1991 (Cô này tiêu tiền như nước và khi được hỏi tiền đâu mà lắm thế, cô ta cười bảo: "Tiền chùa dại gì mà không xài") (6). Trong khi đó vào đầu tháng 5-1990 đảng và nhà nước âm thầm hạ lệnh bắt và quản chế các ông Tạ Bá Tòng, Hồ Văn Hiếu, Đỗ Trung Hiếu, Lê Đình Mạnh (3). Ông Hộ nhờ nhanh chân rời bỏ thành Hồ về sống ẩn danh ở vùng quê nên thoát khỏi lưới săn bắt giăng sẵn của công an thành Hồ. Nhưng người cộng sản vẫn tìm được nơi ẩn núp và ông Võ Văn Kiệt lúc đó đang là Phó Thủ tướng được phái đến đóng vai thuyết khách (8-90). Ông Hộ thẳng thắn cự tuyệt nên nửa tháng sau (7-9-90) ông bị lực lượng công an săn bắt đưa đi quản chế ở vùng Bình Triệu. Các quan chức cộng sản lớn nhỏ lần lượt đến thuyết giáo ông Hộ, nhưng ông tự cho mình đã rời bỏ đảng cộng sản kể từ ngày 21-3-1990, cái ngày ông rời bỏ thành phố để đi lánh nạn cộng sản tại nông thôn như đã nêu ở trên. Ông bây giờ là người hoàn toàn tự do, hoàn toàn được giải phóng; đầu ông không còn bị cái "vòng sắt chủ nghĩa Mác Lê" kềm chặt như lúc trước. Nhờ thế tư duy ông bay bổng và ông "lột xác" hoàn toàn. Tác phẩm Quan Điểm và Cuộc Sống của ông Hộ đã được thai nghén và ra đời trong bối cảnh đặc biệt trên (1).

Nhân đây người viết xin điểm sơ qua QUAN ĐIỂM VÀ CUỘC SỐNG (QĐ&CS) để độc giả hiểu thêm về con người của ông Hộ hiện nay ra sao.

Mở đầu là lời phi lộ, qua đó tác giả tiết lộ ngắn gọn về thân thế, quá trình tranh đấu trong hàng ngũ những người cộng sản Việt Nam từ thập niên 30 đến thập niên 80. Phần lớn trong lời phi lộ tác giả viết những hoạt động của mình sau khi về hưu, nói khác đi về Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ, và những ngược đãi ông phải gánh chịu khi ông tranh đấu cho dân chủ tự do. Qua những kinh nghiệm đau thương ấy ông thấy mình trở thành con người hoàn toàn tự do, thoát khỏi vòng kiềm tỏa của chủ nghĩa Mác Lê và đảng cộng sản.

QĐ&CS được chia làm bốn phần dài ngắn không đều nhau. Phần I mở đầu bằng những phân tích thời cuộc thế giới, chủ yếu tại các nước Đông Âu và Liên Xô vào cuối thập niên 80 đầu thập niên 90. Kế tiếp tác giả coi người hùng Gorbachev như sứ giả hòa bình của thế kỷ 20, vì ông này "dám vượt lên bức trường thành của ý thức hệ cộng sản, làm cho thế giới hòa nhập vào nhau để tiến lên" (sic). Tác giả liên tục nhấn mạnh nhiều lần đến xu thế thời đại hiện nay là: đối thoại, hợp tác, hòa bình, hòa giải, dân chủ và phát triển. Ông kết tội chủ nghĩa xã hội lỗi thời, chỉ đưa đến nghèo đói, lạc hậu và chết chóc. Ông khuyên các nhà lãnh đạo Việt Nam hiện nay không nên giáo điều, cứng nhắc; họ nên mạnh dạn đổi mới hơn nữa.

Trong phần II tác giả hết lời cổ võ cho chủ nghĩa tư bản, coi đó là con đường tất yếu để tiến lên. Mặc dầu hiện nay chủ nghĩa tư bản chưa hoàn chỉnh, nhưng theo ông nó rất năng động và có khả năng tự điều chỉnh cao, nhất là nó đã vượt qua những đoạn đường chông gai nhất trong quá trình tồn tại và phát triển.

Phần III có thể được xem như trọng tâm của tác phẩm. Ngay câu mở đầu tác giả viết: "Dân chủ tự do là thước đo chính xác về lòng trung thành của đảng cộng sản Việt Nam đối với dân tộc mình". Ông đả kích nặng nề các chủ nghĩa nhất nguyên như chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa phát xít, nhân đó ông lên án những người cộng sản Việt Nam đã phát động

phong trào chống đa nguyên, đa đảng ở trong nước. Ông luận về đa nguyên trong thiên nhiên, vũ trụ, trên thế giới và ngay tại Việt Nam và cho rằng chỉ có đa nguyên mới đem lại dân chủ, tự do, no ấm đích thực cho con người. Điều kinh hoàng nhất là qua lời tố cáo của ông người ta thấy rõ hơn nữa tội ác tày trời của đảng cộng sản trong vụ tàn sát tín đồ Cao Đài với những chứng cớ rõ ràng. Một cách gián tiếp ai cũng hiểu ông là chứng nhân lịch sử trong các vụ thảm sát tập thể những lương dân vô tội có đạo do người cộng sản Việt Nam chủ xướng, bởi vào thời gian và không gian xảy ra tội ác ông đang giữ những chức vụ quan trọng trong hàng ngũ đảng cộng sản tại địa phương trên. Không thể xem đó là những lời tố điêu để lấy công chuộc tội. Tiếp theo, ông phơi bày bộ mặt xấu xa nhất của đảng cộng sản Việt Nam qua cuộc tranh chấp nội bộ đẫm máu ngay trước đại hội toàn đảng lần thứ 6. Chắc chắn những người cộng sản Việt Nam chân chính sẽ vô cùng đau lòng khi ông nêu câu hỏi: "Trong chiến tranh, rất ít thấy cấp tướng hy sinh; trong hòa bình, đại tướng, trung tướng hy sinh dễ dàng, do đâu?" và ông đưa nghi vấn về cái chết mờ ám của các tướng Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, Đinh Đức Thiện và Trần Bình. Ông không quên đề cao tiềm lực lớn mạnh và vai trò quan trọng của người Việt hải ngoại trong công cuộc kiến thiết đất nước. Từ đó ông cho rằng nhà cầm quyền hiện nay phải thành tâm theo đuổi một chính sách hòa giải hòa hợp dân tộc đứng đắn.

Phần IV gồm những đề nghị thiết thực về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, giáo dục, y tế, ngoại giao và quốc phòng để xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện tại.

Tác phẩm đầu tay Quan Điểm và Cuộc Sống của ông Nguyễn Hộ thực tình không có gì gọi là đặc sắc, ngược lại có một số điểm căn bản

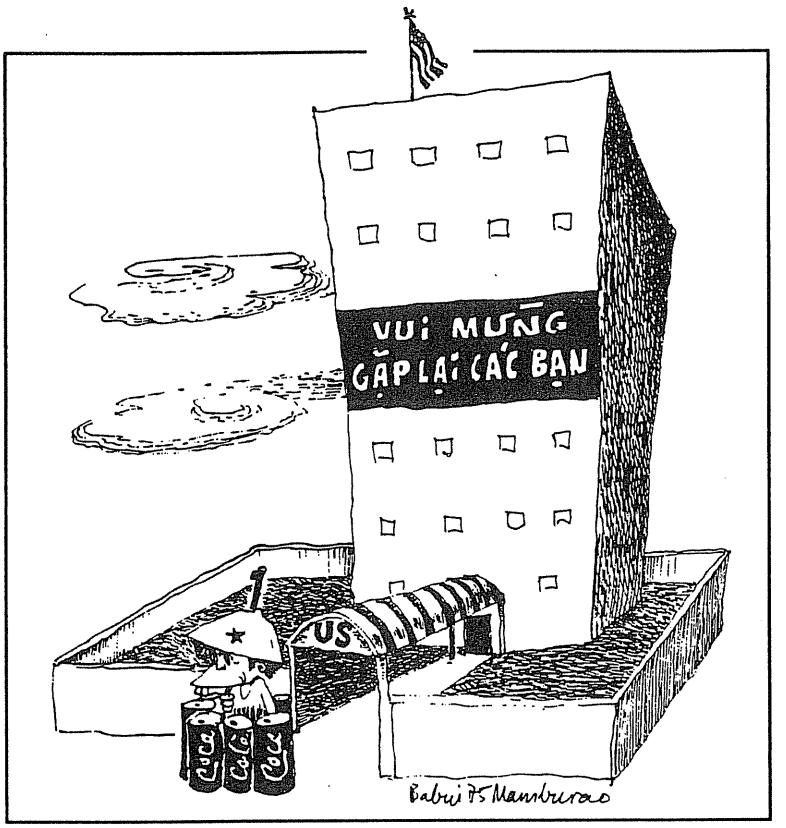

cần phải được bàn lại kỹ hơn. Điều này cũng dễ hiểu, bởi chính tác giả không phải là một nhà trí thức lớn cỡ Nguyễn Khắc Viện, hay một cây lý luận như Trần Bạch Đằng! Trước sau ông chỉ là người của hành động, một người yêu nước bằng cả trái tim. Điều đáng khâm phục nơi ông ngoài lòng dũng cảm là sự chịu khó trau dồi kiến thức liên tục, ngay cả trong lúc nguy khốn, và nhất là tính phục thiện có một không hai. Ở cái tuổi thất thập cổ lai hy với hơn nửa thế kỷ tôn thờ và phục vụ cho chủ nghĩa Mác Lê, trước những mua chuộc, cám dỗ, cùng đe dọa, đọa đày phải gánh chịu trong lúc thế cô và tuổi già sức yếu, nhưng khi thấy mình chọn sai lý tưởng, ông sẵn sàng từ bỏ nó, và lại tiếp tục lên đường tranh đấu cho lẽ phải.

Chúng tôi, những người tranh đấu cho nhân quyền Việt Nam tại hải ngoại, xin chọn ông làm biểu tượng nhân quyền Việt Nam trong nửa đầu năm 1994. Chúng tôi kêu gọi các đồng hương, thân hữu và hội đoàn bạn hãy cùng chúng tôi ra sức bảo vệ những chiến sĩ tranh đấu cho tự do dân chủ nơi tuyến đầu trong trận chiến chống độc tài phi nhân hiện nay tại quê nhà. Trước sự hung bạo ngày một gia tăng của người cộng sản Việt Nam, sức khỏe của những người đối lập trong nước đã bị chế độ lao tù tàn ác hủy hoại rất nhiều, có nhiều người hiện đang lâm nguy đến tính mạng. Nơi hải ngoại chúng ta không nhiều thì giờ để chần chờ suy tính nữa, chúng ta phải quyết bảo vệ ngay những tiềm năng con người Việt Nam trong nước.

Ghi Chú:

** Bài viết chỉ đề cập đến tên các ông Tạ Bá Tòng, phó chủ nhiệm Câu Lạc Bộ Kháng Chiến, và Đỗ Trung Hiếu vì người viết bài không tìm ra được tài liệu nói rõ thêm về hai ông này. Ước mong quý độc giả thứ lỗi và giúp đỡ người viết thu thập thêm tài liệu về các vị lãnh đạo trong Câu Lạc Bộ Kháng Chiến và các cộng tác viên của tờ Truyền Thống Kháng Chiến để bài viết này hoàn chỉnh về*

mặt thông tin.

** Thiếu tướng Tô Ký sinh quán tại Hải Phòng, con cháu cụ Tô Hiệu (hoạt động cùng thời với cố Tổng Bí Thư Trần Phú, chết trong nhà tù Sơn La thời Pháp thuộc), được cử vào chiến trường miền Nam năm 1960. Ông có tài cầm quân và nổi tiếng bình dân, rất chịu chơi với thuộc cấp (6).*

** Trung tướng Nam Long họ Trần, nguyên quán vùng Hòa Hảo tỉnh Châu Đốc. Lúc đầu theo Bảy Viễn và đã từng cùng viên tư lệnh Bình Xuyên này vượt ngục Côn Đảo. Sau này ông bỏ Bình Xuyên đi theo kháng chiến chống Pháp và gia nhập vào đảng cộng sản. Ông tướng này có máu anh chị, nên đã cầm lựu đạn đi hỏi vợ cho mình. Vợ ông người Huế và cũng theo cộng sản trong thời chống Pháp (6).*

** Cần phân biệt giữa Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ với Hội Cựu Chiến Binh (HCCB) Việt Nam. Sau khi quốc hội bỏ phiếu thuận trong kỳ họp tháng 12-1989, Hội Đồng Bộ Trưởng đã ký lệnh vào cuối tháng 2-1990 cho phép thành lập lần đầu tiên HCCB và xác định ngay từ đầu đây là một đoàn thể quần chúng, đặt dưới sự lãnh đạo của đảng, thành viên của Mặt Trận Tổ Quốc, kết nạp hội viên là những người đã chiến đấu trong các lực lượng võ trang nhân dân, với điều kiện là vẫn xứng đáng với danh hiệu đó! Trong khi chờ đợi kết nạp đông đảo hội viên và tổ chức đại hội toàn quốc, một ban chấp hành lâm thời đã được chỉ định, đứng đầu là hai Thượng tướng Song Hào -chủ tịch- và Trần Văn Trà -phó chủ tịch- (Tạp chí Đức Việt số tháng 5,6-1990, tr.22)*

Tài Liệu Tham Khảo Chính Yếu:

(1) Quan Điểm và Cuộc Sống: Tác giả Nguyễn Hộ, Nxb TIN, Paris 1994.

(2) Nguyệt san Quê Mẹ: số 104, tháng 11-1989, tr.7-21.

(3) Sống Thẳng Nói Thật hay Nhật Ký Nguyễn Ngọc Lan 1989-1990: Nxb TIN, Paris, tr.181-182, 215 & 217.

(4) Thông Luận: số 26, tháng 4-1990, tr.14.

(5) Mặt Thật: tác giả Bùi Tín, Nxb Sài Gòn Press, Cali 1993, tr.162-171.

(6) Tư liệu.

(7) Tập tài liệu lưu hành trong nội bộ cơ sở đảng của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh để học tập trong tháng 4 hoặc 5-1994: Diễn văn của Đỗ Mười trong hội nghị cán bộ do Ban Bí Thư triệu tập tại Hà Nội ngày 3-3-1994; tài liệu "Hoạt động của một số thế lực thù địch và chống đối" của ban tư tưởng văn hóa trung ương ngày 20-3-1994.

(8) Bài phát biểu của Nguyễn Hộ trong hội thảo ngày 7-1-1990 tại thành phố Hồ Chí Minh.

(9) Cánh Én: số 21 tháng 2-1993, tr.12-13.

Amsterdam, trung tuần tháng 5 năm 1994

UỶ BAN YỂM TRỢ ĐOÀN VIẾT HOẠT

c/o LẠI MẠNH CƯỜNG

Burg. v/d Pollstr. 124-II

1064 AZ Amsterdam

NEDERLAND

BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN DIỆU LIÊN HƯƠNG

HỘI VIÊN CHỈNH NHA VÀ CHỈNH HÀM
United State Dental Institute
American Association for Functional Orthodontics

9251 Bolsa Ave., Westminster, CA. 92683 I Tel: (714) 895-1264

Hành nghề từ năm 1968 tại các bệnh viện Chợ Rẫy, Nguyễn văn Học và Phòng Nha Khoa tư tại Phú Thọ, Saigon

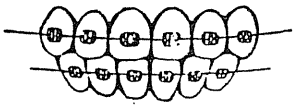

ORTHODONTICS: (Chỉnh răng và chỉnh hàm) Hoàn chỉnh mọi trường hợp răng mọc lệch lạc, khấp khểnh, không đều, hô móm... bằng phương pháp mang Niềng răng (Braces) hay mang Bộ Chỉnh Hàm (Functional Orthodontic Appliances).

BLEACHING: Tẩy trắng các răng màu vàng, nâu, xanh...

COSMETIC BONDING: Thay men răng bị đổi màu, đắp vá các răng sứt mẻ, làm khít kẽ răng thưa...

ĐIỀU TRỊ VÀ GIẢI PHẪU BỆNH NƯỚU RĂNG: Nướu răng sưng đỏ, chảy máu, tuột nướu, tuột xương; hôi miệng.
Đặc biệt: Phối hợp với *khoa chỉnh hàm* giải quyết các trường hợp răng bị xô lệch, lung lay, hở kẽ... do bệnh nướu răng, **tạo khớp cắn ổn định:**
- để việc nhai thức ăn dễ dàng và hữu hiệu.
- tạo một hàm răng đều đặn duyên dáng và bền bĩ với thời gian.

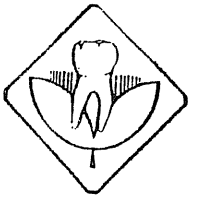

NHA KHOA TỔNG QUÁT: Khám định kỳ, làm sạch, chữa, trám và nhổ răng. Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải quyết các răng mọc ngầm vì thiếu chỗ hay răng mọc chậm

RĂNG GIẢ CÁC LOẠI: Gắn dính và tháo lắp. Mão răng, veneer, cầu răng, hàm giả bán phần và toàn phần

ÔNG NGUYỄN HỘ ĐÃ BỊ BẮT NHƯ THẾ NÀO?

(Trích từ cuốn Quan Điểm và Cuộc Sống của Nguyễn Hộ)

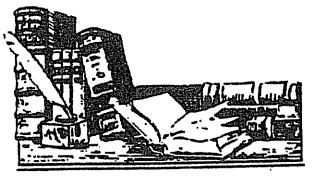

LTS. *Trong cuốn Quan Điểm và Cuộc Sống, ở phần đầu, "Mấy Lời của Tác Giả", ông Nguyễn Hộ đã viết kể lại tiểu sử của mình từ ngày còn nhỏ đến hiện tại, trong đó có vụ ông bị công an cộng sản bắt sau khi hoạt động trong Câu Lạc Bộ Kháng Chiến mấy năm vừa qua. Sau đây là một đoạn trích về vụ ấy:*

Ngay lúc ấy, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đứng đầu là Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh và bí thư thành ủy Võ Trần Chí cùng nhiều cán bộ khác kể cả Trần Văn Trà (Thượng tướng), Trần Bạch Đằng (nhà văn, nhà báo) đã họp bàn kế hoạch tỉ mỉ nhằm đàn áp Câu lạc bộ kháng chiến Thành phố và nhiều nơi khác. Ý kiến phát biểu, lên án, buộc tội Câu lạc bộ kháng chiến Thành phố của Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng trong cuộc họp nói trên được in ra và phát hành khắp cả nước. Thế là liền sau đó, Câu lạc bộ Kháng chiến Thành phố bị cấm hoạt động. Một Câu lạc bộ kháng chiến mới với Ban chủ nhiệm mới -như một thứ "kiểng" trang trí- hình thành nhằm vô hiệu hóa, tê liệt hóa phong trào đấu tranh chống tiêu cực, suy thoái trong hàng ngũ Đảng và Nhà nước vừa mới dâng lên và cũng nhằm củng cố chế độ độc tài, phản dân chủ.

Trước không khí ngột ngạt ấy, tôi đã quyết định rời bỏ thành phố, về sống ở nông thôn để tiếp tục cuộc đấu tranh vì dân chủ tự do, vì ấm no hạnh phúc của nhân dân đến hơi thở cuối cùng. Ngày 21-03-1990, tôi rời khỏi Sài Gòn cũng là ngày tôi ly khai Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng mà sau 54 năm đeo đuổi làm cách mạng (với tư cách đảng viên) của tôi, nay đã trở thành vô nghĩa. Sau cái ngày đáng ghi nhớ ấy khoảng hơn một tháng, một số anh em Câu lạc bộ kháng chiến Thành phố gồm: Tạ Bá Tòng (Tám Cần), Hồ Văn Hiếu (Hồ Hiếu), Đỗ Trung Hiếu (Mười Anh) bị bắt, cả Lê Đình Mạnh - người ủng hộ tích cực Câu lạc bộ kháng chiến Thành phố cũng bị bắt sau đó.

Vào cuối tháng 08-1990, Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt đi gặp tôi ở vùng Phú Giáo - Miền Đông Nam Bộ, cách Sài Gòn khoảng 60 cây số (km), tại cái chòi sản xuất của nông dân. Ông Kiệt hỏi tôi: "Thế này là sao?" Tôi trả lời: "Thành phố ngột ngạt quá, tôi về nông thôn ở cho khỏe". Ông Kiệt nói: "Anh cứ về ở giữa thành phố, ai làm gì anh". Tôi đáp: "Rất tiếc, phải chi anh gặp tôi sớm hơn độ hai tháng thì tốt quá, tôi trở về thành phố ngay. Còn bây giờ thì đã muộn rồi, bởi vì dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam lúc bấy giờ đứng đầu là Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh cùng các ông: Mai Chí Thọ, Võ Trần Chí, Trần Trọng Tân, Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng... cả nước được chỉ đạo, phổ biến rằng tôi (Nguyễn Hộ) là tên phản động, 'gián điệp, móc nối với CIA', nối giáo cho giặc, tiếp tay báo chí nước ngoài tuyên truyền chống Đảng, chống Nhà nước, 'lập tổ chức quần chúng (CLBKC) chống Đảng, lật đổ chính quyền', 'ăn tiền của Mỹ', 'chủ trương đa nguyên, đa đảng nhằm lật đổ Đảng Cộng Sản Việt Nam'. Tất cả sự qui chụp ấy nói lên rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đã đạp tôi xuống tận bùn đen, chôn vùi cả cuộc đời cách mạng của tôi trong nhơ nhuốc để tôi không làm sao ngóc đầu dậy được, tình hình như vậy thì tôi trở về thành phố để làm gì trừ phi đất nước Việt Nam có dân chủ tự do thật sự. Do đó tôi quyết sống ở thôn quê đến ngày cuối cùng của đời tôi".

Cuộc gặp gỡ giữa tôi và ông Kiệt diễn ra từ 7 giờ 30 phút sáng đến 11 giờ trưa thì kết thúc và chia tay. Được biết từ sau lần gặp gỡ đó, ông Kiệt tỏ ra phấn khởi và có nhắn muốn gặp tôi lần thứ hai ở một địa điểm nào đó gần Sài Gòn hơn để tiện việc đi lại. Khi được tin này, tôi có viết thơ trả lời cho ông Kiệt rằng cuộc gặp gỡ lần thứ hai không cần thiết.

Sau đó, khoảng nửa tháng thì tôi bị bắt (07-09-1990) trên sông Sài Gòn vào lúc 7 giờ sáng khi tôi bơi xuồng vừa cặp vào bờ, định bước lên đi vào đám ruộng cạnh đó để hái rau má, rau đắng về ăn. Đúng vào thời điểm ấy, một chiếc ghe lớn đang chạy trên sông lại cặp sát xuồng tôi, trong đó có sáu, bảy thanh niên khỏe

mạnh. Bỗng có tiếng hỏi to: "Bác ơi! Bác có thấy một chiếc ghe nhỏ chạy ngang qua đây không?" "Không!" - tôi trả lời. Liền có tiếng hét to: "Đúng nó rồi!"

Lúc bấy giờ, tôi mới biết đó là ghe của công an và nghe tiếng súng lên cò rốp rốp. Tức khắc có hai công an cường tráng, tay cầm súng đã nạp đạn nhảy xuống mũi xuống nơi tôi đang đứng. Tôi bình tĩnh hỏi: "Mấy chú muốn gì?" "Muốn gì về Sở thì biết". Tiếng trả lời xấc xược của một công an. Hai công an đồng loạt nắm hai tay tôi, kéo mạnh ra phía sau rồi còng ngay. Họ điều động tôi đến sát chiếc ghe lớn có tấm ván dài bắt từ mũi ghe xuống đáy. Họ xô mạnh tôi chúi mũi và tuột xuống đáy ghe. Ghe nổ máy chạy dọc con sông lên hướng Tây Bắc độ 15 phút thì rẽ vào rạch nhỏ, đi sâu đến bến. Tại đây có chiếc xe hơi nhỏ đậu sẵn. Tôi được điều lên xe và đổi còng từ phía sau ra phía trước, với bộ y phục: quần xà lỏn đen và cái áo đen ngắn tay đã xuống màu, hai bên có hai công an ngồi sát và một công an khác ngồi phía trước. Sau nửa giờ xe chạy thì đến nơi. Người ta đưa tôi vào một nhà lá trống trải, không có cửa. Tôi được ngồi nghỉ trên cái giường gỗ nhỏ có trải chiếc chiếu cũ. Lúc bấy giờ tôi mới nhận ra rằng chính lực lượng công an huyện Củ Chi đã săn bắt tôi (tất nhiên theo lệnh của Sở Công An Thành phố và Bộ Nội vụ).

...

Đúng 4 giờ rưỡi chiều hôm đó, tôi được đưa lên ô tô để về Sài Gòn. Trước và sau xe tôi còn có mấy chiếc xe khác đầy nhân viên công an. Khi đèn đường thành phố rực sáng thì xe tôi đến cơ quan Bộ Nội vụ (tức Tổng nha Cảnh sát cũ trước đây). Tôi ngồi ở cơ quan Nội vụ hơn một giờ thì được đưa thẳng lên Xuân Lộc (Đồng Nai), có nhiều xe công an hộ tống. Hơn 10 giờ đêm thì tới Xuân Lộc, tôi được đưa đến một nhà trống (nhà tròn) của K4 với một bán đội công an võ trang đầy đủ. Được một tuần, người ta lại đưa tôi trở về thành phố quản thúc tại Bình Triệu, ở một địa điểm đối diện với cư xá Thanh Đa. Sau hơn bốn tháng sống biệt lập luôn luôn có một tiểu đội công an võ trang canh giữ, tôi được đưa về quản thúc tại gia vào đúng ngày 30 Tết Nguyên Đán (đầu năm 1991) từ đó về sau này. Khi đến gặp tôi tại ba địa điểm nói trên, các ông: Võ Văn Kiệt (Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng), Mai Chí Thọ (Bộ trưởng Bộ nội vụ), Võ Trần Chí (Bí thư thành ủy), Võ Viết Thanh (Thứ trưởng Bộ nội vụ), Nguyễn Võ Danh (Phó bí thư thành ủy), Trần Văn Danh (thành ủy viên)... đều bảo tôi phải làm kiểm điểm (để qua đó lãnh đạo sẽ xem xét và giải quyết nhanh vấn đề của tôi theo cách giải quyết nội bộ). Nhưng tôi nghĩ: tôi không có tội lỗi gì trong hành động của mình - hoạt động Câu lạc bộ kháng chiến. Không lẽ đấu tranh chống tiêu cực (theo chủ trương, nghị quyết của Đảng cộng sản Việt Nam): chống tham nhũng, chống quan liêu, cửa quyền, ức hiếp, trù dập, hãm hại quần chúng, chống tư tưởng bè phái, bao che cho nhau: những người đã gây biết bao tác hại cho nhân dân, đất nước, không đức, không tài mà cứ ngồi lì ở cương vị lãnh đạo; đấu tranh chống tiêu cực, suy thoái như vậy là hành động phản cách mạng, "phản động", "nối giáo cho giặc sao"? Do đó, tôi không làm kiểm điểm mà chỉ phát biểu quan điểm của mình về tình hình chung trong nước và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. (trên 20 trang)

CHIA BUỒN

Tòa soạn Thế Kỷ 21 vừa nhận được tin buồn

Họa sĩ DUY LIÊM

(tức Trần Duy Liêm)

đã từ trần tại Sài Gòn, Việt Nam

Họa sĩ Duy Liêm là một tên tuổi được nhiều người biết tới trong làng hội họa Việt Nam, và là nhạc gia của hai văn hữu cộng tác thường xuyên với Thế Kỷ 21 là Hồ Đắc Vũ (Canada) và Phạm Trọng Chánh (Pháp).

Thế Kỷ 21 thành kính phân ưu cùng tang quyến, các anh chị Hồ Đắc Vũ và Phạm Trọng Chánh, và cầu chúc hương hồn họa sĩ Duy Liêm tiêu diêu nơi cõi thọ.

Thế Kỷ 21

PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC HÀNH CHÁNH VIỆT NAM HẬU CỘNG SẢN

TRẦN HUỲNH CHÂU

Chế độ cộng sản Việt Nam chắc chắn sụp đổ. Vấn đề chỉ là sụp đổ trong một biến động nhanh chóng hay sụp đổ tiệm tiến.

Đối với các chế độ khác, dù là quân chủ hay cộng hòa, tổ chức hành chánh thường gồm các công chức chuyên nghiệp; tầng lớp lãnh đạo và các viên chức chính trị có thay đổi nhưng guồng máy hành chánh có thể được giữ nguyên hay chỉ cần cải tổ mà không cần thay thế, sau các biến cố.

Với guồng máy hành chánh cộng sản Việt Nam thì vấn đề khác hẳn. Thế hệ tương lai, hậu cộng sản không phải chỉ sửa đổi mà phải thiết lập một tổ chức hành chánh mới.

Thế nào là hậu cộng sản?

Hậu cộng sản là khi chính quyền tại Việt Nam không còn dùng căn bản xã hội chủ nghĩa Mácxít-Lêninít nữa, từ hình thức đến nội dung.

Nếu chế độ cộng sản sụp đổ sau một biến động, thì khi chính quyền mới tuyên bố rõ chủ nghĩa cộng sản là sai lầm hoàn toàn, đã được bỏ hẳn để xây dựng một chính thể mới, khi đó, thời hậu cộng sản bắt đầu.

Nếu chế độ cộng sản sụp đổ một cách tiệm tiến thì tiêu mốc hậu cộng sản sẽ khó nhận định hơn. Tầng lớp lãnh đạo tại Việt Nam hiện nay có lẽ vẫn biết là chủ nghĩa cộng sản đã sai hoàn toàn, nhưng họ vẫn phải bám lấy, vì đó là lý do biện giải cho việc họ nắm giữ chính quyền. Thế hệ tương lai, được giao tiếp với ngoại quốc nhiều hơn, có kiến thức và khả năng trong tình hình mới, đến một lúc nào đó, do áp lực của tình hình thay đổi, và thấy không cần phải bám lấy chủ nghĩa lỗi thời để nắm chính quyền, có thể tự tin vào khả năng, vào thế lực của mình để bãi bỏ những căn bản của chủ nghĩa Mácxít-Lêninít, mà kho sợ đổ máu. Thời kỳ hậu cộng sản sẽ bắt đầu khi hiến pháp không còn bóng dáng xã hội chủ nghĩa Mácxít Lêninít, quốc hiệu, quốc ca, quốc kỳ đều đã thay đổi, xác chết Hồ Chí Minh đã đem chôn, thành phố Sài Gòn trở về tên cũ, tài sản của các tôn giáo đã được trả lại, quyền tư hữu được xác định, các quyền tự do chân chính được thực hiện, đảng cộng sản không còn nắm độc quyền chính trị. Khi đó, cần thiết lập một hệ thống hành chánh mới.

I. Di Sản Của Tổ Chức Hành Chánh Cộng Sản

Guồng máy nhà nước nặng nề cồng kềnh hiện nay, dù có được "đổi mới" vẫn là:

- Một chính quyền Xô Viết.
- Một chính quyền thoát thai từ cuộc chiến kéo dài.
- Một chính quyền chậm tiến, lạc hậu.

A. Một Chính Quyền Xô Viết:

Đặc điểm căn bản của chính quyền Xô Viết, hay "Nhà nước vô sản chuyên chính", là tính cách đảng trị chặt chẽ. Có người cho rằng thời Đệ Nhất Cộng Hòa với đảng Cần Lao, cũng là đảng trị. Nhưng những ai đã sống dưới chế độ cộng sản đều thấy rõ là tính cách đảng trị của thời Đệ Nhất Cộng Hòa chẳng có nghĩa gì khi đem ra so sánh với chế độ đảng trị của cộng sản.

Sự độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản được ghi chính thức trong hiến pháp. Bộ Chính Trị đảng cộng sản chỉ đạo quốc hội và nhà nước, bao gồm cả cơ quan tư pháp. Không có phân quyền Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp. Tất cả quyền hành đều tập trung trong tay Bộ Chính Trị. Từ trung ương đến địa phương, từ cơ quan chính trị đến chuyên môn, từ các bộ, các cục cho đến các trường học, xí nghiệp, các hợp tác xã, từng đơn vị công an bộ đội cho đến các tỉnh, huyện, xã... mỗi nơi đều có chi bộ đảng nắm quyền chỉ huy, kiểm soát trong chi tiết. Cơ quan hội họp công khai chỉ là để thi hành các quyết nghị của cuộc họp riêng của chi bộ đảng trước đó.

Cho nên tổ chức hành chánh không thể tự mình nhìn thấy vấn đề của dân và tìm cách giải quyết theo những quy luật hành chánh. Tổ chức hành chánh chỉ là tay sai của đảng, trung thành với đảng, bảo vệ đảng, phục vụ đảng. Giữa đảng với nhân dân, họ phải chọn đảng. Về phương diện tuyên truyền, cộng sản đồng hóa đảng với nhân dân. Ai chống đảng, họ bảo là chống lại nhân dân.

Nhưng ai cũng biết đảng là thiểu số cầm quyền mà nhân dân là đại đa số quần chúng. Thiểu số cầm quyền càng lâu càng có nhiều quyền lợi riêng, càng xa rời quần chúng. Đó là quy luật xã hội, không ai tránh khỏi.

Để bảo vệ các đặc quyền, đặc lợi của giai cấp mới này, cơ quan hành chánh cộng sản có nhiệm vụ thi hành chính sách của đảng chứ không phải thi hành luật lệ.

Ta thấy rõ khi Việt Minh cướp chính quyền là giải tán ngay trường Luật. Cộng sản chiếm miền Nam năm 1975 cũng giải tán ngay trường Luật. Tinh thần luật pháp là phải rõ ràng minh bạch, và mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Với cộng sản, chỉ có chính sách từng giai đoạn, và phải đối xử phân biệt. Đảng viên nhiều tuổi đảng khác với đảng viên ít tuổi đảng. Nhân dân không thể là nhân dân nói chung, mà phải quy định thành phần. Khi chúng ta nghe cộng sản nói phải "tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa", nhiều người ở hải ngoại không hiểu rõ nghĩa của nó. Pháp chế là pháp chế, tại sao lại pháp chế xã hội chủ nghĩa? Ghép tính chất xã hội chủ nghĩa vào pháp chế có nghĩa là luật lệ này phải có "tính đảng", "tính giai cấp", phải có tính cách phân biệt, không bình đẳng. Gia đình gốc "cách mạng", trước pháp luật, khác với gia đình gốc "ngụy". Hồi 1975, khi chiếm miền Nam, họ chiếm các ngân hàng và xóa bỏ tất cả các trương mục. Tiền của mọi người bỏ vào ngân hàng thì họ không biết đến, nhưng tiền ngân hàng cho vay thì họ vẫn đòi. Đó là tính chất cơ bản của một chính quyền Xô Viết: Cái gì có lợi cho đảng là đúng, không có một công lý nói chung. Hiện nay, về chi tiết, họ có thay đổi một số quy định. Nhưng khi họ vẫn giữ căn bản xã hội chủ nghĩa Mácxít-Lêninít thì chúng ta không thể coi nhẹ căn bản này. Trong nửa thế kỷ qua, nhân dân Việt Nam đã bị họ lừa gạt quá nhiều lần, nay không thể dễ dãi chấp nhận một số thay đổi chi tiết để bị lừa gạt thêm nữa.

Một đặc điểm khác của chính quyền cộng sản là cái gì cũng chính trị hóa. Chính trị bao gồm tất cả các ngành chuyên môn, kỹ thuật. Chính trị đi sâu vào giáo dục. Tất cả các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, kỹ thuật đều được lợi dụng sao cho có lợi về chính trị. Những người tính hợp tác với chính quyền cộng sản trên phương diện xã hội, kỹ thuật, không nói đến chính trị, là không hiểu gì về chính quyền cộng sản. Họ nói chuyện xã hội, kỹ thuật, không đả động đến chính trị trong buổi tiếp xúc công khai, nhưng sau đó, họ sẽ họp riêng đảng bộ, đánh giá từng sự việc, từng con người về phương diện chính trị, cân nhắc lợi hại chính trị như thế nào. Lề lối làm việc của một chính quyền Xô Viết bao giờ cũng như vậy.

Hai đặc điểm trên của bộ máy nhà nước cộng sản khiến cho bộ máy này không thể sửa đổi mà phải được thay thế. Lối suy nghĩ của viên chức nhà nước từ trên xuống dưới đều đã bị tinh thần đảng, tinh thần chính trị thấm nhuần lâu năm cho nên lúc nào cũng phải có lập trường chính trị, không thể vô tư. Truyền thống này trái hẳn với quan niệm bộ máy hành chánh vô tư trong thể chế dân chủ. Di sản của bộ máy nhà nước cộng sản để lại là một cản trở cho công cuộc xây dựng dân chủ thật sự.

Đặc điểm thứ ba của chính quyền cộng sản là tính cách cồng kềnh nặng nề của nó. Theo quan niệm hành chánh cổ điển thì cơ quan chính quyền chỉ nên thu hẹp nhiệm vụ vào việc giữ gìn an ninh trật tự thôi (état gendarme). Vì vậy thời xưa từ Đông sang Tây, cơ quan chính quyền đều có rất ít viên00 chức. Đến khi có quan niệm quốc gia an lạc (welfare state), tức là chính quyền

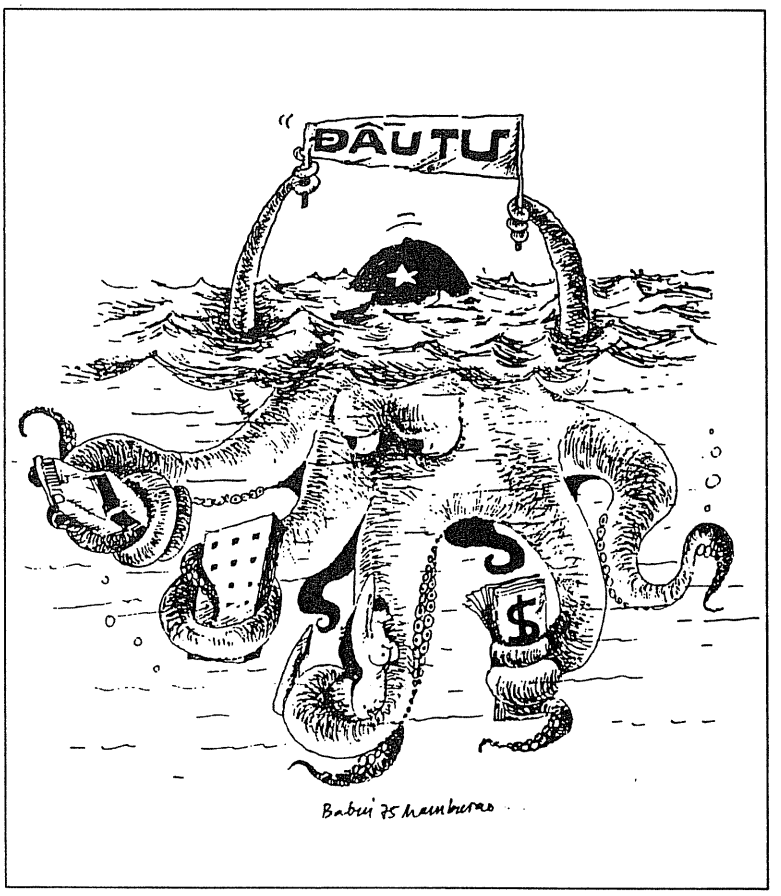

phải lo cho đời sống nhân dân được no đủ, ta thấy các chính quyền đều mở rộng để đảm nhận thêm các nhiệm vụ mới. Tuy vậy, trong các quốc gia tự do, dù nhiệm vụ chính quyền có mở rộng, lãnh vực tư vẫn rất lớn, nhất là về hoạt động kinh tế. Trong xã hội cộng sản, tuy danh xưng nói là "xã hội hóa", nhưng thực tế là tất cả đều "nhà nước hóa". Một chế độ xã hội chủ nghĩa đúng mức, theo họ, là không còn lãnh vực tư nữa. Tất cả mọi hoạt động đều do cơ quan chính quyền nắm giữ. Kinh tế là huyết mạch, nên chính quyền càng phải nắm chặt chẽ nhất, từ sản xuất đến tồn trữ, phân phối. Vì nắm hết mọi quyền lợi, biết rằng người ta sẽ phản ứng, nên phải có guồng máy công an đồ sộ để đủ sức đàn áp các chống đối. Guồng máy tuyên truyền, lực lượng quân sự đều cồng kềnh, hao tốn. Ngoài ra còn bộ phận đảng song song với các bộ phận nhà nước. Cho nên hệ thống chính quyền cộng sản là hệ thống đông đảo nhất, cồng kềnh nhất, lãng phí nhất; hữu hiệu nhất trong việc kiểm soát nhân dân nhưng kém cỏi nhất trong việc thúc đẩy phát triển.

B. Một Chính Quyền Thoát Thai Từ Cuộc Chiến Kéo Dài

Ít nhất có hai hậu quả phát sinh từ cuộc chiến kéo dài:

* Guồng máy hành chánh vô kỷ luật.

* Guồng máy hành chánh phá hoại.

1- Suốt cuộc chiến từ năm 1945 (Nam bộ kháng chiến), 1946 (Toàn quốc kháng chiến) kéo dài mãi đến 1975, các cấp địa phương thường chỉ được trung ương lãnh đạo về đường lối chính sách, ngoài ra, địa phương phải tự lo "độc lập tác chiến", tức là địa phương phải tự tìm cách sinh tồn, tự tìm phương tiện, tự ấn định kế hoạch tác chiến tại địa phương. Trong thời gian đầu cuộc chiến, địa phương độc lập tác chiến thật là rõ nét. Về sau, với sự tiếp viện dồi dào của Liên Xô và Trung quốc, các địa phương nhận được vũ khí dư thừa, tuy nhiên lề lối địa phương tác chiến vẫn được duy trì. Trải qua 30 năm chiến tranh, tinh thần địa phương tự quản đã ăn sâu vào lề lối làm việc của hành chánh địa phương. Năm 1975, khi địa phương tiếp quản vùng quốc gia, say men chiến thắng, họ càng cậy công, tự "phát huy sáng kiến" bừa bãi, không cần nghe trung ương. Thời gian đầu họ còn nể nang trung ương vì hào quang lãnh đạo chiến thắng, và vì chế độ bao cấp (địa phương thiếu thì trung ương cung cấp). Nhưng sau mấy kế hoạch 5 năm thất bại nặng nề, trung ương hủy bỏ chế độ bao cấp, thì địa phương càng lộng hành hơn nữa. Rất nhiều chỉ thị của trung ương không được địa phương thi hành. Nhiều địa phương tự xuất nhập cảng, mua sắm hao phí, thậm chí tự tổ chức buôn lậu nhân danh công quỹ địa phương, mà trung ương không ngăn cấm được.

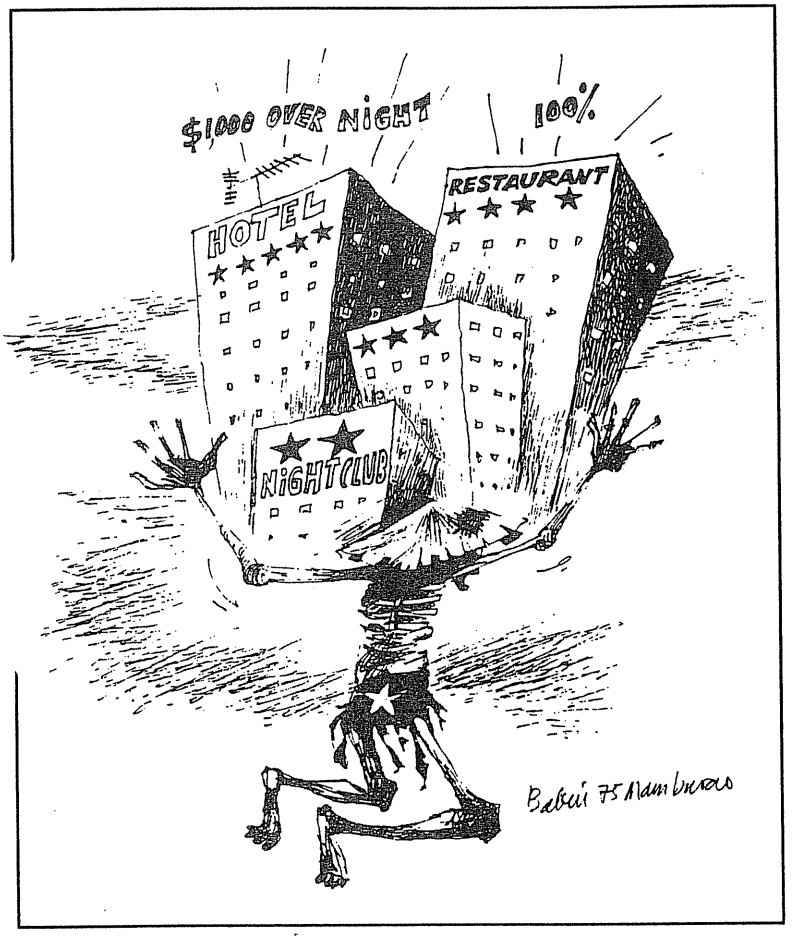

Sau khi Liên Xô sụp đổ, trung ương càng mất tinh thần thấy mình phải dựa vào địa phương mà sống còn, nên tình trạng vô kỷ luật càng gia tăng.

2- Năm 1946, khi chiến tranh bùng nổ, cộng sản đề ra phương thức "tiêu thổ kháng chiến". Họ phá hoại các thành phố trước khi rút lui, họ phá hoại nhà cửa, đường xá, cầu cống ngay trong vùng của họ để cản trở bước tiến của quân Pháp và gây khó khăn cho quân Pháp khi chiếm đóng. Về sau, trong cuộc chiến Quốc Cộng, họ chủ trương phá tất cả những gì phe quốc gia xây dựng. Suốt 30 năm phá hoại, guồng máy địa phương đã trở thành bạo dạn và thiện nghệ trong việc phá hoại. Đến khi phải gìn giữ, bảo trì, xây dựng, họ tỏ ra kém cỏi vô cùng. Muốn chặt cây rừng lấy gỗ là họ chặt ngay, không

cần tính toán bảo vệ rừng như thế nào. Việc dùng chất nổ bắt cá tràn lan, làm thiệt hại nguồn cá rất nhiều. Muốn đem tượng Chàm trong cổ viện Chàm đi bán là làm ngay. Trước kia, họ sẵn sàng phá hoại vì tin rằng sẽ xây dựng lại to đẹp hơn dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Về sau, khi khối cộng sản sụp đổ, họ lại tiếp tục phá hoại nhanh hơn, vì mất niềm tin, cần thủ lợi để đề phòng tương lai.

C. Một Chính Quyền Chậm Tiến Và Lạc Hậu

Nước ta vẫn còn là một nước chậm tiến. Lạc hậu về trang bị, lạc hậu về phương tiện, lạc hậu về lối điều hành, quản trị. Trong tình trạng lạc hậu thiếu thốn đó, lại muốn phô bày "đổi mới" để hấp dẫn đầu tư ngoại quốc, chính quyền đang "học làm sang", hoặc như có người nhận xét, "đang tiến từ vô sản chuyên chính sang tư bản chuyên chính". Nạn tham nhũng quá nặng, thiết tưởng không cần nói dài dòng trong bài này, ta cứ theo dõi báo chí trong nước cũng thấy rõ.

Tóm lại, guồng máy nhà nước cộng sản Việt Nam cần phải được cáo chung với chế độ cộng sản Việt Nam. Nhưng những nhân sự của guồng máy này vẫn còn đó. Một số sẽ ra khỏi chính quyền, một số sẽ còn trong chính quyền. Trong một xã hội mà đại đa số con người mất phương hướng đạo lý, mất niềm tin, kém nhân cách, ta phải xây dựng lại một chính quyền có khả năng đưa xã hội trở về sinh hoạt bình thường, có kỷ luật, có trách nhiệm, có ý thức đóng góp cho cộng đồng dân tộc được bảo tồn và phát triển.

II. Ba Giai Đoạn Xây Dựng Nền Hành Chánh Việt Nam

Khi ta có một guồng máy hành chánh ổn định, các xáo trộn chính trị sẽ bớt ảnh hưởng đến đời sống dân chúng. Ngược lại, khi ta có một guồng máy hành chánh không quản trị được sinh hoạt xã hội, thì dù có ổn định chính trị, dân chúng vẫn thấy cuộc sống của mình rất bấp bênh. Cộng sản Việt Nam thường nói phải duy trì ổn định để bảo đảm phát triển kinh tế. Nhưng đây là thứ ổn định gì? Với cộng sản, ổn định có nghĩa là đảng cộng sản tiếp tục cầm quyền. Họ không thấy rằng ngay khi họ đang cầm quyền, họ đã để kinh tế bất ổn liên miên khiến cho không ai làm ăn đứng đắn lâu dài được. Ở các nước phát triển, người dân có quyền chống Tổng thống, nhưng không thể vi phạm luật đi đường, luật xây cất..., và họ biết rằng công cuộc làm ăn của họ được bảo vệ, tài sản tích lũy trong công cuộc làm ăn đứng đắn, được bảo vệ. Tại Việt Nam hiện nay thì ngược lại, họ không có quyền chống đảng cộng sản ngoài ra thì tha hồ vô kỷ luật, và công việc làm ăn, tài sản tích lũy không có gì bảo đảm vì chế độ vẫn còn là xã hội chủ nghĩa Mácxít-Lêninít. Chính những vi phạm về hành chánh (xây cất bừa bãi, phá hoại tài nguyên quốc gia, phá hoại các tiện ích công cộng v.v...) làm cản trở rất nhiều công cuộc phát triển kinh tế.

Vì vậy, song song với việc xây dựng tổ chức chính trị mới, cần xây dựng một guồng máy hành chánh mới. Tổ chức hành chánh phải thích hợp với hoàn cảnh xã hội, trình độ dân trí, và mức phát triển kinh tế. Trong bối cảnh Việt Nam hậu cộng sản, hệ thống hành chánh có thể được xây dựng theo ba giai đoạn:

* Phá vỡ guồng máy nhà nước đảng trị, áp dụng trung ương tản quyền.

* Khi guồng máy đã vững, thi hành địa phương phân quyền.

* Khi kinh tế đã phát triển, tổ chức liên bang.

A. Giai Đoạn Trung Ương Tản Quyền

Như trên đã trình bày, tổ chức nhà nước cộng sản Việt Nam hiện nay là một hệ thống vô kỷ luật. Họ chỉ chú trọng giữ kỷ luật chính trị mà xem nhẹ việc quản trị hành chánh. Địa phương vô kỷ luật đến nỗi có người gọi là tình trạng sứ quân. Dân chúng có việc cần đến chính quyền nhiều khi không biết cơ quan nào, cấp nào có thẩm quyền giải quyết dứt khoát vấn đề của mình.

Trong tình trạng như vậy, giai đoạn đầu là phải nắm lại giềng mối quốc gia, tạo kỷ luật từ trung ương đến địa phương, quy định chức chưởng, thẩm quyền các cơ quan từ trung ương đến địa phương cho minh bạch. Theo lẽ, trong giai đoạn đầu phải áp dụng trung ương tập quyền, nhưng thể thức này không thi hành được, vì như thế sẽ gây trì trệ cho tất cả hoạt động chính quyền. Vì vậy, chỉ có thể chỉ huy địa phương theo phương thức tản quyền (déconcentration).

Theo phương thức này, các tập thể địa phương được có ngân sách riêng, có hội đồng tư vấn địa phương, có thẩm quyền trong một số lãnh vực để giải quyết các vấn đề địa phương nhưng chịu sự kiểm soát chặt chẽ của trung ương. Viên chức chỉ huy địa phương do trung ương bổ nhiệm, có tư cách đại diện trung ương để chỉ huy địa phương. Chế độ ủy ban được bãi bỏ. Trung ương bổ nhiệm viên chức chỉ huy cấp tỉnh và quận (huyện). Viên chức chỉ huy cấp xã do tỉnh bổ nhiệm chiếu theo đề nghị của quận. Hội đồng tỉnh và hội đồng xã có tính cách tư vấn thì có thể cho bầu cử ngay được. Quận, huyện chỉ là cấp trung gian, đại diện tỉnh để kiểm soát đôn đốc các xã. Trước đây, cộng sản Việt Nam đặt trọng tâm vào cấp huyện, cho huyện là đơn vị kinh tế, làm cho huyện trở nên quá cồng kềnh, và đã thất bại. Thời quân chủ, xã thôn vẫn có chế độ tự trị (phép vua thua lệ làng), nhưng trong tình hình mới, tạm thời trong giai đoạn đầu, cấp chỉ huy xã nên được chỉ định để lập giềng mối thống nhất hành chánh.

Gấp rút đào luyện chuyên viên hành chánh.

Hệ thống nhà nước cộng sản là một tập hợp cồng kềnh, gồm toàn là cán bộ chính trị. Ngay trong giai đoạn đầu, có thể bỏ ngay phân nửa, hoặc ba phần tư số nhân viên trong guồng máy nhà nước. Cơ quan thông tin văn hóa chẳng hạn, khi đã không kềm kẹp văn nghệ, thì việc gì phải có đông đảo cán bộ lãnh lương. Cơ quan công an, hệ thống đảng ủy không còn nữa. Nhiệm vụ an ninh trật tự được giao cho hệ thống cảnh sát vô tư, không cần có nhiều người như công an ngày nay. Cần có các đoàn chuyên viên nghiên cứu gấp rút để loại các cơ quan không cần thiết và cắt giảm số nhân viên dư thừa từ trung ương đến địa phương.

Trong khi đó, phải gấp rút đào tạo chuyên viên hành chánh. Trung ương phải lo đào luyện các chuyên viên cao cấp và trung cấp. Địa phương đào tạo các nhân viên chuyên môn cấp thấp. Các chuyên viên hành chánh phải được huấn luyện về luật pháp và phương pháp quản trị tân tiến để thay thế các cán bộ quen thi hành chính sách và làm việc tùy tiện, bừa bãi.

Nhưng các chuyên viên không nên hưởng quy chế ngạch trật. Quy chế ngạch trật cố định làm cho công chức được quá yên ổn, trở thành thụ động, làm cho guồng máy chính quyền không hữu hiệu. Nên tổ chức chính quyền theo hệ thống chức vụ, các chuyên viên dù đã được đào tạo, cũng phải tiến thủ không ngừng để có chức vụ, chớ không phải khi đã nhập ngạch rồi, thì dù thụ động vẫn được lãnh lương. Trong tương lai xa hơn, khi hệ thống chính quyền đã áp dụng địa phương phân quyền hay tổ chức thành nhiều tiểu bang, các chuyên viên hành chánh phải tự tìm việc tại các cơ quan biệt lập nhau, chứ không phải cứ ngồi yên đợi sự cắt đặt của một nha quản trị công chức.

Biệt Lệ: Khu Phát triển. Ngay trong giai đoạn này, nên có một vài vùng được dành cho quyền hành rộng rãi để có thể phát triển kinh tế. Xứ sở chúng ta đã chậm tiến quá lâu, nay cần gấp rút tiến lên. Ta có thể lập từ ba đến năm Khu Phát Triển, mỗi khu gồm một số tỉnh có khả năng phát triển đặc biệt. Thí dụ khu phát triển Đà Lạt Nha Trang gồm vùng cao nguyên Đà Lạt, đồng bằng Krong Pha Phan Rang, vịnh Cam Ranh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa ra đến bãi biển Đại Lãnh. Khu phát triển này đặt trọng tâm du lịch với các chương trình chăn nuôi, canh nông, kỹ nghệ cung ứng cho du lịch.

Tại vùng Cần Thơ, có thể lập khu phát triển với trọng tâm canh nông. Miền Bắc có thể lập khu phát triển đặt trọng tâm kỹ nghệ. Vịnh Hạ Long cũng có thể là địa điểm thành lập một Khu Phát Triển.

Các khu phát triển đặt dưới sự quản trị của một cơ chế hành chánh đặc biệt để có đủ thẩm quyền hoạch định, vạch đề án, kết ước với ngoại quốc, thực hiện các đề án mà chỉ chịu sự kiểm soát của trung ương trong những vấn đề thật quan trọng mà thôi. Các khu phát triển này sẽ là những tiêu điểm phát triển, (foyer de croissance) kéo theo sự phát triển của các vùng lân cận. Nếu thành công, trong giai đoạn liên bang, khu phát triển sẽ trở thành tiểu bang với sự sáp nhập thêm một số tỉnh.

Tóm lại, trong giai đoạn 1, phải xóa bỏ di sản của tổ chức nhà nước cộng sản, trung ương nắm lại quyền hành chánh, gấp rút đào tạo chuyên viên hành chánh có tinh thần thượng tôn pháp luật và khả năng quản trị, xây dựng một tổ chức hành chánh vô tư, gọn nhẹ từ trung ương đến địa phương.

Khi guồng máy đã chạy đều, quần chúng đã có kỷ luật về các vấn đề công cộng, sinh hoạt chính trị dân

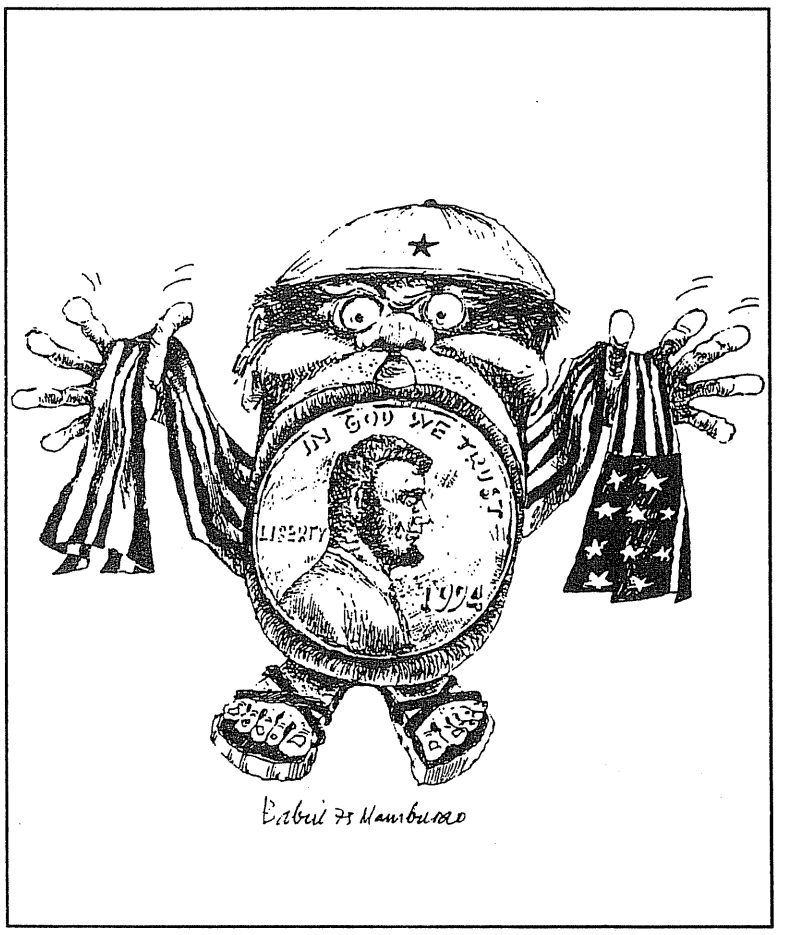

chủ đã tương đối trưởng thành, ta bước sang giai đoạn 2.

B. Giai Đoạn Địa Phương Phân Quyền

Trong giai đoạn trung ương tản quyền, viên chức chỉ huy địa phương là của trung ương. Đối với địa phương, trung ương có quyền thượng cấp.

Đến giai đoạn địa phương phân quyền (décentralisation), viên chức chỉ huy địa phương là của địa phương, và trung ương khi đó không còn quyền thượng cấp đối với địa phương mà chỉ có quyền giám hộ, kiểm soát. Địa phương phải trưởng thành để có thể tự quản trị địa phương trong luật lệ và thúc đẩy phát triển.

Sự phân quyền sẽ được thực hiện dần dần.

Ngay trong giai đoạn trung ương tản quyền, ta có thể tổ chức bầu cử chính quyền xã. Tiếp đó, theo nhịp độ trưởng thành của địa phương, trung ương sẽ từ từ nới lỏng quyền thượng cấp của mình. Một trong những dấu hiệu trưởng thành của địa phương, về phương diện hành chánh, là vấn đề ngân sách. Khi nào địa phương tự túc được về ngân sách, quản trị được việc chi thu của mình một cách vững vàng, tự đài thọ được một số công trình phát triển địa phương thì trung ương nên nới lỏng sự kiểm soát. Giai đoạn địa phương phân quyền sẽ chính thức bắt đầu với việc bầu cử các viên chỉ huy cấp tỉnh. Các hội đồng tỉnh khi đó sẽ có nhiều quyền hạn hơn, trở thành một cơ quan quyết nghị chứ không phải tư vấn. Tỉnh trưởng được bầu cử sẽ làm việc với hội đồng tỉnh nhiều hơn là với trung ương. Ưu điểm của địa phương phân quyền là các vấn đề địa phương sẽ được nhanh chóng giải quyết một cách thích đáng ngay tại địa phương, không cần phải đợi quyết định của một cơ quan trung ương ở xa nhiều khi chẳng hiểu gì tình trạng địa phương. Như trên đã trình bày, cần có một guồng máy hành chánh đã trưởng thành để bảo đảm việc thi hành luật lệ đồng nhất trong toàn quốc, và các nhân vật địa phương cũng phải đủ trưởng thành, đủ kiến thức để nhìn thấy các quyền lợi lâu dài của địa phương trong công cuộc phát triển chung của xứ sở để tránh các hành động mị dân, các hành động ích kỷ địa phương.

C. Giai Đoạn Liên Bang

Vào thời kỳ 1945, dân số Việt Nam là 25 triệu. Trải qua nửa thế kỷ, mặc dầu 30 năm chiến tranh, dân số nay đã trên 70 triệu. Trong một thời gian không lâu, dân số sẽ lên trên 100 triệu.

Khi dân số trên 100 triệu và kinh tế đã cất cánh (take off) để phát triển, ta nên nghĩ đến cơ chế liên bang (federation) cho toàn xứ Việt Nam. Khi đó, mức độ trưởng thành của các địa phương đã cao hơn, dân số đông, các vấn đề địa phương tăng lên nhiều hơn, tài nguyên ngân sách cũng dồi dào hơn vì kinh tế phát triển, địa phương cần có mức độ tự trị rộng rãi hơn để giải quyết hữu hiệu các vấn đề địa phương.

Mặc dầu ở các nước có cơ chế liên bang, có nhiều tiểu bang rất nhỏ, nhưng ta không nên thành lập các tiểu bang nhỏ vì như vậy tốn kém vô ích. Một tiểu bang ít nhất có 10 triệu dân và diện tích cũng phải khá lớn. Nước Việt Nam, nếu tổ chức thành liên bang, nên có vào khoảng 5 đến 10 tiểu bang là vừa. Nếu đã có liên bang thì nên giải tán cấp tỉnh. Hoặc là chia cấp tỉnh nhỏ hơn và bỏ cấp quận. Không nên có quá nhiều hệ cấp hành chánh, nhất là khi phương tiện liên lạc giao thông đã nhanh chóng tiện lợi (người ta có thể di chuyển từ xã lên tỉnh dễ dàng thì không cần cấp trung gian quận nữa).

Mỗi tiểu bang đều có cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp. Hệ cấp hành chánh là liên bang, tiểu bang, tỉnh, xã. Lãnh vực lập pháp được phân định rõ phạm vi nào của liên bang, phạm vi nào của tiểu bang. Theo thông lệ, quốc phòng và ngoại giao phải thuộc liên bang. Tiểu bang có thẩm quyền rộng rãi trong các lãnh vực khác, tuy nhiên vẫn nằm trong sự điều hợp của liên bang. Tất cả các viên chức chỉ huy địa phương đều được bầu cử. Guồng máy hành chánh thi hành luật pháp vô tư và nghiêm minh. Sinh hoạt dân chủ đã trở thành truyền thống. Trong liên bang Việt Nam, giữa thế kỷ 21, không còn nghe ai nói "phải tiêu diệt bọn phản động". Mọi người hầu như đã quên rằng trong thế kỷ trước, có một lũ ngông cuồng đã từng nắm quyền trong một giai đoạn khá dài, làm cho dân tộc điêu linh.

Xây dựng Thủ Đô mới

Các thành phố Hà Nội, Huế, Sài Gòn đều đã cũ, có nhiều khuyết điểm kỹ thuật khó trở thành một thành phố tân tiến với các tiện nghi mới. Mặt khác, các di tích lịch sử, các hình ảnh cổ kính của những đô thị cũ cũng cần được bảo tồn.

Muốn có một Thủ Đô xứng đáng cho Liên Bang Việt Nam trong thời đại mới, dân tộc Việt Nam cần thiết kế và xây dựng một thủ đô mới. Các nhân tài kiến trúc, các kỹ sư, các nghệ sĩ của dân tộc cần được có cơ hội cùng nhau xây dựng một tác phẩm lớn: thành phố thủ đô hoàn toàn mới. Địa điểm thích hợp có lẽ là vùng Cao Nguyên, nơi có núi rừng, sông hồ và khí hậu quanh năm mát mẻ. Việc thiết kế và xây dựng không nên bắt đầu sớm, chỉ nên bắt đầu khi kinh tế đã khá phát triển và nhất là khi chính quyền và dân chúng đã có kỷ luật. Thành phố thủ đô mới cần được thiết kế với tầm vóc có thể thích ứng với sự tiến bộ trong vài trăm năm.

Dân tộc Việt Nam, trong thế kỷ 21, với một hệ thống chính quyền thích ứng, với người Việt hải ngoại khắp nơi trên thế giới, với toàn dân phấn khởi xây dựng, phải là một dân tộc phú cường.

VIỆT NAM THẾ KỶ 20: NHỮNG CHỌN LỰA VÀ HẬU QUẢ

PHẠM XUÂN ĐÀI ghi

(Bài nói chuyện của ông ĐỖ NGỌC YẾN trong cuộc hội luận ngày 21 tháng Năm 1994 tại tòa soạn thế Kỷ 21).

Một vài đặc điểm của thế kỷ thứ 20 trên bình diện thế giới:

- Dân số bùng nổ: Trước thế kỷ 20, dân số địa cầu từ 900 triệu đến 1,700 triệu người (một tỉ bảy). Từ đầu thế kỷ đến năm 1970 dân số thế giới đã lên đến 3.5 tỉ, và bây giờ (1994) đã gấp rưỡi con số đó. Việt Nam trước đại chiến thế giới 2 có 19 triệu dân, bây giờ là trên 70 triệu.

- Con người làm chủ ngoại cảnh của mình, nạn đói, hậu quả của thiên tai giảm bớt, tuổi thọ kéo dài, mức sống được nâng cao. Di chuyển nhanh.

- Đời sống của con người được tổ chức hợp lý hơn. Đơn vị căn bản là quốc gia, có tính cách bình đẳng trên thế giới. Các nước thứ ba đòi hỏi nhiều quyền lợi hơn. Trong từng nước khối quần chúng cũng đòi hỏi nhiều quyền lợi hơn.

Nhìn chung, thế kỷ 20 lịch sử biến đổi mau chóng, văn hóa Âu châu thống trị thế giới, và khoa học trở nên hàng đầu.

Trở về với lịch sử nước nhà, không kể thời kỳ lập quốc mù mờ xa xăm, Việt Nam có hai cuộc biến đổi lớn. Từ khi Ngô Quyền mở thời kỳ tự chủ, Việt Nam đi vào một cuộc chuyển tiếp, từ một nước lệ thuộc Trung Hoa một ngàn năm chuyển sang độc lập, phải đến giữa thế kỷ 19 mới gọi là thanh toán xong ảnh hưởng của Trung Hoa. Từ cuối thế kỷ 19 bắt đầu cuộc chuyển tiếp thứ hai, cuộc chuyển tiếp quan trọng nhất trong lịch sử của ta để đưa xã hội văn minh nông nghiệp sang khoa học kỹ thuật. Thế giới cũng đã trải qua cuộc chuyển tiếp này, kéo dài một hai thế kỷ hoặc hơn nữa. Đối với Việt Nam, thế kỷ 20 là trung đoạn của cuộc chuyển tiếp này, vì thật ra ý muốn canh tân đã manh nha từ thời Nguyễn Ánh, nhưng tiến rất chậm, thế kỷ 19 ta đã bắt đầu đi vào khoa học kỹ thuật rồi, nhưng một cách thụ động, chỉ vào thế kỷ 20 mới đi vào xã hội kỹ nghệ hóa một cách tích cực.

Các mốc chính của Việt Nam trong thế kỷ 20:

- 1905: phát động Phong Trào Đông Du.

- 1945: chấm dứt thời kỳ Pháp thuộc, tuyên bố độc lập.

- 1975: cuộc di tản của dân Việt Nam ra nước ngoài sau khi cộng sản chiếm cả nước.

Ta thấy các cái mốc ấy xảy ra ngày càng nhanh hơn: từ 1905 đến 1945 là 40 năm. Từ 1945 đến 1975 là 30 năm. Từ 75 đến nay, thời điểm tích lũy khả năng có một biến chuyển cho Việt Nam thì thời gian rút lại còn 20 năm. Mỗi giai đoạn đều phong phú sự kiện, có thể lại chia ra hai, ba giai đoạn nhỏ.

Chủ đề của chúng ta là đi tìm những *chọn lựa* của người Việt Nam trong thế kỷ 20 này. Tùy theo sự lựa chọn ta sẽ nói đến hoàn cảnh. Hậu quả của mỗi chọn lựa khi lên đến cùng cực sẽ đưa tới những chọn lựa mới.

Chọn lựa năm 1905: Phong Trào Đông Du cùng hoạt động Đông Kinh Nghĩa Thục. Từ thời điểm này, hai quan niệm căn bản của người Việt Nam đã thành hình: dùng bạo lực để phục quốc của cụ Phan Bội Châu, và duy tân khai hóa để tiến tới giành độc lập, xây dựng dân chủ, thanh toán quân chủ của Phan Chu Trinh. Hoàn cảnh năm 1905: từ năm 1896 Phan Đình Phùng chết, chấm dứt giai đoạn Cần Vương, giới sĩ phu đi tới nhận định không thể thắng quân đội viễn chinh Pháp bằng quân sự, mà phải đi tìm một phương cách mới. Phong trào tân thư từ Trung Hoa sang đã cho thấy nhu cầu chấm dứt nền nho học hủ bại, giới nhà nho Trung Hoa cũng như Việt Nam vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 phát giác ra hai điều: nền văn minh Tây phương và việc có thể chấm dứt chế độ quân chủ.

Có một biến cố mang lại một ảnh hưởng lớn cho sĩ phu lúc bấy giờ, đó là sự có mặt của hạm đội Nga tại Cam Ranh, ai cũng náo nức tò mò trước đoàn tàu khổng lồ này, như một thành tựu to lớn của khoa học kỹ thuật Tây phương. Nhưng chỉ vài tháng sau khi ghé Cam Ranh, đoàn tàu này đã bị Nhật đánh tan tành tại eo biển Đối Mã. Một hào khí bùng lên trong sĩ phu Việt Nam với một

phát giác rằng da vàng có thể đánh bại da trắng, và có thể tìm ra một mạnh thường quân chính trị ở Á châu là Nhật Bản. Điều trên đã được lịch sử chứng minh là đúng, người da vàng hoàn toàn có thể tiến bộ về khoa học kỹ thuật, nhưng điều sau thì không phải như lớp sĩ phu lúc bấy giờ đã mơ ước, đặc biệt như Phan Bội Châu đã than thở sau này trong cuốn tự thuật của cụ. Trong khi đó Phan Chu Trinh cũng làm việc tương tự nhưng lại nghĩ phải dẹp bỏ chế độ quan lại thối nát trong nước trước đã. Hai cụ Phan đã có hai đường lối cách mạng và nguyên tắc đấu tranh khác nhau nhưng vẫn trao đổi, bàn bạc cùng nhau, và đây là hình ảnh đẹp nhất của chính trị Việt Nam trong thế kỷ 20. Hai cụ luôn luôn trao đổi trong tình thân hữu và tình đồng chí cao độ, hẹn nhau tuy đường lối khác nhau nhưng đều hướng về cùng mục đích.

Đúng 20 năm sau cuộc chọn lựa đầu tiên, vào năm 1925, chúng ta có dịp đánh giá các chuyển biến và kết quả của hai đường lối phục quốc bằng bạo lực nhưng vẫn duy trì quân chủ của Phan Bội Châu và đường lối khai hóa dân trí và xây dựng dân chủ của Phan Chu Trinh. Trong khi Phan Bội Châu đi Tàu và Nhật thì Phan Chu Trinh đi Pháp. Bây giờ các sử gia cộng sản Việt Nam đang tìm cách nối liền các hoạt động của cụ Phan Chu Trinh lúc đó với anh thanh niên Nguyễn Ái Quốc để chứng tỏ rằng cụ Phan Chu Trinh đã truyền "y bát" cho anh ta, nhưng đó là việc của họ. Nhưng cũng có thể nói tư tưởng canh tân dân chủ hóa của Phan Chu Trinh đã có ảnh hưởng phần lớn đối với Nguyễn Ái Quốc sau này.

Năm 1925, Phan Bội Châu bị bắt đem về nước, phong trào đòi ân xá cho cụ đã tác động vào tinh thần ái quốc của đồng bào, rồi tiếp đến cụ Phan Chu Trinh mất tại Sài Gòn vào năm 1926 đã đẩy tinh thần ấy lên cao thêm một bậc nữa. Một năm sau, đã có một sự lựa chọn lớn của một số thanh niên trí thức Việt Nam, đó là nhóm Nguyễn Thái Học và Nam Đồng Thư Xã, đưa nguyên chương trình Trung Hoa Quốc Dân Đảng để thành lập Việt Nam Quốc Dân Đảng. Song song với việc ấy, đảng cộng sản được thành lập năm 1930, và chính năm này đã có hai biến cố lớn: khởi nghĩa Yên Báy của Quốc Dân Đảng và Xô viết Nghệ An của cộng sản. Đây là sự chọn lựa của hai con đường quốc gia và cộng sản. Chữ "quốc gia" của thời kỳ này khác với chữ quốc gia của thời kỳ chúng ta về sau này, hồi đó chưa có chiến tranh lạnh với xung đột giữa hai khối cộng sản và không cộng sản trên thế giới; hồi đó chỉ mới có nước Nga cộng sản và đảng cộng sản quốc tế. Khác với hai cụ Phan trước kia, cung cách của hai phe Quốc Dân Đảng và cộng sản ở thời kỳ này không phải là hợp tác, phân công với nhau nữa mà có tính cách tranh đua, nhưng chưa đến tình trạng nặng nề giết nhau như về sau này (1945).

Thập niên 40 có lẽ là thập niên khó xử nhất của người Việt Nam trong thế kỷ này. Năm 1940 phát xít đã khai chiến gần như là toàn diện đối với khối Tây phương. Những người cách mạng Việt Nam trước tình hình quốc tế ấy cảm thấy như đứng ở ngã ba đường, thấy cần phải có một lựa chọn có tính cách quốc tế - trước đó hoạt động cách mạng Việt Nam chưa có sự lựa chọn quốc tế. Đảng cộng sản Việt Nam dù thuộc hệ thống của Liên Xô đi nữa thì hầu như cũng chưa có sự chọn lựa nào hết, nhưng đến khoảng năm 1940 thì phải có sự chọn lựa. Năm 1940 người Nhật chính thức đặt chân lên Việt Nam trong khi Pháp vẫn tiếp tục cai trị Việt Nam. Người Việt Nam có cơ hội tiếp xúc với người Nhật và phải đối diện với một chọn lựa: có hợp tác với Nhật không, hay là chống lại?

Tuy tài liệu chưa đầy đủ lắm, nhưng đã có thể thấy nhóm Tự Lực Văn Đoàn của Nguyễn Tường Tam, Trần Khánh Giư, Hoàng Đạo đã chấp nhận con đường hợp tác với Nhật, lập ra Đại Việt Dân Chính. Còn nhóm Đông Dương Cộng Sản đảng mà cơ sở lúc này đã dời từ Hải Phòng sang Tàu thì dứt khoát chống Nhật. Đây hầu như là một sự lựa chọn đương nhiên của đảng cộng sản Việt Nam, vì họ là một bộ phận của cộng sản quốc tế, mà cộng sản quốc tế đang là đối thủ của Đức quốc xã, tất cả các đảng cộng sản con phải có sứ mệnh tranh đấu yểm trợ cho nước cộng sản mẹ là Nga Xô, đã chống Đức thì đương nhiên chống Nhật, con đường của họ rất rõ ràng. Báo *Cờ Dân Chủ* của Trường Chinh lúc đó viết bài hô hào đưa ra đường lối chống Nhật, đứng về phương diện lịch sử thì thấy đó là cái nhìn rất khôn ngoan, có viễn kiến, nhưng nếu nhìn trong bối cảnh lịch sử chung thì thấy đó là chuyện đương nhiên thôi, chẳng có gì ghê gớm. Mà nếu nhìn lại những nhóm như Nguyễn Tường Tam -có độ năm, ba nhóm như vậy- chọn con đường đi với Nhật thì cũng đương nhiên thôi. Cao Đài và vài nhóm khác trong Nam cũng có sự lựa chọn tương tự. Đây mới chính là sự khó khăn trong lựa chọn của thời gian những năm 40, 41, 42.

Đến năm 1944, trông thấy Nhật Bản thua đến nơi, những người theo Nhật đã khổ sở tìm cách uốn nắn làm sao để lấy lại các liên lạc mới, chẳng hạn như nhóm của ông Ngô Đình Diệm, và điều này có thể cắt nghĩa phần nào sự có mặt rồi đột nhiên vắng mặt vào lúc chuyển quyền của những nhân vật như ông Ngô Đình Diệm. Sự khó khăn đã lên đến tột độ với sự ra đời của hiệp ước Postdam, tiếp theo là hội nghị Yalta 1945, chia thế giới ra làm hai khối. Hội nghị Postdam định rằng quân Anh sẽ đến Việt Nam giải giới quân Nhật cho đến vĩ tuyến 16, và phía Bắc là quân đội Trung quốc.

Lúc này chọn lựa vô cùng khó

khăn. Ông Hồ Chí Minh có cái thuận lợi là có đạo quân OSS bên cạnh. Cho đến bây giờ người ta chưa tiết lộ đầy đủ đạo quân đó quan trọng đến mức nào và tiến hành ra sao, vì đó là một giai đoạn mà người Mỹ muốn xóa bỏ đi. Nhưng càng ngày càng có nhiều chi tiết cho thấy sự có mặt của đạo quân OSS bên cạnh ông Hồ lúc đó rất đông và rất có hiệu quả. Ít ra cũng có hiệu quả về phương diện văn học sử -đây là văn học về chính trị- khi ông Hồ trích dẫn tuyên ngôn độc lập của ông Jefferson (Mỹ) trong lời tuyên bố độc lập của Việt Nam. Câu chuyện thường được kể lại bây giờ là lúc đó ông Hồ đã hỏi một sĩ quan OSS làm ơn kiếm hộ ông bản văn đó của ông Jefferson, người sĩ quan ngạc nhiên sao đang lúc đánh giặc ở giữa rừng mà ông kia lại có đầu óc văn chương như thế! Cuối cùng họ cũng có một bản văn đó do phi cơ ném xuống. Có thể ông Hồ nhớ, hoặc không cần bản văn đó lắm, nhưng vẫn cố tình làm như vậy để bên kia ghi nhận rằng ông đã "tầm chương trích cú" đến độ như thế. Đó là một *footnote* của lịch sử. Phía cộng sản cũng có khó khăn vào lúc này: làm thế nào vừa là cộng sản lại vừa đi với Mỹ? Giá trị của sự lựa chọn ấy tới bây giờ chúng ta vẫn chưa biết được là có tính cách chiến thuật hay chiến lược.

Mặt khác những người theo Nhật thì lúc đó tìm cách trở lại với phe Đồng Minh, tức với Mỹ. Điều này xảy ra trong Nam rất nhiều. Ở đây xin mở một dấu ngoặc để nói về sự xuất hiện của mô thức miền Nam trong chính trị Việt Nam từ năm 1940, thêm vào mô thức cũ của miền Bắc. Mô thức này đã được nói đến trong một cuốn sách mới ra đời cách đây hai năm, nhan đề *Radicalism and Origin of Vietnamese Revolution* (Chủ nghĩa Cấp tiến và Nguồn gốc của cách mạng Việt Nam), tác giả là bà giáo sư đại học Havard Huệ Tâm Hồ Tài (1), con gái của Hồ Hữu Tường. Được tác giả viết trong 15 năm, cuốn sách này có lẽ là tác phẩm quan trọng nhất về chính trị học của Việt Nam từ năm 1975 đến nay, nhưng có vẻ người Mỹ không thấy sự đặc sắc của nó, vì nó có ý nghĩa đối với người Việt Nam hơn, còn người Việt Nam thì cũng ít để ý đến có lẽ vì nó được viết bằng tiếng Anh, và có thể một số người Việt Nam có thành kiến với tác giả.

Nhưng đây là một cuốn sách mang lại mấy điều khám phá quan trọng. Trước hết đó là khám phá cuối đời của ông Hồ Hữu Tường trong một tập tự thuật gồm sáu cuốn bản thảo (hiện nay nằm ở văn khố Pháp), nói về một lớp người vừa lớn lên trong thập niên 20, khám phá ra thế giới, một thế giới không có nhà nho -nhà nho đã chết- họ không đọc chữ nho nữa mà đọc chữ Pháp, và họ đã đi tìm, theo cách của họ, một lối thoát cho Việt Nam. Đó là lớp người mà tên tuổi sau này được biết đến -có khi đầy tính cách thần kỳ- như là Phan Văn Hùm, Nguyễn An Ninh, Dương Văn Giáo, Tạ Thu Thâu, Dương Bạch Mai, và cả Hồ Hữu Tường.

Qua cái nhìn ấy của Hồ Hữu Tường mà con gái của ông, bà Huệ Tâm Hồ Tài, sau khi đọc tập bản thảo tự thuật của ông đã cơ cấu hóa và khái niệm hóa tính chất của lớp người ấy thành một trào lưu, một mô thức chính trị riêng biệt của miền Nam. Trong cuốn sách của bà, Huệ Tâm Hồ Tài đã lấy lại một ý của Huỳnh Kim Khánh trong cuốn Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam, lưu ý đến tính chất quan trọng của số trí thức Việt Nam vừa lớn lên và hoạt động trong thập niên 20, và gọi đó là những đứa con đi hoang -mượn từ của kinh Thánh *enfants prodigues*- mô tả một tập thể rất giỏi, rất đặc biệt, đã đóng góp rất có ý nghĩa vào xã hội Việt Nam nhưng không được ai công nhận, không ở vào một hệ thống nào. Từ ý niệm đó cộng thêm kiến thức và tài liệu riêng của ông Hồ Hữu Tường, bà Huệ Tâm Hồ Tài đã đưa ra khái niệm về chủ nghĩa cấp tiến trong chính trị Việt Nam thế kỷ thứ 20 (không phải đảng cấp Tiến sau này của ông Nguyễn Ngọc Huy). Bà định nghĩa những nhân vật chính trị này của thập niên 20 là những người yêu nước, hy sinh vì lý tưởng, có thể thúc đẩy các hoạt động chính trị đến chỗ cùng cực là hy sinh thân xác, nhưng tất cả chỉ dựa trên ba yếu tố: 1. cá nhân, 2. lòng yêu nước, 3. dựa trên cơ sở gia đình và bè bạn. Tác giả nêu rõ các yếu tố này để phân biệt với phong trào cộng sản sau này mang những tính chất khác hẳn. Tất cả những người mà suốt trong thập niên 30 ra tranh cử trong danh sách đệ tam hay đệ tứ, tham dự Mặt Trận Bình Dân v.v... đều thuộc chủ nghĩa cấp tiến này cả (2).

Thập niên 40 cũng là thập niên bắt đầu cuộc chiến tranh lạnh. Chiến tranh lạnh bắt đầu lúc nào? Có lẽ từ cuộc phong tỏa Bá Linh của Nga năm 1948, đến năm 1949 xuất hiện chủ thuyết Truman, trong đó có việc người Mỹ viện trợ cho Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ và Mỹ đài thọ cho ngân sách Pháp ở Việt Nam. Đối với Việt Nam có thể chiến tranh lạnh chính thức mở màn vào mấy tháng chót của năm 1949 và mấy tháng đầu của 1950. Cuối 1949, nước Trung Hoa đỏ chính thức công nhận nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa của ông Hồ Chí Minh, và vài tuần sau Nga cũng công nhận. Đến tháng Hai 1950, Tổng thống Truman công nhận chính phủ Bảo Đại. Hai miền của Việt Nam (Quốc-Cộng, Việt Minh-chính phủ Quốc Gia) chính thức đi vào chiến tranh lạnh từ đó.

Trên thực tế thì vài năm trước đó Mỹ đã viện trợ cho sự có mặt của Pháp ở Việt Nam rồi. Mỹ, với chủ thuyết Roosevelt đề cao quyền dân tộc tự quyết, đã chuyển hướng sau cái chết của Roosevelt 1945, với

Tổng thống Truman chịu ảnh hưởng nhiều của khối thân Anh trong bộ Ngoại giao, âm thầm để tàu Mỹ chở quân Pháp theo quân Anh vào Việt Nam tháng Bảy 1945.

Như vậy, vào đầu thập niên 40 người Việt Nam đã có những chọn lựa khó khăn, giữa hai con đường "tìm bạn đồng minh lớn" trong bối cảnh đệ nhị thế chiến. Phía cộng sản đã chọn đồng minh Tây phương. Một số đảng phái cách mạng theo hệ thống Quốc Dân Đảng đã chọn Nhật Bản. Tất nhiên, khi Nhật bại trận thì đã có sự thay đổi uyển chuyển khôn ngoan, nhưng thực sự thì đã có sự lựa chọn như vậy. Đến năm 1945-46, các sự lựa chọn này đã đưa họ đến chỗ đụng độ nhau, nhưng ít nhất cũng đã có một lần hợp tác với nhau trong một biến cố lịch sử quan trọng tuy rất ngắn ngủi, đó là sự thành lập chính phủ liên hiệp, với ông Hồ Chí Minh là thủ tướng, ông Nguyễn Tường Tam là ngoại trưởng v.v... Và cũng có một quốc hội -quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ cộng Hòa- với sự bầu cử rất sơ sài nhưng ông Hồ Chí Minh đã thỏa thuận chia cho phía ông Nguyễn Tường Tam 80 ghế. Sự liên hiệp này đã thành hình trước khi ký hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng Ba, một hiệp định mà những người chống ông hồ Chí Minh gọi là Hiệp định bán nước vì đã để cho tướng LeClerc đổ bộ lên Hải Phòng trở lại, và những người bênh ông Hồ Chí Minh thì cho là một cú ngoại giao giỏi của ông ta để mua thời gian. Hội nghị Đà Lạt sau đó với Nguyễn Tường Tam làm trưởng phái đoàn, ai cũng biết trước là sẽ thất bại, nhưng mở đường cho hội nghị Fontainebleau về sau.

Giai đoạn liên hiệp ngắn ngủi này không có tác dụng lớn lao lâu dài, tuy nhiên nó đã nói lên sự lo âu của các nhà cách mạng Việt Nam bất kể phía nào khi thấy quân đội Pháp quay trở lại với khí thế như vậy giữa một thời điểm tưởng là đã chấm

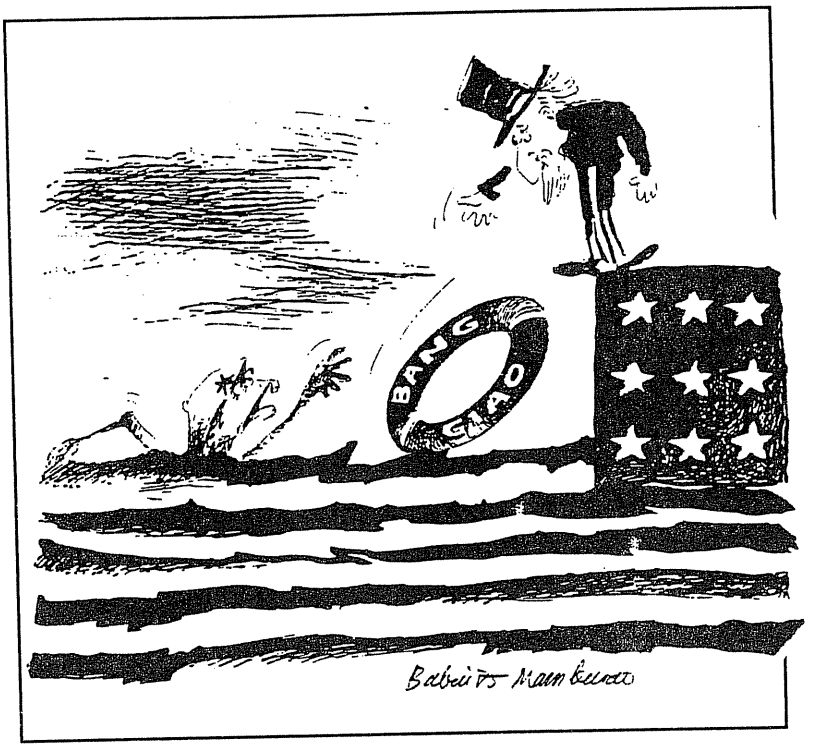

dứt được thời kỳ nô lệ nước Pháp kéo dài đã 80 năm. Họ đều thấy bất cứ phía nào cũng phải ngồi lại với nhau để chống Pháp, và phải nỗ lực để mua thời gian. Sau cùng kẻ vận dụng được cơ hội này là người cộng sản, vừa tổ chức kháng chiến vừa thanh toán phe quốc gia đối nghịch với họ, còn phe quốc gia thì mất lợi thế, khi phút nghẹt thở trôi qua họ đã đứng dậy và ra đi.

Phe quốc gia ra đi, và đã chứng tỏ cung cách già dặn của họ đưa ra giải pháp Bảo Đại. Tôi nghĩ giải pháp này không đơn giản như một số người nói chỉ do người Pháp móc nối ông Bảo Đại qua cái Banque de l'Indochine tại Hồng Kông, mà chắc là phải có sự vận động của phe quốc gia (3). Sau cái chết của Hoàng Đạo, nhân vật chìa khóa của thời kỳ đó, bên cạnh Bảo Đại không còn một người cách mạng quốc gia nào có bản lĩnh lớn để phối hợp nên cuối cùng Bảo Đại rơi vào tay người Pháp. Việc ông Bảo Đại ký hiệp định Hạ Long trong đó chấp nhận Việt Nam là thành phần của Liên Hiệp Pháp - mà sự độc lập của Việt Nam không được nói tới- đã khiến một nửa các nhà cách mạng quốc gia từ bỏ ông ra đi (như ông Ngô Đình Diệm chẳng hạn), chỉ còn những người như ông Nguyễn Văn Xuân, Đinh Xuân Quảng ở lại, làm cho giải pháp Bảo Đại lúc đầu là giải pháp tương đối có sự nghiêm chỉnh, về sau biến thành một lá bài, không đáng gọi là giải pháp nữa.

Sở dĩ chúng ta dừng lại lâu ở thập niên 40 vì đây là cái chìa khóa cho thời đại của chúng ta. Trước khi xảy ra những biến cố quyết định của thập niên 40, chưa có nước Việt Nam trên thế giới, mà chỉ là Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ của một xứ Đông Pháp. Vào tháng Chín năm 1945 nước Việt Nam mới có mặt. Thực ra cũng trong năm 1945 nước Việt Nam đã có một lần xuất hiện: ngày 9 tháng Ba Nhật đảo chánh Pháp, đến ngày 11 tháng Ba ông đại sứ Nhật ở Huế đã vào cung trao chính quyền lại cho vua Bảo Đại, ngày 27 tháng Ba vua Bảo Đại chờ mãi không gặp được ông Ngô Đình Diệm mới giao cho ông Trần Trọng Kim đứng ra lập chính quyền. Trong dịp này Bảo Đại đã

làm hai việc: 1. Tuyên xưng Việt Nam độc lập, 2. Tuyên bố xé bỏ tất cả các hiệp ước bất bình đẳng giữa Việt Nam với Pháp.

Chính nước Nhật Bản nửa thế kỷ trước đã làm một việc tương tự, tức xé bỏ các hiệp ước bất bình đẳng, nhưng là làm sau khi đã đánh bại nước Trung Hoa của Lý Hồng Chương và hải quân Nhật đánh bại hải quân Nga. Họ đã làm việc đó do sức của chính họ, còn vua Bảo Đại làm sau khi Nhật Bản đảo chính bắt quân Pháp cầm tù và cầm cái tinh thần độc lập đó giao cho. Dù sao lịch sử cũng phải phán xét: ai là người tuyên bố độc lập cho Việt Nam sau thời Pháp thuộc, vua Bảo Đại vào tháng Ba 1945 hay ông Hồ Chí Minh vào ngày 2 tháng Chín cùng năm đó.

Tóm lại năm 1945 chúng ta có một nước Việt Nam thống nhất như là nước Việt Nam đã có từ thời vua Tự Đức. Nhưng cuối thập niên 40 lại có đến hai nước Việt Nam: Việt Nam dân chủ cộng hòa chủ tịch là Hồ Chí Minh và quốc gia Việt Nam (Etat du Vietnam) với một quốc trưởng (Chef d'Etat) là Bảo Đại. Ông Bảo Đại tuyên xưng quốc gia Việt Nam năm 1949, năm 1950 được đồng minh là Pháp, Mỹ, Anh và sau đó 40 nước trên thế giới công nhận. Cuối thập niên 40 có hai nước Việt Nam với hai quốc hiệu khác nhau, về sau này quốc hiệu có thêm mấy lần biến đổi: Việt Nam Cộng Hòa (đệ nhất và đệ nhị) và Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, đó là chưa kể cái Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam của các ông Huỳnh Tấn Phát và Nguyễn Hữu Thọ. Hiện nay nhiều người đang thảo luận xem quốc hiệu sắp tới của Việt Nam sẽ là gì nhưng thiết nghĩ cái quan trọng là nội dung của quốc gia, tức là cơ cấu chính quyền và nguyên tắc của nó sẽ ra sao. Đó là điều chúng ta sẽ quan tâm ở đây, vì đó sẽ là CHỌN LỰA cuối cùng của chúng ta trong thế kỷ này.

(còn tiếp)

Chú thích:

(1) Bà Huệ Tâm Hồ Tài là học trò chính của giáo sư Alexander Woodside tại đại học Havard, người đã đẻ ra môn nghiên cứu về Việt học, đặc biệt chính trị nước Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Ông đã nghiên cứu Việt Nam trong hai thế kỷ 19 và 20 (về sau có thêm thế kỷ 18), sách của ông là sách căn bản cho lịch sử cận đại của Việt Nam. Sau khi ông này về nước (Canada) vào khoảng năm 1983, ghế của ông trống chỗ, người ta định mời giáo sư Nguyễn Ngọc Huy điền thế nhưng vì giáo sư Huy không thể giảng dạy bằng tiếng Anh nên chỗ đó để trống trong một thời gian. Cách đây vài năm đại học Havard đã giao ghế cho bà Huệ Tâm Hồ Tài.

(2) Trong các năm 1925, 1926 khi xảy ra các cuộc biểu tình bãi khóa vì hai cụ Phan, mật thám Pháp để mắt đến lớp trẻ tuổi Việt Nam, và thấy rằng lớp này trốn đi nhiều quá, nhất là con cái những người làm cách mạng Việt Nam đời trước. Mật thám Pháp đã lập danh sách giới trẻ Việt Nam tại Pháp, trong năm 1926 họ đã thấy 607 sinh viên Việt Nam, trong đó có Hồ Hữu Tường, Nguyễn An Ninh, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu..., những người mà 5 năm sau sẽ tới biểu tình trước điện Elysée để phản đối bản án tử hình 13 liệt sĩ ở Yên Báy (nhân vụ này Pháp đã trục xuất họ về Việt Nam, trong đó có Tạ Thu Thâu, còn Hồ Hữu Tường vượt biên trốn sang Bỉ).

Ngoài số thanh niên đi Pháp như đã nói, còn một số nữa đi Tàu và Nhật không biết đích xác là bao nhiêu. Nhưng nếu cho con số tròn là vào thập niên 20, Việt Nam có 1000 thanh niên ở Âu châu và 1000 đi ra các nước Á châu (chủ yếu Tàu và Nhật), con số 2000 người ưu tú ở hải ngoại lúc bấy giờ là rất lớn, đã đủ sức tạo ra biết bao biến động tại Việt Nam cho đến năm 1945 và cả cho cuộc tương tranh sau đó. Nhưng nếu đem 2000 ấy so với con số thanh niên trí thức Việt Nam tại hải ngoại hiện nay là vào khoảng 400 ngàn thì mới thấy lực lượng hải ngoại hiện nay là khổng lồ, 200 lần nhiều hơn hồi đó.

(3) Một người đóng một vai trò rất ly kỳ trong việc này là ông Lưu Quốc Trung, bí thư của ông Bảo Đại. Cuộc đời ông có nhiều thăng trầm, ông có để lại một số tài liệu cho một nhà xuất bản Pháp để thực hiện cuốn tự thuật của ông, nhưng do ông bị chết bất ngờ, việc này không thành. Nhà xuất bản ấy sau này vào năm 1980 đã tặng toàn bộ số tài liệu này cho một sử gia Việt Nam ở Canada là ông Nguyễn Khắc Ngữ để ông này dựng lại chuyện đó. Khoảng năm 1989 ông Ngữ vẫn còn than thở chưa đủ thời giờ để khai thác tài liệu này mà ông cho là rất quý báu, nhưng vài năm sau đó thì ông qua đời. Tất cả tài liệu này hiện nay vẫn còn tại gia đình ông Nguyễn Khắc Ngữ tại Montréal, đang mong có cá nhân hoặc đại học nào cần đến.

Đón đọc:

THẾ KỶ 21

số 65 tháng Chín 1994

Mùa Thu nói chuyện Thơ

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG CÁC DANH NHÂN ANH HÙNG CỦA NGƯỜI VIỆT NAM NGÀY TRƯỚC

TRẦN VINH

Một trong những đặc điểm văn hóa của người Việt Nam là lòng tín mộ đạo. Có thể nói, từ ngàn xưa, người Việt Nam nào cũng có đối tượng niềm tin riêng và thực hành niềm tin ấy bằng sự thờ cúng một cách nào đó. Ý niệm vô thần chỉ mới xuất hiện sau này cùng với sự du nhập tư tưởng Âu Tây và lí thuyết cộng sản.

Lòng tín mộ ấy biểu hiện rõ ràng một phần do việc, qua các thời kì lịch sử, người Việt Nam đã sẵn sàng đón nhận các nền đạo học và các tôn giáo truyền từ bên ngoài vào nước ta, như: Khổng Mạnh, Lão Trang, Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo v.v... hoặc là đã thành tâm tin theo Cao Đài giáo và Phật giáo Hòa Hảo mới được sáng lập sau này tại nước ta.

Song sự biểu hiện lòng tín mộ quan trọng nhất của người Việt Nam lại chính là các tín ngưỡng đầy tính dân gian và tính phổ biến của riêng người Việt Nam. Đó là sự thờ cúng các vị thần linh.

Bàn về thời điểm xuất hiện và các đối tượng sùng mộ của các tín ngưỡng nơi người Việt Nam, học giả Đào Duy Anh đã viết: "...ta có thể đoán rằng tổ tiên ta ở đời thượng cổ tín ngưỡng một thứ tự nhiên đa thần giáo, tin rằng phàm các hiện tượng và thế lực tự nhiên ở trong vũ trụ, như trời đất, mưa gió, núi sông, đều có thần linh chủ trương. Có lẽ người ta tưởng rằng linh hồn người chết thường đi lại với người sống... Những tín ngưỡng ấy về sau chịu ảnh hưởng của những điều tín ngưỡng quỷ thần của Trung quốc mà thành nguồn gốc tôn giáo của nước ta" (1). Một tác giả Tây phương, L. Cadière, cũng đưa ra kết luận cho công trình nghiên cứu về các tín ngưỡng của người Việt Nam như sau: "Đến đây, ta thử xác định xem tôn giáo của người Việt Nam là gì. Có hai tôn giáo chính là tôn giáo thờ thần, nó có hai đối tượng vì sự thờ cúng có thể hướng về các lực lượng thiên nhiên được ngôi vị hóa, có thể hướng về những linh hồn người chết và tôi hiểu là sự thờ cúng các anh hùng, sự thờ cúng các vong hồn và sự thờ cúng tổ tiên; tôn giáo này có hai cách thực hành, tùy theo sự thờ cúng có tính cách tôn giáo thì người ta thường gọi là Khổng giáo hoặc có tính cách ma thuật thì tôi hiểu là Lão giáo. Bên cạnh tôn giáo chính này, có một tôn giáo thứ hai, đó là Phật giáo" (2).

Nhân vì L. Cadière nói tới tính cách ma thuật của Lão giáo, chúng tôi xin ghi chú ngay rằng: Lão giáo

chính thống với thuyết vô vi là một hệ thống tư tưởng trừu tượng, siêu việt đã từng được bách gia chư tử noi theo, ở nước ta chỉ có một thành phần ưu tú nào đó mới có thể lãnh hội được. Đối với quần chúng, Lão giáo thật sự đã biến thành hình thức "đạo tiên", tức tu tiên, muốn trở nên trường sinh bất tử, hoặc là những hình thức có tính cách ma thuật như: phù thủy, bùa phép, lên đồng, cầu đảo, cầu hồn, trấn ếm tà ma, xiên lình, thất cổ, khía lưỡi v.v...

Như thế, đến đây đã mở ra một lãnh vực nghiên cứu khá rộng rãi cần nhiều công phu và thời gian. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ xin hạn chế đề tài trình bày về tín ngưỡng thờ cúng các danh nhân, anh hùng của người Việt Nam. Các vị ấy khi sống đã là những người con ưu việt của đất nước, khi chết đi đã được hậu thế nhớ ơn, tin tưởng là đặc biệt linh thiêng và tôn là thần là thánh và thành tâm thực hành việc thờ cúng.

Vấn đề đặt ra là: tại sao người Việt Nam thờ cúng các danh nhân, anh hùng và trong thực hành, việc thờ cúng này ra sao?

I. TẠI SAO NGƯỜI VIỆT NAM THỜ CÚNG CÁC DANH NHÂN, ANH HÙNG?

Có ba nguyên do: một là người Việt Nam tin vào linh hồn thuyết; thứ hai là vì lòng nhớ công lao hiển hách của các danh nhân, anh hùng; ba là vì muốn noi gương các đức tính đặc biệt của các vị ấy.

Sự thờ cúng các danh nhân, anh hùng là một trong ba sự thờ cúng các nhân thần, vì thế sự thờ cúng này sẽ có chung nguyên do thứ nhất (tin vào linh hồn thuyết) với sự thờ cúng tổ tiên và sự thờ cúng các vong hồn, đồng thời có nguyên do thứ hai (nhớ công ơn các vị) tương tự như sự thờ cúng tổ tiên.

1- Vì người Việt Nam tin vào linh hồn thuyết

Theo thuyết này, người ta cho rằng "sự sống là hậu quả của một sự hợp nhất... của Hồn và Phách (vía), và cuộc sống sẽ kéo dài bao lâu hai nguyên lí này còn hợp nhất, sự phân li dẫn tới cái chết. Ngay lúc phân li, hồn cao hơn, hồn khí hay khí nóng, bay lên không gian và trở về trời, nơi từ đó nó đã đến. Do đó, sức nóng phát sinh sự sống rời bỏ các phần thân thể từ từ theo mức độ không cảm thấy được, đó chính là hồn bên trong, còn hình phách trở về với đất, nguồn gốc của nó. Trong mỗi cuộc lễ tôn kính những người đã chết hay các thần linh nói chung, chính ý niệm về các hồn đã giải thích nghi thức đốt những que hương và đổ rượu xuống đất. Khói của hương bay lên tới các hồn trong không gian đã mời các hồn ngự xuống trên bàn thờ. Trái lại, đã chạm tới phách ở dưới đất, khi đọc xong lời nguyện, vị chủ lễ lại đổ một chút rượu xuống đất và chạm tới các phách... Từ điều nói trên, xem ra nơi những kẻ chết, các hồn và các phách hiện diện phân rẽ, các hồn có đời sống trên không khí và các phách thì sống trong lòng đất". (3)

Người Việt Nam chẳng những tin linh hồn trường tồn, mà còn tin các linh hồn khi lìa xác vẫn còn tiếp tục lui tới với người sống và hòa mình vào tất cả hoạt động để phụ giúp hay đối nghịch lại. Linh hồn kẻ chết vẫn còn tiếp tục chịu số phận y hệt khi còn sống, vẫn có điều kiện xã hội như thế, vẫn có những nhu cầu như thế. Nếu mộ phần của họ được tôn kính và được săn sóc cẩn thận, nếu họ được cúng kiến trong các kì lễ với những lễ vật như rượu, cơm, trái cây hoặc vật dụng tượng trưng bằng giấy như ngựa, xe, nhà, thuyền, y phục, người hầu v.v... (những vật dụng này sẽ được gửi cho các hồn bằng cách hỏa thiêu sau khi cúng lễ) thì khi nhận được lễ vật, các hồn sẽ sung sướng, sẽ có thiện cảm với người dâng cúng và đáp lại lòng tôn kính ấy bằng cách ban những ân huệ. Như thế, mối cảm thông giữa kẻ chết và người sống đã được thành lập thật sự. Song nếu kẻ chết không được chôn cất, không có mộ phần, dường như là bị bỏ rơi và khổ sở, họ sẽ trở nên đáng sợ. Họ là những cô hồn hoặc ma quỷ luôn luôn tìm cách làm khổ người ta. Vì vậy, do sự sợ hãi và do lòng thương xót mà người ta lập nên những bàn thờ thô sơ để thờ kính những linh hồn xấu số đó; nơi một số gia đình, mỗi buổi sáng thức dậy ra mở cửa, người ta tung ra trước nhà một nắm gạo mong làm vui lòng các cô hồn.

Chính niềm tin con người ta có linh hồn và linh hồn trường tồn sau khi người ta chết đi, linh hồn vẫn phảng phất đâu đây, vẫn giao cảm cùng cõi nhân sinh, đã khiến cho người Việt Nam thờ cúng tổ tiên, thờ cúng các danh nhân, anh hùng và thờ cúng các vong hồn.

2- Vì lòng nhớ ơn công lao hiển hách của các danh nhân, anh hùng

Trong phạm vi gia đình, người Việt Nam thường giữ đạo hiếu. Theo đạo hiếu, con cháu nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, ông bà, tổ tiên cho nên hết lòng phụng dưỡng khi các ngài còn sống; khi các ngài khuất núi, trong niềm tin hương hồn các ngài vẫn hiện diện gần gũi đâu đây trong cõi vô hình, con cháu cúng giỗ để tưởng nhớ các ngài đồng thời dâng hiến những lễ vật để các ngài hưởng dùng.

Tương tự như thế, trong phạm vi làng xã hay quốc gia, thường hay xuất hiện những danh nhân, anh hùng. Các ngài là những vĩ nhân, những công dân kiệt xuất bởi công lao to lớn đối với làng xã, đối với đất nước. Do đó, khi chết đi, các ngài được dân chúng tin tưởng là đặc biệt anh linh và tôn lên làm thần. Trong số đó, có những vị được chính thức công nhận bởi các kì mục của làng xã, có những vị được nhà vua ban sắc phong.

Việc thờ cúng các danh nhân, anh hùng chẳng những do lòng biết

HUY TƯỞNG
HUYỀN TÍCH

Ngã quỵ lòng sông
Chiều gẫy khúc bên rừng sao vỡ
Mưa biến tấu nhịp chân tro xám
Gió đưa chàng cùng câu hát qua đêm
Luyến láy vàng cánh bướm...

Mây về lấp ngực sông xa
Rừng thấy Chàng nằm chết giữa khuya
Trên tay còn nỗi buồn tươi rói
Chấp chới lệ lá non...

Lá non
Lệ lá non
Sớm mai xước dài một vết trăng im
Kêu xanh hoài trong đá!...

chép tặng Kézia thương mến

ơn các ngài mà còn do thành tâm cầu xin các ngài phù giúp dân làng hoặc tiếp tục góp công bảo vệ đất nước.

3- Vì muốn noi gương các đức tính đặc biệt của các ngài

Lí do thứ ba khiến cho người Việt Nam thờ cúng các danh nhân, anh hùng chính là lòng cảm phục các đức tính đặc biệt của các ngài và mong muốn được noi gương các ngài. Đó cũng là nhận định của giáo sư Lê Hữu Mục trong phần dẫn nhập vào cuốn "Việt Điện U Linh Tập" của ông: "Theo tác giả (tức Lí Tế Xuyên) thì thần thánh có ai là xa lạ đâu. Đó là những người trần mắt thịt như tất cả chúng ta, chỉ khác một điều là các người ấy đã sống một đời sống siêu phàm, trong sự cần lao cam khổ, trong sự phục vụ tích cực, trong nỗ lực chống lại sự quyến rũ của vật chất; thần thánh là những người đã sống hết tất cả kích thước của người, tận cùng biên giới nhân loại. Đến trình độ ấy, giá trị của con người tự nhiên được gia tăng, con người có thể tham dự vào đời sống linh thiêng để tiếp tục quảng bố ơn cương thường như trước, đến giai đoạn này, các vị anh hùng xứng đáng được lòng ngưỡng mộ sùng kính của nhân dân. Việc có đền miếu phụng tự trở thành một điều kiện phải có. Ta không lạ gì khi thấy có nhiều vị thần hiển linh như muốn được hưởng tế tự lâu dài... Thần thánh là kiểu mẫu lí tưởng của nhân dân, họ cần được sự phù trợ của thần, nhưng hơn hết cả, họ mong muốn được nên giống như thần thánh, có can đảm chống lại dục vọng của họ để đi lên cao hơn" (4).

Với lí do thứ ba này, ta có thể nói sự thờ cúng các danh nhân, anh hùng còn mang tính giáo dục.

Ngoài ba lí do có tính cách tích cực kể trên, thành thực mà nói, nơi một số ít khách thiện tín, có những động lực mang tính cách tiêu cực song hết sức thực tiễn đã xui khiến họ thực hành việc thờ cúng với bất cứ vị nào được coi là thần là thánh hoặc là cô hồn vì ý đồ muốn "lo lót" các vị ấy để cầu phúc và để tránh tai họa hoặc để cậy nhờ thế lực của các vị ấy hầu ngăn ngừa tà ma, yêu quái.

II. TRONG THỰC HÀNH NGƯỜI VIỆT NAM ĐÃ THỜ CÚNG CÁC DANH NHÂN, ANH HÙNG NHƯ THẾ NÀO?

Trong phần này, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày các điểm sau đây:

- Những danh nhân, anh hùng nào được thờ cúng
- Nơi thờ cúng
- Cách thờ cúng

1- Những danh nhân, anh hùng nào được thờ cúng?

Chắc chắn ta không thể biết được tất cả những trường hợp các danh nhân, anh hùng được thờ cúng. Bởi vì, sự thờ cúng các vị căn bản bắt nguồn từ nhân dân, việc nhà nước làm cho trở thành chính thức chỉ cốt để kiểm soát hầu tránh những chuyện lạm dụng mà thôi. Người dân Việt Nam, qua bao thế hệ, đã lập đền thờ các danh nhân, anh hùng ở khắp nơi. Những trường hợp ghi nhận được qua tài liệu hoặc hiện nay còn tồn tại chỉ là những trường hợp điển hình.

Trước hết, ở miền Bắc, từ lâu đã có đền hùng thờ quốc tổ Hùng Vương. Ở miền Nam trước 1975, vào ngày giỗ tổ mồng 10 tháng Ba âm lịch cũng đã từng có tổ chức cúng tế chính thức ở vườn Tao Đàn, còn việc vận động xây đền thờ quốc tổ vẫn chưa thực hiện được do cuộc chiến lúc đó ngày một cấp bách. Sau 1975, đền đức thánh Khổng ở thảo cầm viên Sài Gòn đã được biến thành đền thờ quốc tổ Hùng Vương.

Trong cuốn Việt Điện U Linh Tập viết vào năm 1329, Lí Tế Xuyên đã kể lai lịch, công nghiệp và sự thờ cúng của người đời sau đối với một số các vị danh nhân, anh hùng dân tộc như sau: sáu vị thuộc hàng vương là Sĩ Nhiếp, Phùng Hưng, Triệu Việt Vương, Thần Xã Tắc, Hai Bà Trưng và Mỵ Ê; mười vị thần là Lí Hoảng, Lí Ông Trọng, Lí Thường Kiệt, Tô Lịch, Phạm Cự Lượng, Lê Phụng Hiểu, Mục Thận, Trương Hống và Trương Hát, Lí Phục Man, Lí Đô Úy, Cao Lỗ (5).

Trần Thế Pháp trong cuốn Lĩnh Nam Chích Quái viết vào cuối đời

Trần cũng kể nhiều chuyện danh nhân, anh hùng, trong đó nhiều vị được dân chúng sùng bái đặc biệt, như: Phù Đổng Thiên Vương, Lí Ông Trọng, v.v... (6).

Trước hiệp định Genève 1954, dân miền Bắc thờ cúng Hai Bà Trưng tại đền thờ Hai Bà ở Sơn Tây, kinh đô cũ của Hai Bà và tại một đền thờ khác ở làng Đông Nhân gần thành phố Hà Nội. Tại Hoa Lư, vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành được dân chúng tạc tượng và lập đền thờ. Tại làng Yên Lãng gần Cầu Giấy có tượng thờ vua Lí Thánh Tôn, các vua nhà Lí khác thì được thờ ở đền Lí Bát Đế thuộc Bắc Ninh. Hưng Đạo Vương có đền thờ ở Kiếp Bạc, Bắc Việt; tại Sài Gòn cũng có đền Đức Thánh Trần ở đường Hiền Vương. Vua Quang Trung là anh hùng vĩ đại của dân tộc, song đối với nhà Nguyễn ngài là kẻ thù không đội trời chung, cho nên kể từ 1802 khi vua Gia Long nhà Nguyễn lên ngôi cửu ngũ, vị trí của anh hùng Quang Trung chỉ còn tồn tại trong lòng những người ngưỡng mộ. Mãi sau này, tại Tây Sơn, Bình Định quê hương của ngài mới tổ chức việc thờ cúng, hiện nay, hằng năm còn tổ chức hội Lễ Quang Trung.

Tại cố đô Huế có Thế miếu thờ các tiên vương triều Nguyễn, các vị công thần có bài vị thờ kính hai bên. Trong cuộc trường chinh thống nhất đất nước của vua Gia Long, nhiều bộ tướng đã lập chiến công hiển hách, các vị này được triều Nguyễn và dân lục tỉnh (miền Nam Việt Nam), đất hưng nghiệp của triều Nguyễn, tôn lên ngang hàng các anh hùng và dành cho các vị sự sùng bái đặc biệt. Tại vùng Sài Gòn, có đền thờ Bình Giang quận công Võ Di Nguy ở đường mang tên ông thuộc Phú Nhuận, cũng tại làng Phú Nhuận có đền thờ Long Vân hầu Trương Tấn Bửu. Đặc biệt ngài Thượng Công Tả Quân Lê Văn Duyệt được thờ cúng tại đền thờ ngay trước tòa hành chánh tỉnh Gia Định, người ta quen gọi là Lăng Ông Bà Chiểu. Trong khuôn viên Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH, có miếu thờ Hậu Quân Quốc công Võ Tánh. Trong cuốn "Sài Gòn Năm Xưa" của Vương Hồng Sển còn kể có miếu Hiển Trung do vua Gia Long cho xây dựng để thờ hàng trăm bài vị các bậc khai quốc công thần triều Nguyễn, miếu tọa lạc tại thành Ô Ma (Camp des mares), sau này là vị trí Bộ Tư lệnh Cảnh Sát Quốc Gia; vua Thiệu Trị cho tu sửa năm 1847, tới 1954, miếu bị phá hủy (7). Ngoài ra tại khắp nơi ở miền Nam còn có nhiều đền thờ các danh nhân, anh hùng khác, chẳng hạn như ở Long An và Gò Công có đền thờ Nguyễn Huỳnh Đức, ở Châu Đốc có đền thờ Trương Tấn Bửu v.v...

Từ khi Pháp đặt nền đô hộ ở nước ta, giới sĩ phu, trí thức và thanh niên Việt Nam đã nhiều phen đứng lên tranh đấu cho nền độc lập nước nhà bằng các phong trào kháng chiến vũ trang hoặc các cuộc vận động có tính cách văn hóa, chính trị. Các vị này là các nhà cách mạng, các nhà ái quốc và khi chết, các vị cũng được dân chúng lập đền thờ tưởng nhớ, chẳng hạn như cụ Phan Chu Trinh, cụ Huỳnh Thúc Kháng, v.v...

Nhân tiện, chúng tôi xin trình bày một ngoại lệ, chẳng những người Việt Nam thờ cúng các danh nhân, anh hùng là người Việt, họ còn thờ cúng một số các danh nhân nguồn gốc là người ngoại quốc. Đó là trường hợp các ông Tích Quang, thái thú quận Giao Chỉ và Nhâm Diên, thái thú quận Cửu Chân. Theo sử gia Trần Trọng Kim thì Tích Quang có công hết lòng khai hóa cho nhân dân, còn Nhâm Diên có công dậy dân cầy cấy và dậy cho nghi lễ cưới hỏi. Và theo G. Dumoutier, dân ta nhớ ơn hai vị quan cai trị Trung Hoa, đã tôn Tích Quang làm phúc thần, còn Nhâm Diên có đền thờ ở nhiều nơi thuộc vùng Thanh Hóa (8). Trường hợp Sĩ Nhiếp cai trị nước ta từ 187 tới 226 có công chăm sóc dân, khi mất dân lập đền thờ ở làng Tám Á, huyện Gia Định, phủ Thuận An và ở làng Lũng Triều, huyện Siêu Loại tỉnh Bắc Ninh (9). Còn Cao Biền là tướng của nhà Đường bên Trung Hoa sang đánh giặc Nam Chiếu lúc đó đang xâm lăng Giao Châu, khi mất có đền thờ là đền Bạch Mã ở Hà Nội (10).

Riêng nàng Mỵ Ê là vương phi của Xạ Đẩu vua Chiêm Thành. Xạ Đẩu bị giết trong cuộc chinh phạt của vua Lí Thái Tông năm 1044, Mỵ Ê bị bắt cùng các cung nữ. Khi xa giá về đến sông Lí Nhân, Thái Tông cho vời Mỵ Ê sang chầu bên thuyền ngự, nàng thủ tiết bèn cự tuyệt và nhảy xuống sông tự trầm. Nay ở phủ Lí Nhân còn có đền thờ (11).

Theo cuốn Lĩnh Nam Trích Quái thì nàng Mỵ Ê còn được nhà vua cảm kích, phong là Trinh Liệt Phu Nhân (12).

Tướng nhà Thanh là Sầm Nghi Đống thua trận Đống Đa phải thắt cổ tự tử (1789), người Hoa lập đền thờ Sầm Công ở ngõ Sầm Công, sau phố Hàng Buồm, Hà Nội, còn người Việt Nam tại làng Đồng Quang (Hàm Long, Hà Nội) hằng năm tổ chức hội chùa vào ngày 5 tháng Giêng âm lịch để mừng xuân đồng thời để cử hành lễ giỗ trận Đống Đa, họ cúng vái tử sĩ Việt, Hoa đã tử trận trong trận đánh lịch sử của vua Quang Trung năm Kỉ Dậu, và cúng vái cả họ Sầm nữa (13).

2- Nơi thờ cúng

Nơi thờ cúng các danh nhân, anh hùng có tên gọi khác nhau tùy theo thói quen từng nơi, tùy theo uy danh của các vị được thờ cúng và tùy theo kích thước to hay nhỏ của nơi thờ cúng. Nơi thờ cúng các vị đại anh hùng thường gọi là đền thờ, như đền Hùng, đền thờ Hai Bà Trưng, đền thờ Đức Thánh Trần v.v... Người miền Nam còn gọi nơi thờ cúng các danh nhân, anh hùng là miếu, như

Lê Công Linh miếu. Nơi thờ các nhà ái quốc thường gọi là nhà thờ, như: nhà thờ cụ Phan Tây Hồ ở ĐaKao Sài Gòn, nhà thờ cụ Huỳnh Thúc Kháng ở Quảng Ngãi, v.v... Các danh nhân, anh hùng còn được thờ tại các đình làng trong các dịp dân làng "vào đám" nếu như các vị ấy được dân làng chọn làm thần thành hoàng. Thí dụ như trường hợp Nguyễn Văn Huyên đã nói trong "Contribution à l'étude d'un génie tutélaire Annamite, Lý Phục Man", v.v... Nơi tôn nghiêm nhất của ngôi đình làng là nơi cất giữ sắc phong của nhà vua cho vị thần của làng. Có ba cấp bậc: Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần hoặc Hạ đẳng thần.

3- Ai đứng ra lo việc thờ cúng

Trường hợp các danh nhân, anh hùng được thờ cúng như là một thần thành hoàng thì chính dân làng đảm trách việc cúng tế, đứng đầu là các vị chức sắc trong làng.

Trường hợp các nhà ái quốc thì phần nhiều do con cháu các vị là người đứng ra đảm trách, còn dân chúng thì tham gia hưởng ứng. Thí dụ: nhà thờ cụ Huỳnh Thúc Kháng ở thôn Thạnh Bình xã Phước Thạnh, quận Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam do cháu là Huỳnh Toản chủ trì. Nhà thờ cụ Phan Tây Hồ tại đường Nguyễn Huy Tự, ĐaKao Sài Gòn do cháu là bà Nguyễn Thị Bình săn sóc, sau này hội Trung Việt ái hữu tiếp tay lo việc thờ cúng.

Trường hợp các danh nhân, anh hùng được nhiều người sùng bái ngưỡng mộ thì đền thờ trở nên danh tiếng hơn, đương nhiên sự tổ chức trông coi việc thờ cúng phải hoàn bị hơn. Thông thường nhân dân tín mộ hợp tác với nhau thành hội thờ cúng, đôi khi chặt chẽ như một đoàn thể tư, có pháp tính nhân, có quyền quản trị tài sản và đứng tên trong các trương mục ngân hàng cũng như trước pháp luật. Thí dụ: Hội Bắc Việt tương tế lo việc thờ cúng Đức Thàlapnh Trần ở đường Hiền Vương, Sài Gòn; Phú Trung quý tế hội lo việc thờ cúng đức Bình Giang quận công tại miếu thờ trong khu Đội Có, đường Võ Di Nguy Phú Nhuận; và hội Thượng Công quý tế lo việc thờ cúng Đức Thượng Công Tả Quân Lê Văn Duyệt tại Lăng Ông Bà Chiểu, đường Lê Văn Duyệt Gia Định, v.v...

HUY TƯỞNG CẢNH TƯỢNG

Chiều ùa chuông tan vỡ
Những hàng cây yên lặng xám
Và bầy đá nâu
Và lẻ loi tấu khúc buồn...

...Không nói
Người đàn ông
và lặng lẽ mái hiên.
Mưa suốt hồn ly biệt

Sài Gòn 07-92

Cách thờ cúng

a- **Lịch lễ:**

Sự thực hành thờ cúng được quy định vào lịch lễ như sau:

- Các ngày sóc, vọng: ngày sóc là mồng một đầu tháng âm lịch, ngày vọng là ngày rằm mỗi tháng.
- Tết Nguyên đán: ngày đầu năm âm lịch.
- Tết Thượng nguyên: ngày rằm tháng Giêng âm lịch.
- Tết Thanh minh: 60 ngày sau ngày lập xuân, tức là 60 ngày sau ngày mồng một tháng Chạp âm lịch.
- Tết Đoan ngọ: ngày mồng 5 tháng Năm âm lịch.
- Tết Trung nguyên: ngày rằm tháng Bảy âm lịch.
- Tết Trung thu: ngày rằm tháng Tám âm lịch.
- Tết Hạ nguyên: ngày rằm tháng Mười âm lịch.

Đặc biệt, các diên tế lễ linh đình thường được tổ chức vào dịp kỉ niệm đản sinh hoặc húy nhật (lễ giỗ) của các vị thần. Cũng có nơi tổ chức tế lễ vào dịp Xuân tế (ngày Đinh đầu tháng Hai âm lịch) và dịp Thu tế (ngày Đinh đầu tháng Tám âm lịch), tức là lễ Kỳ Yên hay Kỳ Phúc (lễ cầu an).

b- **Nghi lễ trong các ngày lễ:**

Do những người hoặc những hội thờ cúng có nhiệm vụ chính thức đảm trách. Nghi thức có hai thứ: cúng (hay khấn) và tế lễ.

Cúng hay khấn được diễn ra đơn giản vào các ngày sóc, vọng và các ngày lễ lạc khác. Lễ vật gồm có nhang, rượu, xôi hoặc một mâm cỗ tương tự như khi cúng lễ tổ tiên. Bao giờ cũng có một vị đứng ra làm chủ lễ. Bắt đầu, vị chủ lễ đốt nhang, lâm râm khấn nguyện mà không cần có văn khấn, rồi vái lậy bốn lần. Trong khi lễ, thường có một số người cùng tham dự, họ sẽ khấn vái sau vị chủ lễ.

Lễ tế thì long trọng hơn nhiều, thường được tổ chức một hoặc hai lần mỗi năm vào dịp kỉ niệm ngày đản sinh, hoặc ngày lễ giỗ, hoặc dịp Xuân tế, Thu tế, tùy nơi.

Lễ vật chính trong lễ tế gồm vật tam sinh (dê, bò, heo), ngoài ra còn có hoa trái, trầu rượu, xôi bánh v.v...

Nghi thức tế lễ rất quan trọng, có bá tánh thiện tín hoặc là các hội viên hội thờ cúng cùng quan khách tham dự. Ban tế lễ gồm có: ông chánh niệm hương, ông chánh tế, các vị bồi tế, các vị thị lập, các lễ sinh hay trò lễ, phường nhạc bát âm. Tại miền Nam, còn có quân hầu và đào thài phụ vai vào các diên tế. Nghi thức thì bao giờ cũng gồm có: một tuần hương, ba tuần rượu, đọc văn tế, một tuần trà, lễ dâng bánh trái, ẩm phước và sau hết là hóa văn tế (đốt văn tế). Nếu ở các nơi nghi lễ tế có khác nhau cũng chỉ khác về chi tiết mà thôi. Sau nghi lễ tế, đôi khi còn tổ chức các nghi thức phụ

thuộc như lễ cúng tiền hiền, hậu hiền, lễ cúng cầu siêu cho chúng sinh, tại miền Nam thường có lệ tổ chức hát chầu.

c- Nghi lễ trong các ngày thường:

Ngoài các ngày lễ nhất định kể trên, quanh năm ngày thường, tại các đền miếu thờ các danh nhân, anh hùng, lúc nào cũng có nhang đèn, khói bay nghi ngút, hoặc là do người thủ tự chăm sóc hoặc do khách thiện tín vãng lai khấn nguyện.

Người ta thường hiểu một cách quy ước tôn giáo (religion) cần hội đủ các tiêu chuẩn: có một nền thần học hay giáo lí, có giới tăng lữ hay giáo sĩ, có nghi lễ hay phụng vụ và đương nhiên có tổ chức quy củ hay là giáo hội. Thiếu một hay nhiều hơn trong những yếu tố kể trên, người ta gọi là tín ngưỡng (croyance, belief). Theo như thế, việc thờ cúng các danh nhân, anh hùng của người Việt Nam thuộc vào hàng các tín ngưỡng, bởi vì như L. Cadière đã phân tích: "Trong sự thờ cúng thần linh, người cầu khấn ngỏ lời trực tiếp với các đấng siêu nhiên mà họ nài xin; không có ai được coi là giáo sĩ. Khi người Việt Nam muốn xin sự giúp đỡ của một vị thần hay muốn tỏ lòng biết ơn đối với ngài, muốn tạ lỗi, thì chính người ấy đem lễ vật tới trước vị thần và chính người ấy lập lời khấn nguyện, bằng cách thô thiển nhiều hoặc ít, nói lên một cách tự phát ý cầu khẩn hoặc lập lại theo mẫu có sẵn. Khi sự thờ cúng có tính cách tập thể, lễ vật lại do các vị đại diện dâng cúng, như vị chủ nhà, các vị kì mục trong làng, trong hội hoặc là do nhà vua đứng đầu quốc gia hay các quan đại diện vua, những vị đại diện này không có tư cách đặc thù nào để được xếp vào một loại riêng biệt, họ đại diện tập thể và do miệng họ, chính tập thể nói trực tiếp với thần linh, không qua người nào làm trung gian. Cũng vậy, các ông thủ từ của các đền thờ, người thường đặt lên bàn thờ những lễ vật dâng cúng các thần linh, người làm các nghi thức và đọc những mẩu khấn nguyện, phải được coi như là các đại diện của cộng đoàn, là tập thể tự mình thực hành việc thờ cúng" (14).

Trở lên, ta đã có một cái nhìn khái quát về tín ngưỡng thờ cúng các danh nhân, anh hùng của người Việt Nam ngày trước. Tín ngưỡng này bắt nguồn từ niềm tin vào thuyết linh hồn bất tử, hồn kẻ chết vẫn ở gần bên người sống, vẫn có các nhu cầu tương tự như khi còn sống. Vì vậy, bổn phận của người sống là phải cúng tế kẻ đã khuất, nhất là các vị đó là những ân nhân của mình, như tổ tiên hoặc các danh nhân, anh hùng. Riêng sự thờ cúng các danh nhân, anh hùng còn mang ý nghĩa tích cực hơn nữa. Đó là cuộc đời hiển hách của các ngài được đề cao như những mẫu gương cho hậu thế. "Sinh vi tướng, tử vi thần", sinh tiền đã oai phong lẫm liệt, lúc chết đi cũng trở nên siêu việt linh thiêng. Các ngài được coi là thần thánh, là thần tượng. Nhất nữa là vì nước ta là một đất nước luôn luôn bị nạn ngoại xâm và những cuộc nội chiến thì liên miên bất tận. Trong thực tế, người Việt Nam đã lập đền thờ và quanh năm thờ cúng các ngài.

Đối với các vị thần vốn là danh nhân có nguồn gốc ngoại quốc, nhân dân ta cũng biểu hiện lòng sùng kính, bởi vì khi các vị ấy đã đi về một kiếp khác thì nhân dân coi nhẹ hơn quan điểm chính trị, phân lập và đặt nặng hơn quan điểm đạo đức và tín ngưỡng.

Ngày nay, ánh sáng văn minh khoa học đã soi tới mọi tầng lớp nhân dân, tới mọi miền xa xôi của đất nước. Ánh sáng ấy chiếu xa rộng bao nhiêu thì phạm vi của các hình thức tín ngưỡng thu hẹp lại bấy nhiêu. Dĩ nhiên, tín ngưỡng thuộc lãnh vực phong tục mà để hình thành hoặc để mai một một phong tục cần phải có yếu tố thời gian, không thể trong một sớm một chiều mà một phong tục có thể lụi tàn hoàn toàn ngay được. Song dù tín ngưỡng thờ các danh nhân, anh hùng của người Việt Nam có lùi dần vào dĩ vãng thì vị trí của các bậc danh nhân, anh hùng sẽ vẫn tồn tại mãi mãi trong lòng người dân Việt bằng cách biến chuyển từ hình thức tín ngưỡng sang các hình thức tưởng nhớ ghi ơn khác, như: tượng đài, sử sách, phim, truyện, tranh, nhạc, kịch và danh tính các vị sẽ được đặt cho các công trình văn hóa, giao thông hoặc quân sự để đời đời lưu danh cho hậu thế.

Chú Thích:

(1) Đào Duy Anh - Việt Nam Văn Hóa Sử Cương. Xb Bốn Phương, Sài Gòn, 1951, tr. 201-202.

(2) L. Cadière - Croyances et pratiques religieuses Annamites. IDEO, Hà Nội 1944, tr. 31.

(3) Nguyễn Văn Khoan - La Repêchage de l'âme... BEFEO. 30 (1933) 11-34, tr. 29-30.

(4) Lê Hữu Mục - Phần dẫn nhập bản dịch tác phẩm Việt Điện U Linh tập của Lí Ta Xuyên, Khai Trí Sài Gòn, 1961, tr. 22-23.

(5) Lí Tế Xuyên. Sđd.

(6) Trần Thế Pháp - Lĩnh Nam Chích Quái. Bản dịch của Lê Hữu Mục. Khai Trí Sài Gòn, 1961.

(7) Vương Hồng Sển - Sài Gòn Năm Xưa. Tự Do, Sài Gòn, 1960, tr. 70 và 142.

(8) G. Dumoutier - Les cultes annamites. Revue Indochinoise, 1905. 1er trimestre, tr. 685-686.

(9) Lí Tế Xuyên. Sđd, tr. 47.

(10) G. Dumoutier. Sđd, tr. 541 và 542.

(11) Trần Trọng Kim - Việt Nam Sử Lược. Trung Tâm Học Liệu, Sài Gòn, tr. 98.

(12) Trần Thế Pháp. Sđd, tr. 115.

(13) Toan Ánh - Hội Hè Đình Đám (quyển thượng). Nam Chi Tùng Thư, Sài Gòn, 1969, tr. 12-15.

(14) L. Cadière. Sđd, tr. 7-8.

LẠY TRONG CHÁNH NIỆM

(Trích trong bài giảng của thầy Thích Nhất Hạnh tại khóa tu mùa Đông 1992-93)

Năng lễ sở lễ tánh không tịch

Cảm ứng đạo giao nan tương nghì...

Phật, chúng sanh tánh thường rỗng lặng.

Đạo cảm thông, không thể nghĩ bàn

Chúng ta có một truyền thống lâu đời về lễ lạy. Người lạy và người nhận lạy đều có bản chất như nhau Khi mình lễ lạy mà có chánh niệm, thì sẽ tạo nên được những cảm ứng không thể nghĩ bàn giữa mình và các vị Bụt cùng Bồ Tát hay tổ tiên, ông bà....

Chúng ta nên quán tưởng trước khi lễ lạy - Nên thực tập năm cái lạy mỗi ngày. Trong khi lạy xuống, phủ phục thật lâu để tiếp xúc cho được với gia đình tâm linh, gia đình huyết thống, môi sinh nơi mình sinh sống... tiếp xúc được với những nguồn năng lượng của họ để hướng về người mình thương nhất hay người ghét nhất.

Khi lạy, chúng ta phủ phục xuống đất trong tư thế ngũ thể đầu địa (trán, hai tay và hai chân chạm đất). Tưởng tượng một đợt sóng lạy xuống để tiếp xúc với nước, là bản chất của sóng. Khi lạy xuống, chúng ta phải tiếp xúc được với tất cả quê hương của chúng ta. Quê hương gồm có tất cả gia đình tâm linh, gia đình huyết thống, tổ tiên nòi giống, nơi mình đã sinh trưởng và nơi mình đang sinh sống.

Lạy thứ nhất: Trở về kính lạy liệt vị tiền nhân, gia đình tổ tiên, dòng họ huyết thống nội ngoại. Con thấy cha của con mẹ của con, mà xương thịt và đời sống đang lưu nhuận trong từng tế bào, mạch máu của con. Qua cha mẹ con tiếp xúc được với ông bà nội ngoại của con đã và đang đi vào con với mọi trông chờ, ước mơ cũng như tất cả trí tuệ, kinh nghiệm của tổ tiên qua bao thế hệ. Con mang trong con bao nhiêu sự sống, dòng máu, tuệ giác, kinh nghiệm, hạnh phúc và khổ đau của các thế hệ tổ tiên. Những yếu kém, những tồn tại và khổ đau đã truyền lại, con đang tu tập để chuyển hóa cho con và cho tất cả quí vị. Những năng lượng và trí tuệ của kinh nghiệm và thương yêu mà quí vị truyền đạt lại, con đang mở rộng trái tim và xương thịt con để mà tiếp nhận. Con có gốc rễ nơi cha, nơi mẹ, nơi ông, nơi bà, nơi tổ tiên. Con chỉ là sự nối tiếp của tổ tiên và dòng họ. Xin cha mẹ, xin ông bà, tổ tiên hỗ trợ cho con, che chở và truyền thêm năng lượng cho con. Con biết rằng con cháu ở đâu thì cha mẹ ở đó. Con biết rằng cha mẹ nào ông bà nào thì cũng thương yêu đùm bọc cho con cháu, dù khi sinh tiền có lúc gặp khó khăn hay rủi ro nên không bộc lộ được niềm thương yêu hay đùm bọc đó. Con thấy cha, ông của con, từ Lạc Long Quân tới các vua Hùng, rồi tới bao nhiêu thế hệ khai sáng đất nước, giữ gìn núi sông, mở rộng bờ cõi và hun đúc nên nếp sống Việt Nam có thủy có chung, có nhân có hậu. Con là sự nối tiếp của quí vị. Con xin cúi rạp xuống để tiếp nhận năng lượng của tổ tiên, dòng họ, của gia đình huyết thống của con. Xin quí vị gia hộ độ trì cho con.

Chúng ta lạy xuống để tiếp xúc với tổ tiên nòi giống, với cội nguồn của chúng ta. Tất cả đều đang có mặt ngay trong chúng ta, chúng ta không phải đi tìm đâu xa. Không cần đi mấy chục giờ mới về tới quê hương.

Trong khi mình lạy xuống, trong tư thế ngũ thể đầu địa thì mình phải tiếp xúc cho được, trở về cho được quê hương của mình, trong đó có cha mẹ, ông bà, có đất nước tổ tiên. Nếu mình tiếp xúc được thì cũng như mình cắm được cái cắm điện vào trong dòng điện, và tiếp xúc được rồi thì cái năng lượng của quê hương, ông bà, của Bụt, Pháp, Tăng sẽ lưu nhuận trong mình, cho mình sức mạnh. Nếu không thì mình chỉ là một lãng tử, một đứa con đi hoang, một cô hồn không nơi nương tựa. Chắc chắn trong khi mình lạy xuống, đầu và chân tay tiếp xúc với mắt đất mà mình quán chiếu được như vậy, thì sự cảm thông sẽ rất sâu sắc, và năng lượng mình tiếp nhận được sẽ rất lớn. Khi mình có cảm tưởng là những gốc rễ của mình nó bám sâu vào ở trong thực tại của tổ tiên, dòng họ, đất nước thì mình sẽ khỏe mạnh, không đau ốm.

Đây là cái lạy thứ hai:

Trở về kính lạy Bụt và Tổ Sư, truyền đăng tục diện, gia đình tâm

linh qua nhiều thế hệ.

Sau khi lạy xuống, năm vóc sát đất rồi, thì quán niệm: Con thấy thầy của con, thấy sư ông của con trong con. Người đã DẠY CHO CON BIẾT HIẾU, BIẾT THƯƠNG, BIẾT THỞ, BIẾT CƯỜI, BIẾT THA THỨ, biết sống trong giây phút hiện tại. Mình phải thấy được thầy mình, thấy được sư ông của mình, thấy được sự truyền thọ hành trì giáo pháp nơi mình, và mình biết rằng những chất liệu nuôi dưỡng tâm linh mình đó là do thầy mình, do sư ông mình truyền cho mình. Trong khi lạy mình phải tiếp xúc cho được. Con thấy qua thầy của con, sư ông của con, con tiếp xúc được với các thế hệ thánh tăng qua các thời đại, con tiếp xúc được với các vị Bồ tát và đức Thích Ca Mâu Ni, người đã khai sáng gia đình tâm linh của con từ hơn 2500 năm nay. Con biết Bụt là Thầy của con mà cũng là tổ tiên tâm linh của con. Con thấy trong con có chất liệu nuôi dưỡng của Bụt, của Tổ, của các thế hệ cao tăng, và năng lượng của liệt vị đã và đang đi vào trong con, đã và đang làm ra sự bình an, hiểu biết và thương yêu trong con. Con biết Bụt đã giáo hóa cho gia đình tâm linh của con trong mấy ngàn năm, đã làm đẹp và làm lành cho đất nước và nếp sống của dân tộc con. Bụt đã làm cho dân tộc con trở nên một dân tộc thường từ và văn minh, điều này con thấy rõ trong nền văn minh Lý và Trần. Con biết nếu không có Bụt, có tổ và có thầy thì con không biết cách tu tỉnh cho con và cho gia đình con, vì vậy cho nên con mở rộng trái tim và xương thịt con để tiếp nhận kinh nghiệm, tuệ giác, tình thương, sự che chở và năng lượng từ bi của Bụt và của các thế hệ thánh tăng, gia đình tâm linh của con. Con là sự tiếp nối của Bụt và của gia đình tâm linh của con. Xin chư tổ, xin sư ông, xin thầy truyền cho con năng lượng vững chãi của liệt vị.

Sau khi lạy được hai lạy rồi thì mình cảm thấy năng lượng của gia đình tâm linh, gia đình huyết thống chạy rần rần trong máu huyết và trong tâm mình. Cái hạt giống cô hồn trong mình nó thu lại. Mình có đức tin thật, và lạy cái lạy thứ ba.

Cái lạy thứ ba khiến cho mình tiếp xúc được với khí thiêng sông núi, với các vị tiền nhân đã khai sáng đất nước nơi mình sinh sống - Tuy họ đã qua đời rồi nhưng họ luôn luôn có mặt để che chở, truyền đạt cho mình cái năng lượng mà mình đang cần đến.

Trở về kính lạy liệt vị tiền nhân khai sáng đất này, sông núi khí thiêng hàng ngày che chở. Lạy rồi quán tưởng: Con thấy con đang đứng trên đất nước này và tiếp nhận công ơn khai sáng đất nước này của tiền nhân. Con thấy bao nhiêu người có tên tuổi và vô danh đã đem tài trí kiên nhẫn và chịu đựng để làm nên đất nước này trở nên nơi nương náu của bao nhiêu giống dân, đã lập nên trường học, nhà thương; xây dựng cầu cống, đường xá, đã thiết lập nhân quyền, luật pháp và phát minh khoa học làm cho nếp sống được nâng cao... Con còn tiếp xúc được với những thế hệ tổ tiên xưa đã sinh sống trên đất nước này và đã sống an lành với mọi người và mọi loài và hòa hợp với thiên nhiên. Con sống ở đây, hòa hợp với mọi loài và thiên nhiên, cảm thấy năng lượng của đất nước này đi vào trong con, yểm trợ con, chấp nhận con. Con nguyện tiếp tục giữ gìn và làm tiếp nối những dòng năng lượng ấy. Xin nguyện góp phần chuyển hóa những bạo động, căm thù và vô minh còn tồn tại trong đất nước và xã hội này. Xin quý vị tiền nhân phù hộ độ trì cho con.

Nếu là người Việt đang sống tại Việt Nam, trong khi lạy xuống lần này, mình phải tiếp xúc cho được với các vị tiền nhân khai sáng đất nước. Nói tên họ ra và nhớ tới các vị tuy không có tên tuổi, nhưng đã âm thầm xây dựng đất nước. Và sự có mặt của mình hôm nay trên đất nước, là nhờ ơn khai sáng của các vị tiền nhân đó. Nếu mình sống ở hải ngoại thì mình phải tiếp xúc cho được với các vị tiền nhân đã khai phá đất nước này.

Sau khi lạy được ba lạy này, mình cảm thấy mình như cái thân cây có gốc rễ rất sâu sắc, năng lượng trong mình được tăng cường. Mình lạy cái lạy thứ tư để mà truyền cho người mình thương một ít năng lượng mà mình đã tiếp nhận được.

Kính lạy gia đình tâm linh, gia đình huyết thống gia hộ độ trì cho người con thương.

Quán nguyện: Những nguồn năng lượng vô biên mà con vừa tiếp nhận được, con xin truyền cho cha/mẹ con, chia sẻ cho cha/mẹ con, cho những người con thương yêu... Con xin truyền nguồn năng lượng ấy cho cha/mẹ... con để cho tâm hồn họ lắng dịu lại, cho những niềm đau trong lòng họ được chuyển hóa, cho người ấy nở được nụ cười, cho người ấy được vui sống, mạnh khỏe trong thân thể và trong tâm hồn. Con hết lòng cầu mong cho người ấy có hạnh phúc và an lạc. Con biết người ấy có an lạc thì con cũng có an lạc... Con lạy tổ tiên trong gia đình huyết thống, gia đình tâm linh phù hộ độ trì cho những người mà con thương yêu. Con thấy con không có cái ta riêng biệt với những người con thương.

Lúc đó Ngã và Phi Ngã bất nhị, mình và người mình thương không khác, trở thành ra một cái dòng liên tục, an lạc của mình là an lạc của người mình thương. Trong khi mình lạy như vậy, ranh giới giữa mình và người mình thương bị phá bỏ. Mình có năng lượng để truyền cho người đó. Mình biết rằng người đó đã khổ trong quá khứ vì người đó và mình đều quá lo lắng, thiếu chánh niệm, và trong khi lạy xuống, mình thấy mình với người đó là cùng một dòng sinh mạng. Mình đã được vững chãi, cố nhiên mình có thể truyền năng

lượng sang cho người thân. Mình sẽ cản thấy rất khoan khoái. Lòng từ bi, tình thương trong mình nuôi dưỡng mình trước. Tới lạy thứ năm, mình truyền năng lượng của mình cho người đã làm khổ mình. Có người lúc đầu không chịu lạy cái lạy này, vì không hiểu sao mình lại phải truyền năng lượng cho người từng làm mình khổ. Nhưng sau khi thực tập với tất cả tâm mình, họ cảm thấy họ rất khỏe khoắn, và nhiều người báo cáo là sau mấy tháng họ không còn cần cái lạy thứ năm nữa vì không còn kẻ thù. Thật là mầu nhiệm. Những người kia có thể là người dưng nước lã hay là người thân trong gia đình.

Kính lạy gia đình tâm linh, gia đình huyết thống gia hộ độ trì cho con. Trong tư thế ngũ thể đầu địa, mình thiết lập cảm thông với người đó. Con mở rộng lòng ra để có lòng xót thương tới những người đã làm con khổ đau điêu đứng. Con biết những người ấy cũng đi qua khổ đau, đã chứa chất quá nhiều cay đắng và bực bội trong trái tim, nên đã làm vung vãi lên con những khổ đau và bực bội. Con biết những người ấy không được may mắn, có thể là từ hồi bé thơ đã thiếu sự chăm sóc và thương yêu, đã bị cuộc đời dằn vặt và ngược đãi bao nhiêu lần. Con biết những người ấy chưa được may mắn tu học, trái lại đã chứa chất những tri giác sai lầm về cuộc đời và về con nên đã làm khổ người và khổ con. Con xin gia đình huyết thống và gia đình tâm linh truyền năng lượng cho những người đó để trái tim của họ tiếp nhận được những giọt nước cam lồ mà nở ra như một bông hoa. Con chỉ cầu mong cho những người đó được chuyển hóa để tìm được niềm vui trong đời sống, không còn giữ tâm hận thù làm họ khổ và làm khổ người khác. Con biết những người ấy khổ mà không tự chủ được nên đã làm khổ con. Con cầu mong những ai làm khổ con, gia đình và dân tộc con. Những hải tặc, những kẻ dối trá và tàn bạo... những người đó cũng được nhờ ơn Bụt, tiền nhân và tổ tiên. Con thấy họ khổ vì nỗi khổ ấy đã kéo dài qua nhiều thế hệ và con không muốn giữ tâm niệm sân hận oán thù. Con không muốn họ khổ. Con có gốc rễ nơi tổ tiên và dòng họ huyết thống và dòng họ tâm linh của con. Trái tim đã nở như một đóa hoa. Con xin buông bỏ tất cả mọi thù hận, một lòng cầu nguyện cho kẻ đã làm khổ con, gia đình và dân tộc con được thoát khỏi mọi tai nạn và đớn đau để họ có thể thấy được ánh sáng của niềm vui sống và an lạc như con. Tâm con không còn một mảy may trách móc và oán thù. Con xin truyền năng lượng của con cho người ấy. Lạy Bụt, lạy tổ, lạy ông bà chứng minh cho con.

Đây là sự thực tập lòng từ bi trong đạo Bụt. Bụt dạy rằng hận thù không thể nào đối đáp được với hận thù, chỉ có tình thương và sự tha thứ mới đối đáp được với hận thù mà thôi. Như vậy, thì chất liệu từ bi tràn lên trái tim của mình. Lòng khoan dung và thương yêu sẽ chữa trị cho con người, mình sẽ trở nên mạnh khỏe, hạnh phúc trở thành điều có thật. Nếu mình mang chất liệu hận thù thì mình còn khổ đau dài dài.

Nếu những vết thương của mình quá nặng sâu trong trái tim thì mình phải thực tập rất lâu cái lạy thứ năm này. Muốn thành công cái lạy thứ năm này, mình phải thành công trong hai cái lạy đầu, trở về được với gia đình huyết thống và tâm linh thì mình mới có đủ năng lượng và thương yêu thực tập cái lạy thứ năm này.

Tối nào cũng nên lạy. Khi nào lạy thật lâu trong tư thế phủ phục, mình biết là có sự thông cảm tiếp xúc và chữa trị. Đối với các thiền sinh mới biết Bụt Pháp Tăng, họ nên lạy thêm lạy hai bis để có thể tiếp xúc với gia đình tâm linh cũ, và gia đình tâm linh mới. Lạy thứ sáu này giúp cho những người có hai gia đình tâm linh. Có hai gia đình tâm linh làm cho đời sống mình giàu có hơn. Tiếp xúc với những người thuộc các gia đình tâm linh khác khiến mình thấy được giá trị của các tôn giáo khác. Chúa Kyto là một vị Bồ tát lớn, có hàng triệu tín đồ. Các đệ tử thuộc Cơ Đốc giáo, Do Thái giáo v.v... lạy cái lạy thứ sáu này, là làm giàu thêm đời sống tâm linh cho họ.

Đạo Bụt được làm bằng những chất liệu không phải đạo Bụt. Phật pháp tức thế gian pháp. Đạo Bụt không có tinh thần cuồng tín, cho mình mới là tôn giáo tối thượng, chân lý không có trong các truyền thống khác. Đạo Bụt cũng không làm cho người ta bỏ truyền thống tâm linh của người ta để theo mình. Theo giáo pháp này, Đạo Bụt giúp người ta trở về cắm rễ lại vào truyền thống tâm linh của người ta. Sự thực tập đạo Bụt có tính cách chữa trị, giúp người ta trở về với nguyên quán tâm linh, nguyên quán huyết thống. Khác với các giáo sĩ tới Việt Nam mấy trăm năm nay, muốn ta bỏ sự thờ cúng ông bà để theo đạo của họ. Nay chúng ta mang sự thực tập đạo Bụt qua Tây phương, khuyến khích họ trở về với truyền thống tâm linh của họ vì chúng ta thấy rõ một người mất gốc rễ thì có thể trở thành cô hồn không bao giờ có an lạc, hạnh phúc vững chãi.

Thực tập là trở về tiếp xúc với quê hương -bây giờ và ở đây- không cần vượt không gian, không cần hồi tưởng quá khứ hay tưởng tượng tương lai. Chỉ cần trở về trong giây phút hiện tại. Chúng ta biết trong ta có gốc rễ của gia đình huyết thống, gốc rễ của gia đình tâm linh. Khi trở về tiếp xúc với gốc tễ, chúng ta được mạnh khỏe cả về thể chất lẫn tinh thần. Vậy thì mỗi bước chân là một sự trở về. Đi là phải tới. Bây giờ và ở đây. Chỉ có bây giờ và ở đây mới tiếp xúc được với hai gia đình tâm linh và huyết thống.

CÔ HỒN THÁNG BẢY

HIẾU ĐỆ

Hồi năm 1945 thi sĩ Nguyễn Bính vào Sài Gòn Anh nghĩ không bao giờ còn trở lại Hà Nội được nữa vì trong túi Anh ta chỉ có vỏn vẹn vài chục đồng thôi. Cho nên Anh nghĩ mình như một Kinh Kha sang Tần

Người sang bên ấy sao mà lạnh
Ngõ Trúc ta về lạnh mấy mươi

đến khi sống ở Sài Gòn lục tỉnh thì chẳng mấy ai biết anh chàng ta là Nguyễn Bính, nên Anh ta than thở

Hỡi ơi Nhiếp Chính mà băm mặt
Thiên hạ ai người khóc nhận thây

Trong truyện Tàu thì chỉ có Hồ thị là người chị đứng ra hy sinh nhận thây của Nhiếp Chính thôi. Vả lại văn chương thời loạn lạc là như thế thật đáng trách. Có ai chịu đọc sách báo đâu cũng như bây giờ thôi. Họ còn phải để thời giờ đi làm over time nữa, cho nên

Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ
Ta với nhà ngươi cả tiếng cười

Trong bài Hành Phương Nam của Nguyễn Bính cũng như Tản Đà vẫn hay nói văn chương hạ giới rẻ như bèo.

Đến cụ Tiên Điền Nguyễn Du lúc làm quan thì chẳng nói gì. Tới lúc viết Truyện Kiều trút hết tâm sự của mình vào áng văn kiệt tác đó mà ông vẫn còn nói

Tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

Ông nghĩ rằng ba trăm năm sau cũng chẳng có ma nào hiểu tới mình. Các văn nghệ sĩ đều là như vậy. Họ kết thân với nhau thành một bộ tộc, cùng sống lang bạt giang hồ. Chưa tới lúc chết mà Sao Trên Rừng đã trối lại với con cháu

Con ơi nhớ lấy lời nầy
Đời cha mạnh giỏi cũng nhờ rong chơi

Tôi cũng nghĩ rằng mình cũng là membership trong bộ tộc đó, nên cũng đồng ý với nhà thơ Vũ Hoàng Chương là

Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa
Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh

tôi cũng mang cái tật rong chơi quên lối về. Nhà thơ thường tiếp lũ bạn trẻ này trên chiếc chiếu hoa, với ngọn đèn dầu lạc. Đến lúc cháy túi không có tiền xài thì cũng rên lên

Em ơi lửa tắt bình khô rượu
Đời vắng em rồi vui với ai?

Những năm đầu của cuộc chiến thì thân phận của thanh niên lao đao lận đận, trai làm lính gái làm điếm

Ngoài ba mươi tuổi duyên còn hết
Một ván cờ thua ngã bóng chiều
Ai khác đời ai trên bấc lụi
Đây mùa thu sớm lửa dần thiêu

Nhưng dấn thân vào cuộc chiến thì nhà thơ là một chiến sĩ rất dũng cảm. Nhà thơ đã đem thân mạng và sự sống của mình tham dự vào cuộc đấu tranh bất bạo động để tranh thủ hòa bình và chống độc tài từ 1963 cho đến 1977. Anh đã từng bị tù tội nhiều lần trong thời gian đó. Trong bài Bút nở hoa Đàm anh viết:

Ai sẽ là người trong tương lai
một sớm một chiều
Vươn tay hái cành hoa thương yêu
làm bút viết

Chính nhà thơ Vũ Hoàng Chương là người đã hái được cành hoa từ bi đó chứ còn ai nữa. Đó là một hành động bồ tát và công đức vô hạn. Đến hôm chính quyền Việt Cộng phóng thích anh về thì anh chỉ sống với vợ con duy nhất chỉ có một ngày rồi mất. Được tin này thiền sư Nhất Hạnh rất thương cảm viết nên bài thơ. Ông dùng toàn những chữ rất quen thuộc của nhà thơ. Các bạn đọc nào thường đọc thơ của Vũ Hoàng Chương thì sẽ thấy ngay, đó là bài

Đuốc thơ còn cháy trên trang sử người
đêm nay dù đã về ngôi
hồn thơ vẫn thấy luân hồi thế gian

bút hoa ngàn kiếp không tàn
đuốc thơ còn cháy trên trang sử người
có không mù mịt biển khơi
nẻo về đã rạng chân trời thênh thang
tỉnh say vẫn một cung đàn
lửa anh hào đốt cháy tan đêm sầu
thơ lên bay vút bồ câu
triều âm chấn động phương nào chẳng nghe
giấc mơ Hồ Điệp đi về
biển Đông sóng vỗ, kình nghê vẫn còn

tôi còn nhớ những năm tôi mặc đồ lính thi sĩ thường đến nhà tôi chơi. Anh hay trách

"Này, nhà chú mày coi đông con cái như thế nầy mà không có đến một cái bàn thờ tổ tiên ông bà. Cái đó bậy lắm đó nghe".

Tôi quay sang hỏi anh

"Làm sao tụi mình thiết kế cái bàn thờ đó?"

"Đâu, đưa giấy bút đây, tớ viết cho mấy chữ là xong ngay. Cho ta biết họ cha họ mẹ và họ bên vợ coi".

Thi sĩ có lối thủ bút rất ngoạt, rồng bay phượng múa chỉ có vài phút là xong ngay. Anh đưa lên ngắm nghía một hồi rồi nói

"Này nhé, đi làm cái khung rồi để lên bàn thờ mà thắp hương với người ta. Ta báo cho biết là bắt đầu từ bây giờ gia đình chú mày sẽ khác hẳn đó, làm ăn phát tài lên".

"Anh nói cho tôi vững bụng vậy chớ mà mặc đồ lính rồi còn đòi phát tài cái gì nữa".

"Ậy! Chú mày không tin thì thôi, đó là tao chúc chú mày mà, hề hề. Mấy đứa bụi đời ngủ ở lề đường mà tụi nó còn có cái bàn thờ ông bà, còn mình có nhà cửa đàng hoàng mà chẳng biết cái gì cả, cái đó có tội với tổ tiên đó nghe chưa?"

"Đâu cái bàn thờ ông bà của dân bụi đời ra sao anh?"

"Thì đấy, nó xâm hàng chữ trên tay đó: thương quê hương nhớ mẹ hiền, bởi vì bọn họ không bao giờ có nhà để trở về. Nhưng nó vẫn nhớ về huyết thống tổ tiên như vậy hàng chữ đó là cái bàn thờ ông bà của họ đó chứ còn gì nữa. Cái bàn thờ này đến chết họ vẫn còn mang theo đó chú mày ơi".

Cũng nhờ thi sĩ họ Vũ mà tôi mới có cái bàn thờ ông bà tổ tiên. Đến nay sống ở nước ngoài lũ con tôi nó vẫn mang theo cái bài vị của bàn thờ ông bà qua đây mặc dầu cái nền màu đỏ của tờ giấy đó đã trắng bệch ra rồi. Sau nầy thì còn tiến bộ hơn là trên cao còn có bàn thờ Phật nữa.

Nam Mô
Nguyễn
Ơn Trần Nguyễn
Tổ Võ Trần
Đức Tam Võ
Lưu Nguyên Tiếp
Truyền Tổ Nối
Vạn Đức Muôn
Đại Thu
Chứng Minh

Người Việt Nam chúng ta lúc nào cũng có cái bàn thờ ông bà ở trong mỗi gia đình. Đến ngày rằm tháng Bảy họ thường hay trưng dọn hoa quả trà nước để cúng kính ông bà. Họ cho đó là một ngày rất hạnh phúc, vì họ nghĩ rằng ông bà nay về đoàn tụ với họ vui vẻ trong ngày lễ Trung nguyên đó. Ông bà cũng chứng minh sự hưng thịnh của gia đình họ ngày hôm nay. Cũng trong dịp này họ còn nghĩ đến những cô hồn tháng Bảy. Đó là những con ma đói không nhà cửa để trở về. Họ thiết lập một cái bàn thờ nữa để ở trước nhà bày ra nhiều thức ăn thức uống để cúng cô hồn. Người ta thường gọi là cúng thí thực. Họ nghĩ là những con ma đói thiếu tình thương của gia đình thân thuộc, nó đói cả sự hiểu biết và đức tin. Tội nghiệp cho bọn nó cả đời cho đến khi nhắm mắt nó chả nhận được một thứ tình thương nào cả. Theo trong kinh Phật thì thứ ma này nó có cái bụng rất lớn nhưng cái cổ họng lại nhỏ xíu thôi. Nên nó khó bề mà tiếp nhận thực phẩm, nước uống do tình thương của muôn người cung cấp cho nó, bởi vì loại ma này đầu óc nó hạn hẹp lắm, sở dĩ cái cổ họng nó nhỏ xíu lại là vì nó hoài nghi, nó hay ngờ vực hết mọi người chẳng tin vào ai cả. Nó hay lý luận độc đoán chỉ một chiều thôi. Thế cho nên ở xã hội chúng ta hằng ngày sản xuất ra hàng nghìn con ma đói này. Nhất là cái xã hội kỹ nghệ hóa và cá nhân chủ nghĩa như bây giờ. Chúng ta chịu khó nhìn sâu một chút chúng ta sẽ thấy và hiểu được nó ngay. Biết vậy chúng ta không nên oán trách nó mà phải thương sót nó nữa là khác. Bởi vì nó cũng bị kẹt không thể thoát ra được đành chịu chết dí ra như thân xác con chuột con sóc đang nằm ngửa trên xa lộ. Trong lễ cúng thí thực cho cô hồn người ta có đọc một bài chú, người ta nói là để cho cái cổ họng của cô hồn được mở toác ra tiếp nhận thực phẩm và tình thương và để giải phóng cho nó được hiểu biết nhẹ nhàng trở về với gia đình và xã hội. Sở dĩ chúng ta có được một đời sống an lành và hạnh phúc là vì chúng ta có gia đình có xã hội có cộng đồng. Chúng ta có dòng máu và tinh thần của tổ tiên ông bà. Chúng ta là những đứa con hiếu thảo của cha mẹ nên chúng ta hiểu biết được tổ tiên ông bà. Còn ngược lại thì chúng ta không tìm thấy sự bình yên không tìm thấy sự tin tưởng trong chúng ta, như vậy là chúng ta thành cô hồn, thành những con ma đói, đói cả truyền thống văn hóa đói cả sự tin cậy vào cuộc đời. Những con ma đói còn có được tháng Bảy để trở về còn chúng ta có khi còn đi đứt luôn.

CÔNG VIÊN NÚI LỬA LASSEN - BẮC CALI

NGÔ THANH TÙNG

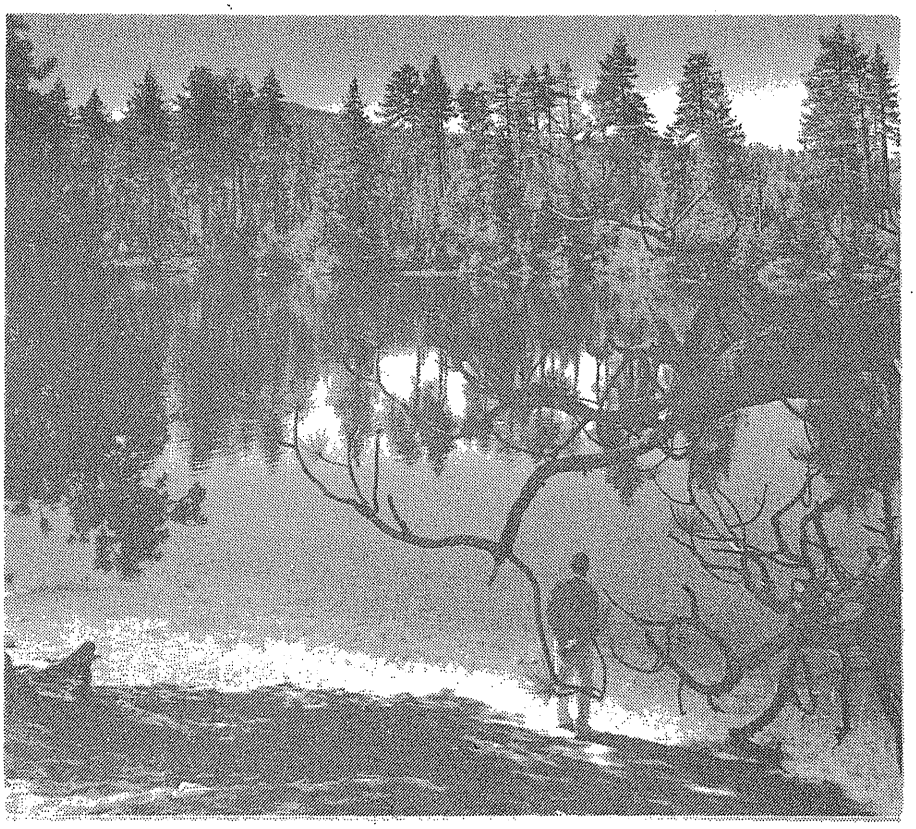

Hỏa diệm sơn *Lassen* (tên xưa của người Da Đỏ là *Mount Tehama*) phun một trận lửa dữ dội năm 1915, và tiếp tục nhả khói mãi đến 1921 mới dứt. Đỉnh lửa được mệnh danh là *Lassen Peak* chỉ còn cao có *10.457 bộ*, sau khi vẹt mất một mảng trong cơn thịnh nộ. Tuy vậy, không đỉnh núi nào của Cali, kể cả đỉnh *Whitney*, trông hùng dũng pha chút ghê rợn, bằng Lassen Peak. Chóp núi Lassen là một khối đá nhọn, đen bóng, góc cạnh lởm chởm. những khía đá, góc đá, sắc như những lưỡi búa, vốn đã bóng loáng như những mảng than đá, thỉnh thoảng lại được sương mù phả vào, rịn rịn ướt, khiến những khía đá, góc đá kia càng thêm lấp la lấp lánh một cách rợn người. Mây và sương mù, thường như một tấm màn the, phủ lấy chóp núi Lassen một cách thần kỳ. Thân núi đen bóng, khi ẩn, khi hiện qua màn sương, gieo vào lòng khách du một cảm giác đe dọa, bí hiểm, âm u.

Toàn thể công viên *Lassen* rộng *106,934 dặm vuơng*. Địa thế cực kỳ đối chọi: các đỉnh núi trong vùng đều chơ vơ, trọc lóc, đen xạm. Chân núi trơ trụi, không một bụi cỏ, không một chòm cây. Đây đó, lốm đốm vài lõm rừng cây khô. Đá tảng, đá cuội, đủ cỡ, đủ hình thể, phủ đầy chân núi. Dường như dấu vết trận phún thạch ngày xưa vẫn còn đâu đây. Nhưng thung lũng dưới kia thì cây cối xinh tươi, không có vẻ gì là nằm cạnh chân núi lửa cả. Sự đối chọi càng rõ rệt, nếu bạn leo lên lưng chừng núi nhìn xuống: nhiều vùng toàn đá tảng, không một ngọn cỏ, chen vào những rừng cây hoàn diệp liễu (Aspen) tươi tốt. Thêm một giang sơn cho giới lội bộ đeo túi ngủ (càng ngày càng vắng bóng). Công viên hỏa diệm sơn Lassen cống hiến trên 150 dặm đường mòn, nối: các bãi đậu xe, bãi cỏ, sườn non, đỉnh núi, hồ nước, thác nước, sông, suối nước nóng, và các bãi bùn nghi ngút khói lưu hoàng, bốc lên từ lòng đất, qua các đường nẻ.

Vào công viên bằng xa lộ 44 E., tọa lạc gần thị trấn Redding, cách

San Francisco chừng bốn giờ lái xe về hướng đông bắc. Lấy xa lộ I-5, rồi 44 E., đừng quên ghé trung tâm du lịch *Visitor Center* lấy tài liệu, ngay cửa công viên. Hồ *Manzanita* viền bằng cỏ thụ và hàng cây bạch dương (poplar), mùa thu trổ lá vàng rực. Hồ nằm ngay cửa vào công viên. Từ bờ hồ, có thể ngắm đỉnh Lassen Peak in trên mặt nước. Cạnh hồ có suối lớn, nhiều cỏ thụ, đá tảng, suối lớn, và bãi cắm trại ở phía đông. Bạn đang đi trên đường độc đạo trong công viên, với cái tên *Park Road*. Bạn theo con đường này, lái quanh co qua nhiều chân núi, thung lũng, và những thắng cảnh với những tên: Loạn Thạch Trận *Chaos Jumbles*, Ác Sơn *Chaos Crags*, với đường mòn Ác Sơn *Chaos Crags Trail* dẫn đến lòng chảo Ác Sơn *Crags Crater* và Hiểm Ác Hồ *Crags Lake*. Năm dặm nữa là đến Nhiệt Thạch *Hot Rock*, một tảng đá lớn, nằm trên đường suối lửa năm 1915. Kế đó là Vùng Tàn Phá *Devastated Area*, một bãi đá, đến nay vẫn chưa có ngọn cỏ mọc, chỉ toàn đá là đá, nằm sô bồ như một loạn thạch trận của nhân vật Kim Dung là Hoàng Dược Sư. Nếu bạn theo bảng chỉ đường, men theo đường mòn, lội bộ xuống Hố Liềm *Crescent Crater*, bạn sẽ được ngắm Lassen Peak từ một góc độ khác.

Một đường mòn trong khu này sẽ đưa bạn đến chân núi Đỉnh Bồ Cào *Raker Peak*, nơi có lối đi lên đỉnh núi, dành cho du khách thừa năng lượng, cần tiêu mỡ bụng.

Trở về đường xe hơi, tiếp tục hành trình, bạn sẽ đến điểm cao nhất của xa lộ trong công viên: *8,512 bộ*, ngay chân *Lassen Peak*. Xin đọc kỹ bảng chỉ dẫn, bạn sẽ thấy một đường cọc sắt, có giăng dây dọc một con dốc đứng, để du khách vịn tay, dẫn thẳng lên miệng núi lửa: đỉnh lý thú nhất của cuộc hành trình khứ hồi bốn tiếng đồng hồ. (Không leo lên đỉnh Lassen Peak là chưa biết gì về hỏa diệm sơn cả). Từ đỉnh Lassen, bạn có thể nhìn các hồ nước trong vùng, thấy cả núi Shasta, cách đó 75 dặm.

Bạn sẽ lần lượt viếng những thắng tích sau đây. Bãi Suối Vua *Kings Creek Meadows*, từ đó, lội bộ thêm một dặm, bạn sẽ đến Thác Suối Vua *Kings Creek Falls*. Tại đây, chuẩn bị chụp hoa dại, nếu bạn viếng nơi đây vào mùa Xuân. *Bumpass Hell* là tọa lạc một địa thế, từ đó nhìn được các tảng băng chưa tan trên sườn núi. Hồ *Crumbaugh Lake, Emerald Lake* nằm trong một vùng hoa cỏ tốt tươi, đối chọi với những quả núi trơ trọi quanh vùng. Thung lũng *Little Hot Springs Valley* là địa thế thấp, từ đó có thể nhìn thấy những đỉnh: *Pilot Pinnacle, Brokeoff Mountain* và *Diamond Peak*. Rán lội bộ trên đường mòn *Brokeoff Mountain Trail*, một con đường lý thú, dẫn bạn qua những địa thế, từ đó có thể nhìn thấy các đỉnh núi đen xám hiểm ác. Ngắm đỉnh *Lassen* từ nhiều hướng là một cái thú hiếm có, là cao điểm của chuyến du lãm này.

Nếu bạn chịu lội bộ vào vùng đông bắc bằng đường mòn, bạn sẽ thăm khu cắm trại *Butte Lake*, tên một hồ nước, cạnh đó, bạn hạ trại qua đêm. Từ đó, bạn sẽ nhìn thấy Núi Tro *Cinder Cone*, cao 700 bộ. Bạn sẽ thấy hai ảnh trường lý thú: đường mòn Núi Tro: *Cinder Cone Trail*, và đường mòn Di Dân *Emigrant Trai*. Đi về hướng tây của đường mòn Di Dân (*Emigrant Trail*), bạn sẽ chụp ảnh Núi Vẽ *Painted Dunes*, một danh thắng sặc sỡ nhiều màu sắc: đỏ, xám, vàng, cam, nâu. Từ đó, đi về phía nam, bạn sẽ qua hồ *Snag Lake*, qua khu nhà gỗ nằm trên bãi *Cameron Meadow*, cách đó không xa, là hồ *Juniper Lake*, nơi có phong cảnh đẹp nhất vùng bắc công viên, nhìn về hướng núi *Harkness*. Nếu bạn trở ra, lái xe trên đường ra phía nam, bạn sẽ đi trên đường Bếp Quỷ *Devil's Kitchen Trail*, lái qua một khu đất nẻ đầy hơi nước bỏng và khói lưu hoàng từ trong núi lửa thoát ra nghi ngút. Xin bạn lái xe cẩn thận trong khu vực này.

So *Lassen* với hai công viên quốc gia *Yosemite* và *Sequoia-Kings Canyon* của Cali, là những công viên lấy núi làm trọng điểm, tôi cho Lassen đứng *thứ nhì*, sau Yosemite, *về cảnh: Thứ nhất* về *vắng vẻ* dễ chịu. Về phẩm chất các *đường mòn* (150 dặm trail) cho khách lội bộ đeo túi ngủ, Lassen đáng được ngôi vị *hạng nhì* sau Sequoia-Kings Canyon (là nơi có đến 1,000 dặm Muir Trail) và dĩ nhiên, dẫn đến những phong cảnh hấp dẫn hơn các đường mòn của Yosemite. Trở lại yếu tố vắng vẻ, không rõ tình trạng này kéo dài bao lâu, với đà gia tăng dân số của Cali (600,000 mỗi năm không kể vài trăm ngàn dân Mễ vào chui). So với Yosemite (3,9 triệu du khách năm 1993) tôi chọn Lassen vì, thứ nhất, như vừa trình bày, thăm nơi vắng người vẫn thích thú hơn vào chỗ đông đúc. Sợ nhất nạn kẹt xe. Thứ hai, Yosemite có hai đỉnh cao sơn dành riêng cho các tay leo núi chuyên nghiệp: El Capital, và Half Dome. Hạng tay mơ như bạn và tôi, đừng mong leo lên đó. Tại Lassen, có cọc sắt dẫn lối, một du khách sức khỏe thường, cũng leo lên đỉnh Lassen Peak được. Thứ ba, các hồ nước tại Lassen đẹp hơn các hồ ở Yosemite, nhờ ít cây, mặt hồ phản chiếu các đỉnh núi tuyết phủ quanh năm trong vùng, cống hiến những ảnh trường lý thú. Một số du khách thường phàn nàn, lên chơi Lassen, phải mang đầy đủ thực phẩm, nước uống, lều vải, và các vật dụng cắm trại cho đầy đủ. Vì quá vắng khách, công viên này không có hàng quán, chợ nhỏ nào trong vùng cung cấp các vật dụng, thực phẩm như tại thung lũng Yosemite.

Địa chỉ cơ quan quản trị công viên Lassen: Lassen Volcanic National Park, PO Box 100, Mineral CA 96063. Điện thoại (916) 595-4444. ■

NHÀ XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH THẾ KỶ

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 □ (714) 894-9021 . FAX (714) 894-2752

THƯ MỤC

SỐ	TỰA *(Tác giả)*	GIÁ
9401	Nửa Đời Nhìn Lại (truyện, *Tiêu Dao Bảo Cự*)	$14.00
9402	Thơ Bùi Giáng (thơ, *Bùi Giáng*)	$8.00
9403	Hà Nội Trong Mắt Tôi (ký, *Phạm Xuân Đài*)	$10.00
9301	Vườn Dâu Xanh (nhạc, *Trần Đình Quân*)	$10.00
9302	Sử Xanh Lưu Truyền (sưu tầm, *Quý Linh*)	$19.00
9303	Thông Đưa Tiếng Kệ (truyện, *Túy Hồng*)	$12.00
9304	Bạn Gái Nhỏ To (ký, *Bùi Bích Hà*)	$14.00
9305	Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết (ký, *Xuân Vũ*)	$11.00
9306	Chuyện Bé Kim I (truyện, *Từ Nguyên*)	$7.00
9307	Chuyện Bé Kim II (truyện, *Từ Nguyên*)	$7.00
9308	Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin (biên khảo, *Trần Văn Ngô*)	$12.00
9309	Ký Giả Chuyên Nghiệp (*Lê Thái Bằng & Lê Đình Điểu* dịch)	$19.50
9310	Hành Trình Về Phương Đông (ký, *Nguyên Phong*)	$10.00
9311	Mùa Hè Năm 1999 (Tuyển tập)	$6.50
9312	Từ Một Giấc Mơ (Tuyển tập)	$12.00
9313	Thơ Trần Mộng Tú (thơ, *Trần Mộng Tú*)	$9.00
9314	Thương Nàng Bấy Nhiêu (truyện, *Kiệt Tấn*)	$12.00
9315	Bút Ký Irina I (ký, *Irina Zisman*)	$10.00
9316	Liêu Trai Chí Dị I (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9317	Liêu Trai Chí Dị II (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9318	Liêu Trai Chí Dị III (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9319	Những Ngày Muốn Quên (ký, *Đoàn Thêm*)	$18.00
9320	War & Exile (East Coast VN *PEN*)	$12.00
9321	Duy Văn Sử Quan (biên khảo, *Hoàng Văn Chí*)	$12.00
9322	Trường Ca Lời Mẹ Ru (thơ, *Trương Anh Thụy*)	$12.00
9323	Trạm Nghỉ Chân (truyện, *Trương Anh Thụy*)	$10.00
9324	Con Đường Cải Tạo (ký, *Dương Tử*)	$10.00
9325	Lớp Sóng Phế Hưng (truyện, *Hồ Trường An*)	$7.00
9326	Một Đêm Thứ Bẩy (truyện, *Mai Thảo*)	$8.00
9327	Mồ Hôi Của Đá (truyện, *Nhật Tiến*)	$8.00
9328	Giai Thoại Hồng (ký, *Hồ Trường An*)	$14.00
9329	Đêm Rồi Cũng Đi Qua (truyện, *Nguyễn Thị Ngọc Nhung*)	$8.00
9330	Phật Giáo Hòa Hảo (biên khảo, *Nguyễn Long Thành Nam*)	$25.00
9331	Miền Đất Hứa (truyện, *Trà Lũ*)	$10.00
9332	Hai Mươi Năm Thăng Trầm (ký, *Đinh Văn Ngọc*)	$12.00
9333	Những vấn Đề Việt Nam (Tuyển tập)	$22.00
9334	Tuyển tập (luận, *Nguyễn Kiến Giang*)	$10.00
9335	Trong Cõi (ký, *Trần Quốc Vượng*)	$15.00
9336	Đôi Điều Suy Nghĩ Của... (luận, *Hà Sĩ Phu*)	$6.00
9337	Trăng Mật (thơ, *Nghiêu Minh*)	$15.00
9338	Những Bài Không Tên Tiếp Nối (nhạc, *Vũ Thành An*)	$12.00
9339	Tình Khúc Hồi Hương (nhạc, *Phạm Anh Dũng*)	$6.00

THẾ KỶ 21
The 21st Century

NEWS • TECHNOLOGY • ARTS & LETTERS
A source for Vietnamese studies

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION EDITOR
Le Dinh Dieu

EDITOR
Vuong Huu Bot (Do Quy Toan)

MANAGING EDITOR
Nguyen Xuan Hoang

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
Vu Duy Tu

ADVISORS & CONTRIBUTORS
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.

THE KY 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates: inside the US $28.00 a year (bulk rate), $43.00 a year (first class); outside the US: see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to: THE KY 21, PO BOX 2054-H39, WESTMINSTER, CA 92684. Tel (714) 894-9021; Fax (714) 894-2752. All rights reserved.

ISSN 1056-4640

American masochism and the Vietnam War
A letter to the New York Times

By Tôn Thất Thiện

8 June 1994

To The Editor of *The New York Times,*

It is strange, not to say tragic, that Americans continue to masochistically fight the Vietnam War as an *American* civil war. Case in point: the epistolary joust between Mr. Anthony Lewis and former Secretary Henry Kissinger in recent days in *The New York Times*. Both these pundits failed to mention that, in fact, it was an international war, a war waged by the communist bloc against the United States. The two major parties on the communist side were the Soviet Union and China. Vietnam was only a proxy and a junior partner. It could neither really wage a successful war without the approval and support of its senior allies, nor make peace without their prompting and blessing.

Americans are so bent on fighting each other that they forget to find out what went on in the enemy camp. If they had taken the trouble to look up Vietnamese Communist documents, they would discover some rather edifying things.

1) Vietnam was dragged into the cold war not by the Truman administration, but by Ho Chi Minh. The latter went secretly to Peking and Moscow in *the first week of January 1950* to enlist Mao's and Stalin's support. That was one full month before Washington's recognition of the Bao Dai government, and six months before the outbreak of the Korean War. (see *A Drop in the Ocean*, Peking, Foreign Language Press, 1988, the memoirs of Hoang Van Hoan, member of the VCP Politburo until 1976 and ambassador to Peking in 1950).

2) In 1964 Hanoi could not continue the war and had to accept a very unsatisfactory peace settlement because Moscow, and especially Peking forced it to stop. This is very clear from a study of the Geneva Conference archives by a well known French scholar Francois Joyaux (see: *La Chine et le premier règlement du premier conflit d'Indochine*, Paris, Publication de la Sorbonne, 1979, and Hanoi's White Paper on *Thirty Years of Vietnam-Chinese Relations*, Hanoi, Ministry of Foreign Affairs, October 1979).

3) Hanoi began to talk peace in 1968 only after Moscow had decided to ease tensions with Washington, but it had to try to conceal it from Peking, and it had to fight on until 1973 because, as the above mentioned White Paper charged, the Chinese wanted "to fight America to the last Vietnamese".

4) The overriding aim of Hanoi in the Paris peace talk was getting the Americans out, and not getting rid of Thieu. Insisting on Thieu's departure was only a ploy, and Kissinger fell for it. This was made clear by Mai Van Bo, former ambassador and member of the Hanoi delegation at the Paris peace talks in his memoirs (in Vietnamese: *Tan cong ngoai giao va tiep xuc bi mat* - Diplomatic Offensive and Secret Contacts -, Hochiminh City, Nha Xuat Ban Thanh Pho Ho Chi Minh, 1985).

5) Hanoi was not so sure it could win the war until after Watergate. This was clear from a book by Le Duan, a very important book, which has

CAO XUAN TU

A DAY IN PARIS

For Le Dinh Dieu

The August sun floods over the cobblestones
and you, lost among the tourists in threesomes
and foursomes, trudge up Sacré Coeur.
The air is heavy, tropical.
I sidle up to you and sneak a glance.
Beads of sweat smear your orange
makeup. Your clothes are minimal,
your sneakers in tatters,
"American?" I ask. "Yeah," you say,
"Real apple pie. Want some?"
Tongue-tied and happy, I tag along,

We skip the city's eyesores-
the grand musea, the famous stores.
Watching the flotsam on the Seine we share
a baguette, down to our last cent.
You poke my cheek: "Khmer Rouge victim?"
"I'm Mister Sihanouk's twelfth son."
"Hey, you're a real prince!" you chant.
We hurry off at the first rumor of rain.

Six flights up and we're in your pad.
No apple pie, you offer a floor instead
and a mattress. A wind rises,
I hear the old monsoon stir
in our half-drunk glass of wine.
Then the cloud bursts.

In the afterglow you count my ribs.
I smell your hair and dream of muddy fields.
"Where are we?" I ask, trance-like.
"Why, poor prince! This sure is not Phnom Penh."

been totally ignored by the "experts" on Vietnam (because it was in Vietnamese, and few "experts" could really read Vietnamese or bothered to study Vietnamese communist sources?) The book is *Thu Vao Nam* - Letters to the South - Hanoi, Nha Xuat Ban Su That, 1986. In it Le Duan constantly sought to tranquilise his comrades in the South. And Pol Pot has disclosed that Nguyen Van Linh, Hanoi's man in the South, came to him in 1960 to beg for asylum because he and his men could feel safe nowhere in the whole of South Vietnam. (see: Ministère des Affaires étrangères du Kampuchea démocratique, *Livre noir: Faits et preuves d'actes d'agression et d'annexation du Vietnam contre le Kampuchea*, September 1978).

When will American journalists and academics stop being masochist, and start to seek *all* the truth about the Vietnam War, by trying to find out what the communists have to say about it?

Tôn Thất Thiện
formerly Dean of Social Sciences
Van Hanh University, Saigon

ANNOUNCING VIETNAMESE LITERATURE: A BRIEF SURVEY

by Nguyễn Đình-Hoa

Finally a succinct introduction to the beautiful literature of a beautiful country, offering English translations of major writings by classical and modern writers, accompanied by analytic comments as well as the original passages in Vietnamese.

The book is published at San Diego State University, San Diego, California for the Bilingual Education Office, California Department of Education in Sacramento, California.

This elementary text contains within 190 pages a lucid introduction followed by four parts, a bibliography and an index.

Part 1 on Oral literature has two chapters on folk literature.

Part 2 on Ancient literature consists of two chapters on the three dynasties of Lý, Trần and Lê.

Part 3 on Classical literature covers the 18th and 19th centuries in four chapters.

Part 4 on Modern Literature devotes three chapters to the first three decades of the 20th century, the period from 1930 to 1954, and the period from 1954 to 1975, with comments on the post-1975 period.

Dr. Dinh-Hoa Nguyen, a well-known Vietnamese American linguist and lexicographer, is Professor Emeritus of Linguistics and Foreign Languages & Literatures at Southern Illinois University at Carbondale. He has authored several language textbooks and dictionaries, and contributed many articles and essays to learned journals and encyclopedias.

MOON OVER THE RIVER

CAO XUAN TU

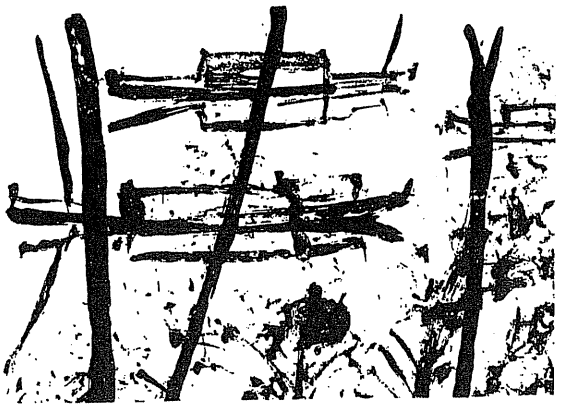

Nearer its mouth the river stretches very wide. On stormy days the banks on the far side blend with the clouds and the sand dunes sink without a trace behind the swell. The wind carries over the pungent taste of salt and fish and seaweed that makes your head ache for days. Keen-eyed boys on the lookout swear they can see the ghosts of drowned fishermen wave to them. Mournful voices drift across the vast expanse of water, keeping the village folk jumpy and making them bleary-eyed and late for their work catching prawn in the river in the morning.

Most nights Tam slept like a log and didn't see or hear such dreadful things. He lived with uncle Phac in a little house by the river. Uncle Phac had adopted him after his parents were caught in a storm and never returned from a fishing trip. Despite this, Tam considered himself a lucky little fellow, however. He didn't have to work in the smelly yards making shrimp paste and fish sauce like most boys of his age and for this he thanked the Lord Bhudda, all the gods down here on earth and up there in heaven, and, most of all, his dear old uncle Phac.

Uncle Phac cut a lonely, rather tragic figure in the village. He'd lost a leg fighting some war or other. The villagers looked up to him as the local hero. He would stomp around the dirt tracks, his faded khaki shirt hung heavy with medals and decorations above a torn pair of shorts that he always wore, night or day. Kids ran amok whenever he poked his red-hot stump at them.

When Tam was about eight uncle Phac sent him to the village school to learn how to read and write. The teacher was a young woman sent down from a district town. After three months she packed up and left. The government had forgotten to pay her, the village secretary said, but rumors had it that some petty party hack had pocketed her salary. And the party hack who had access to the local treasury was none other than the village secretary, that everyone knew.

"Screw the damn thief!" uncle Phac swore at no one in particular, he had one drink too many. There had been a baby boom in the country and the village was no exception to this scourge. Why there were so many boys and so few girls around Tam never knew. So after the teacher departed the village was left with a gang of rowdy, illiterate boys. The secretary decreed any able-bodied males from the age of seven upwards must join the fish sauce cooperative to meet a production quota set by the government.

"No way these jokers will ever get their hands on my darling boy! I've already got plans for you." Uncle Phac gritted his buck teeth when he heard the news. He glared at Tam as if Tam were the real target of his wrath. Then softening his voice, he said, "I'm a hero. H-E-R-O, you hear. You're my son now. That makes you a hero's son! No damn party cadre can expropriate my boy for that stinking project. I'll shoot 'em with this!" Uncle Phac held up his amputated leg with both hands like a machine gun and pointed it in the direction of the tin roof that housed the village committee.

When the day came for Tam to report for work uncle Phac ignored the exhortations from the loudspeaker and kept him at home as he went about preparing for the con-

frontation with the authorities. Uncle Phac unlocked a big trunk shaped like a coffin and fished out a yellowed piece of paper and a medal the size of a child's palm, with ribbons in red and gold, the biggest Tam had ever seen. Casually he stuffed them both in his breast pocket.

"Ho, ho, ho!" uncle Phac roared with laughter. "Those bums ain't seen nothing yet!" He told Tam to crawl under the big bamboo bed and fetch him what he always called the medicine bottle but Tam knew it by the general name of rice wine which uncle Phac secretly distilled himself in an empty shed across the yard. There were always a dozen bottles under that bed at any one time. He took a large swig of the clear liquid and laughed again. "Hee, hee, hee! This stuff is potent enough to fight off the authorities!"

Uncle Phac was still laughing when the village secretary arrived with a band of tough-looking cohorts, each with a gun slung over his shoulder. Their clothes reeked of rotten fish sauce. They must have come straight from the cooperative.

Uncle Phac didn't invite them in. He stood at the doorstep his body slightly bent, his shaggy hair blowing in the wind, and for the first time Tam noticed his uncle's good leg was full of hair, brittle and thick like a pig's.

"Greetings, greetings, my dear comrades!" uncle Phac coaxed softly. "Long time no see. Ha, ha! This certainly is a surprise. To what good fortune do I owe the honour of this visit?" Tam had never heard uncle Phac talk in such a fancy way. He chuckled quietly, watching the scene through the half open door.

The secretary stood in the yard and eyed uncle Phac up and down. He had a long, dark face and square jaws. A horse's face, Tam decided. When the secretary started to speak something metallic from inside his mouth caught the sun and emitted a glittering flash. A horse with gold teeth!

His voice was squeaky when he announced: "In the name of the village committee I demand that you turn your boy over for community service. He's already four hours late for duty."

"Boy? What boy?" Uncle Phac asked sharply.

"Let's not play games. Hand the boy over and we'll forget about this."

"Ah, you want my boy!" uncle Phac sneered.

"You don' know me yet. I reckon. Ever seen these decorations before?"

His voice rose to a shouting pitch. Neighbours began to come out of their thatched huts. To Tam's surprise uncle Phac started to rip the decorations from his shirt, one by one, and waved them before the gathering crowd. "What kind of medal is this? Anybody know?" He spotted a retired soldier, a veteran of many battles, who had been put in charge of the village's water-buffaloes. "Hey, comrade! Sure you recognize this?"

The old soldier was only too happy to comply. He put on a pair of thick glasses and moved closer to have a good look. "That's the Medal for Valour, First Class! Why, you were at Dien Bien Phu! Weren't you a little too young for that?"

"Age has nothing to do with heroes, comrade," uncle Phac coyly said, "Now, what is this? And this? And this..."

Each time uncle Phac waved a medal, the old soldier glued his glasses to it and reeled off an exotic name, extolling merits and achievements from some bygone wars. And each time he yelped, "Long live comrade Phac!" The crowd thoroughly enjoyed the show and roared their approval. Life was always a bore in the little sleepy village and entertainment of this kind was rare.

But the secretary didn't seem to enjoy the fun. He stepped in between uncle Phac and the old soldier, his two cohorts at his sides, both looking rather menacing.

"Better stop this now," the secretary said sternly, "Step aside, comrade. Let us come in or else we'll use force." The cohorts curled their fingers around the gun barrels, their eyes glinting fire, ready for the assault. The crowd had fallen silent.

Behind the door Tam cringed; he was so terrified that he wet his pants, the warm liquid trickling down to his bare feet. Tam wanted to run and hide himself under the bed but his legs wouldn't move.

"O-ver- my- dead- bo-dy!" Uncle Phac, spat out the words and thrust his stump at the secretary. The crowd gasped at this ultimate defiance. They smelled blood and scattered in all directions. All apart from the old soldier. He moved over and put his arm around uncle Phac and said quietly, "Now you'll have another body at your side!"

"I thank you most warmly, comrade soldier." Uncle Phac said brightly then breathed a heavy sigh, "Why they made a buffalo herder out of you, I'll never know. Just bear with me for a few minutes more and it's all over... for them." He took out the yellowed piece of paper and the big medal with fancy ribbons he had retrieved earlier from the trunk, "Now comrade soldier, kindly tell comrade secretary what kind of a medal is this?"

The old soldier glued his thick spectacles to the rusty-looking coin, then inspected it with his stubby fingers.

Suddenly he looked up and cried, "Aha! This is the Order of the Big Dragon, Top Class! The highest decoration in the land! They only give them to big ministers and field marshalls."

The secretary was shocked hearing this. He tried to snatch the medal from the old soldier's hand but one-legged uncle Phac got to it first.

"This is a very rare decoration, comrade. Worth a treasure" uncle Phac said drily. "I've pledged it to the National Museum. It belongs to the people. After I die, that is. Now I want you to read this." He gave the piece of paper to the secretary who in turn gave it to one of his gun-toting cohorts without reading it. Behind the door Tam couldn't suppress a little giggle. The secretary was obviously an illiterate dumdhead!

The cohort put down his gun and held the paper against the sun and began to recite like a schoolboy. "Democratic Republic of etc... etc...the year of etc... etc... alinea. As a reward to General etc... etc ... for his leadership and contribution to the nation's many struggles etc... etc... The Party and Government of the etc... etc... has decided as from etc... etc... that General etc... etc... and his immediate family will be exempt from communal services etc... etc... alinea. The children of General etc... etc... will be entitled to attend colleges and universities etc... etc..."

The secretary cut him short before he could finish the little speech. Afterwards there were apologies and salutes. All was forgiven and forgotten and being a true proletarian. Uncle Phac invited everyone inside and they all started to hit more than one bottle of the clear liquid. Uncle Phac insisted that Tam join in the drinking which made him ever so sick and miserable. Tam passed out in no time at all.

When Tam woke up it was night. He went to the hedge to meet nature's call. The little house and the little yard and the big river beyond it were streaming with moonshine. Uncle Phac sat on a chair facing the water. Tam was still a little sick but uncle Phac didn't seem to have suffered much from the atrocious rice wine.

"Ah, you're still alive, you little devil!" Uncle Phac beckoned to him across the clumps of tall grass. "How you feelin', boy?"

"There's a big rock in my head, uncle. It must weigh a ton."

"Ha, ha! I've got a small rock myself. There's a first time for everything. Booze, love, dope... Everything except death. First and last. Go fetch your uncle the medicine bottle. That'll make my rock go away again."

As uncle Phac took time to cure his hangover from the bottle Tam squatted on the grass and gazed at the droplets of moon bouncing across the tips of the tiny waves. The breeze from across the river soothed his hot face and he felt the rock in his head slowly turning into pebbles then into grains of sand drifting away while the million cells and myriad nerves that filled the hollows of his skull somehow buzzed alive and clicked again, switching back on what he understood to be the normal thinking process.

Grinning broadly he looked up at uncle Phac and asked, "Tell me uncle, were you really a general?"

Uncle Phac didn't give a direct answer. "You didn't really believe it, did you?" he chuckled. "Doesn't matter a damn bit, son. Not one bit."

"What about that big decoration?" Tam persisted.

"Ah, that too. I told you it doesn't matter. Life's too short for anything to matter. It's just a big... farce!" Uncle Phac burst out laughing and kept laughing until his body jerked and his eyes brimmed with tears. When he finally calmed down he cleared his throat and in his croaky, slurring voice sang a song Tam had never heard before:

Warm moon of my youth
Sprays gold an the river
Love melts in your beams
Gone, gone forever...
Raw, row with the tide
Back to your loved ones
To your ancestors' tombs.,.
And leave me all alone
Exiled in my own bone
Drowned in a pool of wine
Drunk, till doomsday comes...

The song was so sad that Tam felt like crying. But he liked it and was about to ask to hear it again when uncle Phac suddenly grabbed his wooden crutch and stood up. He squeezed his bloodshot eyes and glanced up and down the river.

"See anything coming, son?" he asked. "I'm expecting a visitor."

Tam scanned the waters, long and wide and awash with moonshine, so white that his field of vision was blurred out and soaked in the milky void that was all and nothing.

"I see nothing, uncle," Tam said.

"Look out for a boat, son."

Tam blinked then screwed up his eyes, trying desperately to blot out the hallucinating whiteness, At last he could make out a tiny dot moving over from midstream; it grew and grew until it took the shape of a little basket.

"There's a boat all right! A basket boat!" Tam shouted with joy. "Someone's waving to us!"

"That's my partner, son," uncle Phac mumbled, nodding knowingly. He cupped both hands around his mouth and blew out a strange sound, like the hooting of an owl which was

soon echoed back on a higher note from the basket boat. This is getting interesting, Tam thought, grinning to himself as his excitement mounted.

They looked on as a man wearing a pith-helmet climbed out of the basket boat and tied it to the landing. It was the same old soldier, the water-buffalo herder who had stood up for uncle Phac in the showdown with the authorities earlier on in the day.

Uncle Phac greeted the old soldier with a playful slap on the back. "Quite a day, comrade!" he chuckled.

"Yeah, yeah," said the old soldier, "It was some show we put on together. Let's get to work."

"Got enough bottles? Plenty of corks?"

"Plenty of both, mate."

At uncle Phac's order Tam helped the old soldier haul two jute bags full of bottles out of the boat. They dragged them across the yard, making noisy clinking sounds as Uncle Phac led the way to the little shed. It was the first time Tam was allowed inside. The interior was dark but the smell was overwhelmingly sweet and intoxicating which made his head sway a little. Uncle Phac struck a match and lit the hurricane lamp. The yellow light cast gloomy shadows over two big vats each with a straw mat on top. Uncle Phac siphooned the liquid through a rubber tube he must have salvaged from some ancient bicycle tyre, into a green bottle which the old soldier held at the ready. Tam's Job was to stopper it with a cork which he did with the help of a little wooden hammer. The little factory line operated at full speed and before long the vats ran dry and the three of them sat on the earthen floor and waited until the red wax in the tin pot melted over the fire. Ever carefully they applied the corks into the molten wax which gave them a gleaming look and the bottles a real touch of class.

By the time the old soldier had his goods safely hoarded away in the hollows of his boat and rowed off, having paid uncle Phac a handsome bundle of money, the moon had sunk a distance and strands of mist were floating in the space between the sky and the river.

"Let's go inside, partner, it's getting cold," uncle Phac said affectionately. He put an arm around Tam as they turned their backs to the river and walked toward the house and called it a night.

For the rest of his life Tam would never forget the day uncle Phac saved him from the fish sauce work-gang and the night uncle Phac, made him a conspirator in the bootlegging operation.

THẾ KỶ 21

P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ **06 số / Issues (US$17.10)** ☐ **12 số / Issues (US$32.40)** ☐ **24 số / Issues (US$61.20)**

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- **Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.**
- **Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.**
- **Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.**

Bạn, muốn hàn gắn những vết thương nhân loại, hãy đến với

DÒNG TRUYỀN GIÁO NGÔI LỜI

Các linh mục và tu sĩ Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện đang phục vụ tại hơn 59 quốc gia, trong nhiều lãnh vực như giáo dục, kỹ nghệ, y tế, canh nông..... đặc biệt tại những đệ tam quốc gia hay những nơi còn chậm tiến.

Là một tập thể Công Giáo gồm 5,700 thành viên thuộc nhiều sắc tộc trên thế giới, Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện có 2 cơ sở trên toàn nước Mỹ, cung cấp các chương trình tìm hiểu và giáo dục, đào tạo các linh mục và tu sĩ cho cánh đồng truyền giáo:

* Divine Word College Seminary ở Epworth, Iowa là một đại chủng viện với chương trình học 4 năm giúp việc huấn luyện các chủng sinh trở thành những nhà truyền giáo trong tương lai.

* Associate Program là chương trình một năm dành cho những thỉnh sinh đã tốt nghiệp đại học, tới tìm hiểu Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời.

Để biết rõ hơn về Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, bạn hãy liên lạc với:

Rev. Giuse Đặng Xuân Oánh, SVD
Divine Word Missionaries
P.O. Box 380
Epworth, Iowa 52045-0380
TEL: 1-800-553-3321

SÁCH MỚI !!!

Nhà xuất Bản TÂN VĂN / MEKONG CENTER xin hân hạnh giới thiệu cùng qúy độc giả:

1- NGỤ NGÔN LA FONTAINE.

Tập I và II (tổng cộng gần 400 trang), giá 10 MK mỗi tập.

a- Bản gốc tiếng Pháp.
b- Dịch văn xuôi (Việt) bởi Đỗ Khắc Siêm.
c- Chuyển văn vần bởi Hà Khắc Nguyện.
d- Tranh hí họa bởi Vũ Mai Thảo.
đ- Dịch văn xuôi (Anh) bởi Đỗ Khắc Siêm.

2- TỰ ĐIỂN GIẢI NGHĨA ĐIỆN TOÁN.

1.200 thuật ngữ, trên 350 trang, giá 20 MK.

Do Lê Thiệu Lương biên soạn và Đỗ Thông Minh hiệu đính đối dịch.

a- Tra hỗ tương (cross reference).
b- Đối chiếu Anh-Pháp-Đức-Việt.
c- Tra 4 chiều Anh, Pháp, Đức, Việt.

3- HỒI KÝ MỘT ĐỜI NGƯỜI, Tập I.

460 trang với nhiều hình ảnh, giá 25 MK.

Của cụ Phạm Ngọc Lũy, là cựu Thuyền Trưởng tầu Trường Xuân, nguyên Chủ Tịch Ủy Ban Yểm Trợ Kháng Chiến Trung Ương.

a- Quê xưa.
b- Nạn đói Ất Dậu với 32 hình ảnh.
c- Chuyến tỵ nạn bằng tầu Trường Xuân.
d- Đấu tranh cho tự do...

4- HỒI KÝ MỘT ĐỜI NGƯỜI, Tập II.

500 trang với nhiều hình ảnh, giá 25 MK.

a- Sự rạn vỡ của Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam.
b- Những ngày gay cấn ở thượng tầng.
c- Tranh chấp tại tòa báo Kháng Chiến.
d- Phỏng vấn đặc biệt các ông Phạm Văn Liễu, Trần Văn Sơn, Huỳnh Lương Thiện, Đỗ Thông Minh...
đ- Dư luận về Mặt Trận.
e- Nỗ lực kết hợp mới.
g- Dựng lại từ đường, làng xã...

5- PHIÊN DỊCH SÁCH BÁO ANH-VIỆT.

Độ 500 trang, giá 20 MK.

Do giáo sư Nguyễn Văn Tạo biên soạn, Lữ Tuấn và Đỗ Khắc Siêm hiệu đính, Đỗ Thông Minh bổ xung 2.000 thuật ngữ điện tử và điện toán. Ấn bản mới đáp ứng nhu cầu thời đại, lần đầu tiên được phát hành.

6- SUPER-MINI DICTIONARY, 1.006 CHỮ HÁN.

380 trang, khổ thường & bỏ túi, giá 25 MK.

Do Đỗ Thông Minh và 10 thân hữu biên soạn dòng dã trong 8 năm, riêng phần đánh máy và trình bầy đa ngôn ngữ mất hơn 2 năm. Rất hữu dụng cho bất cứ ai muốn học chữ Nhật hoặc Hán... Cuốn sách đầu tiên loại này nên đã được giới truyền thông Nhật Bản đặc biệt chú ý và nhiệt liệt giới thiệu.

a- Ấn bản tiếng Anh.
b- Đối chiếu từng chữ Hán bằng 5 thứ tiếng Nhật-Anh-Hoa-Việt-Hàn.
c- Tra 5 chiều Nhật-Anh-Hoa-Việt-Hàn.
d- Tra theo năm học, âm Nhật, bộ, nét.

● Sẽ ra ấn bản tiếng Việt trong năm 1995, ra tiếp cuốn 2 (1945 chữ Hán) và cuốn 3 (2229 chữ Hán với đầy đủ giải tự) trong tương lai gần.

7- TỰ ĐIỂN TIN HỌC TỔNG HỢP ANH-VIỆT.

Đối chiếu 30.000 thuật ngữ Điện Khí, Điện Tử, Điện Toán & Điện Thông.

Độ 600 trang, giá 30 MK.

Do Đỗ Thông Minh biên soạn. Là cuốn tự điển đầy đủ và công phu nhất từ trước tới nay, gồm cả các thuật ngữ mới năm 1994.

SẼ PHÁT HÀNH:

8- TỰ ĐIỂN TIN HỌC TỔNG HỢP VIỆT-ANH.

Đối chiếu 35.000 thuật ngữ Điện Khí, Điện Tử, Điện Toán & Điện Thông.

Dự trù ra năm 1995, 700 trang, giá 35 MK.

Do ĐỗThông Minh biên soạn. Là cuốn tự điển đầu tiên thuộc loại này.

9- TÂN TỰ ĐIỂN NHẬT-VIỆT.

70.000 từ, khoảng 2.000 trang.

Dự trù ra năm 1995.

Do Đỗ Thông Minh chủ biên, là cuốn sách vượt trội tất cả những sách hiện có.

a- Đầy đủ các từ thông dung, khoa học, kinh tế, nông nghiệp...
b- Đầy đủ âm Nhật và âm Hán-Việt.
c- Giải nghĩa tường tận với thí dụ.

● Sẽ ra cuốn Việt-Nhật khoảng năm 1996.

Liên lạc biên soạn: Đỗ Thông Minh, điện thoại & điện thư: 81-3-5742-2168.
〒140 Tokyo-To, Shinagawa-Ku, Oi 1-11-4, Ogawaya Bldg. 2F, JAPAN.
Liên lạc phát hành: Trần Kim Xuyến, điện thoại: 408-243-9390.
2654 Bonnie Drive, Santa Clara, CA 95051, USA.

MỘT SỐ THUẬT NGỮ THÔNG DỤNG

ĐỖ THÔNG MINH

LTS.- Khởi đăng trên Thế Kỷ 21 từ số 62 (tháng Sáu 1994), loạt bài này sẽ còn đi nhiều kỳ, và trong khi đăng, tác giả và Toà Soạn đón nhận mọi góp ý để tìm ra những cách phiên dịch hoặc chuyển ý được nhiều người chấp nhận nhất.

microelectric circuit mạch điện vi tế, mạch điện cực vi
alphanumeric (*Alphabet+numeral*) chữ-số, xếp thứ tự chữ số
source program chương trình nguyên thủy
object program chương trình đối tượng, chương trình mục đích
object code mã đối tượng
program code mã chương trình
reader máy đọc
tape reader máy đọc băng
run chạy máy (điện toán), vận toán [ĐL]
thermostat hàn thử biểu, nhiệt độ kế
telecommunication media phương tiện truyền thông, phương tiện viễn thông
binary number system hệ (thống) số nhị phân
channel băng tần, kênh, tín đạo, ba đạo
line (đường) dây, tuyến
cable dây cáp, (đường) dây lớn
path chi tuyến [ĐL]
port thông tuyến [ĐL]
telephone twisted pairs dây điện thoại xoắn đôi
repeater máy trung kế
microware relay system hệ thống tiếp vận vi-ba
co-axial cable dây cáp ống đồng thin
wire cable dây cáp ống đồng mảnh
insulation sự cách điện
insulate (v) cách ly
antenna dây trời, anten, thiên tuyến [ĐL]
in line-of-sight thẳng hàng
wave length độ dài sóng, ba trường [ĐL]
voice channel băng tần âm thanh
communication satellite vệ tinh thông tin, vệ tinh truyền thông
optical fiber sợi quang học = **light pipe** = **light guide glass fiber** sợi thủy tinh, sợi thạch anh
plastic fiber sợi nhựa dẻo
flow dòng, luồng; giao thông; thủy lưu
discrete cách biệt
discontinuous gián đoạn, không liên tục
analog telephone line dây điện thoại tương tự, dây điện thoại liên biến
digital telephone line dây điện thoại số tự, dây điện thoại đoạn biến
digital data dữ kiện số tự
digital information tin tức số tự
main memory of stogare bộ nhớ chính của bộ trữ
origin nơi gởi (dữ kiện)
exchange key khoá biến hoán
change đổi, biến hoán
modulation biến đổi
demodulation giải biến (đổi)
modem (*Modulation + Demodulation*) bộ biến (điều)-hoàn (điều), máy biến (đổi)-giải (biến)
work-station trạm làm việc (hệ thống máy vi điện toán đa năng)
host-computer máy điện toán chủ, máy điện toán trung ương
OA (*Office Automation*) Tự Động Hóa Văn Phòng
HA (*Home Automation*) Tự Động Hóa Căn Nhà
PostScript (loại ngôn ngữ mô tả trang)
PostScript printer máy in PostScript
PDL (*Page Decrition Language*) Ngôn Ngữ Ký Thuật Trang
BASIC (*Beginner's All pusope Symbolic Instruction Code*) Ngôn Ngữ Chương Trình Hội Thoại (Cho Người Mới Học)
interpreter chương trình giải thích
nroff (*new+roff*) hệ thống chỉnh tự khổ nhất định
Troff (*typesetter+roff*) hệ thống chỉnh tự khổ khác biệt
Diroff (*device-independent troff*) hệ thống chỉnh tự khổ khác biệt thiết bị độc lập
auto-number-page đánh số trang tự động
page counter bộ đếm trang
restart counting đếm trang lại (từ đầu)
header(s) tựa đầu (trang)
footer(s) in cuối trang
script script (loại cấu tạo ký ức)
accelerator board bảng gia tốc
clock đồng hồ, máy phát sinh xung cách đều (thời gian)
clock frequency tần số (phát sinh) xung cách đều (đơn vị là Mhz)
save bảo tồn
clock pulse xung đồng hồ, xung cách đều
copy all sao toàn bộ
copy sao (đ); bản sao (d)
back-up= backup sao lưu, sao hậu dụng; một loại cơ năng phục hồi
backup copy bản sao lưu, bản sao hậu dụng
chapter file hồ sơ chương tiết
multichapter đa chương tiết
file menu mệnh đơn hồ sơ
open chapter mở chương tiết
option tùy chọn
done hoàn tất, hoàn thành
option menu mệnh đơn tùy chọn
drive A/B... ổ đĩa A/B...
ESC (*escape character*) văn tự khuếch trương

ESC key khoá khuếch trương (văn tự), nút thoát (VNI)
escape sequence nối tiếp khuếch trương (văn tự)
escape sequence code mã số nối tiếp khuyếch trương (văn tự)
build-in có sẵn, nội trang
build-in font table bảng kiểu chữ có sẵn
pull-down menu mệnh đơn (kéo) xuống, mệnh đơn tụt xuống
pull-up menu mệnh đơn (kéo) lên, mệnh đơn nhô lên
pop-up menu mệnh đơn đột hiện, mệnh đơn chợt hiện
main menu mệnh đơn chính
screen menu mệnh đơn màn ảnh, mệnh đơn sơ kỳ
cascade menu mệnh đơn ngang (bên), mệnh đơn tầng
paragraph menu mệnh đơn đoạn văn
taps setting chia cột, xếp cột
delete key nút bỏ
format khổ (giấy, sách); hình thức; thư thức [NB]; định khổ (đ)
utility program chương trình tiện ích, chương trình thực dụng
arithmetic-logic section khâu số học-luận lý
arithmetic operation phép toán số học
logical operation phép toán luận lý
program instruction chỉ thị chương trình
arithmetic unit bộ số học
pocket size computer máy tính bỏ túi
calculator máy tính loại nhỏ
palmtop computer máy điện toán cầm tay
laptop computer máy điện toán để lòng, máy tính xách tay
personal super computer máy siêu điện toán cá nhân
pirate copy bản in lậu, bản sao lậu
NC (*Numerical Control*) Chế Ngự Số Trị
NC Unit (*Numerical Control Unit*) Bộ Chế Ngự Số Trị
NC System (*Numerical Control System*) hệ thống chế ngự số trị
NCU (*Network Control Unit*) bộ chế ngự mạng
space television pylon tháp truyền hình vũ trụ
business satellite vệ tinh thương mại
satellite business thương mại bằng vệ tinh
satellite-relayed broadcasting phát tin tiếp vận vệ tinh
broadcasting satellite vệ tinh phát tín
SHF (*Super High frequency*) siêu cao tần số

electronic cottage nhà ở điện tử
electronic banking ngân hàng điện tử
pirate video tape băng thính thị sang lậu
card-operated telephone điện thoại dùng thẻ
cashless telephone điện thoại tín dụng (trả sau)
toll free gọi miễn phí
gallium arsenide semiconductor bán đạo thể
simplified program language ngôn ngữ chương trình giản dị
computer allergy phòng máy điện toán
three-dimensional intergrated circuit mạch tập thành ba chiều
circuit element phần tử mạch, tố tử mạch
system house công ty thiết trí hệ thống (chế tạo phát mãi đầy đủ hệ thống điện toán)
PLATO (*Programmed Logic for Automatic Teaching Operations*) Luận Lý Thảo Chương Để Vận Hành Giáo Dục Tự Động
geostationary satellite vệ tinh tĩnh chỉ, vệ tinh đứng yên
knowledge engineering ngành kỹ sư tri thức
Communication and Broadcasting Satellite Organization Tổ chức Vệ Tinh Thông Tin Và Phát Tín
electronic file hồ sơ điện tử
biochip miếng mạch tập thành sinh tính
pulse communication thông tín xung
hand-held computer máy điện toán cầm tay
formatting định khuôn khổ văn bản
copyright on computer programs tác quyền điện chương
micromouse chuột nhỏ (một loại người hay xe máy cực nhỏ)
teletext phát tin đa văn tự
line printer máy in hàng, máy in dòng
arithmetic unit bộ số học
EDPS (*Electronic Data Processing System*) Hệ Thống Xử Lý Dữ Kiện Điện Tử
EDPM (*Electronic Data Processing Machine*) Máy Xử Lý Dữ Kiện Điện Tử
input data dữ kiện nhập (lực)
flowchart (*flow chart*) lưu đồ, thao tác đồ
on-line system hệ thống tại tuyến (máy gởi rút tiền)
video display terminal trạm biểu hiện hình (máy bán vé máy bay)
off-line system hệ thống ngoại tuyến, hệ thống ly tuyến
real-time processing system (*RST*) hệ thống xử lý thực thời, hệ thống xử lý tức tốc
batch processing system hệ thống xử lý gián đoạn
time-sharing system hệ thống phân thời
language translation phiên dịch ngôn ngữ
language translator chương trình phiên dịch ngôn ngữ
acoustic coupler bộ nối âm thanh
Boolean algebra đại số bulin, tân toán học
COBOL (*Common Business Oriented Language*) Ngôn Ngữ Hướng Thương Mại Thông Dụng
FORTRAN (*FORmula TRANslator*) Ngôn Ngữ Chương Trình Phiên Dịch Công Thức, Ngôn Ngữ Toán Dịch
CG (*Computer Graphics*) Đồ Hình Điện Toán

(còn tiếp)

Y SĨ VIỆT NAM HẢI NGOẠI TRƯỚC VẤN ĐỀ CỨU TRỢ Y TẾ QUỐC NỘI

LẠI MẠNH CƯỜNG

Trước những thay đổi tình hình trong nước và ngoài nước vào cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90, các bác sĩ Việt Nam tị nạn tại nước ngoài đã bàn cãi khá nhiều về việc nên hay không nên thực hiện các công tác cứu tế xã hội, đặc biệt về mặt y tế, cho những đồng hương trong nước?

Đại hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do kỳ 3 tại Paris vào mùa hè năm 1991 đã ra quyết nghị: "vấn đề viện trợ y tế, kỹ thuật (cho Việt Nam) chỉ có thể thực hiện với điều kiện chế độ chính trị tại Việt Nam phải thay đổi nhằm đưa đến Tự Do, Dân Chủ thực sự để bảo đảm sự trợ giúp đó đến tận tay dân chúng" (1). Chủ trương trên có phần thay đổi tại đại hội kỳ 4 ở Orlando, bang Florida vào cuối tháng 7 năm 1993: "Cứu trợ nhân đạo trong đó có cứu trợ y tế là việc làm ai cũng đồng ý nhằm giảm thiểu sự nghèo nàn, thiếu thốn, bệnh tật của nhân dân Việt Nam, nhưng điều tiên quyết là phải làm thế nào bảo đảm được những dịch vụ, phẩm vật cứu trợ và những giúp đỡ đến tận tay đồng bào khốn khổ tại quê nhà mà không lọt vào tay nhà cầm quyền cộng sản, vì họ sẽ dùng các cứu trợ này để nuôi dưỡng và duy trì bộ máy cai trị độc tài của họ" (2).

Vài tháng trước khi nhóm họp đại hội 4 Orlando, một nhóm bác sĩ Việt Nam có nhiều uy tín và ảnh hưởng tại Paris khẳng định rằng "can dự nhân đạo phải dựa theo một lập trường chính trị". Cụ thể họ đòi cộng sản Việt Nam phải chấp nhận: tự do chính trị, phóng thích tù nhân chính trị, đem chính trị ra khỏi quân đội và lực lượng công an cảnh sát, quyền tư hữu và tự do kinh doanh, và tổ chức tổng tuyển cử dưới sự giám sát của quốc tế. Nói gọn lại, không cứu trợ nhân đạo suông, mà cần kèm theo "can dự chính trị" (3).

Ngay trước kỳ đại hội 4 Orlando, bác sĩ Hoàng Cầm, chủ tịch hội Y Nha Dược Việt Nam tại bang Florida -một trong những hội mạnh nhất trong y giới hải ngoại- cho biết vì Việt cộng không thay đổi đường lối cai trị độc tài đảng trị nên y giới hải ngoại "không tiếp tay dưới mọi hình thức với chế độ cộng sản Việt Nam". Theo ông "(...) hợp tác với Việt cộng là nuôi dưỡng một tập đoàn can phạm nhiều tội ác gây tang thương cho toàn dân tộc (...). Một phái đoàn y tế với một số thuốc men, dụng cụ... mang cho chính quyền Hà Nội thắng lợi về chính trị hơn xã hội, và đã đáp ứng mong muốn của chúng (...). Vả lại, cái thảm cảnh dân tộc Việt Nam không phải bây giờ mới có. Nó đã kéo dài hàng chục năm thời chiến và tệ hại hơn, khi cộng sản nắm trọn quyền cai trị cả nước (...)" (4).

Mới đây bác sĩ Phạm Hữu Trác, chủ tịch Hội đồng đại diện hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do, được coi như người có nhiều uy tín và ảnh hưởng nhất trong y giới hải ngoại nói chung và tại Canada nói riêng, đặt dấu hỏi tại sao gần đây mới có sự kêu gọi giúp đỡ Việt Nam có hệ thống, trong lúc đồng bào trong nước không còn đói kém nữa!? Và ông nghi ngờ "phải có một cơ nguyên nào thúc đẩy: phản ứng tâm lý tự nhiên của người xa nhà đã lâu, hay đó là tác dụng của những kế hoạch chính trị, vận động tinh vi, biết khai thác cảm xúc của con người" (5).

Một số bác sĩ "đàn em" tại Bắc Mỹ như Đỗ Văn Hội, Thân Trọng An, Trần Mộng Lâm... cũng đồng quan điểm với các bậc đàn anh khả kính, nhiều kinh nghiệm. Tại đại hội Orlando tháng 7-93, bác sĩ Hội nhấn mạnh trong bài tham luận "phải có tự do dân chủ rồi mới có thể viện trợ tái thiết. Vì viện trợ cho một chế độ cộng sản (cho dù là viện trợ nhân đạo) có nghĩa là tiếp sức cho kẻ cướp tiếp tục cướp bóc dân lành" (6). Trong bài viết đáp lễ một đồng nghiệp (Nguyễn Gia Ân) trên báo Thế Kỷ 21, bác sĩ Lâm thẳng thừng kết tội những ai về nước hoạt động cứu tế xã hội trong lúc này là làm tay sai cho Việt cộng (7).

Có thể tạm kết luận là trên thực tế các nhân vật chủ chốt trong các tổ chức y giới hải ngoại chưa "bật đèn xanh" cho công tác cứu trợ nhân đạo cho Việt Nam.

Tuy nhiên, thái độ cứng rắn trên đã có phần nào giảm bớt qua sự kiện bác sĩ Dương Hồng Huy được mời tham dự buổi thảo luận bàn tròn "những vấn đề của chúng ta" hồi đầu tháng Ba vừa qua do hội Y Sĩ Việt Nam tại Canada tổ chức. Xin được gợi lại một chút quá khứ không xa ở đây, bác sĩ Huy bị các đồng nghiệp làm áp lực buộc ông phải từ chức Phó Chủ tịch ban chấp hành hội Quốc Tế

Y Sĩ Việt Nam Tự Do hồi tháng 4-1992, khi ông cương quyết tiếp đón nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, một người bạn cũ, tại tư gia ở Canada. Những phát biểu trong buổi hội thảo của bác sĩ Huy và bác sĩ Kiều Công Vân, người đã về Việt Nam năm ngoái và tán thành việc cứu trợ đồng bào trong nước, đã được tường trình đầy đủ trên báo của hội Y Sĩ Canada. Bác sĩ Vân nhận thấy hiện tình kinh tế Việt Nam rất khó khăn và đạo đức con người Việt Nam trong nước thật suy đồi. Ông lo ngại nếu phe dân chủ đối lập không nhân cơ hội Mỹ bỏ lệnh cấm vận Việt Nam mà giành thế chủ động trên lãnh vực giáo dục và kinh tế, thì e rằng trong tương lai kinh tế nước nhà sẽ bị lệ thuộc tư bản ngoại quốc; mà theo ông, kinh tế và chính trị luôn luôn chi phối giáo dục và đạo đức con người. Ông quan niệm có nhiều cách chống Cộng, thậm chí có thể hợp tác với cộng sản để thừa cơ đem khoa học kỹ thuật, tài sản vào tận tay đồng bào trong nước, để cải tạo xã hội (8)!

Những phát biểu "tiến bộ" trên (tạm đặt tên như vậy để phân biệt với những ý kiến "bảo thủ" ở phần đầu bài viết) mới chiếm được chỗ đứng, tuy còn khiêm nhượng, trong Tập san Y Sĩ Canada ngay sau thời hậu cấm vận! Trước đây, bài vở của những người có ý kiến "tiến bộ" phải chạy đi "tị nạn" ở các báo khác. Điển hình là bác sĩ Nguyễn Gia Ân, một thành viên kỳ cựu trong ban biên tập Tập san Y Sĩ Canada, cực chẳng đã phải gửi bài đăng trên nguyệt san Thế Kỷ 21.

Trong một bài viết tường thuật về bác sĩ quốc tế y giới hải ngoại tại Orlando, bác sĩ Ân chê trách các bậc đàn anh trong y giới hải ngoại đã quá thủ cựu, không trả lời thỏa đáng trước những thao thức, trăn trở của các thế hệ con cháu. Chẳng hạn trước vấn đề giới trẻ có nên về Việt Nam phục vụ đồng bào nghèo khổ, bệnh hoạn không? Câu trả lời của các bậc huynh trưởng thật ngắn gọn, nhưng thật mông lung: "Hãy cứ chờ xem sao đã!" Hậu quả, người ta đã để "sổng" mất những người trẻ tuổi tài cao, nhiều nhiệt huyết (9, 10).

Theo thiển ý, đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam hiện nay đã đánh rơi mất lý tưởng cộng sản. Chúng chỉ còn là một tập đoàn Mafia đỏ đang cấu kết với giới tài phiệt quốc tế để làm thịt Việt Nam. Nguy cơ giải thể quốc gia Việt Nam đang đè nặng lên tâm tư chúng ta hơn bao giờ hết: người người chỉ mong bỏ quê hương ra đi làm dân nước ngoài, kẻ đi thoát trở về như một người khách qua đường. Đồng thời Việt Nam đang trở thành thuộc địa kinh tế của quốc tế: đất đai, tài nguyên thiên nhiên bị cộng sản mang bán hết cho tư bản nước ngoài, và trong tương lai không xa những đồng hương thân thương trong nước của chúng ta trở thành những nhân công, thậm chí là vệ sĩ, tài xế, bồi bếp, con sen, vũ nữ, đĩ điếm cho các ông chủ ngoại quốc.

Cấm vận kinh tế Việt Nam của Mỹ dẫu có kéo dài cũng không ảnh hưởng gì mấy đến tập đoàn mang danh cộng sản. Các đồng minh của Mỹ kẻ trước người sau tự động lẳng lặng không tôn trọng lệnh cấm vận. Mặc dù Mỹ chưa bãi bỏ lệnh cấm vận, nhưng cộng sản Việt Nam đã thoát hiểm trong năm 1990; và tạm thời trước mắt tình trạng kinh tế tài chánh Việt Nam quả là có tiến bộ so với trước: lạm phát giảm mạnh, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng nhanh, thiếu hụt ngân sách quốc gia ở mức bình thường, năng xuất sản xuất nông nghiệp tăng, nhất là gạo. Tuy nhiên hố ngăn cách giữa kẻ giàu người nghèo, giữa thành thị với thôn quê, giữa nông thôn và vùng sơn cước ngày một khoét rộng. Các tệ nạn buôn lậu, tham nhũng, thư lại... trở thành nếp sống thường nhật (11). Nói chung, cấm vận chỉ làm khổ dân đen. Và khi cùng khổ, người ta chỉ nghĩ đến làm sao để tồn tại hơn là tranh đấu. Kinh nghiệm này các cựu tù nhân cộng sản có dư. Người ta không thể viện dẫn trong lúc đấu tranh cho chính nghĩa hai ông Nelson Mandela và Bertrand Aristide đã yêu cầu quốc tế cấm vận kinh tế nước họ. Nỗi đau thương của đồng bào cả nước phải chịu đựng gần hai chục năm qua khiến người người phải mủi lòng và rơi lệ. Người ta không được phép ngoảnh mặt làm ngơ trước thảm cảnh ấy để tiếp tục chăm sóc riêng cho lý tưởng chống Cộng của mình. Vả chăng, Hội đồng Giám Mục Cuba kêu gọi Mỹ bãi bỏ cấm vận kinh tế tại đó cũng bởi sự cùng khổ của người dân Cuba đã đến mức tột độ. Người Cuba hiện nay đang mất hết sức sống.

Gần đây có những người nói chống cộng sản vì sự độc tài, đảng trị của nó và mạnh mẽ cổ võ dân chủ đa nguyên (8). Nhưng chính họ lại sẵn sàng thẳng tay gạt bỏ những ý kiến khác mình, và chê bai người khác chính kiến là nông cạn, ngây thơ, thiếu hiểu biết về cộng sản, rồi dễ dàng quy chụp cho những người này tội "nối giáo cho giặc"! Như vậy làm sao giữa những người Việt (không cộng sản) còn có cơ hội để cùng nhau đối thoại bộc trực đúng theo tinh thần dân chủ đa nguyên!? Những "can dự chính trị" chỉ thật sự trở thành mối đe dọa đối với cộng sản một khi các cộng đồng người Việt hải ngoại đã tạo được một thế đứng mạnh nơi họ tạm cư hay/và đã chiếm được cảm tình nồng hậu của đại đa số đồng bào trong nước. Muốn vậy các Việt kiều cần trực tiếp tham dự càng nhiều càng tốt vào các sinh hoạt xã hội ở các nơi trên, từ văn hóa, xã hội, tôn giáo đến kinh tế và chính trị. Tại Việt Nam, người cộng sản chỉ mới thoái bộ ở các mặt kinh tế và cứu tế xã hội. Các lực lượng dân chủ đối lập hải ngoại có lẽ nên ưu tiên lấn chiếm trận địa trong nước ở những nơi kẻ địch đang bỏ trống hay yếu kém nhất. Thực ra phải nói

họ hãy "liệu cơm gắp mắm", hơn là chơi trò "đánh bạc giả" với mọi người!

Trước thắc mắc tại sao lúc này cứu trợ xã hội Việt Nam bỗng nhiên trở thành "thời thượng", xin thưa có rất nhiều lý do khiến công tác này trở thành phổ thông, và đang chiếm được nhiều sự ủng hộ trong các cộng đồng người Việt. Trước tiên nó chứng tỏ sự phá sản của đường lối đấu tranh bó hẹp, thiếu sáng tạo của các nhóm, đoàn thể tranh đấu hải ngoại. Trước những bất lực hoàn toàn của các đoàn thể ấy trong hai thập niên qua, cộng với giao lưu trong và ngoài nước ngày một nhiều và thường xuyên, quần chúng tiếp cận và nắm bắt sự kiện liên qua đến hiện tình đất nước nhanh chóng và chính xác hơn các vị "trí thức tháp ngà", các chuyên gia tranh đấu cuối tuần. Họ biết rõ đâu là sự thật và tự tìm lấy một hướng đi thật cụ thể, vừa với sức mình, không ồn ào, nặng phần trình diễn, hay thiên về lý thuyết suông: giúp đỡ về y tế, giáo dục, xã hội, tôn giáo cho đồng hương trong nước dưới nhiều hình thức và tầm cỡ. Với kinh nghiệm bản thân sẵn có và được tích lũy qua việc làm cụ thể, họ không cần ai dạy khôn về cộng sản, về cách thức hành động. Thái độ này đang buộc các người hoạt động (activist) chân chính trong cộng đồng hải ngoại phải suy nghĩ để làm sao thích nghi với tình huống mới. Lần này quần chúng hướng dẫn các đảng phái, hội đoàn đi theo họ. Không ít những người hoạt động đã chuyển hướng đi theo con đường tranh đấu "tuy mới mà cũ" này. Trước đây đã có một số cá nhân, hội đoàn, thường thuộc các tôn giáo lớn ở Việt Nam, âm thầm tiến hành công tác trên (cũng vì tính chất tế nhị và nhạy cảm của công tác và tình hình lúc đó) trong nhiều năm dài.

Nói ngắn gọn lại, quần chúng tự mình đứng lên trực diện tấn công tập đoàn mang danh cộng sản ở những lãnh vực yếu kém nhất của chúng, bằng những phương cách hành động tích cực nhất để chuẩn bị thay thế chúng.

Thay lời kết: Y giới thuộc tầng lớp tinh hoa của dân tộc, trước nay vẫn được quần chúng trong và ngoài nước quý trọng. Các hội đoàn của y giới hải ngoại nên đóng vai trò tiên phong trong công tác cứu và dựng nước, hơn là cứ đứng mãi trong hàng ngũ những hội ái hữu. Công tác cứu tế xã hội Việt Nam rất thích hợp với vai trò của những người áo trắng.

Tài Liệu Tham Khảo:

1- Tập san Y Sĩ Canada tháng 7-93, tr.8.
2- idem 10-93, tr.16.
3- idem 3-93, tr.38-39.
4- Tập san Y giới Florida tháng 6-93, tr.21-23.
5- Tập san Y Sĩ Canada tháng 7-93, tr.65.
6- Đặc san đại hội 4 Orlando, tr.82.
7- Thế Kỷ 21 tháng 5-94, tr.53.
8- Tập san Y Sĩ Canada tháng 4-94, tr.4-16.
9- Thế Kỷ 21 tháng 12-93, tr.25-28.
10- idem 3-94, tr.29-32.
11- Thông Luận tháng 6-94, tr.10-13.

Amsterdam, ngày 22 tháng 6 năm 1994

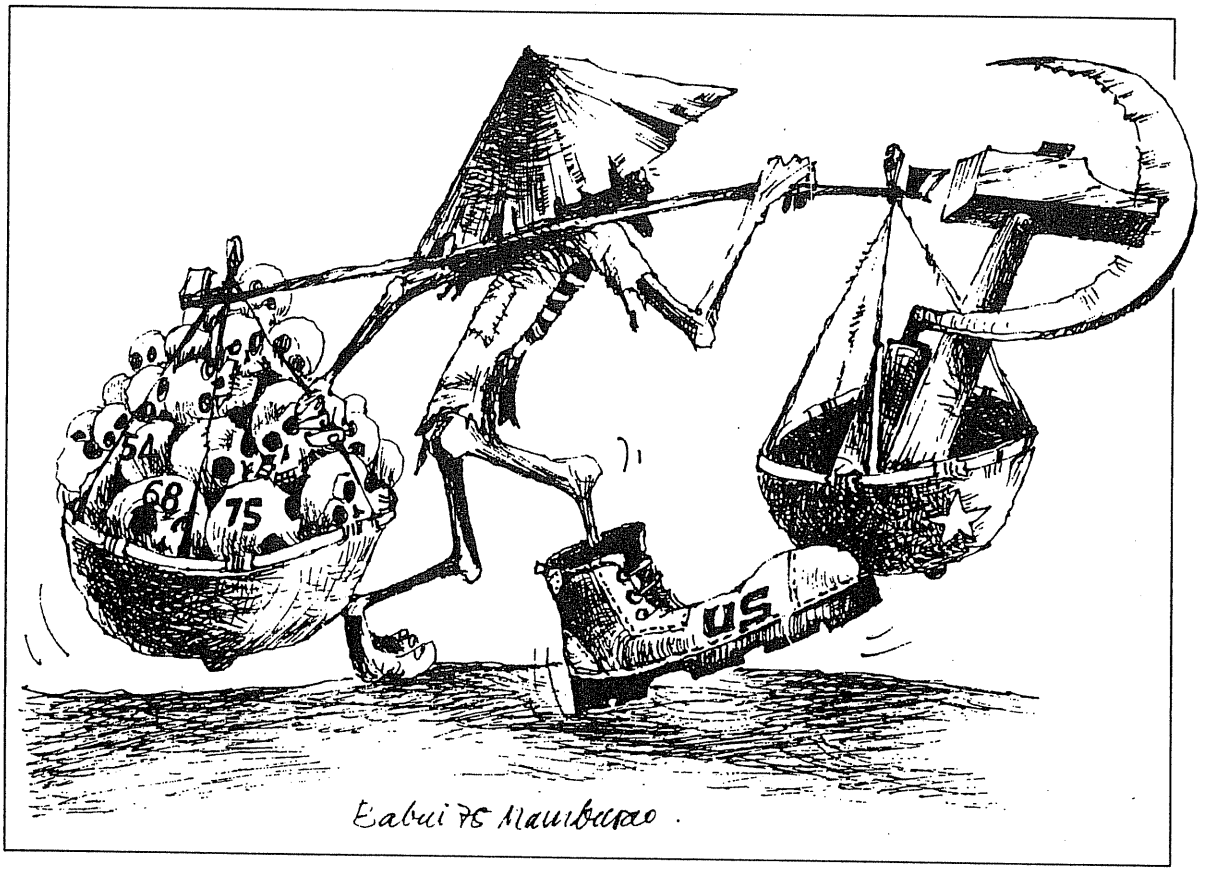

CON CẮT BIỂN

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

Từ xưa đến nay, nói đến Nguyễn Hữu Chỉnh phần đông đều cho là kẻ gian thần, phản phúc, giảo quyệt... tuy công nhận Chỉnh thông minh nhưng là thứ thông minh của kẻ theo "chủ nghĩa cơ hội", tuy nhìn nhận Chỉnh giỏi thơ Nôm nhưng bài thơ được nhắc đến nhiều lại là bài "Vịnh cái pháo", chẳng phải vì nó tiêu biểu cho văn tài của Chỉnh mà cốt cho thấy "khẩu khí" của con người tạo dựng sự nghiệp trên trí xảo nên không bền, chỉ như cái pháo nổ tạch một tiếng là tan xác, không còn gì.

Song nếu ta xét lại những hành vi, ngôn ngữ của những bài thơ còn được phổ biến của Chỉnh sẽ thấy một con người khác hẳn.

A- THÂN THẾ

Nguyễn Hữu Chỉnh người làng Đông Hải, huyện Chân Phúc (= Nghị Lộc), trấn Nghệ An, là một nhân vật sống khoảng giữa thế kỷ thứ 18.

Năm 16 tuổi Chỉnh thi đỗ Hương Cống (Cử nhân), 18 tuổi thi Tạo sĩ (tức Võ Tiến sĩ) đỗ đến Tam trường (1).

Chỉnh dung mạo tuấn tú lại có tài ứng đối. Ngô Thì Chí kể Chỉnh làm môn hạ quận Việp (Hoàng Ngũ Phúc) 16 năm mới được coi đội Thiện tiểu, có kẻ trêu ghẹo hỏi: "Sao mà nhỏ quá thế?" Chỉnh mượn ngay lời của vua Chiêu Liệt (2) đáp: "Chớ thấy điều thiện nhỏ mà không làm". Lại khi nghe tin Trịnh Bồng được phong làm Yến Đô Vương, Chỉnh cười: "Yến Đô là 'đố yên'".

Chỉnh là người hào phóng, giao du khắp nước, trong nhà tân khách thường có đến vài mươi người, cùng uống rượu, ngâm thơ tỏ chí. Chỉnh giỏi văn Nôm, bài "Quách Lệnh Công phú" được nhiều người truyền tụng.

Chỉnh cũng là người rất tài hoa, tự soạn những ca khúc phổ vào đàn nhị, nuôi con hát trong nhà hơn mười người ngày đêm ca múa, phong lưu đệ nhất kinh thành.

Cha của Chỉnh là lái buôn, gia tư hàng vạn, thường ra vào cửa Hoàng Ngũ Phúc, vẫn đem theo Chỉnh. Phúc cho Chỉnh là kỳ tài, thu dụng và đề bạt cho. Năm Giáp Ngọ (1774) khi Phúc Nam chinh để "tiếp ứng cho Tây Sơn" diệt chúa Nguyễn, Chỉnh được giữ chức Tự thừa (thư ký).

Năm sau, Nhạc dâng lễ xin làm Tiền khu giữ biên giới, Phúc sai Chỉnh đem cờ, ấn, gươm đến trại phong Nhạc làm Tuyên úy Đại sứ, trấn thủ Quảng Nam, tước Quận công. Thấy Chỉnh ăn nói lưu loát, Nhạc cũng có bụng mến.

Phúc chết (1776-7), Chỉnh theo con nuôi Phúc là quận Huy (Hoàng Đình Bảo, cũng gọi là Hoàng Tố Lý). Có kẻ cáo Chỉnh lấy trộm của công mấy trăm vạn, lại dính líu đến Bảo, nhưng dù bị tra khảo gần chết, Chỉnh vẫn nhất định không khai nên Bảo được vô sự.

Khi Bảo trấn thủ Nghệ An, cho Chỉnh giữ chức Hữu Tham quân, luyện thủy binh đi đánh giặc bể, Chỉnh luôn luôn thắng trận, nghề thủy vào bực vô địch bấy giờ nên người vùng bể gọi Chỉnh là "con cắt biển" (hải điêu).

Bảo đi trấn thủ Sơn Nam, Chỉnh đổi sang đội Tiền trung rồi đội Tiền cơ, đóng ở Nghệ An (3).

Năm Canh Tý (1780), Trịnh Tông (Khải) mưu đoạt ngôi chúa, việc bại lộ, Tông bị cha là Trịnh Sâm nghiêm trừng. Trước khi chết, Sâm còn gửi gắm Trịnh Cán, con Đặng Thị Huệ, cho quận Huy nhờ phò tá. Vì quận Huy chuyên quyền, lại mang tiếng dan díu với Đặng Thị Huệ, nên kiêu binh giết quận Huy, phế Cán, lập Tông làm chúa. Tông bèn trả thù những người trước tố cáo mình, lùng bắt bè đảng quận Huy để giết. Thấy vậy, Hoàng Viết Tuyển, trước chịu ơn Chỉnh, vượt biển vào Nghệ An báo tin cho Chỉnh hay. Chỉnh liền xui trấn thủ Nghệ An Dao Trung hầu (4), em rể quận Huy, muốn thoát nạn nên chiếm Nghệ An, giữ những nơi hiểm yếu, liên kết với Phó tướng Thuận Hóa, phần Chỉnh tự nguyện lo đề phòng mặt bể. Thấy Dao nhát gan không dám, cũng không chạy trốn, Chỉnh bèn đem vợ con cùng Hoàng Viết Tuyển xuống thuyền vào Nam theo Nguyễn Nhạc, lúc ấy vào tháng 11 năm Nhâm Dần (1782). Trước khi nhổ neo, Chỉnh gọi 300 binh lính dưới quyền mình ra bờ sông nói rõ duyên cớ, lại để lại mỗi người một quan tiền đen.

Tuy Nhạc mến tài Chỉnh nhưng lúc đầu còn e dè, ngờ vực. Chỉnh phải kể rõ sự tình và đem gia đình ra làm con tin. Từ đó hết lòng với Tây Sơn, bày mưu hiến kế, chứa tích lương

thực, sắm sửa khí giới, luyện tập binh lính, kén chọn tướng sĩ, đánh Chiêm Thành, Xiêm La, Bồ Nam thường cầm gươm đi trước và luôn luôn thắng trận, dần dần được lòng tin của Nhạc.

Từ khi Chỉnh bỏ đi, triều đình ở Bắc thiếu nhân tài, treo giải thưởng cho ai dụ được Chỉnh về. Em rể Chỉnh xin đi. Vừa gặp mặt đã bị Chỉnh mắng phủ đầu rằng xưa nay Chỉnh chưa hề nghe ai xui khôn xui dại bao giờ, sau đó mới hỏi đến tình hình ngoài Bắc, cho ăn uống no say rồi đem chém. Nhạc thấy vậy càng tin dùng hơn.

Cuối Xuân Bính Ngọ (1786), Trấn thủ Thuận Hóa Phạm Ngô Cầu sai Nguyễn Phú Như vào bàn việc biên giới hai xứ với Nhạc. Lúc ấy Nhạc đã xưng vương, không thần phục triều đình nữa. Như vốn là chỗ quen biết cũ với Chỉnh, cho Chỉnh hay ngoài Bắc đói kém, lính lại kiêu không thuận với dân, các tướng giỏi không có... Chỉnh vẫn có bụng muốn về Bắc, bèn xui Nhạc nhân dịp này đánh lấy Phú Xuân. Nhạc nghe lời sai Huệ làm Tiết chế, Vũ Văn Nhậm làm Tả quân Đô đốc, Chỉnh làm Hữu quân Đô đốc. Huệ chiếm được Phú Xuân nhanh chóng, dễ dàng một phần nhờ mưu kế của Chỉnh.

Thắng trận rồi, Huệ dự tính sửa địa giới cũ ở Na Hà (có chỗ chép là La Hà) nhưng Chỉnh khuyên Huệ nên thẳng tiến ra Bắc, Huệ ngần ngại sợ Bắc hà nhiều người tài giỏi, Chỉnh hăng hái thuyết: "Nhân tài Bắc hà chỉ có mình tôi, tôi đi ấy là cái nước rỗng, xin ngài chớ ngại". Huệ cười: "Ấy chẳng ngại ai, chỉ ngại có mỗi ông mà thôi". Chỉnh biến sắc, từ tạ: "Tôi chỉ muốn nói ngoài Bắc không có nhân tài, đánh lấy rất dễ". Huệ còn do dự sợ mang tiếng, Chỉnh xui lấy danh nghĩa "phù Lê diệt Trịnh" thì không ai bắt bẻ vào đâu được. Huệ vẫn bất quyết vì chưa có mệnh lệnh của Nhạc, Chỉnh lại thuyết: "Tướng ở xa không cần có mệnh trên, dù có mệnh lệnh cũng không cần phải nghe", bấy giờ Huệ mới quyết ý ra Bắc, cất Chỉnh đem thuyền vượt biển đi trước chiếm kho lương Vị Hoàng ở Sơn Nam rồi nổi lửa báo hiệu, Huệ sẽ dẫn quân thủy bộ theo sau, một mặt Huệ viết thư cho Nhạc, trình bày mọi sự.

Tháng 6 năm Bính Ngọ (16-7-1786) Chỉnh chiếm được kho lương Vị Hoàng. Quân Tây Sơn lần lượt hạ Trịnh Tự Quyền, Bùi Thế Dận, Đinh Tích Nhưỡng, Hoàng Phùng Cơ, nhằm Thăng Long trực chỉ. Trịnh Tông thấy thế nguy tự cầm trống đốc chiến, nhưng cũng thua, phải trốn lên Sơn Tây, sau bị Tuần Trang bắt đem nộp Tây Sơn, giữa đường Tông tự sát.

Ngày 26 tháng 6 năm Bính Ngọ (21-7-1986) Huệ vào thành, đóng ở phủ chúa. Hôm sau đến yết kiến vua Lê Hiển Tông ở điện Vạn Thọ. Huệ trỏ vào Chỉnh nói: "Đây là bầy tôi cũ của bệ hạ. Người này tuy chưa được hưởng nhiều ân huệ của bệ hạ nhưng khó có người thứ hai trung với bệ hạ bằng nghỉ. Thần ra được đến đây cũng là nhờ sự giúp đỡ của nghỉ".

Thấy các quan tản mát, trong triều không có người nào ứng đối nên hồn, Chỉnh tâu vua tuyên triệu bọn Trương Đăng Quỹ, Phan Lê Phiên, Trần Công Sán v.v... Các quan về độ hơn mười người.

Chỉnh lại khuyên Huệ chọn ngày lành xin chính thức vào triều kiến để cho thiên hạ biết rõ chuyện "Phù Lê" của mình, hôm trước yết kiến ở điện Vạn Thọ chỉ là tư yến. Huệ nghe theo.

Ngày mồng 7 tháng 7, vua thiết đại triều ở điện Kính Thiên, Huệ dâng sớ tâu việc diệt Trịnh. Hôm sau vua sai người mang chiếu đến tận dinh phong cho Huệ làm Nguyên súy Phụ chính Dực vũ, Uy quốc công. Huệ tạ ơn xong, nói riêng với Chỉnh: "Ta đánh một trận bình định Bắc hà, muốn xưng đế có khó gì? Cái chức Nguyên súy, Uy quốc công với ta hơn cái gì? Ta không nhận thì bảo ta kiêu căng, ta nhận mà không nói ra lại bảo ta kẻ man mọi không biết gì". Chỉnh thấy Huệ bất mãn, tâu vua gả công chúa Ngọc Hân cho Huệ, quả nhiên Huệ vui lòng.

Ở Bắc, Huệ không quen nghi thức triều chính, giao hết cho Chỉnh, lại xếp cho Chỉnh cùng ở lầu Ngũ Long với Vũ Văn Nhậm, Nhậm ở phía trước, Chỉnh ở phía sau. Vì Nhậm người Nam không quen ai, khách chỉ tấp nập ra vào thăm Chỉnh. Chỉnh thấy chỗ Nhậm vắng tanh, sai người ngồi trước cửa Nhậm mời khách vào, khách cũng không vào. Sau Chỉnh tiếp đón khách xong, liền thu xếp một món đồ lễ bắt người dẫn khách sang tận chỗ Nhậm, Nhậm vẫn không bằng lòng, cuối cùng Chỉnh phải dọn đến ở chùa Tiên Tích.

Ngày 14 tháng 7 năm Bính Ngọ, Nhạc được tin thắng trận, sợ viết thư gọi Huệ không về nên thân hành hỏa tốc ra Bắc, tháng 8 tới kinh đô Thăng Long. Ở ít lâu, đến 17 tháng 8, Tây Sơn bí mật rút về, bỏ Chỉnh ở lại một mình. Sáng ra Chỉnh mới biết. Vội vàng xuống thuyền đuổi theo, bị người Kinh ném đá vì cho Chỉnh có tội "cõng rắn cắn gà nhà".

Ngay từ trước khi Nhạc ra Thăng Long, Chỉnh đã phát giác ra Huệ nghi kỵ mình nên mật tâu vua xin cho trấn thủ Nghệ An, việc chưa quyết định thì Nhạc ra đến nơi kéo Huệ về, Chỉnh phải chạy theo. Thuyền Chỉnh đi độ hơn mười ngày đến Nghệ An vừa lúc quân của Huệ theo đường bộ tới nơi. Chỉnh liền vào ra mắt Huệ, xin theo về Phú Xuân, nhưng Huệ kiếm cớ thoái thác nói ngoài Bắc còn Hoàng Phùng Cơ và Đinh Tích Nhưỡng chưa trừ được, Chỉnh phải ở lại Nghệ An phòng mặt bắc. Huệ để Nguyễn Duệ ở lại giúp Chỉnh, lại chia cho Chỉnh 100 tên lính, 20 lạng vàng và 200 lạng bạc. Chỉnh nghĩ nhận lính cũng không ích gì xin để mộ thổ dân, chỉ nhận vàng

TRẦN HỒNG CHÂU

TÔI SỢ ĐÊM

Tôi sợ đêm
tôi ớn đêm ghê
màn đêm dài lê thê. Ngàn cánh quạ
đen. Đêm
bạt ngàn trời phiều lụy
bạt ngàn cõi u minh
Mấy chiếc hồn côi cút
không dáng hình
đi lang thang
đi gầy gò bước Liêu trai...
Tôi vừa ra khỏi trùng vây
cơn ác mộng. Tóc dựng đứng
dây kẽm răng đen nhọn hoắt
mã tấu dài loang loáng
máu loang. Đoàn sơn cẩu đi hoang
chồn cáo đập phá
cắn cào tan hoang!
Tôi chồm dậy. Mắt tủi hờn
mắt tôi hay mắt đêm gầy
thăm thẳm đêm
trợn trừng hư vô...
Tôi là gì đây?

Một mình bồn chồn
đêm đen. Đêm trắng
thâu canh. Chập chờn cánh mộng
chập chờn bướm đêm
quỷ mỵ? hồn oan?
loạn trời sao
bùi ngùi. Trắng đêm dài
mắt đêm đen huyền
mắt nhung hiu hắt
Róc rách thời gian trong ống nước
nhỏ giọt. Tiếng mèo hoang
dao nhọn cào mái ngói
hay tiếng xe an ninh
đang nghiền nát những cuộc đời
trong đồng lõa đêm? Tóc dựng đứng
một rừng hoang tưởng
Tôi duỗi chân dài
nhắm mắt trôi về mộng mị
Róc rách hồng cầu trong động mạch
vân vi. Cầu trời cho máu luân lưu
thuận buồm xuôi gió!
Trái tim còn tàn héo
cánh antigone
lìa hồn trong đêm?

Đầu vẫn căng độ nhiệt đỏ lò cao
tai vẫn rạt rào biển sóng phân vân
cầu mong thôi chỉ một phút cô miên
viên an thần đưa vào rừng thiền
kéo sụp đổ mí mắt đúc bằng chì
nhưng chỉ là ảo tưởng: con ngươi
lại mở cửa đại hội. Trắng đêm!
Bàn ghế sao kỳ cục
sao lại gọi là bàn ghế?
mảnh ván thuyền chòng tành hay sàn nhà
trong mộng? Tôi cũng kỳ cục nốt
tôi sợ ngồi một mình với tôi
trắng đêm với trắng tinh từ giấy trắng!
Tôi chẳng hề quen biết tôi!

Đêm hình cầu hay đa giác
đêm khinh khí mềm loãng hay chất rắn
trắng hay đen. Đêm ở đâu tới
ngày có về ngủ ở những vũng
thiên hà không? Sao lại gọi là đêm?
đêm bàn tay sắt bóp chặt
đêm màng lưới bủa vây hoài...

Một tiếng chuông
hai tiếng chuông
ngân nga gọi hồn
lạc loài tám hướng
hương lửa diệu linh
mùi hoa đạo hạnh...
Đêm đã tàn chưa?
cuộc đời đỏ đen
trắng tay tình nhân thế
trắng đêm
Tôi sợ đêm
tôi ớn đêm ghê!

bạc. Đầu tháng 9 Huệ về Phú Xuân.

Lúc ấy Chỉnh chỉ có hơn 30 thủ hạ mà dân xứ Nghệ lại lăm le muốn đánh, song vì chưa rõ thực lực của Chỉnh nên chưa ai dám ra mặt đối đầu. Chỉnh cũng không dám bỏ thuyền lên bộ. Thấy tình hình nguy ngập, Chỉnh bàn với anh rể là Nguyễn Kim Khuê muốn "lấy thiên hạ". Khuê cho chỉ cần độ 1000 quân là có thể chiếm được Nghệ An làm căn cứ. Chỉnh nghe lời đưa hịch mộ binh, ai đến chậm thì chém, khoảng mười ngày mộ được hơn 1000 binh, nhưng lòng người không phục, Chỉnh bị bọn Bùi Thế Toại vây tứ phía.

Chỉnh nhờ anh là Nguyễn Bân lẻn ra xin vua cho trấn thủ Nghệ An, vua toan nhận lời thì có người can rằng Chỉnh ở xa mà chúa thì ở gần, không nên gây hiềm khích với chúa, nên vua lại thôi. Bân về nói thác là chiếu vua phong cho Chỉnh làm trấn thủ Nghệ An, tước Bằng lĩnh hầu. Chỉnh bèn đưa hịch "phù Lê, diệt Trịnh", độ mươi ngày mộ được hàng vạn quân. Chỉnh sắp đặt đội ngũ chỉnh tề, hiệu lệnh nghiêm minh, chẳng bao lâu thành một đội quân mạnh.

Trịnh Tông chết, vua cho Trịnh Bồng làm chúa nhưng chỉ phong cho "đời đời tước công" có ý muốn kiềm chế họ Trịnh. Đinh Tích Nhưỡng không bằng lòng, ép vua phải cho Bồng tước vương. Bồng sai bọn Lê Trung Nghĩa, Phan Huy Ích đi đánh Chỉnh. Chỉnh cầu cứu với Huệ, Huệ sai Hữu quân kéo ra. Đồng thời Chỉnh lại nhờ Đinh Tích Nhưỡng bảo toàn với chúa để mình được giữ Nghệ An. Nhưỡng không giúp nhưng cũng không đòi lại xứ Nghệ.

Vua thấy Bồng ngày một mạnh, lại bị bọn Nhưỡng và Cơ ức hiếp quá bèn gửi mật chỉ triệu Chỉnh ra. Khoảng trung tuần tháng 9 Chỉnh kéo quân ra, giết Lê Trung Nghĩa, bắt sống Phan Huy Ích (5), vây Nhưỡng rất ngặt, đang đêm Nhưỡng phải phá vòng vây bỏ chạy. Hoàng Phùng Cơ sợ trốn về Tây. Dương Trọng Tế, Trấn thủ Thanh Hóa, cũng thua chạy; nửa đêm Trịnh Bồng phải trốn sang Kinh Bắc. Sáng ra, vua hay tin liền sai đốt phủ chúa, hôm ấy là ngày mùng 8 tháng 10 năm Bính Ngọ.

Chỉnh đến Thăng Long vào chầu, vua phong chức Bình Chương quân quốc trọng sự, Đại Tư mã, Bằng Trung công. Từ đó Chỉnh nắm chính quyền.

Chỉnh sắp đặt lại chính sự, làm việc khá chu đáo: 5 ngày vào chầu một lần rồi ra công đường xét xử, những ngày khác các quan phải đến phủ Chỉnh xin quyết định.

Nguyễn Đình Giản trước kể tội Chỉnh đem quân "nước ngoài" về, xin đánh, nay Chỉnh cầm quyền đã không trả thù lại mời Giản giữ chức Phó Đô Ngự sử, các quan thấy vậy lục đục kéo về, triều đình có vẻ phồn thịnh như thời bình.

Chỉnh xin mở chế khoa để kén nhân tài. Hơn hai trăm người thi mà triều đình lấy đỗ có hai người, Chỉnh thấy chưa đủ lại cố xin mở một khoa nữa ở lầu Ngũ Long, lấy thêm 15 người, trong số đó có Nguyễn Khuê đỗ thứ tư. Vì Khuê quen thân với Chỉnh người ta cho là Chỉnh tư túi.

Thời loạn, nhà giàu chôn của, tiền trở nên khan hiếm. Các mỏ đồng ở thượng du bị thổ ty cản trở không nộp được như cũ, Chỉnh sai thu tượng đồng các chùa đem về đúc tiền, ai cũng thán, Chỉnh bực mình ra oai để bịt miệng.

Từ ngày ra Bắc đánh đâu được đấy, thanh thế Chỉnh lừng lẫy, dần dần Chỉnh có ý lộng hành, làm gì cũng không tâu trước, cho bè đảng cầm đại binh những nơi trọng yếu, lại chế mũ áo, sắc phục, xe ngựa kiểu riêng, oai vệ chẳng kém gì vua. Chỉnh còn mở phủ cho con là Du ở phía đông phủ mình có ý bắt chước chúa Trịnh. Vua thấy vậy muốn giết, nhưng Vũ Trinh can đã dùng Chỉnh làm nanh vuốt thì nên đãi Chỉnh thực bụng, diệt Chỉnh tức là tự chặt vây cánh của mình. Loạn thần mà biết chế ngự thì cũng có thể trở thành năng thần. Vua nghe ra, bỏ ý định đầu độc Chỉnh. Chỉnh biết chuyện giận, không vào chầu nữa. Vua sai Vũ Trinh đến thanh minh rằng đó là lời đồn bậy. Chỉnh nói thẳng "Ta đã nhìn kỹ tướng mạo hoàng thượng là người tàn nhẫn lại đa nghi. Việc ấy chắc có. Nhưng nay bốn bể giặc giã, chuyện này hãy gác lại."

Tuy ở Bắc, Chỉnh vẫn gửi hậu lễ vào Nghệ An cho Nguyễn Duệ. Nhân khi anh em Tây Sơn bất hòa, Chỉnh xui Duệ phản Huệ, chiếm lấy Nghệ An, rạch sông Đại Lĩnh làm biên giới như cũ. Việc bị Nhậm phát giác, Duệ trốn vào với Nhạc. Chỉnh cũng có ý sợ, viết thư cho Nhậm phân trần rằng khi Huệ bỏ về Phú Xuân, Chỉnh chỉ ở lại Nghệ An có hơn mười ngày không đủ thì giờ kết thân với Duệ, rồi từ đó kẻ Nam người Bắc, Chỉnh không thông đồng với Duệ. Nay Chỉnh ở Bắc đã giết được Hoàng Phùng Cơ nhưng chưa trừ được Đinh Tích Nhưỡng, hễ trừ xong Nhưỡng, Chỉnh sẽ quay về theo đúng lời Huệ dặn. Nhậm xem thư biết Chỉnh còn sợ bèn theo kế hoạch của Huệ bỏ qua vì lúc ấy Huệ đang bận giao tranh với Nhạc.

Tuy Chỉnh nói cứng với triều đình rằng trong Nam ngoài Huệ ra còn thì từ Vũ Văn Nhậm trở xuống đều không ai đáng kể, hễ Huệ ra thì Chỉnh khắc đối đầu, song vẫn sai Trần Công Sán cùng Ngô Nho đem lễ vật vào triều đình "đòi" Nghệ An. Bụng Chỉnh thực ra muốn hòa, một phần vì sẵn úy kị Huệ, một phần gia đình còn ở với Tây Sơn làm con tin, Chỉnh bất đắc dĩ phải "đòi" Nghệ An chắc vì chiều theo ý kiến của triều đình. Chỉnh vẫn yên trí phái bộ của Sán thành công nên không đề phòng, chỉ xin cho Lê Duật trấn giữ Thanh Hóa. Không ngờ Trần Công Sán cứng cỏi, tranh luận gay gắt với Huệ, không chịu đầu hàng

nên Huệ sai đưa tiễn bằng đường thủy, giữa đường dìm chết cả sứ bộ, nói thác là thuyền đắm. Lúc ấy vào tháng 3 năm Đinh Mùi (1787).

Từ khi Chỉnh lộng hành, các quan có người cáo ốm trả ấn về, có người mộ quân chống lại, rồi thì kẻ phò vua, kẻ giúp chúa, cùng chống Chỉnh, chán lại quay ra đánh lộn lẫn nhau, khắp nước chẳng chỗ nào yên.

Mùa hạ năm Đinh Mùi, Dương Trọng Tế trước thua chạy nay đưa hịch kể tội vua dựa vào Chỉnh đuổi chúa, lời lẽ quá đáng không hợp lòng người, lại xé cả chiếu của vua trước mặt sứ giả. Vua giận sai Chỉnh lập tức đem quân đánh. Chỉnh vâng dạ nhưng bảo riêng với thủ hạ là bọn Hoàng Viết Tuyển rằng chỉ cần khua trống đến tận chân thành thị uy, không cần nhọc sức đánh phá, quân của Tế là quân ô hợp tự khắc tan. Nếu Tế hàng thì điệu về, không hàng cũng không cần đuổi vì Tế bị dân ghét tất sẽ bắt sống dâng nộp. Quả nhiên sau Tế bị bắt sống nộp cho Chỉnh, ai cũng khen Chỉnh có tài tiên liệu, riêng Trần Công Sán nói: "Không phải ông liệu việc giỏi mà chỉ tại Tế vô mưu".

Bắt được Tế, Chỉnh muốn đem chém không cần bẩm bút mực, nhưng vua không nghe, sai lập án, bắt Tế đến quỳ chịu tội trước nhà Thái học rồi mới điệu ra trường thi võ chém. Xong việc, vua thưởng cho bọn Hoàng Viết Tuyển tước công. Triều đình xin cho Chỉnh tước công một chữ (cao hơn tước công hai chữ, như Bằng công cao hơn Bằng Trung công), được phép mở phủ, đúc ấn Vũ Thành...

Tháng 8 năm Đinh Mùi, quận Thạc dâng mật biểu kể tội Chỉnh là "quốc tặc", xin đem quân từ Sơn Tây về đánh. Vua muốn xử hòa, đưa biểu cho Chỉnh xem, Chỉnh cũng thuận, viết thư cho Thạc, không ngờ Thạc nổi giận, mắng nhiếc Chỉnh và quyết đánh. Rút cục, Thạc bị bắt sống, Chỉnh muốn đem chém, vua không nỡ, triều đình xử cho uống thuốc độc, chết được toàn thây.

Cuối thu năm Đinh Mùi, Chỉnh xin đánh Trịnh Bồng. Bản ý vua không ưng vì cho Bồng thuận thảo, nhưng bị Chỉnh ép phải nghe. Bồng thua chạy, viết thư cho Trương Đăng Quỹ nhờ nói giúp với vua xin về, vua sai Quỹ đi đón nhưng giữa đường nghẽn lối phải quay lại.

Cuối năm ấy, Huệ hòa với Nhạc rồi liền sai Vũ Văn Nhậm ra hỏi tội Chỉnh. Quân của Nhậm giết Lê Duật, Nguyễn Như Thái, kéo thẳng ra Thăng Long, Chỉnh đang ăn cơm hay tin quăng đũa, sai con là Du đi trước ứng chiến, tự mình cầm quân tiếp viện. Tháng chạp, Du thua ở sông Thanh Quyết, hai cha con rút về Thăng Long. Chỉnh tâu xin vua lánh nạn sang Kinh Bắc, cho Du đi trước hộ giá, Trấn thủ Kinh Bắc là Nguyễn Cảnh Thược cáo ốm không ra, Chỉnh phải thân đến quở trách, Thược mới chịu ra (theo *Cương Mục* thì Thược đã hàng Tây Sơn). Sau Thược còn bóc lột hết của cải của vua mới thả cho chạy đi.

Tháng chạp năm Đinh Mùi (ngày 9-1-1788) Nhậm kéo quân vào thành, thấy kho tàng rỗng tuếch, cho quân đi cướp của dân, ai ta thán đem chém.

Bộ tướng của Nhậm là Nguyễn Văn Hòa đuổi theo Chỉnh, Du bị giết, Chỉnh ngã ngựa bị bắt sống ngày 21-1-1788. Chỉnh xin được gặp Nhậm nói một câu, Nhậm không cho, sai người kể tội rồi phanh thây vứt cho chó ăn. Theo tài liệu các giáo sĩ thì Chỉnh bị bêu đầu ngày 15-1-1788, tức tháng chạp năm Đinh Mùi (vì năm Mậu Thân chỉ bắt đầu từ ngày 7-2-1788).

ĐOÁN TUỔI

Vì không rõ Chỉnh sinh năm nào và thọ bao nhiêu tuổi nên tôi phỏng tính như sau:

1- Năm sinh

Theo Hoa Bằng và Bảo Vân thì năm 18 tuổi Chỉnh lên kinh thi Tạo sĩ, có vào ra mắt Hoàng Ngũ Phúc, được Phúc thu dụng. Nếu Chỉnh ở với Phúc 16 năm mới được coi đội Thiện tiểu sau đó theo Phúc Nam chinh độ ba năm, thì khi Phúc chết, Chỉnh được:

18 + 16 + 3 = 37 tuổi

Biết rằng Phúc chết vào năm 1786,7 tất Chỉnh sinh khoảng

1786/7 - 37 = 1740

Nhưng theo *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* và *Đại Việt Sử Ký tục biên* thì Chỉnh từ nhỏ thường theo cha ra vào cửa Hoàng Ngũ Phúc, Phúc cho Chỉnh là kỳ tài thu dụng. Phúc chỉ có thể "thu dụng" Chỉnh sớm nhất khi Chỉnh độ 7, 8 tuổi, để sai vặt, tức là khi Phúc chết Chỉnh được:

7/8 + 16 + 3 = 26/7 tuổi

Như thế tức là Chỉnh sinh năm 1786/7 - 26/7 = 1750

Tính trung bình, ta có thể cho là *Chỉnh sinh khoảng 1745*, xê dịch trước sau độ năm năm.

2- Thọ

Chỉnh mất đầu năm 1788, sinh khoảng 1745, tức là thọ:

1788 - 1745 = *42/3 tuổi*, tùy tính theo tuổi tây hay tuổi ta.

Kiểm chứng:

- Bài "Tự thán" của Chỉnh có hai câu đáng chú ý:

"Tóc chen hai thứ chửa danh chi"

và

"Chửa giả, chửa đền ân đệ tử"

Chắc Chỉnh sáng tác bài này trước khi ra Thăng Long lần thứ nhất nên mới than là "chửa đền ân đệ tử" (chưa báo thù được cho quận Huy), tức muộn là tháng 6 năm Bính Ngọ (1786), Chỉnh được 1786 - 1745 = 41 tuổi, có thể "tóc chen hai thứ" được.

- Sau khi Chỉnh bị Tây Sơn bỏ rơi ở Nghệ, có viết thư nhờ cậy Đinh Tích Nhưỡng. Nhưỡng gọi con rể Chỉnh ra cho biết mình trách Chỉnh "bất trung".... Lúc ấy vào khoảng tháng 9 năm Bính Ngọ, nghĩa là chỉ ba tháng sau. 41 tuổi có con rể cũng

HOÀNG XUÂN SƠN
SAN DIEGO NHÌN LẠI VÀ (VẪN) NGHIÊU ĐỀ

Mười ba năm. đấy, biển
hơi mặn thấm vào người
gió mặn luồn chân tóc
nước mặn hồn xa khơi

Vị nồng lên thớ gỗ
bờ đá vỗ âm ba
khói nhòa con mắt nắng
biêng biếc một phương nhà

Chú cá nằm mắc cạn
mà lòng ai đương trôi
hát thầm câu tống biệt
hoa. từ buổi luân hồi

Cát lầy chân chim mỏi
sóng bạt cả tiếng thầm
dường như bạn vừa nói
mất giữa triều vô âm.

tháng 3 chín tư

hợp lý.

Nếu tính Chỉnh sinh vào năm 1750 thì đến năm Bính Ngọ (1786) Chỉnh mới được 36 tuổi. 36 tuổi mà có con rể và tóc hoa râm tuy vẫn có thể được nhưng so với người bình thường thì hơn sớm.

B- TỘI TRẠNG

Người ta nghiêm khắc với Chỉnh xét ra thường vì dựa vào những lời phê phán hay cách đối xử của người đương thời: vua muốn giết, quan hạch tội, người Kinh ném đá v.v...

Nay ta hãy thử phân tích lại từng trường hợp một:

1- *Kính Phủ:* (tức Nguyễn Án) trong "Mả tổ quận Bằng" viết: "Người cha của Nguyễn Hữu Chỉnh nhờ Giám sinh họ Đỗ tìm đất táng mả tổ ở núi Côn Bằng, sau đó người mẹ có thai sinh ra Chỉnh. Khi nghe tiếng trẻ khóc, Đỗ Giám sinh than rằng: 'Đó là một kẻ gian hùng thời loạn, làm lỡ việc thiên hạ là ta rồi'!" (6).

Chỉ nghe tiếng trẻ khóc mà biết ngay sau này nó sẽ là gian hùng, nếu họ Đỗ không phải là thánh e rằng nói khoác. Câu này có lẽ do người đời sau bịa đặt cho phù hợp với tội "phản tặc" của Chỉnh thì có phần đúng hơn.

2- *Đinh Tích Nhưỡng:* (quận Liễn) Nhưỡng với Chỉnh trước cùng là môn hạ của quận Huy, rất tương đắc, Nhưỡng nhận là đàn em của Chỉnh. Khi Chỉnh nhờ Nhưỡng bảo toàn với chúa, Nhưỡng gọi con rể Chỉnh ra nói: "Ông anh về chữ 'nghĩa' thì đủ nhưng về chữ 'trung' thì còn thiếu", có ý trách Chỉnh bất trung với họ Trịnh.

Nhưỡng đã chê Chỉnh như vậy, ắt Nhưỡng phải là một bề tôi trung? Nhưng thế nào là "trung" và "trung" với ai? Nhưỡng vì trung với Trịnh Bồng mà ức hiếp vua tức là bất trung với vua, chỉ biết có chúa là chủ mình, thì chúa của Chỉnh là quận Huy, Chỉnh trung với quận Huy cũng như Nhưỡng trung với Trịnh Bồng, trách Chỉnh sao được?

Đã thế đối với chúa, chữ "trung" của Nhưỡng cũng tùy thời vì khi Trịnh Bồng thua chạy đến với Nhưỡng thì Nhưỡng lại tỏ ra lạnh nhạt đến nỗi Bồng lại phải bỏ chạy một lần nữa, thế thì chữ "trung" của Nhưỡng chẳng có gì là bền chặt, Nhưỡng đối với chúa không bằng Chỉnh đối với quận Huy. Nhưỡng đã ức hiếp vua, lạnh nhạt với chúa khi chúa thất thế, lại tàn bạo với dân khiến dân ghét muốn giết phải bỏ trốn, thế thì Nhưỡng hành động vì vua, vì chúa hay vì dân? Nhưỡng "trung" với ai và có "nghĩa" với ai?

3- *Hoàng Phùng Cơ:* (quận Thạc) kể tội "Chỉnh chỉ quen dùng trá thuật lừa dối người, trước phản nước theo Tây Sơn, sau lại nhị tâm với Tây Sơn muốn giữ xứ Nghệ. Người Nghệ không ưa, Tây Sơn không dùng mới quay về với hoàng thượng...." nay Cơ "vâng chỉ về triều hỏi tội Chỉnh" và "xin bệ hạ cho phép hạ thần chẹn hấn ngay từ đầu để khỏi càn rỡ về sau..."

Cơ trách Chỉnh "phản nước theo Tây Sơn" nếu không cố tình nói ngoa thì là hồ đồ. Rõ ràng Chỉnh đang yên ổn ở Nghệ An, vì Trịnh Tông truy nã bè đảng quận Huy để tàn sát mới bất đắc dĩ trốn vào Nam theo Nguyễn Nhạc. Nếu Dao Trung hầu chịu nghe theo kế của Chỉnh chiếm giữ lấy Nghệ An thì Chỉnh còn chạy vào Nam làm gì?

Cơ lại kết tội Chỉnh "nhị tâm với Tây Sơn" cũng là nói quá. Rành rành Chỉnh bị Tây Sơn bỏ rơi tới hai lần mới phải tìm cách tự vệ, không phải bỗng dưng Chỉnh sinh dị tâm muốn bỏ Tây Sơn. Nếu Nguyễn Huệ chịu dung nạp chưa chắc Chỉnh đã nghĩ đến chuyện chiếm giữ Nghệ An. Phần Huệ, tuy dùng Chỉnh nhưng bụng vẫn ngờ vực, khi rút quân ở Thăng Long về lẳng lặng không cho Chỉnh hay biết, ở Nghệ An để Nguyễn Duệ lại giúp Chỉnh nhưng

lại dặn riêng Duệ phải đề phòng Chỉnh, vậy thì ai "nhị tâm"?

Cơ còn nói vì "Tây Sơn không dùng Chỉnh mới quay về với hoàng thượng", câu này cũng sai nốt. Khi phát giác Huệ không dung nạp mình, Chỉnh chỉ tính kế cố thủ ở Nghệ An. Tuy có nhờ Nguyễn Bân ra tiếp xúc với vua nhưng chỉ là để xin chức trấn thủ Nghệ An, cũng như Chỉnh đã nhờ Nhưỡng nói hộ với chúa, Chỉnh không hề có ý bỏ Tây Sơn để ra với vua vì Chỉnh đã bỏ vua ở Thăng Long để chạy theo Tây Sơn, tức đã biết vua không có thực lực, không thể nhờ cậy được, thì còn quay về với vua làm gì? Sau này vua viết chiếu gọi Chỉnh ra cứu giá, Chỉnh ra Thăng Long là vì vua chứ không phải vì bản thân.

Cơ chê Chỉnh "hay dùng trá thuật để lừa dối người" là không tự xét mình. Chính Cơ tuyên bố "vâng chỉ về triều hỏi tội Chỉnh" mà lại còn "xin bệ hạ cho phép kẻ hạ thần..." thế là "giấu đầu hở đuôi" vì đã "vâng chỉ" thì việc gì còn phải "xin phép"?

4- *Vua Lê và các quan:* Khi vua Chiêu Thống thấy Chỉnh chuyên quyền có ý muốn giết, mật nghị với các quan Lê Xuân Hợp, Ngô Vi Quý, hai người về hùa với vua, tâu: "Chỉnh là người ý nghĩ hiểm độc, bụng dạ tàn nhẫn, cơ mưu sâu sắc, giả trá khôn khéo, ứng biến nhanh nhẹn, chưa chắc đã là năng thần đời trị, thật là gian hùng của thời loạn, chỉ nên giết đi là xong".

Tuy Chỉnh quả có những hành động tàn nhẫn như giết em rể... nhưng xét ra không phải vì "bụng dạ hiểm độc", bình sinh hiếu sát mà vì lúc ấy địa vị Chỉnh với Tây Sơn chưa vững mà em rể lại tiến vào dụ về, trong khi Chỉnh đã thấu rõ quân tình của Nhạc, thả về tất Nhạc nghi ngờ, làm sao xóa được sự nghi kỵ đó?

Còn vua Chiêu Thống bị Trịnh Bồng lấn bức không làm gì nổi mới phải gọi Chỉnh ra, xong việc lại muốn giết đi, thế thì vua cũng tàn nhẫn, chỉ kể đến quyền lợi của mình mà không xét đến công lao cho người.

Ngô Thì Chí chép vua là người "anh minh quả quyết" có lẽ vì thấy vua nhất định chỉ cho Trịnh Bồng "đời đời tước công" để toan kiềm chế họ Trịnh. Thực ra vua chỉ "anh minh quả quyết" trong việc bảo vệ quyền lực của mình, chẳng bao giờ thấy vua tìm cách chấn chỉnh triều chính, trù hoạch quốc sách. Nếu Chỉnh lâu dần đâm ra tự chuyên, làm gì cũng không tâu trước, hẳn vì nghĩ có tâu vua cũng chẳng có chủ kiến gì. Bốn chữ "anh minh quả quyết" dành cho Nguyễn Huệ hợp hơn vì Huệ có tài cầm quân trị nước, biết xét người, biết dùng người, dẫu Huệ có giết cả Chỉnh lẫn Vũ Văn Nhậm cũng không mấy ai chê trách bởi Huệ "dùng" Chỉnh còn vua thì "nhờ" Chỉnh.

Nói về "năng thần" và "loạn thần" thì các quan ăn lộc của vua mà có biến đều trốn hết, vậy thì ai là "năng thần"? Nếu triều đình có "năng thần" thì việc gì còn phải treo giải thưởng cho ai dụ được Chỉnh về, việc gì vua còn phải viết mật chỉ triệu Chỉnh ra? Các quan đã không cáng đáng được việc nước vậy mà người ta làm gì cũng hạch tội: mở chế khoa để kén hiền tài mưu sự lâu dài thì bảo Chỉnh tư túi, tiền khan hiếm, mỏ đồng không khai thác được phải lấy tượng ở chùa về đúc tiền, cũng tội nữa. Thế thì chỉ những người không làm gì là không bao giờ có tội. Chỉnh dẫu không phải "năng thần" ít ra cũng đã hết sức giúp vua trị nước.

5- *Nguyễn Huệ:* Không riêng gì vua muốn giết Chỉnh mà cả Nguyễn Huệ cũng muốn giết. Nghe tin Chỉnh muốn lấy Nghệ An, Huệ nói: "Nguyễn Hữu Chỉnh đã chết, ta cứu sống, lại vẽ mày vẽ mặt cho hắn, hắn đã chẳng báo ơn thì chớ lại muốn tranh đất Nghệ với ta, giết là đáng" (7).

Thực ra người "cứu sống" Chỉnh là Nhạc chứ không phải Huệ. Chính Nhạc cho Chỉnh trú ẩn ở Nam và cũng chính Nhạc "vẽ mày vẽ mặt" cho Chỉnh khi phong chức Hữu quân Đô đốc, ngang với Vũ Văn Nhậm là con rể Nhạc, để đi đánh Phú Xuân.

Ở Thăng Long, tuy Huệ có giao phó hết mọi việc cho Chỉnh song không phải vì muốn "vẽ mặt" cho Chỉnh mà là vì Huệ không quen những nghi thức triều đình ngoài Bắc. Chính Huệ nhìn nhận với vua Hiển Tông rằng mình ra được tới Thăng Long là nhờ công của Chỉnh. Không những thế, Chỉnh còn mách nước cho Huệ khai thác công "phù Lê" bằng cách xin vua thiết đại triều để tiếp Huệ v.v... như thế là Chỉnh có báo đáp ơn của Huệ rồi. Huệ lấy được Ngọc Hân công chúa cũng là nhờ Chỉnh, tức là Chỉnh cũng đã "vẽ mày vẽ mặt" cho Huệ. Chỉnh muốn tranh đất Nghệ chưa chắc đã do bản tâm vì Chỉnh vốn úy kỵ Huệ, lại chưa nắm vững phần thắng đời nào dám "vuốt râu hùm"? Huống hồ gia đình Chỉnh còn ở với Tây Sơn làm con tin. Chỉnh "đòi" Nghệ An chắc là vì bị triều đình ép. Mà Huệ muốn giết Chỉnh chẳng phải vì Chỉnh bội bạc hay muốn tranh đất Nghệ An mà vì Huệ nhận thấy Chỉnh có thể là tay đối nghịch đáng sợ sau này nên muốn trừ đi từ trước để tránh hậu hoạn thì có phần đúng hơn.

6- *Vũ Văn Nhậm:* tuy Nguyễn Huệ muốn giết Chỉnh song người thực sự giết Chỉnh lại là Vũ Văn Nhậm. Trước khi giết, Nhậm sai người kể tội Chỉnh: "Mày vốn là tôi chúa Trịnh, phản Trịnh về với ta, lập mưu giết họ Trịnh, rồi lại phản ta về Bắc lừa dối vua Lê, làm oai làm phúc, toan cướp ngôi vua, tranh giành đất Nghệ với chúa ta. Đời mày xem ra toàn học thói của quân đạo tặc. Nay phanh thây, phanh mật mày để người Bắc lấy mày làm gương".

Đại khái Nhậm cũng lên án Chỉnh gian giảo, phản phúc, lại đèo thêm tội mới: "muốn cướp ngôi vua". Điều này thấy có mình Nhậm nói ra, Ngô Thì Chí chỉ chép Chỉnh có ý muốn bắt chước chúa Trịnh. Tại sao Nhậm lại vạch ra một tội mà không ai trông thấy? Phải chăng vì Chỉnh "oai vệ chẳng kém vua" hay vì "suy bụng ta ra bụng người"? Sau này chính Nhậm bị giết về tội mưu toan tiếm ngôi (8).

Chỉnh với Nhậm, kẻ Nam người Bắc, vốn không quen biết nhau từ trước, lại cũng không có thâm thù, tại sao Nhậm lại có thái độ quá hằn học như thế đối với Chỉnh? Ở Thăng Long, chính Nhậm đã xui Huệ bỏ rơi Chỉnh để người Bắc giết đi; bắt được Chỉnh, Nhậm cũng dùng thứ hình phạt dã man nhất để giết là phanh thây rồi vứt cho chó ăn. Chém một nhát cũng đủ, cần gì phải tàn nhẫn thế? Phải chăng vì Nhậm thấy Chỉnh tài giỏi hơn mình nên sinh lòng đố kỵ? Cùng chức Đô đốc ngang nhau, lại cùng là hàng tướng mà Huệ thả lỏng cho Nhậm cầm đầu một trong ba đội quân đi đánh Phú Xuân, trong khi Huệ giữ chịt Chỉnh ở bên mình. Quyết không phải vì Chỉnh thuộc rõ địa thế Phú Xuân hơn, vì trước đó mươi năm Phú Xuân thuộc quyền chúa Nguyễn mà Nhậm vốn là bề tôi cũ của nhà Nguyễn. Huệ giữ Chỉnh ở bên mình một phần để tiện bàn việc quân cơ vì thấy Chỉnh túc trí đa mưu, song cũng chính vì thế mà giữ lại để dễ bề kiềm chế. Nhậm không dám cho Chỉnh gặp mặt trước khi chết nói một câu có thể vì sợ không đối đáp được.

Nhưng ai có quyền trách Chỉnh là "phản thần" còn được chứ Nhậm thì quyết không nên. Ít nhất Chỉnh đã báo thù cho quận Huy, còn Nhậm thì tự coi mình với Tây Sơn là một, nên mới mắng Chỉnh "phản ta về Bắc" và "tranh giành với *chúa ta*". Rõ ràng Nhậm chỉ biết có Tây Sơn, không nhắc nhở gì đến chúa Nguyễn nữa. Sự thực, Nhậm cũng không quá trung với Tây Sơn đến bậc ấy, những lời nói quá ấy cốt để vừa lòng Nguyễn Huệ song cũng không che mắt Huệ nổi. Thanh toán xong Chỉnh là đến ngay phiên Nhậm. Nếu Nhậm biết trước ắt không vội vã thủ tiêu Chỉnh, vì nhổ được cái đinh trước mắt tức thì họa đến thân, dại gì?

7- *Nhân tâm:* vua quan đã không ưa Chỉnh mà dân chúng cũng ghét: người Kinh ném đá theo, người xứ Nghệ lăm le muốn đánh... Lính Nam vì Chỉnh phải xa nhà, oán trách Chỉnh còn có lý chứ dân Bắc đang bị nạn kiêu binh, vua quan thúc thủ, Chỉnh đem Tây Sơn ra dẹp loạn cho dân yên ổn làm ăn cớ sao lại ném đá? Tại họ thấy Trịnh Tông vì Chỉnh mà chết nên nổi lòng công phẫn? Song Tông chẳng phải là một ông chúa tài cán, anh minh, Tông đã từng phải cùng mẹ ngồi xuống đất lạy kiêu binh để xin họ bớt những nhiễu mà cũng không xong, thế thì mất Tông có hại gì cho dân chúng? Những người thực tâm tiếc Tông ắt là những bầy tôi cũ của họ Trịnh chứ không phải dân. Dân chúng khích động chỉ vì nhẹ dạ họ bị xui khiến. Thử hỏi giữa quân Thanh và quân Tây Sơn thì quân nào là quân "nước ngoài" và quân nào là "rắn"?

Rõ hơn nữa là thái độ của dân xứ Nghệ, lúc đầu lăm le muốn giết Chỉnh nhưng vừa nghe có chiếu vua lập tức quay về với Chỉnh, tỏ ra họ chẳng biết Chỉnh là ai, chỉ nghe xui khôn xui dại nên mới trở mặt nhanh chóng như thế. Cho nên dân yêu hay ghét không phải là một bằng chứng Chỉnh là "phản tặc".

C- CON NGƯỜI NGUYỄN HỮU CHỈNH QUA NGHỊ LUẬN, HÀNH SỰ VÀ VĂN THƠ

1- *Qua nghị luận*

Trên đây ta đã thấy con người của Nguyễn Hữu Chỉnh qua những lời phê phán của người đương thời, nay ta thử xét Nguyễn Hữu Chỉnh qua những lời nghị luận của Chỉnh:

Khi người em rể của Chỉnh từ Bắc vào để dụ, Chỉnh dò hỏi tình hình ngoài Bắc trước khi đem chém. Nhân nói đến Trịnh Tông tàn sát những người nhúng tay vào vụ án Canh Tý, Chỉnh phê bình: "Giết kẻ vâng mệnh cha mình ở triều, nêu rõ tội của cha mình với người trong nước là đại bất hiếu".

Nghe tin Đặng Thị Huệ tự vẫn, Chỉnh khen: "Chết được lắm! Ta vẫn tưởng Tuyên phi chỉ có nhan sắc, ai ngờ lại tiết liệt như vậy."

Bàn về chuyện "hai cậu" bị giết, Chỉnh ngậm ngùi: "Phá tổ vọt trứng, người ta có tội tình gì?"

Những lời nghị luận này thốt ra trong lúc vô tình chứng tỏ Chỉnh là người vẫn coi trọng luân thường đạo lý, trung hiếu tiết nghĩa v.v...

Đối với Nguyễn Đình Giản, Chỉnh giảng giải: "Đến bố vợ ông ta mà ông ta còn đàn hặc nữa là. Nếu mình có tội mà ông ta dám nói thì là người thẳng thắn, còn mình vô tội mà ông ta nói thì có hại gì?" Qua câu nói, ta thấy Chỉnh vừa sáng suốt, vừa rộng lượng lại vừa khôn khéo biết thu phục lòng người, các quan thấy vậy mới lục tục kéo về khiến triều đình "có vẻ phồn thịnh như thời bình".

Vua Lê toan giết Chỉnh, việc không thành lại sai Vũ Trinh đi thanh minh... Chỉnh nói thẳng: "Ta đã nhìn kỹ tướng mạo hoàng thượng là người tàn nhẫn lại đa nghi, việc ấy chắc có. Nhưng nay bốn bể giặc giã, hãy gác chuyện ấy lại". Tư cách hai người đã phân minh: một đằng thì chăm chăm bảo vệ quyền lực riêng, một đằng thì dẹp chuyện tư thù sang một bên để lo toan việc nước trước.

Với Nguyễn Huệ, Chỉnh tỏ ra thực thà đến thành vụng về khi nói: "Nhân tài Bắc hà chỉ có mình tôi mà thôi". Đó là sự thực, không phải Chỉnh khoác lác, ba hoa, bằng cớ là vua và triều đình mấy lần triệu Chỉnh ra. Nếu quả Chỉnh có "nhị tâm" với Tây Sơn lúc ấy ắt không

VIÊN PHONG

CÂY BÔNG CHUỐI

Ta đâu biết tên mi là "bông chuối"
(Quan trọng gì tên người đặt cho mi!)
Ta chỉ biết khi người mang mi tới
Trồng nơi đây, trông mi chẳng ra gì!

Một cây non bằng gang tay bé nhỏ,
Thân ngắn mang đôi lá lớn kệch thô;
Ta ngó mi, rồi mặc mi đứng đó,
Chân chôn nông trong lớp đất mỏng khô.

Ta không đợi cả điều mi sẽ sống,
Nói chi mi sẽ đẹp đẽ trưởng thành.
Nhưng... nửa tháng lẹ trôi qua, rồi bỗng
Một sáng kia, chủ nhật, dưới bình minh,

Ta đi dạo, mắt thẳng nhìn, xa vắng,
Dọc tường sân, chợt thấy, dưới chân ta,
Từ phía tường, như lóe lên ánh sáng...
Ta dừng chân, ngó xuống giải vườn hoa...

Ồ! Lạ quá! Chính là mi, bông chuối!
Gấp hai lần, mi đã nhớn bổng lên;
Đã xuất hiện, trên vài ba lá mới,
Một bông hoa vàng chói cánh tơ mềm.

Lá xanh khỏe như truyền ta sinh lực,
Hoa vàng tươi, như vui rọi hồn ta;
Ta đang yếu bỗng thấy mình lại sức,
Nhìn tương lai trong hi vọng chan hòa.

Ôi kỳ diệu! Một mầu hoa, sắc lá,
Một đốm hình rất nhỏ của thiên nhiên,
Đã nâng dậy cả một lòng sắp ngã,
Như nâng con tay dịu mẹ cha hiền.'

Khác nhân loại luôn làm nhau đau khổ,
Tạo hóa luôn giúp đỡ các sinh linh.
Bông chuối ơi, hãy cho ta chuộc lỗi
Buổi đầu tiên sơ kiến đã vô tình.

Hãy tạm nhận gáo nước này trong mát,
Trong khi chờ ta xới đất, vun mầu,
Để mi trọn, theo thiên nhiên sắp đặt,
Nhiệm vụ mi soi rạng những tâm sầu.

Trại "cải tạo" Thanh Cẩm (Thanh Hóa) 1978

** Cước chú: Cho đến khi vào trại Thanh Cẩm, tôi không được biết cây "bông chuối" này. Một bạn tù người miền Nam đã cho tôi biết tên nó là thế, chắc là vì nó có* bông *(tức hoa) và lá thì tương tự lá* chuối *(hay là* giong *mà người ta dùng để gói bánh chưng). Lớn đến mức tối đa, cây này cao vào khoảng 60cm hay hơn một chút.*

dại gì mà cung khai như thế cho Huệ lưu ý đến mình. Chính sự vụng về này chứng minh Chỉnh chưa hề nghĩ đến chuyện bỏ Tây Sơn.

2- *Qua hành sự*

Ở đời không thiếu gì người nói thì hay nhưng lời nói không đi đôi với việc làm. Liệu Nguyễn Hữu Chỉnh có thực sự quan tâm đến thế đạo hay đó chỉ là những lời đạo đức ở cửa miệng?

Ta đã thấy đối với quận Huy Chỉnh đã xử sự chí tình, không ai chê trách vào đâu được.

Tuy bất đắc dĩ phải theo Tây Sơn, nhưng Chỉnh cũng "ăn cây nào, rào cây ấy", hết sức giúp Tây Sơn huấn luyện binh mã, kén chọn tướng sĩ, đánh Chiêm Thành, Xiêm La, Bồ Man, hiến mưu kế đoạt Phú Xuân, chỉ đường vạch lối cho Nguyễn Huệ ra Bắc, mách nước cho Nguyễn Huệ từng ly từng tí khi ở Thăng Long v.v... Chỉ từ khi phát giác ra Tây Sơn vẫn nghi kỵ mình, Chỉnh mới xoay ra bắt cá mấy tay để tự vệ.

Với chủ nào Chỉnh cũng hết lòng báo đáp, với thuộc hạ, Chỉnh tỏ ra biết thương kẻ dưới: trước khi nhổ thuyền vào Nam theo Nhạc, Chỉnh gọi quân lính dưới quyền ra bờ sông nói rõ duyên cớ và để lại cho mỗi người một quan tiền đen. Thử hỏi có mấy ông tướng trước khi chạy trốn còn nghĩ đến thuộc cấp như Chỉnh? Đây không phải là một hành động mua chuộc lòng người vì đã là kẻ chạy trốn thì còn biết tương lai ra sao mà mua chuộc? Khi vâng lệnh vua đi đánh Dương Trọng Tế, Chỉnh cũng căn dặn thuộc hạ không cần nhọc sức quân, lại cấm quân không được nhũng nhiễu dân.

Chỉnh là một ông tướng có tài đánh đâu được đấy, mưu kế sâu sắc, khi xuất trận thường cầm gươm đi trước, tỏ ra là người vừa trí vừa dũng. Ngay từ trước khi vào với Tây Sơn, Chỉnh cũng đã nổi tiếng luôn luôn thắng trận, nghề thủy vào bậc vô địch, không phải học của Tây Sơn

Chỉnh mới biết cầm quân như có người nghĩ. Nếu Chỉnh học được phép điều binh khiển tướng của Tây Sơn thì đã chẳng thua vì tay Tây Sơn.

Chỉnh lại còn là một chính trị gia biết nhìn xa, biết quyền biến khi nhu, khi cương. Lúc nắm chính quyền, Chỉnh đã tỏ ra rộng lượng với Nguyễn Đình Giản, Hoàng Phùng Cơ để thu phục lòng người. Chỉnh lại lo xa mở chế khoa kén nhân tài.

Tiền khan hiếm, không có đồng sai lấy tượng các chùa về đúc tiền, dân ta thán thì trừng trị vì không thể làm khác được.

Tiếng rằng mang tiếng ức hiếp vua "còn hơn chúa Trịnh", nhưng sự thực Chỉnh nể nang vua hơn chúa Trịnh. Chúa một tháng vào chầu vua hai lần, Chỉnh năm ngày vào chầu một lần. Chúa đặt ngai ngồi ngay cạnh vua, chưa thấy ai nói Chỉnh leo lên ngồi cạnh vua bao giờ. Tuy nhiều khi làm việc không tâu với vua trước nhưng vẫn thường chiều theo ý vua như xử hòa với Hoàng Phùng Cơ, lập án xử Dương Trọng Tế... Nếu Chỉnh hóa lộng hành, tự chuyên, ắt cũng vì thấy vua không hiểu và cũng không tha thiết đến việc nước.

3- *Qua văn thơ*

"Tay bé khôn bưng vừa miệng thế"

- Vịnh cái pháo

Nói đến thơ văn Nguyễn Hữu Chỉnh, người ta thường nhắc đến bài *Vịnh cái pháo:*

Xác không vốn những cậy tay người,
Bao nả công trình, tạch cái thôi!
Kêu lắm lại càng tan tác lắm,
Thế nào cũng một tiếng mà thôi.

"Khẩu khí" bài này cho thấy Nguyễn Hữu Chỉnh là người vốn không có thực tài, làm nên sự nghiệp đều "cậy tay người" cả, song càng trèo cao càng ngã đau, rút cục chết phanh thây mà công danh cũng không còn gì, khác nào cái pháo nổ tạch một tiếng, tan xác là hết.

Loại thơ "khẩu khí đế vương" nói là của Lê Thánh Tôn là loại thơ gò ép của lý trí cho phù hợp với tư cách một ông vua. Bài "Vịnh cái pháo" thuộc loại "khẩu khí vô tâm" thốt ra khi không định tâm bắt người nghe phải phục, hẳn bộc lộ thực sự tâm trạng của tác giả hơn? Song sự nghiệp văn chương của Chỉnh không dừng ở bài "Vịnh cái pháo", nếu đem "khẩu khí" bài này so với "khẩu khí" những bài khác của Chỉnh thấy có cái gì không ổn.

- Quách Lệnh Công phú

Theo Ngô Thì Chí, thuở trẻ Chỉnh thường họp tân khách trong nhà uống rượu, ngâm thơ tỏ chí. Bài "Quách Lệnh Công phú" được nhiều người truyền tụng.

Bài này dường như đã thất truyền, song bằng vào tư cách của Quách Lệnh công ta cũng có thể đoán biết phần nào tâm nguyện của Chỉnh thuở thiếu thời:

Quách Tử Nghi là một tướng giỏi đã giúp Đường Túc Tôn dẹp loạn An Lộc Sơn, thu phục Tràng An.

Chỉnh ca tụng Quách Tử Nghi tức là phần nào muốn noi gương họ Quách, ôm hoài bão xoay chuyển thời thế, giúp vua trị nước, Chỉnh đã ký thác vào bài phú chí nguyện của mình, đây là phần "khẩu khí" của lý trí, song noi gương họ Quách cũng có nghĩa là lập công danh bằng vào tài sức của mình chứ không "cậy tay người", đó là phần "khẩu khí vô tâm".

- Trương Lưu Hầu phú

Trương Lương, tên chữ là Tử Phòng, tổ tiên năm đời làm quan đất Hàn. Hàn bị Tần Thủy Hoàng diệt, Lương theo Hán Cao Tổ diệt Tần Thủy Hoàng, rồi Hạng Vũ, báo thù cho Hàn. Hán Cao Tổ phong cho Lương tước hầu ở đất Lư nên gọi là Trương Lưu hầu.

Trương Lương có một sự nghiệp rắc rối, oái oăm chứ không thẳng băng như Quách Tử Nghi: phục vụ cho nhà Hán mà thực sự lại phục vụ cho nước Hàn:

"Nước nhà khi bể biếc dâu xanh, mưu báo phục há kém tay Kha, Nhượng?" (9). Song tâm sự của Lương ít người hiểu, nên Lương bị người đời gay gắt luận tội. Chỉnh ra sức minh oan cho Lương phải chăng vì tâm sự của Lương cũng chính là tâm sự của Chỉnh?

"Lòng này ai biết Hán hay Hàn, phải biện bạch kẻo thẹn cùng phủ ngưỡng" (10).

Một con người trung nghĩa như Trương Lương mà *Hán sử* hạ một câu khe khắt: "Chí sĩ nguyện hy Gia Cát Lượng, bất nguyện hy Trương Tử Phòng" (Kẻ sĩ nguyện bắt chước Gia Cát Lượng, không muốn bắt chước Trương Tử Phòng), cho nên Nguyễn Hữu Chỉnh đã phản bác cái ý kiến đó với câu kết:

"Trách ai thương hữu cố nhân, sao chẳng nguyện hy Trương Tử Phòng mà lại nguyện hy Gia Cát Lượng?"

Bài "Trương Lưu Hầu phú" được ra đời vì Nguyễn Hữu Chỉnh phục tài Trương Lương cũng có mà vì ngậm ngùi cho cảnh ngộ của Trương Lương cũng có. Nếu tôi không lầm thì sau này Trương Vĩnh Ký đã phiên âm ra quốc ngữ bài "Trương Lưu Hầu phú". Ta có nên đặt câu hỏi tại sao Trương Vĩnh Ký lại chọn đúng bài này?

- Tần Công Nữ Oán Bái Công phú

Hán Cao Tổ, tức Bái Công, diệt xong Tần Thủy Hoàng, tiến vào Hàm Dương, kinh đô nhà Tần, rồi mê luyến cung nữ ở A Phòng không muốn đi. Sau nghe lời khuyên can, vì sự nghiệp, Hán Cao Tổ bỏ đất Hàm Dương, dứt tình với đám Tần cung nữ.

Bài này viết khi Chỉnh nằm dưới thuyền ở Nghệ An, sau khi bị Huệ bỏ rơi lần thứ hai. Chỉnh tự ví mình với Tần cung nữ và Huệ là Bái công. Mối tình của Bái công đối với đám Tần cung nữ dưới con mắt Chỉnh:

Ngọn xích xì ùn ùn về Bá Thượng,

mưa tuôn nước xiết lạt lẽo thay tình...

đã ngắn ngủi:

Quá ngán nhẽ, cửa bạch câu một nháy,

Nực cười thay, tranh thương cẩu trăm hình

lại đượm mùi khinh bạc:

Thềm huê nọ thôi cười với bóng,

Gốc thùy kia lại rẻ rúng hoa...

Chẳng qua chỉ vì Huệ:

Lượng khoan dung bao nả hẹp hòi,

không xót thương đến tình cảnh của Chỉnh:

Đã cay đắng vì liều thuốc độc,

Lại dở dang ba tấc lưỡi mềm...

... phấn luống, hương phai, bẽ bàng với phận.

Một con người "trí xảo khôn lường, lòng dạ hiểm độc", liệu có viết những câu thế này:

Ngẫm nhân duyên từng giỏ nước mắt thầm,

Nghĩ thế sự những đổ bồ hôi trộm.

Tuy Chỉnh nói "oán" nhưng thực ra chỉ là lời phàn nàn của kẻ dưới, "chịu ép một bề" chứ không có cái giọng phẫn uất, căm hờn:

Gương trong đuốc sáng mặc lòng trên,

Cỏ ủ, hoa sầu đành phận dưới.

Số là bởi tình chung mới nói...

Nhẫn nhục, cam phận nhưng không hạ mình:

Nín thì những đeo sầu, ngậm tủi,

Nói ra tuồng ép dấu, nài thương...

Quả là một thiên tình hận.

Bị ruồng rẫy đã ngậm đắng nuốt cay lại còn phải nghe những lời thị phi:

Nay trong nước chưa một lời nở mặt,

Mà ngoài sân đã lắm tiếng vang tai.

Chỉnh mang tiếng phản nước vì Tây Sơn mà Tây Sơn lại phụ, còn gì oan ức hơn?

- "Than thân", "Tự biết mình", "Cuộc đời"

Trong số những bài thơ còn được phổ biến của Nguyễn Hữu Chỉnh, ngoài bài văn khóc chị (vợ Phạm Nguyễn Du) lời lẽ thành thật, bi thương, những bài "Than thân", "Tự biết mình", "Cuộc đời" đều là những lời tâm sự, buồn bã:

Ai có hay chăng là chẳng hay?

Lòng này vốn đã dặn thân này,

Kẻo lầm kẻo lỡ, người yêu ghét,

Đà tỏ đà tường dạ thảo ngay...

"Tự biết mình", *Ngôn ẩn thi tập*

Kẻ yêu nên ít lời cao hạ,

Người ghét càng nhiều tiếng thị phi.

"Than thân", *Ngôn ẩn thi tập*

Ai nói Nguyễn Hữu Chỉnh giảo quyệt, tôi thấy ông còn hiền lắm:

Tay bé khôn bưng vừa miệng thế,

Dãi lòng ngay thảo, cậy thiên tri.

"Than thân", *Ngôn ẩn thi tập*

Người ta có đau đớn ê chề mới ưa triết lý và tìm đến đạo, Nguyễn Hữu Chỉnh đã đi tìm đạo:

Xem nỗi thế thời, xem đã nhạt,

Bén mùi đạo lý, bén càng say.

"Tự biết mình", *Ngôn ẩn thi tập*

và đã phần nào giác ngộ:

"Sắc, không" chữ ấy âu vàng thép...

"Cuộc đời", *Ngôn ẩn thi tập?*

Ngôn ẩn thi tập là tất cả sự nghiệp văn chương của Nguyễn Hữu Chỉnh còn để lại cho hậu thế. Ngay cái tên cũng nói lên tâm sự của tác giả, có miệng mà không sao minh oan được phải mượn lời thơ để bộc bạch nỗi lòng nên thơ Nguyễn Hữu Chỉnh toàn những lời buồn bã, nhẫn nhục, thương tâm, quyết không phải "khẩu khí" của con người phản phúc, giảo quyệt, bỉ tiện. Và thơ Nguyễn Hữu Chỉnh cũng không phải loại thơ "khẩu khí".

*

Cái quan niệm về phẩm giá, nhân cách con người thời nay đã khác xưa nhiều. Xưa trung với vua là nhất (quân, sư, phụ), trung với vua cũng là trung với nước (ngày nay người ta có thể vì nước mà đòi hạ bệ vua), những kẻ bất trung là hạng vô cương thường, đạo lý, dẫu có trút lên đầu họ bao nhiêu tội cũng không oan. Có lẽ vì thế *Hoàng Lê Nhất thống chí* chép: "Việc làm của Nguyễn Hữu Chỉnh thường càn bậy nhưng động đến đâu đắc chí đến đấy..." (11). Ta đã thấy những hành động của Nguyễn Hữu Chỉnh chẳng phải là "thường càn bậy", còn "động đến đâu đắc chí đến đấy" thì chỉ cần lược qua quãng đời ngắn của Chỉnh cũng thấy rõ:

1- Quận Việp cho Chỉnh là "kỳ tài" mới thu dụng, thế mà 16 năm sau mới cho coi đội Thiện tiểu, khi chinh Nam chỉ cho giữ chức Tự thừa.

2- Vì chung thủy với quận Huy mà Chỉnh bị tra khảo gần chết, sau còn phải bỏ trốn vào Nam.

3- Hết lòng phục vụ Tây Sơn mà vẫn bị Tây Sơn nghi ngờ, bỏ rơi đến hai lần.

4- Hết sức giúp vua trị nước nhưng rút cục vua cho là lạm quyền muốn giết, các quan hạch tội, người Kinh ném đá...

5- Chết bị phanh thây vứt cho chó ăn mà vẫn tiếp tục bị hậu thế phỉ báng là phản thần và giảo quyệt...

Tôi không thấy Nguyễn Hữu Chỉnh "đắc chí" ở chỗ nào.

"Được làm vua, thua làm giặc", người đời đối xử với Nguyễn Huệ và Nguyễn Hữu Chỉnh khác nhau một trời một vực. Đành rằng Nguyễn Huệ có tài cầm quân trị nước, đánh đuổi quân Thanh... song chẳng thấy ai trách Nguyễn Huệ tàn nhẫn mặc dù Huệ đã giết Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm và sai dìm chết cả sứ bộ Trần Công Sán. Ai cũng chê Chỉnh giảo quyệt mà chẳng mấy ai nhớ lời Phan Lê Phiên đã phê phán Nguyễn Huệ: "Bắc Bình Vương là người rất quyệt, hay dùng trí lung lao người khác, khi ném xuống lúc nâng lên, không biết đâu mà dò" (12). Nguyễn Hữu Chỉnh dẫu tài cầm quân không cao minh bằng Nguyễn

Huệ song cũng là một viên tướng giỏi "luôn luôn thắng trận" và "nghề thủy vào bậc vô địch bấy giờ". Chỉnh lại hơn Huệ ở mặt văn tài. Cả hai đều mưu trí, tàn nhẫn nếu cần, thế mà một người được nâng lên chín từng mây, một người bị dìm xuống tận bùn nhơ, tôi e rằng bất công.

Nguyễn Hữu Chỉnh tài mạo song toàn, ăn ở có nghĩa khí song suốt đời lận đận, gặp toàn nghịch cảnh, không thỏa chí nguyện. Đã thế còn bị người đời hiểu lầm, phỉ báng, ngậm oan mà chết thảm. Chữ "tài" quả đã cùng với chữ "tai" một vần, ít ra cũng đúng với trường hợp Nguyễn Hữu Chỉnh.

Châtenay-Malabry 6, 1994

(1) Bảo Vân, tr. 77.

(2) Vua Chiêu Liệt là một ông vua có tiếng hiền đời nhà Hán.

(3) Cương Mục XIX, tr. 77: "Quản lĩnh đội Tiền hải rồi cơ Tiền minh, trấn Nghệ An".

(4) Có chỗ chép là Võ Tá Dao, hay Phạm Đình Dao.

(5) Ngô Thì Chí (tr. 154-7) chép Phan Huy ích lĩnh mệnh đi đánh Chỉnh "tuyên bố sẽ đem đầu Chỉnh về cướp ấn quận công, lại sai chế một cái trống lớn để bắt được Chỉnh nhốt vào đó đem về". Khi Chỉnh bắt sống được Ích chỉ mắng là thầy đồ nói khoác, giết vô ích, rồi tha, bắt phải đi theo. Trong bài thơ ghi nỗi buồn khi bị giam (Du Am Ngâm Lục *I, tr. 157) Phan Huy Ích cho biết sau khi giao tranh ở bờ biển, Lê Trung Nghĩa bị thương nặng, ngã ngựa, bị bắt sống, nửa đường thì chết, còn Phan Huy Ích cưỡi ngựa chạy trốn, bị một tì tướng của địch bắt giam nơi đóng quân ở Dương Xá hơn một tháng thả cho về. Không thấy nói đến chuyện cái trống, và cũng không nói chuyện bị Chỉnh mắng rồi bắt đi theo.*

(6) Tang Thương Ngẫu Lục, *tr. 150.*

(7) Ngô Thì Chí, tr. 224.

(8) Ngô Thì Chí, tr. 241-6: Từ khi giết được Chỉnh, Vũ Văn Nhậm tự đắc, ra oai "sai người bằng cầm, khiến bằng ý" (hất cằm, đưa mắt) và cho Ngô Văn Sở biết mình tạm thời lập Sùng Nhượng công là Duy Cẩn lên làm Giám quốc vì người Bắc còn nhớ nhà Lê, sau này "người chễm chệ làm chủ chẳng ta còn ai?"

(9) Kinh Kha, Dự Nhượng là hai người liều chết báo thù cho chủ, thời Chiến Quốc.

(10) Mạnh Tử viết: "Ngưỡng bất quý ư thiên, phủ bất tạc ư nhân" = hành sự ngửa mặt lên không thẹn với trời, cúi xuống không hổ với người.

(11) Ngô Thì Chí, tr.223.

(12) Ngô Thì Chí, tr. 194

SÁCH THAM KHẢO

- *Bảo Vân,* Thi ca cổ điển, *Tập Thượng, Canada: Quê Hương, 1978.*
- *Dương Quảng Hàm,* Việt Nam thi văn hợp tuyển, *Sài Gòn: Trung tâm học liệu, 1968. Sống Mới tái bản ở Mỹ.*
- *Đỗ Bằng, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Phan Thuận An, Mai Khắc Ứng,* Nguyễn Huệ Phú Xuân, *Huế: Thuận Hóa, 1986.*
- *Hoa Bằng,* Quang Trung Nguyễn Huệ (1788-1792). *Hà Nội, 1944: Sài Gòn tái bản, 1958. Đại Nam tái bản ở Mỹ.*
- *Nguyên Lộc, "Nguyễn Hữu Chỉnh",* Tự điển Văn học, *II.*
- *Ngô Thì Chí,* Hoàng Lê Nhất Thống Chí. *Phong trào văn hóa tái bản, 1969; tái bản ở Mỹ. Dịch giả: Ngô Tất Tố.*
- *Phạm Đình Hổ, Nguyễn Án,* tang Thương Ngẫu Lục. *Sài Gòn, 1962; Đại Nam tái bản ở Mỹ. Dịch giả: Đạm Nguyên.*
- *Phan Huy ích,* Dụ Am Ngâm Lục, I, Dật Thi Lược Toản. *Hà Nội: KHXH, 1978. Nhiều người dịch.*
- *Tạ Chí Đại Trường,* Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802. *Sài Gòn: Văn sử học, 1973. Tái bản ở Mỹ.*
- *Trần Trọng Kim,* Việt Thi, *1946; Xuân Thu tái bản ở Mỹ.*
- Đại Việt sử ký tục biên. *Hà Nội: KHXH, 1991. Dịch giả: Ngô Thế Long và Nguyễn Kim Hưng.*
- Việt sử thông giám cương mục. *Hà Nội: Sử học, 1960. Tập XIX, XX.*
- Văn học Việt Nam thế kỷ 18 - giữa thế kỷ 19. *Hà Nội: Văn Hóa, 1963.*
- Một vài sử liệu về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ. *Một nhóm học giả. Đại Nam sưu tập, xuất bản, 1992.*
- *"Tản Cung Nữ Oán Bái Công phú của Cống Chỉnh",* Trung Bắc chủ nhật, *số 210, 9-7-44. Không để tên người sưu tầm.*

THƠ NGUYỄN HỮU CHỈNH

Cuộc đời

Cửa sổ buồn xem ngựa trắng qua,
Vừa khôn thì lại thấy vừa già.
Trước đã cậy lòng con cái,
Sau còn nhờ đức mẹ cha.
Giàu có làng, sang có nước,
No nên Bụt, đói nên ma.
"Sắc, không" hai chữ âu vàng thép,
Nghĩ lại thì là bẵng cái hoa.

Trần Trọng Kim, *Việt thi,* tr. 61-2

Tự biết mình

Ai có hay chăng là chẳng hay?
Lòng này vốn đã dặn thân này
Kẻo lầm, kẻo lỡ, người yêu ghét,
Đà tỏ, đà tường kẻ thảo ngay.
Xem nỗi thế thời, xem đã nhạt,
Bén mùi đạo lý, bén càng say.
Phải cơ mới biết cơ trời nhiệm,
Có rủi bằng dường lại có may.

Ngôn ẩn thi tập (Dương Quảng Hàm trích tr. 70)

Than thân

Tóc chen hai thứ chửa danh chi,
Thân hỡi là thân, thì hỡi thì!
Chửa giả, chửa đền ân đệ tử,
Thêm ngừng, thêm tủi chí nam nhi.
Kẻ yêu nên ít bề cao hạ,
Người ghét càng nhiều tiếng thị phi.
Tay bé khôn bưng vừa miệng thế,
Dãi lòng ngay thảo, cậy thiên tri.

Ngôn ẩn thi tập (Văn Học Việt Nam trích, tr. 142)

THƯ CỦA BÁC SĨ HUỲNH HỮU CỬU TRẢ LỜI BÁC SĨ NGUYỄN HOÀI VÂN VỀ VẤN ĐỀ TUYỆT ĐỐI BẤT NHỊ

(Xin xem mục Bạn Đọc Viết, Thế Kỷ 21, số 63)

Thưa Anh,

Rất hoan nghênh thư góp ý của Anh về vấn đề Tuyệt Đối Bất Nhị trong những bài "Vũ Trụ Có Biên Giới Hay Không?" và "Con Gà Hay Trứng Gà Có Trước?" đăng ở Thế Kỷ 21 số 60 và 61 vừa qua. Sau đây tôi xin trả lời về những ý chánh (chữ in đậm dưới đây) mà Anh đã nêu ra.

1- Khi nói Tuyệt Đối thì đã hết Tuyệt Đối rồi, vì khi đó, cái Tuyệt Đối phải đối với cái Tương Đối.

Xin trả lời từ ngữ Tuyệt Đối tôi đã dùng là để chỉ cái Tuyệt Đối thật sự, không phải là đối đãi với Tương Đối mà lập nên. Trong bài "Vũ Trụ..." tôi có viết rõ "Tuyệt Đối là hoàn toàn không có cái gì để đối lại", và có ghi thêm "Còn gọi là Tuyệt Đối Không Đối Đãi" trong dấu ngoặc.

2- Cố chấp nơi cái Tuyệt Đối Bất Nhị thì không còn Tuyệt Đối Bất Nhị nữa.

Rất đồng ý với Anh về điểm này. Tôi cũng xin nói rõ thêm ở đây là tôi không có lập trường bắt buộc phải dựa vào Tuyệt Đối Bất Nhị. Sở dĩ tôi đã dựa vào Tuyệt Đối Bất Nhị là vì, đối với tôi, Tuyệt Đối Bất Nhị giúp tôi có được câu trả lời cho những vấn đề khó về không gian, thời gian, thiện, ác, sanh, tử, v.v... Có thể có những cách khác chứ không nhất thiết phải dựa vào Tuyệt Đối Bất Nhị.

3- Những vấn đề biên giới của vũ trụ và con gà cùng quả trứng đều mang nặng tánh chất Tương Đối, không thấy có gì là Tuyệt Đối.

Đúng vậy, nếu chúng ta cứ dùng lý luận bằng trí óc. Nếu có người nào tìm ra được một chỗ nào đó và kết luận rằng chỗ đó là biên giới của vũ trụ thì đó chỉ là một kết luận còn nằm trong vòng Tương Đối, chứ không thể là đã đến chỗ sự thật rốt ráo của Tuyệt Đối được, bởi vì Tuyệt Đối thì làm sao có nơi nào, chỗ nào? Và con gà hay trứng gà cũng vậy, nếu bảo rằng con gà nào đó là con gà đầu tiên để từ đó sanh ra trứng gà và những con gà khác thì cũng chỉ là xác định trong Tương Đối. Tuyệt Đối thì đâu có cái đầu tiên, cuối cùng.

Trái lại, Tuyệt Đối Bất Nhị đã giúp có câu trả lời đến chỗ Tuyệt Đối. Nếu nhìn sự vật dưới nhãn quan Tuyệt Đối Bất Nhị thì tất cả những cái như vũ trụ, biên giới, con gà, trứng gà, trước, sau, là Tuyệt Đối, hay là Như Như, Không, v.v...

Thân kính,

BS Huỳnh Hữu Cửu

LÊ THỊ TƯỜNG LOAN
CHẠNH NIỀM KỶ VẬT

Chị ơi!
Từ độ xa nhau
tóc huyền úa nắng thương đau vai đời
mắt xanh tắt ánh sao trời
môi đào son nhạt nụ cười héo hon

Áo thương trao thuở trăng tròn
nếp nhàu tâm sự
bổ hòn gượng vui
Tranh thêu lá biếc
sụt sùi
hoa vàng chẳng nở ngọt bùi chén xuân
Độc bình lạnh góc phong trần
phấn hương ngày cũ bao lần lệ rơi

Tay đeo
kỷ vật muôn đời
khô cằn sương gió
thẹn lời gấm hoa

Một đi
chén cạn quan hà
vườn xưa khép lối trăng tà rêu phong.

1978

NGHĨ VỀ NỀN HỢP CA VIỆT NAM

LÊ VĂN KHOA

Âm nhạc là bộ môn nghệ thuật trừu tượng nhưng rất gần gũi với con người. Những âm thanh đơn sơ đi thẳng vào hồn, đánh động sự rung cảm tiềm ẩn trong đáy lòng mà người nghe nhiều khi không nghĩ mình có được bản năng quý báu đó.

Từ những âm thanh đơn sơ, nhạc có thể biến hóa để trở thành phức tạp. Từ những kết hợp giản dị, người ta có thể khai triển đến cực độ cầu kỳ rắc rối. Chỉ với 12 nốt, nhạc đưa con người vào thế giới siêu thực, huyền bí vô tận. Muốn thấu triệt âm nhạc, ngoài phần xúc cảm, cần phải có tri thức. Nói cách khác, ngoài tri thức, người nghe cần phải nhạy cảm với âm thanh.

Nền tân nhạc Việt đã được khai sáng trên dưới 60 năm, tương đương một đời người. Dĩ nhiên nó có trưởng thành và chuyển mình với những lần lột xác, nhưng sự lớn lên của nhạc Việt chưa đủ mạnh, sự phong phú của nhạc Việt hãy còn phiến diện. Đành rằng ngành sáng tác ca khúc phổ thông đã có nhiều tên tuổi lớn và nhiều tác phẩm giá trị, nhưng ngành đại hợp ca và hòa tấu thì còn rất yếu.

Mỗi ngành đều có những vấn đề riêng. Trong phạm vi nhỏ hẹp này tôi chỉ xin đề cập đến khía cạnh hợp ca.

Hợp ca là gì?

Xin đừng lầm lẫn hợp ca với đồng ca. Đồng ca là nhiều người cùng hát chung một giai điệu. Hợp ca là nhiều người hát nhiều bè khác nhau cùng lúc. Hợp ca là môn nghệ thuật dùng giọng ca của người từ những âm vực khác nhau mà tạo nên bức tranh bằng âm thanh. Nếu thực hiện đúng, bức tranh âm thanh ấy sẽ thật đẹp, sự quyến rũ tuyệt vời, sức lôi cuốn rạt rào mãnh liệt. Nhưng thực hiện một màn hợp ca đúng mức không dễ.

Câu nói "chín người mười ý" từ ngàn xưa vẫn còn đúng trong thời đại chúng ta. Sự thật phũ phàng ấy đã gây đổ vỡ cho không biết bao nhiêu sinh hoạt trong cộng đồng chúng ta.

Trước 1975 nhạc trưởng Trần Văn Tín đã từng nói trong buổi họp về ban hợp ca Dân Vận: "Chúng ta có một ban hợp ca lớn nhất nước, gồm toàn những giọng ca nổi danh nhất nước, nhưng lại là ban hợp ca kém nhất nước." Lý do thật giản dị: Tất cả đều là nhất nên không giọng ca nào chịu nhường ai cả. Đó là chưa nói đến kỷ luật và kỹ thuật.

Kỷ luật là yếu tố vô cùng cần thiết trong bất cứ sinh hoạt nào có đông người, nhưng với những người nổi danh nhất nước thì kỷ luật gần như không thể áp dụng được.

Kỹ thuật hợp ca rất khác với đơn ca. Người đơn ca giỏi không nhất thiết biết hợp ca hoặc thích hợp với hợp ca. Khi đơn ca, gặp một ca khúc có nốt nhạc quá cao hoặc quá thấp, người đệm nhạc có thể đàn thấp hoặc cao thêm một chút cho vừa tầm giọng hát của ca sĩ. Nhưng phần hòa âm cho hợp ca, thường đặt vào tầm tối đa của mỗi bè, nếu một người không hát nổi, tự động đổi giọng mình cao hoặc thấp hơn một bát độ, hòa âm bị đổ vỡ ngay. Còn nếu nhép miệng mà không hát, hòa âm sẽ mất quân bình, không thể nghe êm tai được. Nếu không thể hát đúng giọng mà cố hát thì tai hại không lường trước được.

Người đến với hợp ca mang nhiều tâm trạng và mục đích khác nhau. Nhiều người làm quen với hợp ca, bị sức quyến rũ của âm thanh tuyệt vời nên đeo đuổi hợp ca suốt đời. Những người khác nhập cuộc một thời gian và khi thấy mình không nổi, không thành giọng ca số một, số hai như mong muốn nên rời đoàn. Có người vì hoàn cảnh, người khác vì không đủ trình độ nên bỏ cuộc.

Hợp ca dễ hay khó?

Câu trả lời là không dễ và cũng không quá khó. Người biết hát đúng giọng, giữ đúng nhịp, có thể hát hợp ca. Điều đó được áp dụng cho tất cả các ban hợp ca Việt Nam từ trước đến nay. Thành viên của các ca đoàn này cũng có người biết nhạc, người khác có luyện giọng, nhưng đa số rất yếu nhạc nếu không nỡ nói là họ không biết nhạc. Điều đó khác hẳn với ban nhạc hòa tấu: Không giỏi nhạc, không thể ngồi vào ghế nhạc sĩ. Nhạc sĩ thường là người chuyên cần học nhạc từ 10 năm trở lên, thông thạo mọi rắc rối của ký hiệu âm nhạc, âm vực và kỹ thuật của nhạc cụ mình sử dụng.

Ngành hợp ca Việt Nam hãy còn rất yếu dù có nhiều ban hợp ca hoạt động ở khắp các nhà thờ, vì hợp ca Việt Nam vốn phát xuất từ nơi đó. Sinh hoạt quan trọng ngoài thánh đường, chúng ta có thể nhắc đến ca đoàn Trùng Dương (trước 1975 và gần đây đã hoạt động trở lại với tên cũ), ban hợp ca Hải Linh tại Việt Nam ngày trước, và từ mấy năm gần đây, ban hợp xướng Ngàn Khơi (thoát thân từ Trùng Dương) tại Little Saigon, Nam California, Hoa Kỳ.

Với tầm vóc khiêm nhường hơn, chúng ta có các ban tam và tứ ca đã thành danh như Thăng Long và Đông Phương trước 1975 tại Việt Nam, và Thùy Dương từ 1977 tại Nam California.

Hợp ca Việt Nam không phát triển mạnh và nhanh vì nhiều lý do như sau:

a.- Người hát chỉ thích đơn ca để đón nhận vinh quang riêng mình. Đứng trong ban hợp ca, mình chỉ là một người như mọi người.

b.- Không có thì giờ đi tập hát đều trong nhiều tháng đến nhiều năm liên tiếp.

c.- Không thích hát bè phụ vì vừa khó hát, vừa nghe không thuận tai nếu hát riêng bè của mình. (Nếu viết cho thuận dấu giọng và thuận tai cho từng bè, khi hợp lại hát chung, người nghe sẽ không hiểu ban hợp ca hát gì.)

d.- Đại chúng chưa quen với hợp ca, nên hợp ca chưa được đón nhận với nhiều cảm tình.

e.- Không có nhiều ca trưởng có đủ kiến thức, kỹ thuật, khả năng điều khiển ca đoàn, và nhất là hết lòng, hy sinh nhiều thì giờ cho ca đoàn. Các ca nhạc trưởng Việt Nam cho đến nay chỉ là những người tình nguyện đúng nghĩa, làm việc không được thù lao nên không thể để hết thì giờ cho hợp ca.

Hợp ca Việt khó hơn Mỹ?

Các bạn phản đối. Đúng. Nhưng không hoàn toàn. Nhìn vào một bài hợp ca Việt và một bài hợp ca Mỹ ta thấy ngay bài hợp ca Việt đơn sơ, trong sáng hơn. Ngôn ngữ của chúng ta thuộc loại đơn âm và dấu giọng hạn chế nét linh động của âm thanh. Tôi có may mắn được dịp soạn nhạc và điều khiển cả hợp ca Việt và Mỹ, dù chỉ là những ban hợp ca tài tử.

Ban hợp ca tài tử Hoa Kỳ mà tôi cộng tác gồm ca viên đủ các ngành hoạt động trong xã hội như: bác sĩ giải phẫu, bác sĩ gia đình, nha sĩ, kỹ sư, điện toán viên, lao công, nội trợ, nhiếp ảnh gia, nhạc sĩ chuyên nghiệp v.v... y như thành viên của ban hợp ca Việt Nam. Viết hòa âm cho ban hợp ca Hoa Kỳ tôi có thể nới rộng âm vực của giọng người hơn là viết cho ban hợp ca Việt Nam. Những nốt nhạc hát nhanh, hợp ca Mỹ không bị vướng vấp líu lưỡi, và không sợ người nghe không hiểu nghĩa của lời ca, vì Anh ngữ là loại đa âm và không bị hạn chế bởi dấu giọng.

Thành viên của ban hợp ca Mỹ cũng có người biết nhạc, có người phải đeo theo đuổi hơi. Nhưng lúc cất giọng ca, sự hòa hợp của âm thanh gần như tuyệt hảo, đầy, đều và quyện nhau. Thượng Đế đã ban cho họ thanh quản tốt, âm thanh họ phát ra âm vang và hòa hợp tự nhiên, dù đa số ca viên chưa bao giờ qua lớp luyện giọng. Hơn nữa họ quen nghe hợp ca từ lúc còn nằm nôi, nên biết tự ép mình vào dòng suối âm thanh cuồn cuộn mà không bị nhận chìm, cũng không gây cản trở ngọn triều âm thanh.

Tập ban hợp ca Hoa Kỳ dễ hơn, nhờ họ có tinh thần kỷ luật, không đùa trong giờ tập hát, chịu nghe lời hướng dẫn, chịu khó luyện tập, dù tôi chỉ là một người tị nạn Việt Nam từ một quốc gia chậm tiến mới đến Hoa Kỳ. Đến tập hát đúng giờ, ít vắng mặt là ưu điểm khác của ca viên Hoa Kỳ. Điều đó rất cần thiết để giữ âm thanh quân bình cho đến lúc trình diễn thực sự.

Tập một ban hợp ca Việt cho đúng mức quả là một việc nặng nhọc. Tôi vô cùng ngưỡng mộ một số ít ca trưởng Việt Nam vì những người đó đã hết lòng phục vụ nghệ thuật hợp ca.

Tôi nhớ đến cố ca trưởng Trần Văn Quý của ca đoàn Trùng Dương ngày trước, người tiền nhiệm của tôi. Anh chịu khó ghi vào bài ca sắp trình diễn của mỗi ca viên, dặn dò chỗ nào nên hát nhỏ, hát to, cẩn thận đọc chữ v.v... tùy khuyết hay ưu điểm của từng ca viên mà anh nhận thấy trong các buổi tập dợt. Sự khéo léo, tế nhị, ân cần này tôi chưa tìm thấy nơi ca trưởng khác.

Nói chung, mỗi lần sắp trình diễn, ca trưởng tập riêng từng bè, có khi từng người, vì như đã nói ở trên, đa số ca viên Việt Nam không giỏi

nhạc, nhiều khi không giữ đúng cung bực lâu.

Một trong những tệ trạng thông thường của ca đoàn Việt Nam là ca viên ít có người đi tập hát đúng giờ. Có một số người ít đi tập đều đặn vì nghĩ mình đã biết phần của mình rồi nên không đi tập hát mỗi tuần, chỉ cần xuất hiện trong buổi trình diễn thôi. Việc này gây khó khăn lớn cho ca trưởng trong việc giữ quân bình giọng ca giữa các bè, nhất là trong khi trình diễn.

Tập là một việc, trình diễn là việc khác. Người không nắm vững phần của mình thường bối rối. Người đó có hai cách phản ứng:

1/. Đợi người khác bắt vào hát trước, mình hát theo sau, hoặc...

2/. Tự dối mình và cố chứng tỏ mình biết rõ phần của mình nên bắt vào hát cách vội vàng khi thấy ca trưởng động tay, chưa phải ra dấu cho mình hát. Những người khác bối rối vì không thật vững bè của mình, nghe người bên cạnh hát, vội vàng hát theo.

Trong những ban hợp ca Việt Nam hải ngoại hiện nay, đáng kể nhất là ban hợp xướng Ngàn Khơi.

Nhưng Ngàn Khơi không ngoại lệ, không thoát khỏi những trở ngại mà bất cứ một ban hợp ca Việt Nam nào cũng đều gặp phải. Khác chăng là trong họ còn một số người có lòng, đầy đam mê, thú đam mê mà họ đã từng đeo đuổi từ những ngày còn là sinh viên đại học Sài Gòn trước 75, trong ca đoàn Trùng Dương. Thú đam mê ấy như một bệnh truyền nhiễm, lây sang những người khác. Ngoài ra còn có người muốn tạo sinh hoạt lành mạnh, giúp phát triển văn hóa cho cộng đồng Việt, không những ở hiện tại mà còn hướng đến tương lai. Chính ý hướng tương lai đã giúp họ quên đi thú vui và hào nhoáng hiện tại để đi tập hát đều đặn, để bị bạn bè chọc ghẹo, bị ca trưởng khiển trách, và khi trình diễn còn bị chê bai bởi khán giả chưa quen nghe hợp ca, và một số người đố kỵ. Nhưng họ không nản chí. Chính sự bền lòng nầy đã là gương sáng để giữ chân nhiều người ở lại với ca đoàn.

Ngàn Khơi còn được may mắn có ca trưởng Trần Chúc. Anh là người có tài, có kỹ thuật, và nhất là hết lòng với Ngàn Khơi. Anh đã kiên nhẫn uốn nắn, tôi luyện những giọng ca thô để đưa Ngàn Khơi ngày càng điêu luyện. Tầm nhìn xa đó chắc chắn sẽ biến Ngàn Khơi thành niềm kiêu hãnh chung của người Việt tại hải ngoại.

Với những ưu điểm trên, Ngàn Khơi đã được "Dự Án 20" chọn làm ban hợp ca chính thức cho chương trình trình diễn kỷ niệm 20 năm xa quê hương trong năm tới (1975-1995).

Bài bản

Nói đến hợp ca, ta không thể không nói đến nhạc hợp ca. Những bài hợp ca có từ trước đến nay hầu như chỉ là phần hòa âm cho giai điệu có sẵn. Trong đó phải kể chung các bài do các tác giả có khả năng soạn cho hợp ca như Hải Linh, Vũ Văn Tuynh, Hồ Đăng Tín, Trần Văn Tín, Nghiêm Phú Phi, Lê Văn Khoa v.v... Ta thiếu hẳn những bài hợp ca lớn, không phải bài ca dài, nhưng là bài ca mà các bè đi độc lập chứ không phải chỉ hỗ trợ giai điệu chính. Đó là những bài ca đi chung với ban nhạc giao hưởng để trở thành một thực thể, một khối âm thanh mà mỗi phần đều có bổn phận riêng trong sứ điệp chung. Ở khía cạnh này, chúng ta còn thua xa nhiều quốc gia Á châu khác.

Người viết hòa âm cho hợp ca thật hiếm. Tệ hại hơn, trong đó còn có người viết hòa âm để thích ứng một hai giọng ca nào đó thôi, những giọng ca khác không thể hát được. Do đó sản phẩm của họ không dùng được cho hợp ca nói chung.

Viết cho hợp ca cần biết khả năng và âm vực của đối tượng. Nếu không, chỉ nên viết vào tầm hát của học sinh Trung Học thôi, sẽ an toàn hơn.

Hợp ca không có nhạc đệm, ca sĩ rất khó hát, khó giữ đúng cung bực và nghe kém hấp dẫn vì đa số chưa quen lối hợp ca này. Tối thiểu phải có phần đệm dương cầm. Phần đệm này phải được viết cẩn thận, khoa học, để hòa chung với giọng ca chứ không phải phóng đại theo ngẫu hứng của người chơi dương cầm. Nếu viết cho ban nhạc đệm, ngoài phần kỹ thuật phối khí (dĩ nhiên phải biết rõ tác dụng của từng nhạc khí, âm vực và ảnh hưởng gợi cảm của âm thanh tùy âm vực của từng nhạc khí sử dụng), còn phải biết thành phần và trình độ của ban nhạc sẽ trình diễn. Nếu không, âm thanh sẽ lỏng lẻo, tác dụng thất lợi cho bài ca. Viết nhạc mà tùy theo số nhạc sĩ giới hạn, người viết nhạc khó lòng diễn hết ý và khai triển tiềm năng vô tận của âm thanh.

Nuôi dưỡng hợp ca

Nhu cầu duy trì và nuôi dưỡng hợp ca là thực hữu, nhưng thực hiện không phải dễ. Chúng tôi yêu cầu các hội đoàn có chú tâm đến văn hóa, nghệ thuật, hỗ trợ cho sinh hoạt này, vì nó là bộ phận nổi của cộng đồng Việt chúng ta. Việc nuôi dưỡng đơn sơ nhất là cổ võ, tham dự các buổi hợp ca mà không đợi thiệp mời. Nếu có thể, đóng góp tài lực và nhân lực để ban hợp ca cố hữu có cơ hội phát triển mạnh hơn.

Hy vọng trong tương lai, với số sinh viên Việt Nam học nhạc ngày càng nhiều ở các ngành trình diễn, sáng tác, ca nhạc trưởng, và khán giả theo các khóa thưởng thức âm nhạc, nền hợp ca và hòa tấu Việt Nam sẽ vươn lên, và một ngày nào đó chúng ta cũng sẽ có ban hợp ca quốc tế như nhiều quốc gia đã có. Đặc biệt ban hợp ca hy vọng này của chúng ta sẽ trình diễn nhạc Việt cho thế giới thưởng thức.

SAO CHỔI ĐỤNG MỘC TINH

Các mảnh của Sao chổi Shoemaker-Levy 9 hôm 22 tháng Bẩy đã bắt đầu rớt xuống Mộc Tinh, sức mạnh của sự đụng chạm khủng khiếp làm ngạc nhiên các nhà khoa học. Mảnh lớn nhất rơi xuống lúc 12.30 giờ đêm (giờ California) thứ Hai 25 tháng Bẩy tạo nên một vụ nổ mạnh bằng một trái bom nguyên tử 250 triệu megaton (1 megaton = 1 triệu tấn thuốc nổ, trái bom nguyên tử lớn nhất đã được chế tạo mạnh không quá 100 megatons).

Eugene Shoemaker, một trong hai nhà thiên văn đã khám phá ra sao chổi này, cho biết "mảnh G" rớt xuống Mộc Tinh ngày thứ Hai mạnh gấp 25 lần "mảnh A" rớt hôm thứ Bảy. Mảnh G có đường kính 2.1 dặm (3.5 km) lớn gấp ba lần các mảnh A, C, E đã rớt trước đó. Các nhà khoa học nói rằng vụ nổ sáng chói bằng toàn thể ánh sáng bình thường mà cả Mộc Tinh phát ra và đã làm các kính dò tìm của viễn vọng kính đài thiên văn Keck ở núi Mauna Kea, Hawaii, lòa đi.

Shoemaker đã báo cáo các dữ kiện thu lượm được cho đến nay tại trung tâm phi hành không gian Goddard, ngoại ô Washington. Hình ảnh vụ va chạm của mảnh G với Mộc Tinh đã được viễn kính không gian chuyển về Trái Đất vào tối thứ Hai. Mảnh H nhỏ hơn rớt xuống Mộc Tinh lúc 12.26 giờ trưa thứ Hai. Tất cả có 21 mảnh lớn của Sao chổi tiếp tục rơi xuống Mộc tinh cho đến ngày thứ Sáu. Hai mảnh lớn cỡ mảnh G rơi trong ngày thứ Ba và cùng một lúc bốn mảnh khác rơi xuống vào ngày thứ Tư.

Ba mảnh lớn đầu tiên A,C,E nổ tung thành một đám mây lửa khí đạng sau bầu khí quyển chứa nhiều hơi ammonia của Mộc Tinh và để lại ba vết đen lớn cỡ Trái Đất ở nam bán cầu của hành tinh này. Mộc Tinh lớn gấp 300 lần Trái Đất. Trong những hình ảnh do các viễn vọng kính thu được những vết mới này rõ hơn cả bộ mặt lo của Mộc Tinh và sáng ngang với "Đốm Đỏ," một dấu vết đặc biệt vẫn thấy rõ trên những hình chụp Mộc Tinh mà cho đến nay các nhà khoa học chưa giải thích được nó là cái gì.

Mặc dầu sức mạnh khủng khiếp của các vụ đụng chạm, Shoemaker giải thích là không đủ tạo ảnh hưởng làm biến dạng Mộc Tinh và cũng sẽ không gây ảnh hưởng gì đến Địa Cầu ở cách xa trên 500 triệu dặm.■

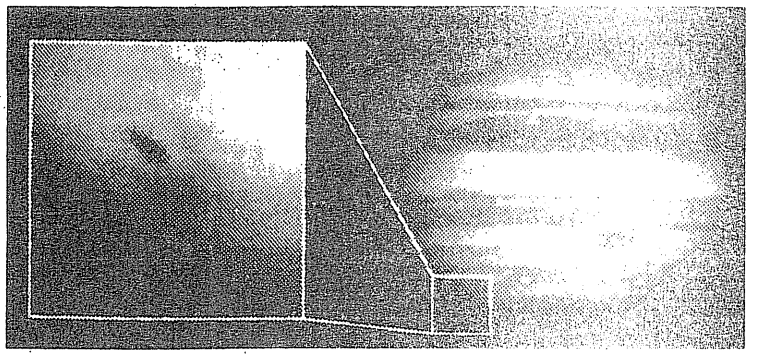

Hình dưới cho thấy các giai đoạn một mảnh sao chổi rớt xuống Mộc Tinh> Hình trên cho thấy dấu vết của sự va chạm - lớn bằng diện tích tiểu bang New Hampshire (Hoa Kỳ).

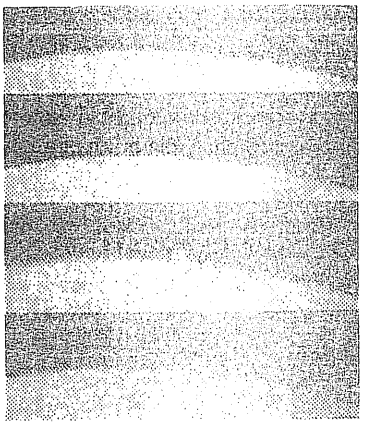

Kỷ niệm 25 năm đổ bộ Mặt Trăng

Phi hành đoàn tàu con thoi Columbia đang ở trên quỹ đạo, hôm thứ Tư 20 tháng Bẩy đã kỷ niệm 25 năm ngày loài người đặt bước chân đầu tiên xuống Mặt Trăng. Các phi hành gia nói rằng "Cả một thế hệ người Mỹ bây giờ hãy còn quá trẻ để nhớ đến bước lớn cho nhân loại mà Neil Armstrong và Buzz Aldrin đã thực hiện vào ngày 20-7-1969." Theo phi hành gia Rick Hieb, những thành quả tích lũy được của các chương trình không gian to lớn hơn người ta thường nghĩ và giờ đây việc lên không gian đã thành một chuyện bình thường.

Tại tòa Bạch Ốc, trong buổi lễ kỷ niệm vào chiều Thứ Tư, có mặt các phi hành gia Neil Armstrong, Buzz Aldrin, Michael Collins của chuyến bay Apollo-11, Alan Shepard người Mỹ đầu tiên bay bằng hỏa tiễn lên không gian, John Glenn người Mỹ đầu tiên bay trên quỹ đạo Trái Đất và khoảng hai chục phi hành gia khác của chương trình Apollo. Tổng thống Clinton nói rằng: "Những người này và những phi hành gia khác giúp chúng ta bước qua một thế giới khác". Đúng 25 năm trước, đêm Chủ Nhật 20-7-1969, Tổng thống Richard Nixon từng tuyên bố: "Vũ trụ đã là một phần thế giới của chúng ta".

Armstrong trong dịp lễ này phát biểu: "Chúng tôi chỉ mới hoàn tất bước đầu và để lại rất nhiều chuyện chưa làm cho mọi người". Nhưng Aldrin thì chỉ trích những người Mỹ đã chỉ biết lo cho riêng mình mà không biết nhìn xa ra ngoài vũ trụ, ông muốn ám chỉ việc Quốc Hội Hoa Kỳ sau đó đã cắt giảm ngân sách của các chương trình khám phá không gian. Năm nay 21 quốc gia trên thế giới và 150 thành phố tại Hoa Kỳ đã tổ chức cả thảy hơn 300 buổi lễ để kỷ niệm sự kiện trọng đại này.■

nói:

"Trước khi vào đây, tôi có nghe nhà trường nói qua về các bạn."

Thầy dừng lại, bỏ lửng câu nói ở đó. Cả lớp rúng động. Phần tôi thì sượng sùng, nao núng. Cái gì phải đến đã đến rồi đây! Tôi nín thở, dỏng tai lên, chờ đợi:

"Qua dư luận ban đầu, tôi được biết là trong lớp này, có vài anh chị rất nổi bật ở lãnh vực văn chương. Đó là một nỗi thích thú lớn cho tôi, khi bước chân vào đây."

Từ đâu, trong lồng ngực, tôi nghe một tiếng thở dài nhẹ nhõm thoát ra. Nỗi mừng này đâu có thể trọn vẹn khi tôi đoán chắc chắn là thầy Giả còn phải nói nhiều điều khác nữa. Vì lớp học này đâu phải chỉ gồm có hai ba học sinh? Đến đó, thầy ngồi thẳng người lên, vẻ mặt trở nên linh động và vui vẻ hơn trước:

"Xin cho tôi biết ai là N.H, Th.T và N.D.S?"

Đưa mắt nhìn qua H, tôi e dè đứng lên. Bên cạnh tôi, H cũng đứng vụt dậy. S ngồi tận cuối lớp, tôi không biết vẻ mặt S ra sao lúc đó. Nhưng chắc chắn một điều là S cũng có đứng lên, như hai chúng tôi vậy. H, S và tôi phải đứng chôn chân một chỗ rất lâu. Điều đó có nghĩa là thầy Giả đã nhìn chúng tôi rất kỹ. Lòng tôi tê tái. Thầy đã phát hiện được gì, khi nhìn tận mặt "ba tinh cầu méo mó" của lớp học này? Giữa bầy mù, thật quả ba chúng tôi có đóng vai kẻ chột. Chỉ hạn chế trong lãnh vực văn chương. Ngoài tài vặt đó, cả ba chúng tôi đều là những học sinh cứng đầu, khó dạy. S bạt mạng trong gia đình, phóng túng ở học đường, xả láng ngoài xã hội. Còn H thì buông thả trong chuyện tình, luông tuồng trong chuyện học. Chỉ có tôi là đứa còn có bề ngoài dễ dạy nhất. Nhưng cũng chỉ cái bề ngoài. Bạn bè gọi tôi là "con chim sâu bị ướt". Đó là ý kiến của người ngoài. Riêng tôi, tôi biết tôi không phải là một con chim nhỏ mà là một con beo nhỏ. Đang nằm chờ ngày vuốt dài, nanh mạnh.

Với cặp mắt tinh anh, với cái nhìn như xoáy, đậu lại thật lâu nơi chúng tôi, thầy Giả đã thấy gì? Nơi bề trái của ba khuôn mặt đó? Vậy mà, cuối cùng giọng thầy vẫn thân thiện:

"Hai chị và S ngồi xuống. Lúc mới vào đây, vừa nhìn qua, với những gì đã nghe, tôi cũng đoán được ai là H, ai là ThT và ai là S. Cũng may, tôi không lầm. Xin cảm ơn cả ba."

Rời mắt khỏi chúng tôi, thầy nhìn xuống cả lớp:

"Ngoài ba người tôi đã nghe và đã thấy, tôi cũng được biết là có nhiều anh, nhiều chị, tuy phải đầu quân vào lớp tam C này, nhưng vốn liếng văn chương thì lại mới bắt đầu từ khởi điểm. Điều đó cũng không có gì đáng trách. Vì có bắt đầu mới có hy vọng còn có ngày đến đích. Vì vậy, tôi không bận tâm. Điều tôi thật sự ao ước là làm cách nào để những giờ chúng ta làm việc chung ở đây cuối cùng sẽ đem đến một kết quả: cuối năm tất cả đều có khả năng để viết một bài luận hay một đoạn văn. Nếu không đủ sức để viết cho hay, thì ít ra cũng biết cách viết cho thông suốt. Tôi cũng chưa kịp nghĩ đến kỳ thi tú tài I sang năm của các bạn, mà đang bận nghĩ là phải làm cách nào để khi ra đời các bạn có đủ sức để viết một cái

ĐOÀN NHẬT

VỚI NGƯỜI ĐẤT TRỜI CŨ

Cùng người một khoảng đường xa
Đêm trong còn bóng trăng già chưa tan
Mộng xưa những giấc kê vàng
Bên nhau trời cũ khô rang nỗi phiền

Đêm sâu chẳng có giấc hiền
Cùng người chân lạc qua miền núi xa
Đất xưa bùng những cánh hoa
Bên người trí đã mờ nhòa cõi không

Đêm thẳng thốt giữa lưng chừng
Tình xưa chao động cây rừng lá bay
Nhìn lên trần trụi từng mây
Mất người thinh lặng những ngày mông lung

Đêm san sát nỗi ngóng trông
Trời xưa lửa cháy rã băng vết chàm
Với nỗi bất hạnh lặng thầm
Cùng người đến nhận lỗi lầm đã qua

Chia tay cất vụn nỗi xưa
Đêm như muông thú ảo nhòa vút đi
Đất cũ rừng lá thầm thì
Xa người tháng sáu mưa khuya mịt mù...

thư đầy đủ và gẫy gọn."

Nói đến đó, đôi mắt thầy trở nên mơ màng và giọng nói cũng trầm buồn hẳn xuống. Như vừa đổi qua một cung bậc khác, tâm sự với chúng tôi chứ không hẳn chỉ ngụ ý khuyên lơn, như tự lúc đầu:

"Chẳng lẽ suốt đời các bạn không bao giờ thấy có dịp cần phải viết một cái gì? Một lá đơn thưa kiện? Một tờ thư thăm hỏi? Năm, bảy lá thư tình?"

Một vài tiếng cười khúc khích, thú vị cất lên, lập tức tắt lịm đi, khi thầy nói:

"Nếu không thể trở thành một nhà văn, một nhà thơ, thì ít ra chúng ta cũng nên cố gắng để trở thành một người Việt đúng nghĩa. Là người Việt, lại là kẻ có cắp sách đi học, trên mười mấy năm trời, lúc rời trường, lẽ nào chúng ta không đủ sức viết suông sẻ một đoạn văn, bằng tiếng mẹ đẻ?"

Không rủ nhau, tất cả chúng tôi đều gật đầu nhè nhẹ. Với nụ cười thân thiện, với lối nói chuyện cởi mở, có lòng, thầy Giả đã làm chúng tôi cảm động. Nếu không nói là có mơ hồ cảm thấy hối hận, thẹn thùng với những gì đã làm trong dĩ vãng. Nhìn sáu mươi cái đầu, tóc dài lẫn tóc ngắn, cùng đồng tình gật gù, thầy Giả biết là thầy đã thành công. Bầy cọp hoang đã chấp nhận đầu hàng.

Thầy mỉm cười. Hớn hở mở sách ra. Bắt đầu giảng bài. Bài giảng đầu tiên của thầy là: lối văn tả tình. Hôm ấy, thầy đã bắt đầu thế nào và chấm dứt ra sao? Thật quả tôi không còn nhớ hết. Tôi chỉ còn nhớ chắc chắn một điều là: hình như thầy đã đặt cả hồn, đã để cả tình, lẫn cả tài ba vào trong từng lời giảng. Không có đủ ngôn từ để có thể tả hết cái hay, cái đẹp, lẫn sự khéo léo của tất cả những gì đã được nghe hôm đó, tôi chỉ còn nhớ rõ rệt một điều: chúng tôi đã nghe như được rờ, được nếm, được ăn, không phải chỉ bằng lỗ tai, lỗ miệng, khối óc mà bằng cả con tim khao khát và bằng cả tâm hồn chờ đợi, nao nức nữa. Tất cả đều mơ hồ cảm thấy như mình đang bị một hấp lực vô hình nào đó phủ chụp lại, cuốn lôi đi, kéo bừa đến một bến bờ xa lạ. Một bến bờ, không có thật ở ngoài đời. Vì ở đó chỉ có hoa, có suối, có tiếng diều căng gió, có tiếng võng đưa em. Là chỗ mơ. Là đất mộng. Đời đời. Là nơi chốn từ lâu chúng tôi quờ quạng tìm kiếm mà không thấy. Nơi chốn đó, thầy Giả đã mở ra. Cho chúng tôi ồ ạt tiến vào. Dẫu chỉ được vào, một khoảnh khắc ngắn ngủi.

Khi tiếng chuông báo hiệu buổi học chấm dứt vang lên, chúng tôi giật nẩy người. Bùi ngùi tiếc rẻ. Như vừa bị lôi dậy giữa lúc đang đê mê trong một cơn mơ quá đẹp. Hai giờ ngồi yên, chăm chỉ nghe bài, lần đầu tiên chúng tôi phát hiện thêm một khía cạnh nữa, trong con người đa dạng của mình: té ra ở một xó xỉnh mốc meo nào đó, chúng tôi vẫn còn giữ lại một chút gì có thể tượng trưng cho sự đứng đắn và gương mẫu của kẻ làm học trò.

Tiếng giảng bài đã chấm dứt từ lâu, chúng tôi vẫn còn tiếp tục ngồi yên khoanh tay chờ đợi. Đợi chờ gì? Sự thật chúng tôi cũng không biết. Trên bàn giáo sư, thầy cũng im lặng. Thầy trò nhìn nhau. Mãi cho đến khi chúng tôi rục rịch lôi cặp vở, chuẩn bị ra về thì thầy mới đưa một bàn tay lên, ra dáng ngăn cản lại:

"Cho tôi xin thêm năm, mười phút nữa! Qua hai giờ học, các bạn đã hiểu về tôi. Về chuyện dạy và về những gì tôi có. Để có thể dễ dàng thông cảm nhau hơn, xin cho tôi cái may mắn được tìm hiểu lại về các bạn."

Tất cả mọi bàn tay đều dừng lại. Ngỡ ngàng. Tất cả mọi cái miệng đều mở ra. Dợm nói. Bằng cách nào, thầy tìm hiểu chúng tôi? Từ góc cuối, nơi tụ họp các anh nam sinh lớn tuổi, nơi đầu não của hầu hết mọi cuộc nổi loạn trong lớp, tôi có thoáng nghe vài tiếng xì xầm nho nhỏ. Nếu là thầy Hào, hoặc bất cứ một giáo sư nào khác, nói lên câu đó thì chắc chắn các bạn tôi sẽ phản ứng lại bằng những tiếng la ó hỗn hào, những tiếng huýt gió xấc xược; nhưng hôm đó người nói lại là thầy Giả. Phản ứng trong tôi, cũng như trong bạn bè, không phải là một nỗi phản loạn thường ngày, mà lại là một nỗi lo sợ mênh mông. Nỗi lo, làm buồn lòng thầy. Nỗi sợ, làm thầy thất vọng.

Chúng tôi ngồi ngây ra. Mặt ngẩn ngơ. Người đờ đẫn. In hệt một bầy ngáo. Thầy rời ghế, tiến đến, lấy phấn viết trên bảng đen: Hãy lựa một trong hai đề tài sau đây:

1- Tả một buổi chợ tan
hoặc
2- Tả một sân ga vắng

Ngày nộp bài: Thứ Sáu tuần sau.

Chúng tôi lõ mắt, nhìn nhau. Sau khi thì thầm, anh Đông, trưởng lớp rụt rè đứng dậy:

"Xin thầy cho phép em được phát biểu vài ý kiến."

Thầy Giả nhoẻn miệng cười, khích lệ:

"Anh cứ nói tự nhiên! Tôi xin nghe."

"Thưa thầy, bài giảng hôm nay là lối văn tả tình. Đề bài thầy ra lại thuộc về tả cảnh, chúng em sợ là sẽ không làm nổi."

Tôi đưa móng tay cái lên miệng, cắn thật mạnh, đăm chiêu nhìn thầy. Chắp hai tay lại sau lưng, đi qua, đi lại, thầy từ tốn trả lời:

"Cũng vì lý do anh vừa nói mà tôi cho hai đề tài đó. Các bạn cứ làm như khả năng mình có. Khi chấm bài tôi sẽ biết được là tôi nên bắt đầu thế nào và từ đâu."

Anh Đông ngồi xuống, rồi một chốc sau lại đứng lên, ấp úng:

"Các bạn ngồi quanh đây nhờ em thưa lại với thầy là: chẳng thà thầy cho chúng em tả buổi chợ đông hay là tả cái sân ga lúc tàu đến... thì còn tương đối dễ. Chứ nếu phải tả "buổi chợ tan" hay là tả "sân ga vắng" thì quả thật là quá khó. Vượt xa khả năng của chúng em. Vì chợ tan, ga vắng thì đâu có còn gì nữa, để mà tả?"

Cả lớp vùng lên cười. Tiếng cười đầu tiên từ lúc thầy có mặt. Một tiếng cười đồng đều, hiền hòa và an phận. Chứ không phải tiếng cười hỗn láo, sỗ sàng mà các bạn tôi thường tuôn ra, trong những giờ học khác. Thầy Giả cũng cười, nụ cười thông cảm, xuề xòa. Phần tôi, dầu cố gắng giữ gìn cách mấy, cuối cùng tôi cũng phải úp mặt xuống bàn cười sặc sụa. Bên cạnh tôi, H ré lên như bị ai chọc lét. Vừa ngóc đầu dậy, tôi giật mình, chưng hửng. Thầy Giả đã đứng sừng sững trước mặt tôi từ lúc nào:

"Th.T và chị H vui lòng trả

NGUYÊN DŨNG

HÃY TƯỞNG TƯỢNG RA AI

Những mái nhà cong, khung cửa xanh
Những mảng rong rêu đóng bên thành
Những khi buồn đứng nhìn thung lũng
Những mảnh đời em không có anh

Những ngọn đồi xanh Chino Hills
Đàn bò gặm cỏ trong nắng chiều
Cảnh tượng như trong phim thần thoại
Như chuyện Thần Tiên Walt Disney

Tưởng tượng ra em chú xì trum
Ngôi nhà hình nấm mái cong cong
Ngôi làng bé bỏng xinh như mộng
Ám ảnh anh hoài suốt tuổi xuân

Tưởng tượng khi xưa đời rất ngoan
Cuộc đời là nội cỏ thiên đường
Cuộc đời chìm đắm trong mộng tưởng
(Thực tế nhiều khi rất tang thương!)

Tưởng tượng ra em môi rất ngon
Tóc thơm bồ kết. Vú nguyên con
Một đôi vú sữa tròn hai trái
Một dòng mật ngọt rất thanh tân

Tưởng tượng ra em đứng trên đồi
Dõi mắt nhìn xa ngóng trông ai
Thấp thoáng đầu ghềnh hay cuối bãi
Những khóm xương rồng gai rất gai

Hãy tưởng tưởng đi, tưởng tượng đi
Chiều mưa giông bão bóng chim về
Hoàng hôn nhuộm tím bao rừng núi
Vẫn một mình chim mải miết bay

Ôi những đồi xanh những đồi xanh
Từ khi đời sống hết vô tình
Từ khi nhân thế còn thức tỉnh
Là lúc đời em rẽ khúc quanh!

(Trích "Khi Ta Hai Mươi")

lời hỏi tôi câu hỏi: đề tài tôi ra như vậy, các bạn trong lớp này có đủ khả năng để làm không?"

Tôi nhíu mày lại, nhìn thầy. Bậm môi suy nghĩ. Cuối cùng thì dè dặt gật đầu. Thầy nói nhỏ:

"Cảm ơn Th.T.! Còn chị H?"

H đứng phắt dậy:

"Thưa thầy, nhất định phải được. Nếu không làm nổi một trong hai đề tài đó thì chúng em đâu còn xứng đáng là học sinh ban văn chương nữa? Chúng em ở đây quy tụ toàn là những nhà "nghệ sĩ chân chính" như thầy đã từng nghe danh tiếng. Xin thầy cứ yên tâm. Các bạn trong lớp sẽ nộp bài đúng ngày. Em tin chắc chắn vậy."

H tâm lý và dạn dĩ thật. Được H khoác đại cho danh từ nghệ sĩ, lòng tự ái của cả lớp, mà từ lâu ngủ quên, được bất ngờ đánh thức dậy. Mọi khuôn mặt lập tức được hất cao lên. Mọi cặp mắt tức thì hướng thẳng tới trước. Tiếng xầm xì im bặt. Lời kêu ca của anh Đông cũng ngưng hẳn lại. Thầy Giả cảm ơn H rồi hăng hái nhìn về phía cuối lớp:

"Còn anh S? Cho chúng tôi được nghe ý kiến."

Người tôi run lên, S nổi tiếng "bất cần đời" ngay còn ở lớp một, ban trung học. Nếu lần này, với thầy, mà S vẫn tỏ ra ngổ ngáo thì chắc chắn là tôi sẽ buồn bã vô cùng. Buồn cho thầy và buồn cho cảm tình mà, đã từ lâu, tôi ưu ái dành cho S nữa. Cả lớp im lặng. Nhịp tim tôi đập mau. Thầy cũng có vẻ đợi chờ. Một lúc. Một lúc thật lâu mới có tiếng S vang lên lễ phép:

"Xin thầy giữ nguyên hai đề tài đó. Theo em, ai suy nghĩ được gì thì viết ra giấy, ai không suy nghĩ được gì hết thì cứ nộp... giấy trắng. Thưa thầy, nộp giấy trắng cũng là một lối suy nghĩ. Ít ra cũng có thử tập tành suy nghĩ. Có vậy mới biết được là mình... bí. Còn hơn là không bao giờ thấy có dịp cần phải dùng đến bộ óc. Cứ để yên nó trong một xó tối hoài, thì thế nào cũng có ngày nó... rỉ sét đi. Em xin dứt lời."

Thầy cười ha hả. Nhìn S gục gặc đầu. H lấy khuỷu tay huých mạnh vào cạnh sườn tôi, miệng chu ra:

"Đã thiệt! Đã thiệt!"

Cả lớp im ru. Mấy phút sau, có vài tiếng hoan hô lẻ tẻ:

"Thầy muôn năm! S. vạn tuế!"

Tiếng vỗ tay tiếp theo, vang lên rầm rộ. Thầy mau mắn leo lại lên bục giáo sư:

"Phải thú thật là tôi rất lấy làm sung sướng được làm việc chung với các bạn. Về tiếng đồn xấu cho lớp học này có lẽ cũng không phải là hoàn toàn vô căn cứ nhưng theo ý kiến của riêng tôi thì nhà trường và giáo sư chưa có dịp nào chịu xét hết về con người của các bạn. Về một khía cạnh nào đó, các bạn là những học sinh rất đáng mến về rất đáng được nâng đỡ."

Sáu mươi khuôn mặt nghệt ra, tê điếng. Thầy xách đồ lề bước xuống bục gỗ:

"Cám ơn các bạn! Tuần sau mình gặp lại."

Không ai rủ ai, cả lớp đồng loạt đứng hẳn dậy. Mấy chục cái lưng, mấy chục cái đầu thẳng ro như lính trên sân tập. Rồi mấy chục cái miệng cùng mở ra toác hoác:

"Chúng em xin cảm ơn thầy."

Thầy quay lại, đưa tay lên cao, mở cửa bước ra. Khi chúng tôi lục tục ra theo, thì sân trường đã vắng ngắt. Tận cuối sân, người lao công già dừng chổi, trơ mắt đứng nhìn. Nhìn thầy Giả, người giáo sư lần đầu tiên ông ta gặp mặt và nhìn lũ học trò ngỗ nghịch lần đầu tiên rời lớp học trễ giờ. Trong cái nhìn dớn dác của ông ta, tôi đọc thấy câu hỏi: ông thầy mới đó là ai mà đủ sức trị được bọn "ôn hoàng dịch lệ" này?

Chiều đó, trên đường về, tôi đi như lướt. Nhẹ nhàng. Hứng khởi như vừa được chắp thêm đôi cánh.

Lòng tôi nôn nóng, mong cho tuần lễ mau qua, để còn gặp lại thầy. Chân tôi bước vội vàng mong cho chóng đến nhà, để bắt tay làm bài luận mới. Pha trộn trong nỗi lâng lâng đó, tôi khoan khoái vì thấy mình vừa bươi móc được thêm một điều gì: thì ra tôi cũng có ham học.

Đêm đó, đợi cho cha mẹ và anh em yên giấc, tôi âm thầm đi lục tìm lại tập thơ cũ. Tập thơ đầu tay mà tôi đã dành trọn hai năm trời ròng rã để rị mọ sáng tác nên. Tìm được rồi, tôi xăng xái đem ra sau vườn, châm lửa đốt. Ngồi bó gối, nhìn ngọn lửa bập bùng liếm dần từng trang giấy mỏng, tôi cảm thấy lòng mình hoàn toàn thanh thản. Không gợn lên một niềm tiếc nuối nhỏ mọn nào. Đã gặp thầy rồi, khi rời thầy, ý nghĩ ban đầu khẩn thiết nhất của tôi là: muốn làm học trò thầy, một thứ học trò đúng danh và đúng nghĩa, điều kiện đầu tiên là tôi phải trở thành một tờ giấy trắng. Hoàn toàn trắng. Chưa hề dây mực. Vì cả thầy lẫn tôi đều cần có chỗ để sắp xếp vào đó những ý niệm ban đầu, đơn sơ nhất, nguyên thủy nhất. Hai chữ "tiểu sử", thầy còn không dám dùng. Còn tôi? Tôi là gì mà lại khư khư ôm chặt lấy những gì mình "có"? Hay tưởng là mình "có"? Nhìn ngọn lửa tàn dần, cho công trình "tâm huyết" được trở thành tro bụi, tôi tự thấy bằng lòng. Nhờ thầy, tôi có dịp xét lại mình: cho đến khi thoát hẳn kiếp làm người, lúc nào tôi cũng chỉ là một con số không, giữa vũ trụ càn khôn. Một con số không to lớn. Trống hơ. Trống hoác.

Thời gian trôi. Trôi mãi. Cuộc sống không dừng lại. Thầy cũng không còn. Chỉ có tôi, còn lại đây, với tất cả những gì thầy bỏ lại. Như một khoảng đời. Như một đoạn phim. Hiện ra lớp lang. Cái sau, theo cái trước. Rồi lần lượt qua đi. Cái còn lại chỉ là kỷ niệm. Kỷ niệm tiếc nuối. Kỷ niệm ngậm ngùi. Kỷ niệm tan tác. Bằng chứng là thầy đã đi. Cô đơn. Biền biệt. Chúng tôi ở lại. Mỗi đứa một phương trời. Xiêu lạc. Bơ vơ.

Đêm sâu dần. Trên bầu trời, những vì sao xa đã lặn mất. Tiếng côn trùng ủ ê, rỉ rả khắp sông sau, núi trước. Tôi xoay đầu nằm nghiêng, cho nước mắt được xuôi dòng. Chảy dài xuống gối. Mường tượng như trong chiêm bao, tôi mơ hồ nghe vang vọng đâu đây giọng ngâm thơ, một chiều nào đó, của thầy:

Một cái búng tay,
Rún trời đã rụng.
Trong giờ rất thiêng,
Trong giờ rất yên,
Trong giờ rất lặng.

Những vần thơ này của ai? Phải chăng là của thầy? Vì lý do nào thầy lại thích nó? Ý thích lạ lùng đó, đã có một lần trong đời xúi dục thầy tự đi tìm con đường giải thoát cho mình? Một lối giải thoát sau cùng, theo đúng vận số, khí tiết, con người. Của thầy. Tại một nơi chốn đìu hiu. Ở một góc tù quạnh quẽ. Than ôi! Chuyện thầy đi thì thầy đã đi rồi. Điều đáng nói là dầu thầy đã đi và đi mãi không về, thì hiện tại, nơi tôi còn có mặt, quả đất vẫn cứ hững hờ quay. Và ngày mai, khi tôi bừng thức dậy, mặt trời vẫn cứ thản nhiên mọc. Mặc kệ chuyện thầy ở lại hay đi!

Ngay cả tôi. Tất cả dành cho thầy, cuối cùng, có lẽ, chỉ còn là những giọt nước mắt này. Chảy ra lần đầu, trong đêm nay. Và ngày mai. Và tháng tới. Và năm sau, tôi sẽ lặng lờ bỏ quên thầy. Cho tro than. Cho vùi lấp. Như đã từng quên biết bao nhiêu điều đáng nhớ khác. Nếu lãng quên là điều kiện cần cho người sống, và cho cả tôi, thì đâu là điều kiện đủ cho linh hồn kẻ đi? Nhất là với những lần đi không người đưa, không kẻ khóc như thầy.

Bên cái xác co quắp, lạnh tanh của thầy, tôi cầu trời cho có ai đó bỏ quên một manh chiếu rách, hay một nén nhang tàn. Mà chắc gì đã có! Ngày gặp gỡ thầy. Với hai năm dài được thầy dạy dỗ. Trong ngôi trường đó. Bên bờ biển đó. Có tiếng thông vi vu. Có sóng nước rập rình. Có cả hình ảnh của những con dã tràng chạy loanh quanh trên bờ cát. Đêm ngày không ngừng nghỉ. Để một sáng, nằm phơi bộ xương khô, dật dờ bên triền sóng. Tôi nhớ lại. Nhớ lại hết. Tất cả cùng một lần. Và tôi vùng khóc lớn. Lần này thì tôi khóc mùi mẫn. Khóc thật tình. Khóc cho thầy và khóc cả cho tôi.

Canada 15-3-1994

Đính chính

TK21 số 63, trang 88, mục Sách Báo, có giới thiệu tập truyện Một Thời Để Nhớ" của Ái Khanh, đã ghi lầm địa chỉ liên lạc. Xin ghi lại địa chỉ đúng như sau: Ái Khanh, 671 Hibiscus Rd., Casselberry FL 32707.

ĐÀ LẠT CHIỀU BUÔNG

NGUYỄN TẤN HƯNG

Hơn nửa năm qua, kể từ ngày di chuyển về thành phố nên thơ Đà Lạt, cuộc sống Mỹ Hạnh đã hoàn toàn thay đổi hẳn, cuộc đời nàng đã thật sự sang trang. Từ một nơi chan hòa nắng ấm đến một nơi lạnh lẽo sương mù. Từ một thời vui vẻ, xông xáo chuyển sang u buồn, khép kín. Có phải chăng đời là thế, có những khi hạnh phúc tràn đầy và có những khi đau khổ sầu thảm? Thể hiện bằng những nụ cười nối tiếp với những giọt nước mắt thành một chuỗi luân hồi mầu nhiệm, mãi mãi trôi không ngừng nghỉ!

Trong ngôi biệt thự cổ kính nằm ven đường Bùi Thị Xuân, từ cửa sổ nhìn ra, Mỹ Hạnh thấy những tia nắng chiều như đang nghiêng mình chạy dọc song song với con dốc, xoai xoải theo sườn đồi, biến những cành thông thường ngày xanh um màu ve chai, lấp lánh hào quang theo từng cơn gió nhẹ. Lẩn khuất trong đồi thông trùng điệp, ngút ngàn đó thỉnh thoảng hiện ra một ngôi nhà ngói đỏ, một mái tranh màu nâu đậm, tạo nên những nét chấm phá nổi bật trên bức tranh thủy mặc. Xa xa phía chân đồi, cũng vậy, mặt hồ Xuân Hương phản chiếu ánh nắng chiều, chói lọi như chiếc gương mạ vàng, chiếm một khoảng không rộng lớn trên bức bình phong. Năm bảy con bồ câu, trắng có, xám có không khác gì những cánh hải âu hay chim yến ngoài biển khơi, bay lên đáp xuống tìm một gợi nhớ những chiều Vũng Tàu, Nha Trang xa lắc xa lơ.

Rồi sừng sững bên bờ hồ là chợ Mới trong khu Hòa Bình, có lối kiến trúc tân thời giống như dinh Độc Lập, vì do cùng một kiến trúc sư vẽ kiểu, kiến trúc sư Ngô Viết Thụ. Men theo triền dốc qua bên phía kia bờ, độ một khoảng khá cao, ngọn tháp nhọn của nhà thờ Đà Lạt vươn mình chĩa thẳng lên không như một mũi tên màu hồng thật lớn. Ở nơi đó, hằng tuần mỗi sáng chủ nhật, những con chiên miền núi trong số đó có cả Mỹ Hạnh, đã từng sum vầy dưới đấng Công bình - Bác ái để nguyện cầu hạnh phúc, trước hết cho riêng mình và gia đình, và thứ đến, cho đất nước quê hương, cho dân tộc Việt Nam ba miền Trung Nam Bắc, sớm thoát khỏi cảnh điêu linh tàn khốc của chiến tranh đã triền miên diễn ra trên một phần tư thế kỷ nay.

Có lẽ muôn người như một, ai ai cũng lấy làm thích thú khi đến miền cao nguyên lần đầu. Nhất là vào những buổi trưa tà tà dạo phố, lên dốc xuống đèo, dưới cái nắng hanh vàng rực rỡ mà vẫn phải mặc áo len cho đỡ lạnh. Làm sao mà tìm thấy được ở miền biển hay miền đồng bằng những cánh áo sặc sỡ muôn màu như bầy bươm bướm đùa bay trong mảnh vườn kỳ hoa dị thảo? Với những cô gái môi hồng, má thắm như những đóa hoa anh đào nở rộ lúc vào xuân! Những cô gái hầu như trẻ mãi không già vì tâm hồn họ lúc nào chắc cũng hân hoan, thơ thới? Và hiển nhiên cũng không riêng gì con người, trong cái không khí mát mẻ trong lành ấy, những cánh hoa hồng đủ màu, những khóm pensé xanh biếc hoặc vàng tươi, những chùm mimosa đỏ lấm tấm đầu cành, những búp tulip no tròn như nhung, những nụ cúc xinh xinh, những đóa hoa thược dược bụ bẫm, những ngọn glaieul, lys đầy búp non e ấp xếp theo cành... Vẫn luôn luôn thi nhau khoe hương sắc vì rất lâu tàn. Đó là chưa kể đến những vườn hoa được trồng tỉa và chăm sóc cẩn thận nhằm gửi bán khắp các tỉnh nhất là thủ đô Sài Gòn, hoặc dưới hình thức những công viên công cộng ngay trong thị xã nhằm mời mọc khách phương xa dừng chân thưởng lãm. Như vườn hoa Đà Lạt nằm cạnh mạn bắc hồ Xuân Hương chẳng hạn, với nhiều loại lan rừng hiếm có không những ở Đông Nam Á mà luôn cả thế giới này.

Chẳng biết có phải vì địa thế và phong cảnh có một không hai của Đà Lạt hay không mà có một thời, vào thập niên 40 và 50 thì phải, thành phố này đã mệnh danh là La Petite Paris, một Ba Lê Nhỏ ở Viễn

Đông. Nhưng không hề dùng làm thủ đô văn hóa như Ba Lê thứ thiệt của người ta mà chỉ là một chỗ dành cho ăn hoặc nghỉ mát ba tháng hè! Đặc biệt, không riêng gì các vua chúa và mệnh phụ phu nhân của Hoàng triều cương thổ, mà luôn cả các hàng quý tộc ở châu Âu, gồm đủ Công Hầu Bá Tử Nam, vẫn thường xuyên đến đây hội hè đình đám! Để bày nhiều trò tiêu khiển đôi lúc không mấy gì vinh dự, tốt đẹp lắm cho những người đứng ra tổ chức! Như những cuộc đi săn thú rừng bản xứ chẳng hạn! Những heo rừng, gà rừng, cọp, beo, hươu, gấu, và cả những con voi to lớn vô tội vạ của Việt Nam, hàng ngàn năm qua đã sống âm thầm trong những khu rừng già đầy gỗ quý như huỳnh đàn, cẩm lai, sao, trắc...

Nào có mấy ai để ý tìm hiểu đến cội nguồn của cái thành phố mang tên Đà Lạt, rất thích hợp với những cặp tình nhân lén lút hẹn hò cho một chuyến đi xa, hoặc những đôi uyên ương không quên đi hưởng tuần trăng mật sau ngày cưới. Từ đâu mà có hai chữ êm tai, quyến rũ này? Phải nhắc đến công trình khám phá và thành lập thị trấn của ai đây, bác sĩ Alexander Yersin, người nối nghiệp Louis Pasteur hay là toàn quyền Paul Doumer? Hoặc một vị đại thần nào đó của triều Nguyễn? Chỉ biết rằng cái tên Đà Lạt có lẽ đã có từ lâu, lâu lắm! Kể từ ngày một sắc dân mang tên Lạt đã cắm dùi dưới chân núi Lâm Viên, một trong những hỏa diệm sơn đã nguội lạnh từ bao ngàn năm qua! Tại vì Đà có nghĩa là sông là suối và Lạt hiển nhiên là tên của bộ lạc Lạt, một sắc tộc người Thượng. Đà Lạt là con sông của người dân Lạt. Ngày nay chỉ còn lại độ năm sáu ngàn người sống quây quần trong một thung lũng nhỏ nhoi cạnh sườn núi Lâm Viên mà thôi. Xa hơn một chút, con sông của dân Lạt đó hiện giờ chính là dòng suối Cam Ly, gom góp từng giọt vắn giọt dài rồi đổ xuống thác Cam Ly, tiếp tục tuôn chảy về phía nam để trở thành sông Cam Ly, một trong bốn phụ lưu của sông Đồng Nai, gồm có sông Krong Kno, sông Đa Dung nhen nhúm và xuất phát từ suối Vàng, sông Cam Ly và sông Đa Nhim.

Mặc dù rất thích thưởng hoa, ngắm cảnh vậy mà từ ngày dời về đây đến nay Mỹ Hạnh chỉ đi vòng vòng thị xã chớ chưa có dịp đi xa. Từ khuôn viên viện Đại học Đà Lạt, do người anh cả của Tổng thống Ngô Đình Diệm tức Tổng giám mục Ngô Đình Thục lập ra vào năm 1957, quành xuống vườn hoa và bờ hồ Xuân Hương thì hiển nhiên nàng đã đặt chân tới rồi. Xong, tiện đường vòng lên hướng bắc, băng qua Trung tâm Nguyên Tử Lực Cuộc Đà Lạt độ bốn năm cây số để đến rừng Ái Ân, rừng thông vi vu trong gió vậy thôi chớ nàng chưa nghe ai nói về một giai thoại đáng ghi nhớ nào.

Kế đến phải là hồ Than Thở, có lẽ vì Mỹ Hạnh muốn viếng những chỗ có tiếng là thơ mộng và hữu tình trước tiên. Cũng không xa lắm, độ dăm bảy cây số về hướng đông. Một vũng nước nằm ngay giữa rừng thông, nơi mà huyền thoại của đôi nam nữ ít người biết tới, tên là Mai Nương và Hoàng Tùng, đã dần dần khắc ghi trong tâm trí nàng. Đại khái chàng vì tiếng gọi của non sông nên đành phải gạt lệ chia tay, xa gia đình tòng quân giết giặc, còn nàng vì không muốn chàng phải bi lụy thao kiểu Hạng Võ biệt Ngu Cơ, đồng thời cũng muốn chứng tỏ lòng thủy chung giữ trọn niềm yêu của mình đối với người tình, nên đã than thở, thở than cho hoàn cảnh thương đau rồi buông mình nhảy xuống hồ tự tử. Ấy, mà có đến mới biết, tuy tiếng tăm truyền tụng có phần hơi lớn đó nhưng thật sự hồ Than Thở này xem ra nhỏ hơn ao Bà Om ở Sóc Trăng nữa là khác. Nhất là trong mùa khô hạn hán, nước cạn như hiện nay. Được một điểm là rừng thông ở đây dày đặc, tươi tốt che mát rạp cả bầu trời.

Rồi phải vòng qua phía tây, đến xem Cam Ly thác bạc mười mấy thước cao và gần đó là lăng Nguyễn Hữu Hào, mộ của nhạc phụ vua Bảo Đại tức là cha của bà Nam Phương hoàng hậu, người nổi tiếng là giàu có nhất tỉnh Gò Công lúc bấy giờ. Và từ đó, Mỹ Hạnh cũng đã từng đi về mạn tây nam, để thăm khu công giáo Du Sinh và vòng qua viện Pasteur, Biệt Điện của Bảo Đại, tức dinh số 3. Thêm nữa, nàng cũng đã đi ngang qua để xem các cảnh chùa, bên ngoài thôi vì là người công giáo nên nàng không muốn vào trong. Nhiều lắm, nào là chùa Quan Âm Tự, Linh Sơn, chùa tàu của người Triều Châu, chùa Linh Phong tức chùa Sư Nữ của mấy bà vãi..., nhưng có lẽ chùa Linh Sơn là cổ kính hơn hết thì phải, còn các chùa khác đều được thành lập vào đầu hoặc cuối thập niên 50. Trường học cũng nhiều, nếu không kể trường Võ Bị Quốc Gia và trường Chiến Tranh Chính Trị là hai trường quân sự, các trường trung học dân sự rải rác đó đây là Couvent des Oiseaux, Grande Lycée Yersin, Văn Học, Việt Anh, Bồ Đề, Bùi Thị Xuân, và Trần Hưng Đạo..., tức trường mà nhà văn nữ Nguyễn Thị Hoàng đã dạy và đẻ ra tác phẩm tình cảm rất ướt át là Vòng Tay Học Trò. Còn về "nhà thơ của tình yêu", tức nữ sĩ Lệ Khánh tác giả Em Là Gái Trời Bất Xấu thì nàng có nghe nói là quê quán ở Đà Lạt nhưng không biết chính xác là ở khu nào...

Chỉ ngần ấy thôi Mỹ Hạnh đã tìm hiểu sơ qua về thành phố mà nàng đang trú ngụ trong một thời gian ngắn nhưng trong tương lai rất có thể phải chấp nhận làm quê hương thứ hai! Chớ nàng chưa có dịp ngược đường về phía Đức Trọng, Sài Gòn dọc theo quốc lộ 20 để viếng thăm thác Dalanta, thác Prenn, thác Liên Khương, thác Gougah, thác Pongour... kể theo thứ tự từ gần ra

xa. Nghe đồn là hùng vĩ và đẹp đẽ hơn thác Cam Ly nhiều, nhưng có điều bất tiện là không nằm gần lộ cái, có chỗ phải đi sâu vào rừng vài ba cây số thuộc vùng Việt Cộng kiểm soát, mất an ninh. Và đương nhiên nàng cũng chưa từng đi theo quốc lộ 11 hướng về Đơn Dương, Phan Rang để băng qua đèo Ngoạn Mục, Bellevue nếu muốn nói theo Tây, ắt hẳn ấy phải là chốn tiên cảnh bồng lai!

Tuy nhiên, ngoài những ngày nắng ấm dưới khung trời thiên thanh, xanh biêng biếc điểm chút mây trắng lềnh bềnh trôi... còn phải kể đến những cơn mưa phùn rỉ rả, buồn ơi là buồn! Bầu trời xám xịt màu chì như được kéo xuống thấp chập chùng ngang tầm mắt. Đôi ba ngày liên tiếp, nào có khác gì những cơn mưa phùn lất phất lâm râm thúi đất của Huế là bao? Những giọt mưa mơ hồ lúc có lúc không như muốn tăng thêm nỗi xa vắng nào đó cho các đồi thông hai mộ! Những giọt mưa tí tách như những lời thở than u uẩn bên hồ Than Thở của người đẹp Xuân Hương! Những giọt mưa lê thê như muốn kéo dài thêm kiếp sống gầy gò không hề đổi thay của bao nhiêu bóng dáng Thượng với chiếc gùi trên lưng, chôn chặt cuộc đời bên những đồi trà, cà phê trồng thẳng lối như vườn cao su, mút mắt ngút ngàn! Những giọt mưa còm cõi như muốn làm trĩu nặng thêm đôi vai nặng gánh trên chiếc lưng còng của các người lao công ngày ngày chăm lo những luống rau xà lách, bông cải, cà chua, cà rốt, khoai tây, dâu tây, và luôn cả những vườn mận tây, bơ, su hào, hồng dòn, artichaut...

Nhưng đó chỉ là chuyện nắng mưa, chuyện của đất trời, không bằng những giọt mưa len lỏi trong tâm hồn Mỹ Hạnh, chuyện của người, càng lúc càng làm nàng thêm đớn đau, tê tái. Mà hình như chẳng riêng gì nàng, có phải chăng những người ở Sài Gòn hễ ai đó lỡ dở, trắc trở chuyện duyên tình thì hay chạy lên Đà Lạt này để giấu mặt, lánh thân?

Nhớ lại chuyện mình, đã gần một năm qua rồi mà Mỹ Hạnh thấy còn sờ sờ vừa xảy ra trước mặt. Vì ai mà nên nông nỗi? Nàng hay Hiếu, hoặc một người nào khác, là người thực sự phải mang tội lỗi tày trời đây? Trong tình yêu nhục cảm, gì chứ chuyện bầu bì là chuyện của người đàn bà phải tính toán, lo toan! Đàn ông chỉ biết thèm khát và hưởng thụ mà thôi! Nàng vẫn biết như vậy và vẫn áp dụng kỹ lưỡng phương pháp Ogino-Knauss. Thông thường người ta hay dễ dãi với chính mình nên tính đến mười ngày, nhưng nàng ngược lại, khắt khe hơn, bắt buộc phải kiêng cữ trừ hao, chỉ trong vòng bảy ngày trước và bẩy ngày sau. Thế mà Hiếu nào biết đến thân nàng, hễ muốn là đòi cho lấy được...

- Đù mẹ, giờ này mà nó báo tin ngày mai khởi hành đi Nha Trang đặng chở xác bộ binh bị phản công chết lủ khủ ở mật khu Đồng Bò mới là khổ đời chớ! Chắc tao phải về tàu ngay bây giờ...

Kể ra hôm đó cũng xui thiệt, phải chi anh Phát đừng xuống tàu, không được lệnh nhổ neo bất thình lình thì đỡ cho nàng biết mấy! Với bộ ba thì không sao, đến lúc chỉ còn lại có hai đứa thì nàng không kềm chế được Hiếu! Nhất là trong một gian phòng ấm cúng, đầy đủ tiện nghi hơn cả phòng hai vợ chồng nàng đang ở hiện trong ngôi biệt thự cũ kỹ nhưng đẹp đẽ này! Âu cũng là số mệnh!

Rồi trong sân trường Đại học Sư Phạm ngày ấy, than ôi, Mỹ Hạnh cũng không ngờ nàng đã mang bầu! Cái thai hành nàng quá chừng đến nỗi lúc về nhà trong người nàng như bắt nóng lạnh, cảm mạo thương hàn và thân thể bỗng dưng bần thần bải hoải, đau lưng nhức xương chịu không thấu. Ba nàng tức tốc chở đến ông bác sĩ bạn quen, bác sĩ Thiệt có phòng mạch ở gần Ngã Sáu, cho ổng khám bệnh khi thấy nàng nằm dật dựa cả ngày. Chiều ý ông già chứ nàng nào có muốn lê lết cái tấm thân tàn ma dại, xem như đã lỡ làng rồi đó đi đâu cho mắc công! Nhưng lúc đến nơi, rõ ràng là nàng không biết ăn nói sao cho phải phép, ổn thỏa mọi bề! Biết là mình đang ụa mửa thèm chua, hôi cơm tanh cá, nhưng nàng nào dám khai thiệt. Thôi thì để ổng khám sao thì khám, vậy mà trời đất ơi, quả là thiên bất dung gian, ổng đoán bệnh trật lất, chích cho nàng một mũi thuốc gì đó không biết và cho uống một lô ký ninh vàng đắng nghét để phòng ngừa sốt rét.

Phần vì lo rầu đủ thứ nên bịnh tình của Mỹ Hạnh đã không thuyên giảm mà càng ngày càng thêm trầm trọng. Cho đến một đêm, đang mê man bất tỉnh trong cơn sốt trên 40 độ thì nàng nghe loáng thoáng tiếng than khóc của má nàng. Vì cái thai đã sẩy, tuôn tràn ra trong quần nàng, làm ướt hết mặt drap. Thôi, cuộc tình vụng trộm giữa Hiếu và nàng đang đi đến hồi kết cuộc, nàng cũng không còn hơi sức đâu mà bào chữa hay than thân trách phận với ai nữa. Có lẽ cuộc đời của người đàn bà có hẩm hiu thế mấy chắc cũng đến mức độ đó là cùng, trong nỗi đau tột đỉnh mà mạng sống của mình lại chẳng khác nào chỉ mành treo chuông!

Để che giấu sự nhục nhã cho riêng Mỹ Hạnh đối với mấy đứa em nhỏ của nàng và cho cả gia đình đối với hàng xóm láng giềng, má nàng liền âm thầm gọi xích lô, len lén chở nàng ra đi tức khắc trong đêm hôm tăm tối. May mà má nàng có người bạn học cùng lớp khi xưa đang làm mụ ở một nhà bảo sanh tư bên bến Phạm Thế Hiển cho nên họ đã bằng lòng bảo bọc, che chở đủ mọi thứ cho nàng. Thì trong thời gian thập tử nhất sanh đó, nàng đã đến thật gần với Hiếu, chỉ một đoạn đường ngắn mà thôi, nhưng mà cũng rất xa, dịu vợi như... bóng chim tăm cá. Vì chỉ cần một chút không may mắn vô

tình xảy đến là Hiếu và nàng có thể ngàn đời vĩnh viễn chia lìa, bởi cái thai đã ra nhưng chiếc nhau còn xót lại. Ôi, còn nỗi đau nhục thể nào nhiều hơn nữa khi cô Mụ Bảy tìm đủ cách để moi móc, níu kéo mà đem nó ra. Đôi ba lần ngất xỉu, mồ hôi vã ra như tắm, nhưng nàng cũng cố cắn răng chịu đựng, biết thân phận tội lỗi dẫy đầy của mình nên không dám buông một tiếng oán than.

Một lần lầm lỡ đã tởn tới già. Cũng hên là mấy đứa em, trai cũng như gái, của nàng đã dễ tin những gì mà ba má cho biết về nàng chỉ hiểu lờ mờ là vì cố gắng học hành, thức khuya dậy sớm nên nàng bị lao nặng và đang nằm điều trị ở bệnh viện Chợ Rẫy! Không một ai được đến thăm nom vì đó là bệnh truyền nhiễm! Kể cả... Hiếu, "người bạn học cùng lớp với con", như nàng đã thú thật với ba má nàng. Kẻ đã gây cho nàng một trời thương đau, vậy mà nàng vẫn cứ mong vẫn đợi một cuộc hội ngộ thật bất ngờ trong những giây phút rất là cô đơn, đi biển một mình kia. Nhưng rồi ông trời ác quá, thời gian cứ tiếp tục dần trôi...

- Tại sao con dám liều lĩnh như vậy chớ, hả Hạnh? Thân gái một đời chỉ có một lần, sao con không biết suy nghĩ chín chắn? Gặp đứa thương thiệt tình không nói làm gì, nếu lỡ gặp thằng sở khanh thì thiệt thòi luôn luôn về phần mình. Chỉ chuốc khổ vào thân, sao mà con khờ dại quá! Nếu như cái thai không hư, bụng bầu một ngày một lớn thì tao với ba bây biết phải tính làm sao đây, hả?

Ba má nàng thiệt tình cũng dễ tánh, chỉ la rầy sơ sài một vài lời như vậy thôi chớ không hề mắng nhiếc nàng thậm tệ như những người khác đã làm. Vì thương con, bậc làm cha mẹ đôi khi cũng phải hững hờ im lặng, cố nuốt những cay đắng đang đè nặng trong lòng, nên nàng cũng chỉ biết cúi đầu làm thinh chớ biết nói sao hơn! Lạ thay, ba má nàng lại ơ hờ dửng dưng, chẳng màng đá động hay gạn hỏi đến tên lãng tử đã "phá hại đời con gái" của con mình là ai...

Thế mà rồi "phước bất trùng lai, họa vô đơn chí", lúc nàng vừa mới cứng cáp thì tai ương lại đổ ập đến cho cả gia đình, ba nàng nhận được lệnh thuyên chuyển về Đà Lạt. Ban đầu ba nàng dự trù chỉ lên đó một mình, thỉnh thoảng hoặc hằng tháng về thăm, nhưng cũng may là má nàng tìm được người sang nhà có giá nên sự chia xa, ngăn cách chỉ xảy ra trong một thời gian ngắn. Cuộc ra đi nào cũng vậy, không ít thì nhiều đều có những quyến luyến thân thương, những kỷ niệm êm đềm hằn sâu trong tâm tưởng. Tuy nhiên, bán được căn nhà cũ nằm trong hẻm không có cửa hậu nàng cũng mừng. Nàng hằng ước mơ là nhà mình phải ở mặt tiền trông ra lộ lớn, đằng sau nhà có chút ít vườn tược, bông hoa lá cành. Và còn sung sướng nào hơn, khi ba nàng cho biết ngôi nhà mới mua ở Đà Lạt, tuy là hơi nhỏ nhưng có những đặc điểm mà nàng ưa thích.

Những ngày chuẩn bị đồ đạc rồi lên đường di chuyển, ôi thôi, thật là ê hề, phiền toái, nhiễu nhương, cũng hên là ba nàng mượn được công xa, coi như xe nhà trong một đôi ngày, kể cũng đỡ. Sau hơn mười năm tích trữ, bao nhiêu thứ lỉnh kỉnh trong nhà tuôn ra, dồn đống lại từng nhóm, từ góc mới thấy nhiều ơi là nhiều. Má nàng phải biếu xén hoặc bán đổ bán tháo như cho không những món lặt vặt không mấy cần thiết mới có đủ chỗ chất lên xe, cũng là một bài học, một kinh nghiệm dọn nhà đáng nhớ trong đời nàng.

Vừa lên Đà Lạt độ vài ba hôm thì Mỹ Hạnh có thêm một người bạn mới, Tâm. Con trai lớn của một sĩ quan cao cấp, giảng viên trường Chiến Tranh Chính Trị, và là bạn thân của ba nàng ở những năm trung học xa xưa. Tâm cao ráo, dáng người tầm thước, nhưng khác với những ai sống lâu ở miền cao nguyên lành lạnh mù sương, nước da chàng hơi bánh mật, ngăm ngăm đen. Đặc biệt với khuôn mặt vuông vuông chữ điền, cánh mũi thẳng, cặp mắt to và chưn mày rậm trông chàng rất oai hùng trong bộ đồ bay, đội mũ calo, nàng nghĩ vậy. Miệng chàng lúc nào cũng cười tươi như muốn khoe mình tốt bụng, rộng lượng. Những ngày đầu mới quen, sau giờ làm việc, chàng hay đến nhà giúp ba má và chị em nàng những chuyện nặng nhọc mà người anh cả trong gia đình hay làm. Vậy mà rồi từ một người bạn, một người anh, không mấy chốc lại đổi thành người chồng khi hai người bạn học cùng lớp ở trường Tây Chasseloup Laubat một dạo nào đòi làm suôi với nhau. Trong khi trong lòng nàng vẫn còn vướng bận hình bóng của Hiếu, nhưng có lẽ phải vì chữ "hiếu" mà quên đi chữ "tình", để đáp đền công ơn sinh thành dưỡng dục cũng như xóa bỏ những tội lỗi, nhục nhã, oan ức mà nàng vừa mới gây ra.

Sở dĩ Mỹ Hạnh biết được nhiều ngoại cảnh xung quanh thị xã Đà Lạt cũng là nhờ Tâm chịu khó mỗi cuối tuần hay đưa nàng đi chơi, trong thời gian là bạn, và từ đó có lẽ tình thương đã bộc phát nên Tâm yêu nàng rất mực còn riêng bản thân nàng thì tỉ như con chim bị tên nên giờ này còn sợ cây cung, đâm ra dè dặt. Nhưng tình trường là vậy, hễ mình càng thờ ơ xa lánh thì đối tượng lại càng nôn nóng chạy tới. Để không bao lâu sau đó, đám cưới giữa Tâm và nàng đã linh đình, trang trọng xảy ra. Tâm rộng rãi hào phóng và rất là Tây phương, đã chẳng để ý gì trong đêm động phòng hoa chúc, không hề quan tâm đến sự trong trắng, tiết trinh của nàng, người phối ngẫu sẽ cùng mình chung sống trăm năm đến tóc bạc răng long có phải chăng *khi thương trái ấu cũng tròn* đã rất đúng trong trường hợp của nàng? Ngược lại, càng mang mặc cảm với Tâm, người chồng gương mẫu, càng làm

nàng nhớ nhung Hiếu, người tình lý tưởng mà nàng đã trao trọn tin yêu ngay từ thuở ban đầu. Kẻ đã từng đem đến cho nàng một trời khổ đau, vậy mà nàng không thể rời xa, chạy trốn đi đâu được cho đến nay và có thể mãi mãi về sau, một cuộc tương phùng giữa Hiếu và nàng, cho dù một lần rồi chết ngay xuống chốn tuyền đài, đối với nàng, vẫn là giấc mơ có thể thành sự thật.

Vậy mà nàng đã từng lừa dối mình, vì trong lá thư vừa rồi, hình như nàng đã nói với Hiếu những lời trăn trối để chấm dứt một cuộc tình giờ đã đến hồi trái ngang! Nàng có tự mâu thuẫn với chính mình không? Dường như người con gái nào cũng vậy, ít nhứt một lần trong đời, đã nói ngược lại với những gì mình đang nghĩ một cách hết sức thành thật? Như "ghét" thay cho "thương", chẳng hạn! Như "vĩnh viễn chia lìa" thay cho "xích lại gần nhau", chẳng hạn. Ôi, quả là con tim có lý lẽ riêng của nó, càng suy nghĩ càng làm tâm hồn nàng thêm hỗn loạn, bệnh hoạn và thân xác nàng thêm oằn oại, xanh xao. Nàng không nhớ đã viết gì trong lá thư vừa qua, nhưng có lẽ những "lời cuối cho một cuộc tình" hết sức thành thật kia của nàng, nghĩa bóng lẫn nghĩa đen, đã làm cho Hiếu khổ đau tột cùng, đến độ thốt lên nỗi lòng tỉ tê ai oán, cô đọng qua mấy vần thơ:

Từ em về với lồng son
Anh, con chim lạnh, lên non hót buồn
Cuộc tình luống những bi thương
Khúc yêu đương, khúc đoạn trường, cớ sao?
Trái ngang lệ thấm má đào
Tình em gối mộng đi vào thiên thu
Yêu anh em nói lần đầu
Trái tim rơi rụng khối sầu nặng mang
Bên sông một bóng đò ngang
Người đi kẻ ở muôn vàn đớn đau
Long lanh giọt lệ mắt sâu
Nghẹn ngào tiếng nấc thay câu giã từ
Ôm tròn một mối tương tư
Ngẩn ngơ thơ thẩn chừng như điếng hồn
Còn đây tàn cuộc môi hôn
Mộng mơ đọng lại nụ hồng dấu yêu...

Mỹ Hạnh không cầm được tiếng thở dài... Ánh nắng chiều chỉ còn thoi thóp ngoài hiên. Màu vàng óng ánh nhạt nhòa vì những tia phản chiếu như đã tan biến đi đâu mất, trả lại rừng thông màu xanh thẫm muôn đời. Dưới thung lũng sâu, mặt hồ Xuân Hương như đen lại. Sương chiều dấy lên khắp mọi nơi, đất trời như được bao phủ bởi một màn sữa đục mong manh, nhẹ nhàng như khói như mây. Ngang lưng đồi, một vài tiếng chim kêu não nuột như muốn đưa lòng người lần về với tổ ấm cô liêu...

Hiếu ơi, ôi, người tình yêu dấu của em ơi, một lần nữa chính anh đã làm con tim em thổn thức, lặng lẽ đưa em vào phút giây của điếng hồn, ngơ ngẩn, thẩn thơ! Làm sao em sống nổi với canh cánh bên lòng những nhớ thương anh vàng võ, muộn màng? Anh, em biết làm sao đây trong khung trời cao nguyên đơn lẻ lạnh lùng này, nhứt là những lúc chiều buông xuống như hôm nay? Em biết làm sao cho anh hiểu được lòng em?

Anh,

Anh đâu biết khi em viết những lời vĩnh biệt anh là cõi lòng em tan nát? Lúc viết xong em lại do dự đôi ba lần không muốn gởi thư đi, vì gởi cho anh là kể như nghìn trùng xa cách! Nhưng rồi em phải lấy hết can đảm để một lần làm khổ anh, một lần rồi thôi! Vậy mà ông trời vẫn còn bắt em phải rơi vào hết nghịch cảnh này đến nghịch cảnh khác! Vì em lại tiếp tục viết cho anh, cho mãi đến bao giờ, cho đến hơi thở cuối cùng mới là chung cuộc sao anh?

Em đã tự dối lòng mình vì chỉ mấy tuần qua vắng thư anh là em trông đứng, trông ngồi tưởng chừng như xa anh hàng thế kỷ! Toàn thân em rũ rượi, mất ăn mất ngủ chỉ vì anh! Vẫn biết yêu anh là tội lỗi, tội lỗi rất lớn đối với chồng em anh có biết, nhưng làm sao em giết được tình em yêu anh, hả anh? Nhiều lúc em không hiểu tại sao, tại sao em không chấp chiu những gì em có, mà lại đi mơ mộng viển vông, mãi mãi yêu anh như yêu một ánh sao trời từ xa dịu vợi, như yêu một bóng mát cuối đời dành cho những linh hồn sắp chết, đêm đêm thao thức gắng sức tìm nơi nương tựa hình hài.

Anh,

Vẫn biết "yêu là chết trong lòng một ít", nhưng em vẫn thèm chết và muốn chết thật nhiều đó anh ơi! Tình yêu là gì anh hả, tại sao quyền lực của nó ghê gớm quá? Đã bắt em phải sống lây lất cho hết kiếp này trong gian dối, lọc lừa người chồng khả kính của mình. Trời ơi, sao chồng em thương em quá sức mà vẫn không thể nào chiếm được trái tim em? Thân xác em nằm đây mà tâm hồn em đã gửi trọn cho ai! Đam mê này dành tặng riêng anh nay đã chất chồng ngập hết cả "lồng son", anh có thấu? Anh dấu yêu, anh có thấy vì tình yêu anh em đã bất chấp mọi hậu quả khôn lường đang chực chờ, nằm sẵn ngay trước mắt em? Tại sao em cứ như con thiêu thân, lăn xả vào anh cho thân mình trần trụi cháy xém, hả anh?

Anh,

Có những lúc đêm về, lành lạnh trong vòng tay ôm của chồng em, hôn anh trong mơ mà em xót xa, tủi phận cho riêng mình, nước mắt em ràn rụa! Anh ơi, người yêu trong nghịch cảnh của em, như thế nào mới gọi là tình yêu đây anh? Chắc có ngày em héo hon, mòn mỏi, lịm đi và chết mất với những tình này...

Em.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGƯỜI ĐỌC SÁCH

THƠ Đúng ra đây là một tạp chí văn học, đặc biệt về thơ. Chỉ thơ mà thôi. Tạp chí hiện được chăm sóc bởi Khế Iêm, nhóm chủ trương gồm: Lê Bi, Hoàng Phủ Cương, Phạm Việt Cường, Phan Tấn Hải, Trầm Phục Khắc, Nguyễn Hoàng Nam, Chân Phương, Trịnh Y Thư, Nguyễn Tiến, Nguyễn Tiến Văn và Đỗ Kh.. Phần trình bầy do họa sĩ Phạm Hoán. Sách dầy 120 trang, in trên giấy trắng, giá bán 5 Mỹ Kim, địa chỉ liên lạc là P.O.Box 1745, Garden Grove, CA 92642.

Như đã nói ở trên, đây là một tạp chí do thơ mà có, nên hơn một trăm trang chỉ có thơ và những phát biểu về thơ. Hơn bốn chục nhân vật mà trong đó người sống chen chân cùng người đã chết. Có những danh tính đã xuất hiện nhiều thế kỷ. Có những nhà thơ mới tinh hảo như một ngôi sao vừa mới nhú trên nền trời thi ca. Có những nhà thơ trong nước và những nhà thơ ngoài nước. Có những thi sĩ Tây phương chen lẫn cùng những nhà thơ Đông phương. Thơ tiếng Hán bên cạnh thơ tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha... Nói tóm lại đây là tờ báo do các thi sĩ làm ra và tất nhiên người thưởng ngoạn phần đông cũng là các thi sĩ. Để giới thiệu tạp chí này không gì bằng lời phát biểu mở đầu nơi trang 2 của số ra mắt này:

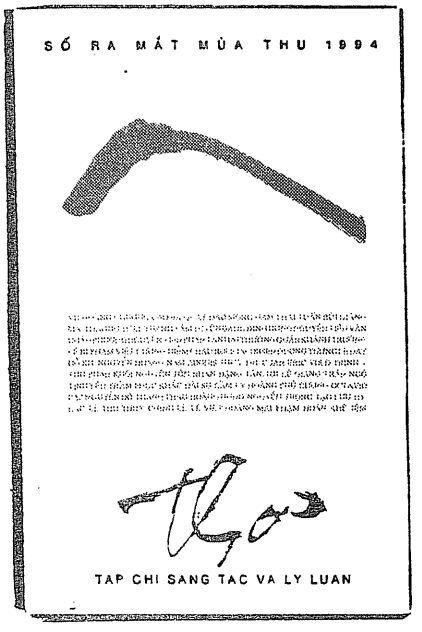

"THƠ được hình thành do sự đóng góp tích cực của một số anh em trong ban chủ trương. Rõ ràng sẽ là những đóng góp dài hơi của mọi người, trân trọng và yêu mến thi ca. Ở đây chúng tôi muốn biện bạch một điều, mỗi tác giả phát biểu theo chủ quan riêng, nhưng những nét tích cực trong mỗi bài viết, được người đọc đồng thuận, là chủ trương của THƠ. Và như thế tác giả và người đọc, cùng một lúc, đi tìm kiếm Thơ, trên quan điểm khách quan, thẳng thắn, không có những ẩn ý mang tính cá nhân. Số ra mắt, chúng tôi muốn, thật ngắn lời, mong đón nhận sự cộng tác của quý thân hữu và bạn đọc."

HAI MƯƠI BÀI LỤC BÁT Thơ của Khoa Hữu, Bạt của Diễm Châu do nhà xuất bản Trình Bầy phát hành, bìa của Nguyễn Thị Hợp, sách dầy 50 trang, in trên giấy trắng. Sách không đề giá bán, địa chỉ liên lạc số 14 đường Tacite, 67200 Strasbourg France.

Khoa Hữu là một nhà thơ còn ở trong nước. Trong lời bạt của Diễm Châu, ông tiết lộ cho chúng ta đôi điều về Khoa Hữu. Khoa Hữu chủ trương giai phẩm Góp Gió từ những năm 60, mà những tên tuổi khác như Thế Nguyên, Đinh Phụng Tiến, Tạ Quang Trung và cả Diễm Châu góp mặt. Từ đó tới nay nhiều thập niên

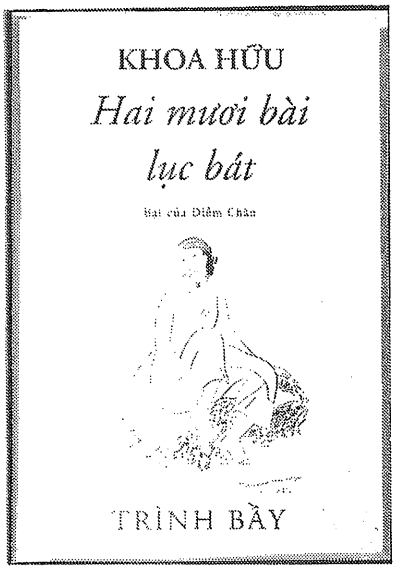

đã qua, ông viết rất ít. Trong cơn dâu bể cuối cùng Khoa Hữu sống âm thầm như mọi người đã từng khoác quân phục của miền Nam, nhưng anh viết nhiều hơn, làm thơ nhiều hơn. Thơ của anh thoát ra ngoài được đón nhận trên rất nhiều tạp chí văn chương hải ngoại. Hiện nay Văn Học đang thu thập những bài thơ của Khoa Hữu đăng rải rác các nơi để hoàn thành một thi tập khác, không chỉ có lục bát không mà thôi như tập của nhà xuất bản Trình Bầy. Xin giới thiệu đến độc giả một bài lục bát của Khoa Hữu:

Vẫn Năm Canh

Đêm ta thức lụn với đèn
Bóng lên lạ bóng, tường quen chỗ ngồi

Tay còn nắm ngón tay ơi
Mặt còn thấy mặt nửa người nửa ma
Bấc tàn lửa ngoạn quê xa
Lửa tàn rợn đến xương da một đời
Thơ còn bội bạc hơn vôi
Lòng còn quỷ khóc bồi hồi thâu canh.

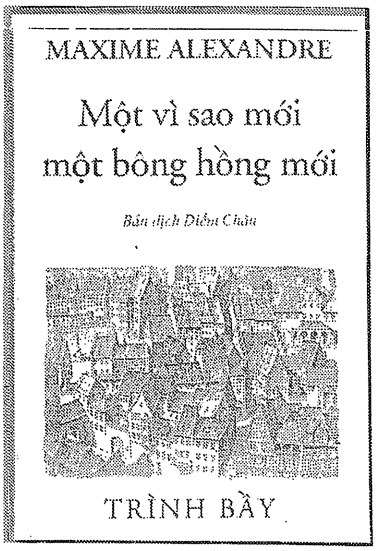

MỘT VÌ SAO MỚI MỘT BÔNG HỒNG MỚI Thơ của Maxime Alexandre, bản dịch của Diễm Châu, nhà xuất bản Trình Bầy phát hành. Sách dầy 96 trang, in trên giấy trắng. Sách không đề giá bán, cùng địa chỉ liên lạc với tập thơ của Khoa Hữu nói trên.

Trong lời bạt của Diễm Châu, chúng ta được biết Maxime Alexandre là người Do Thái, ông khởi đi là một nhà thơ siêu thực. Trong đệ nhị thế chiến nhà thơ vì sống trong nước Pháp nên trở thành một binh nhì của quân đội Pháp, ông bị quân Đức bắt làm tù binh. Trong lúc đang ở tù, có lần ông khai bệnh và được đi điều trị tại bệnh viện. Tại đây có lần ông thấy một Đại tá Đức Quốc Xã đang đọc một tập thơ của ông. Do đó ông xin đổi về một bệnh viện khác, và trốn thoát trong khi di chuyển, tiếp tục cuộc sống lẩn trốn cho tới khi thế chiến chấm dứt. Năm 1967, sau một cuộc đời luân lạc, trôi nổi, ông trở về sinh sống và mất ở Strasbourg gần nơi ông đã sinh ra. Maxime Alexandre trước tiên là một nhà thơ siêu thực. Đó không phải là một loại thơ dễ đọc. Khi chuyển ngữ dù có dụng công tới đâu chăng nữa, Diễm Châu cũng chỉ làm được một việc là mang những tư tưởng, cũng như những suy nghĩ của nguyên bản đến người đọc. Dịch đã khó, dịch thơ còn khó hơn một tầng.

NHỮNG GÌ VIẾT TRONG GIÓ Thơ của Rolf Jacobson, Diễm Châu chuyển ngữ. Sách do nhà xuất bản Trình Bầy ấn hành, dầy 108 trang, in trên giấy trắng. Sách không đề giá bán, cùng địa chỉ liên lạc với tập thơ của Khoa Hữu và của Maxime Alexandre.

Rolf Jacobson là một nhà thơ gốc Na Uy, ông sinh năm 1907 tại Kristiania (Tên cũ của thủ đô Oslo). Ông bắt đầu làm thơ rất sớm và khởi sự in hai tập thơ của ông vào năm 1933, và 1935. Chúng tôi xin trích một nhận xét của Poul Borum viết về thi ca của Rolf Jacobson: *"Trong sự lặng lẽ nhấn mạnh tới những phẩm chất cơ bản của sự sống, thơ Rolf Jacobson là 'duy nhất' và đồng thời liên hệ sâu xa tới chiều hướng nhân bản một cách có ý thức trong trường phái hiện đại Âu Châu"*.

Diễm Châu là một nhà thơ, ông

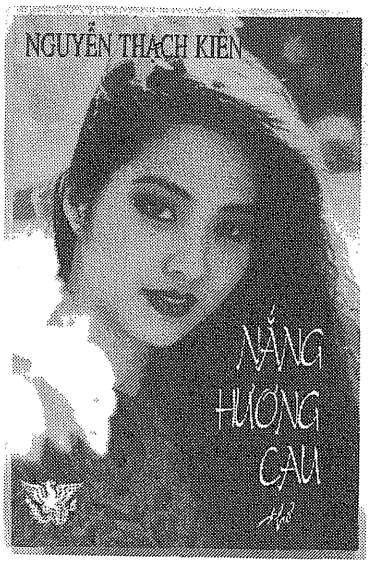

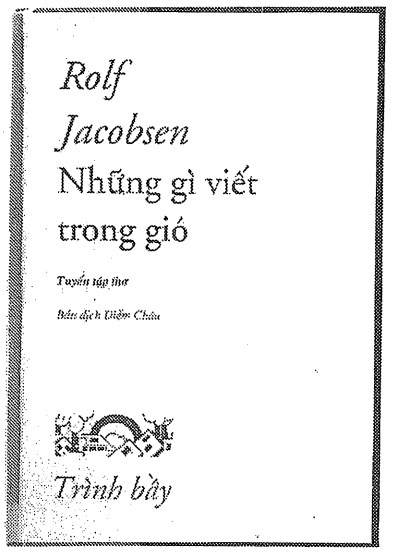

say mê thơ đến độ khi nào không làm thơ thì dịch thơ, nếu như phần đông những thi sĩ của chúng ta không ít thì nhiều chịu ảnh hưởng thơ Đường, thì có lẽ ông là người duy nhất không một chút nào liên hệ tới nguồn thi ca vĩ đại nhất châu Á. Diễm Châu tìm tới những cội nguồn thi ca khác xuất phát từ phương Tây, nơi ông đang sống và chọn làm quê hương thứ hai trong đời ông.

NẮNG HOA CAU Thơ của Nguyễn Thạch Kiên, nhà xuất bản Phượng Thúy, sách dầy 220 trang, không đề giá bán, không ghi địa chỉ liên lạc. Phụ bản của các họa sĩ Nguyễn Văn Trung, Thái Bá, Bích Nguyên, Nguyễn Thanh Thu.

Nơi trang mở đầu cho tập thơ, Nguyễn Thạch Kiên cho biết tập sách là kỷ niệm 50 năm thơ Nguyễn Thạch Kiên về "Tình Yêu Quê Hương và Tuổi Trẻ Việt Nam". Xin giới thiệu đến độc giả một đoạn thơ Nguyễn Thạch Kiên:

... Nghe tiếng nhau tưởng quê hương trước mặt
Việt Nam yêu thủ thỉ tiếng ru ời...
Giọng Việt Nam: Tim bồi hồi se thắt
Ta đã từng nghe từ thuở nằm nôi
Mẹ đã cho con lời ca ngọt mật
Em đã cho anh tiếng hát yêu đời...

TRIỂN LÃM MỸ THUẬT PHẬT GIÁO

Trong dịp Lễ Phật Đản năm nay, một số nghệ sĩ tạo hình và nhà sưu tập đã tổ chức một cuộc triển lãm tranh, tượng liên quan đến đạo Phật, tại Golden West College Gallery, Huntington Beach, California.

Từ nhiều đời, đạo Phật đã trở thành tôn giáo chính tại nhiều nước ở châu Á. Tại mỗi nơi Phật giáo đều thích ứng và biến hóa để hòa đồng với nhu cầu tâm linh và những tín ngưỡng sẵn có tại mỗi xứ. Tuy hình thức nghệ thuật ở mỗi xứ mang những nét đặc thù khác biệt nhưng tựu trung nguyên tắc thẩm mỹ và kiến thức vẫn cùng chung một căn bản. Nền văn hóa Phật giáo tại các nước ấy đã lưu lại một tài sản mỹ thuật vô giá, mà cuộc triển lãm này chỉ là một phần nhỏ trong gia tài đồ sộ ấy. Các tác phẩm mỹ thuật trưng bày tiêu biểu cho nhiều nước Á châu, từ chiếc lư hương của thế kỷ thứ sáu đến đời đường bên Tàu, cho đến bát trà Thiền cổ Việt Nam, những bát gốm men ngọc đời Tống đến các tranh họa cổ Mật Tông Tây Tạng, tượng Phật Bà Quan Âm và đầu tượng Phật đá Thái Lan...

Ngoài ra, cuộc triển lãm còn có sự đóng góp tác phẩm của các họa sĩ tên tuổi Việt Nam, lấy Phật giáo làm đề tài cảm hứng, như Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Đồng, Hồ Thành Đức. Nguyên Khai, Văn Mộch, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Việt, Trần Khánh Chương, Trần Nguyên Đán. Lại còn có thêm phần trưng bày nghệ thuật cây cảnh do một vài nghệ sĩ khác thực hiện.

MỘT SỐ HỌA SĨ VIỆT NAM TRƯNG BÀY TRANH TẠI PARIS

Từ ngày 7 tháng 7 đến 30 tháng 7-1994, tại Galerie Bellint, 28 bis Bd. de Sébastopol 75004 Paris, một số họa sĩ Việt Nam đã triển lãm tranh với chủ đề Nguồn Cội (Racines). Các tác giả tranh trưng bày gồm: Hồ Hữu Thủ, Lê Tài Điển, Nguyễn Cầm, Nguyễn Lâm, Thái Tuấn và Philippe Franchini.

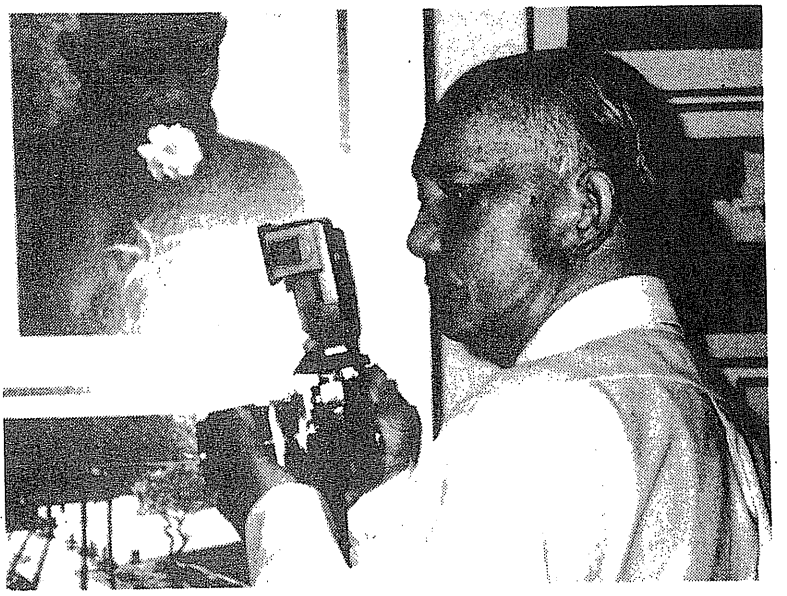

Nhiếp ảnh gia Tôn Lập

TRIỂN LÃM ẢNH CỦA TÔN LẬP

Ông dùng tên thật, Tôn Lập, để ký dưới những tá phẩm khi đưa ra cho quần chúng thưởng ngoạn. Theo bài viết của một người ảnh thành danh khác là Lê Văn Khoa, người ta được biết Tôn Lập tham gia sinh hoạt nhiếp ảnh từ năm 1958, là một trong những hội viên sáng lập của Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam từ năm 1969.

Hiện nay ông là hội viên danh dự của Hội Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật HON- PAP, và mang tước hiệu của Hội Nhiếp Ảnh Hoàng Gia Anh Quốc ARPS. Ông hiện định cư tại Derby nước Anh từ năm 1986, tích cực tham gia các sinh hoạt của cộng đồng Việt Nam tại đây. Ông đã nhiều lần triển lãm tại Âu châu, Gia Nã Đại cũng như Hoa Kỳ.

Đây là lần đầu tiên ông đơn phương triển lãm tại Quận Cam, dưới sự bảo trợ của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA), Hội Ảnh Nghệ Thuật và Nhật Báo Người Việt tại phòng Thế Kỷ Art Gallery, số

Hoài Hương hát cho Hà Nội Trong Mắt Tôi

14901 Moran Street tại Westminster. Tôn Lập đặt tên cho cuộc triển lãm này là: "Việt Nam Quê Hương Ta".

Với chủ đề nói trên, Tôn Lập trưng bày 64 tác phẩm, không hiểu vô tình hay cố ý bức số 64 được mang tên là "*Vĩ tuyến 17*". Hơn sáu mươi đề tài này lại được chia ra làm ba chủ đề chính gồm: A: "Trẻ Việt" gồm 15 bức. B: "Con Người" gồm 16 bức và C: "Phong Cảnh" gồm 33 bức. Nhìn chung thì đã có những sáng tác đã được thực hiện từ hơn ba chục năm, thậm chí có bức tới bốn chục năm, thí dụ như bức số 36, ông đặt tên là "*Bềnh bồng trên sông nước*" với lời ghi chú là *đồng bào Bắc Việt di cư bên bờ kinh Cái Sắn*. Cũng có những bức ảnh thực hiện rất gần đây, dùng cả hình mẫu là hai bức số 3 "*Ngây thơ*" và số 4 "*Nếm dưa Tết*" thực hiện vào năm 91 và 93.

Đây là một cuộc triển lãm có ý nghĩa. Nhiếp ảnh gia Tôn Lập qua ống kính của ông, đã làm hiện lên những hình ảnh mù mờ mà chúng ta đã giấu kỹ ở trong lòng. Ông khai quật những hình ảnh mà đã lâu rồi chúng ta tưởng rằng chúng ta đã quên. Nào ngờ những hình ảnh đó vẫn nằm im trong đáy hồn, chúng chỉ chờ cơ hội thuận tiện là ào ạt trỗi dậy. Nhiếp ảnh gia Tôn Lập đã đem lại cho chúng ta cơ hội ấy qua cuộc triển lãm đầy màu sắc quê hương Việt Nam này.

BUỔI RA MẮT SÁCH HÀ NỘI TRONG MẮT TÔI TẠI LITTLE SAIGON

Lúc 2 giờ chiều ngày thứ Bảy 25 tháng Sáu 1994 tại phòng sinh hoạt Thế Kỷ đường Moran, thị xã Westminster, California đã có buổi ra mắt cuốn sách Hà Nội Trong Mắt Tôi của Phạm Xuân Đài (tức Phạm Phú Minh) do nhà Thế Kỷ xuất bản. Dù khí hậu vô cùng nóng bức, khoảng 100 thân hữu và bạn văn đã đến tham dự buổi ra mắt.

Mở đầu, ông Lê Đình Điểu đã giới thiệu qua nhà xuất bản Thế Kỷ mà ông là người trách nhiệm, và sau đó nói về Phạm Phú Minh, bạn học lớp Đệ Nhất C Chu Văn An với ông hơn 30 năm trước, và bây giờ với bút hiệu Phạm Xuân Đài, đang trình làng cuốn sách đầu tay.

Trong phần giới thiệu tác phẩm Hà Nội Trong Mắt Tôi, nhà văn Trần Hồng Châu đã phân tích tỉ mỉ các bài viết trong cuốn sách, đã nói về phong cách, cái thiện của tác giả cùng kỹ thuật, cách diễn tả tinh tế, cách dùng chữ đầy màu sắc của Phạm Xuân Đài.

Nhà văn nữ Kim Hà, vừa với tư cách là văn hữu, vừa là người có liên hệ họ hàng với tác giả, đã nói rõ hơn về "thân thế và sự nghiệp" của Phạm Xuân Đài. Bà đã nêu đặc tính trầm tĩnh của nhà văn, luôn giữ ngòi bút mình vượt lên trên các trầm luân khổ ải của cuộc đời.

Diễn giả sau cùng là nhà văn Hoàng Khởi Phong, nhấn mạnh tới tính chất không hận thù trong văn chương cũng như trong đời sống của Phạm Xuân Đài. Theo ông, tác giả có một điều kiện cần thiết của một người cầm bút là *tấm lòng*.

Sau khi Phạm Xuân Đài cám ơn sự mến yêu và khích lệ của các văn hữu và bằng hữu dành cho cuốn Hà Nội Trong Mắt Tôi và tác giả của nó, đến phần tác giả ký sách lưu niệm và một chương trình âm nhạc nhẹ. Các ca sĩ "chuyên và không chuyên" Bích Liên, Hoài Hương, Nghiêm Phú Phát, Ái Cầm, Trương Minh Cường, Nguyễn Bảo Anh đã tạo nên một bầu không khí ca nhạc đầy nghệ thuật và ấm cúng, như một lời chúc cho tác phẩm Hà Nội Trong Mắt Tôi ra đời gặp nhiều may mắn và thành công.

BUỔI RA MẮT SÁCH HÀ NỘI TRONG MẮT TÔI TẠI SEATTLE

Tại thành phố Seattle, lúc 5 giờ chiều ngày 2 tháng Bẩy 1994 đã diễn ra một buổi sinh hoạt văn học trang trọng và đầy tình cảm. Đó là buổi ra mắt cuốn sách Hà Nội Trong Mắt Tôi của nhà văn Phạm Xuân Đài, do hai tờ báo tại địa phương là *Người Việt Tây Bắc* và *Phương Đông*, cùng một số văn hữu, thân hữu tổ chức tại phòng sinh hoạt của nhà hàng Việt Nam Pearl. Trong số 60 người tham dự người ta nhận thấy có nhiều nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, ở vùng Tây Bắc, nhiều thân hữu yêu văn chương và yêu Hà Nội, có cả nhà văn Phạm Xuân Đài cùng hai nhà báo Hà Tường Cát và Trần Đại Lộc từ miền Nam Cali đến.

Sau những lời mở đầu của ông Võ Thạnh Đông, Chủ nhiệm báo

Phương Đông, nhà báo Nguyễn Công Khanh đã giới thiệu tác giả Phạm Xuân Đài và kể lại những xúc động của mình và bạn bè cách đây bốn năm, khi bài ký Hà Nội Trong Mắt Tôi được đăng tải trên báo *Người Việt Tây Bắc* tại Seattle. Theo ông Nguyễn Công Khanh, đây là bài viết về Hà Nội hay nhất mà ông đã được đọc trong vòng ba thập niên qua.

Nhà văn Thiên Nhất Phương, cựu giáo sư, cựu tham vụ ngoại giao, đã trình bày một cách kỹ lưỡng và chi tiết một số nhận xét của ông về cuốn Hà Nội Trong Mắt Tôi của Phạm Xuân Đài. Theo ông, Phạm Xuân Đài khi mô tả Hà Nội đã vạch ra những đổ vỡ tinh thần và vật chất mà chế độ cộng sản đã đem lại cho Hà Nội, và mặc dù lời lẽ không đề cập đến chính trị những thái độ chính trị của tác giả rất rõ trong mỗi bài viết.

Khi điểm qua bài "Nét Xuân Sơn" và một số bài khác, Thiên Nhất Phương đã nhìn thấy nơi Phạm Xuân Đài một con người hướng thượng, dù trong cảnh cùng cực của tù tội anh vẫn cố vươn mình lên để cảm được vẻ tươi tắn của đất trời mỗi khi mùa xuân về; một tâm hồn luôn luôn nuôi hy vọng; một khả năng hòa đồng cùng thiên nhiên đầy vẻ Lão Trang.

Theo ông, đây là một nhà văn "có sức cảm nhận rất tinh tế, gây được cảm hứng và lòng yêu mến vô vàn nơi người đọc".

Bác sĩ Đỗ Hữu Tước, với một giọng tâm sự nhỏ nhẹ kể lại việc mẹ mình, một người Hà Nội đã 85 tuổi, vào khoảng đầu năm 1990 đã xúc động như thế nào khi được ông đọc cho nghe bài ký Hà Nội Trong Mắt Tôi. Theo bác sĩ Tước, cuốn Hà Nội Trong Mắt Tôi đã mang lại cho ông những xúc động và nỗi niềm sâu xa, khiến ông suy nghĩ là phải làm một cái gì đó cho quê hương trong quãng đời còn lại.

Nhà thơ Trần Trúc Lâm, tức bác sĩ Trần Văn Ký thì cho rằng Phạm Xuân Đài đã nhìn Hà Nội với một tấm lòng nên người đọc Hà Nội Trong Mắt Tôi đã khám phá ra nhiều điều thầm kín của chính mình đã được tác giả nói hộ. Theo bác sĩ Ký, tác giả đã đem cái nhìn của tâm tình, của nỗi rung động soi vào sự vật và diễn ra bằng một văn phong thanh thoát, ý tứ sâu kín, không có sự hằn học chính trị có thể làm hoen ố đi sự sáng tạo nghệ thuật. Phạm Xuân Đài đã gạt bỏ những bọt bèo của thế sự để đến với Hà Nội như là một di sản của văn hóa dân tộc và viết về Hà Nội như là một cách để bảo tồn di sản ấy.

Các diễn giả: Hàng trước (ngồi): Hà Huyền Chi (người thứ ba từ trái sang), Đỗ Hữu Tước (người thứ tư), Trần Trúc Lâm (người thứ năm). Hàng đứng: Trần Đại Lộc (thứ hai, từ trái sang), Thiên Nhất Phương (thứ tư), Trần Thiện Hiệp (thứ năm), Phạm Xuân Đài (thứ bảy), Hà Tường Cát (thứ tám)

Nhà thơ Hà Huyền Chi nói mình chỉ cảm thấy nhớ Sài Gòn chứ không thấy nhớ Hà Nội, vì biết Hà Nội ngày nay dưới chế độ cộng sản chẳng còn như xưa, cái Hà Nội xưa mà ông vẫn giữ mãi trong tâm tưởng ông. Nhà thơ nói lên lời cám ơn Phạm Xuân Đài đã nhìn, đã viết về Hà Nội một cách khác với nhiều người đã viết trước đây.

Nhà báo Hà Tường Cát mong rằng Hà Nội Trong Mắt Tôi không chỉ được đọc bởi những người lớn tuổi với nhiều hoài niệm mà lớp trẻ cũng nên đọc, để cảm nhận cái tinh thần trong sáng, lạc quan của tác giả khi đối diện với sự khổ đau, của cá nhân mình cũng như đất nước mình.

Ông Trần Đại Lộc lên diễn đàn với tư cách một người bạn thân thiết nhất của Phạm Phú Minh, đã gởi lại kỷ niệm viết lách của tác giả Hà Nội Trong Mắt Tôi khi hai người còn là học sinh ở trường Petrus Ký ba mươi mấy năm về trước. Ông cho rằng có sự nhất quán nơi văn của Phạm Phú Minh ngày ấy với Phạm Xuân Đài ngày nay, lúc nào văn cũng phản ảnh đúng con người của tác giả. Ông chia sẻ quan điểm cho mình chưa phải là nhà văn đích thực của Phạm Xuân Đài, người chỉ ghi lại một cách chân thực các cảm nhận tự trong lòng chứ chưa đi vào xây dựng có tính cách hư cấu. Nhưng ông cũng hy vọng sự chân thực nghệ thuật ấy vẫn có thể lay động lòng người như bất cứ loại văn chương nào khác.

Sau cùng nhà văn Phạm Xuân Đài lên diễn đàn để nói rằng mình là người rất may mắn, lần đầu tiên đến với vùng Tây Bắc đã được giới văn nghệ và quần chúng yêu văn nghệ tại đây đón tiếp với một tình cảm nồng ấm và đầy trí tuệ. Ông cho rằng nỗi xúc động ngày hôm nay sẽ biến thành cảm hứng để ông tiếp tục

cầm bút viết những tác phẩm sắp tới.

Buổi ra mắt sách chấm dứt nhưng đã mở ra những mối giao tình mới giữa những người làm văn chương nghệ thuật. Ai cũng nhận thấy các sinh hoạt văn hóa như thế này đã thực sự mang lại một cảm hứng ấm áp cho cuộc sống của mọi người, và trong ý nghĩa đó, cuốn Hà Nội Trong Mắt Tôi đã xuất hiện ở Seattle như một thành công.

ĐÊM THƠ NHẠC DU TỬ LÊ, TỪ CÔNG PHỤNG VÀ TRẦN THIỆN HIỆP

Tối Thứ Sáu 15 tháng Bảy 94, những con người văn nghệ từ miền đất Seattle, Washington, Texas, Oregon, Los Angeles, San Diego... trùng phùng một cách rất... văn nghệ tại quán Tao Nhân đường Westminster, thành phố Westminster, Quận Cam.

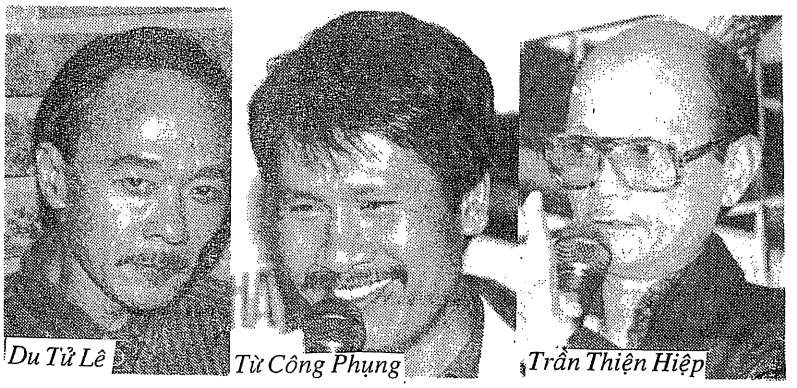

Du Tử Lê *Từ Công Phụng* *Trần Thiện Hiệp*

Đây là buổi họp mặt của Từ Công Phụng, Trần Thiện Hiệp và Du Tử Lê để trình bày thơ và nhạc do chính họ sáng tác.

Khách yêu văn nghệ đã đến đầy quán, đứng tràn ra cả ngoài hiên. Họ đến để nghe hát và nghe ngâm thơ, để gặp gỡ nhau, nói về nghệ thuật, để vui đùa và hít khói thuốc mù mịt.

Giữa khung cảnh văn nghệ ấm áp ấy, nhà văn Mai Thảo nói rằng: "Trong hoàn cảnh suy thoái kinh tế hiện nay, anh em văn nghệ sĩ vẫn chân cứng đá mềm, đó là điều rất đáng yêu..."

Giới thiệu về Trần Thiện Hiệp, người điều khiển chương trình Lê Chính Long cho biết "Trần Thiện Hiệp người Biên Hòa, quê quán ở Thừa Thiên, quê ngoại ở Quảng Nam, thiếu thời sống ở Di Linh, Đồng Nai Thượng. Cái thời còn đi học tại Phan Thiết, Đà Lạt, Sài Gòn, nhà thơ đã lập một kỳ công nhớ đời là ngao du một vòng xe đạp từ Bến Hải đến Cà Mau để đi tìm nàng thơ. Sang Mỹ, định cư ở Seattle, tiểu bang Washington, ông đã cho ra đời những vần thơ lưu vong như: *Cây lá phận người* (1987), *Mặt trời lưu vong* (1991), sẽ in *Đỉnh Mây* và *Vietnam in Exile: A Refugee's poetry.*"

Bà Trần Thiện Hiệp, tức Lê Hiền, cựu nữ xướng ngôn viên Đài phát thanh Quân Đội Sài Gòn trước kia đã xuất hiện trong bộ áo dài màu tím để ngâm thơ của chồng. Qua giọng ngâm ấm áp và nhiều màu sắc của bà, người ta có cảm tưởng trên đời này không ai cảm sâu sắc thơ Trần Thiện Hiệp, hơn bà, và Lê Hiền đã truyền đạt trọn vẹn các cảm nhận ấy cho người nghe.

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền nói về Từ Công Phụng như sau: "Vào cuối thập niên 1960, khi phong trào văn nghệ sinh viên học sinh nổi lên thì bài ca *Bây giờ tháng mấy* xuất hiện như một vì sao lạ. Chỉ trong một thời gian ngắn, Từ Công Phụng, tác giả bài hát trên, cùng với Vũ Thành An, Phạm Thế Mỹ, Phạm Trọng, Ngô Thụy Miên, Trịnh Công Sơn v.v... được coi như là thần tượng của giới trẻ. Điểm đặc biệt là sau 1975, những ca khúc của ông vẫn được hát ở trong nước. Đêm nay, Từ Công Phụng đã cống hiến cho người nghe sáu bài liên tiếp. Đó là những ca khúc đã làm nên tên tuổi ông.

Du Tử Lê xuất hiện, vẫn gầy ốm như thuở nào. Ông viết khá nhiều, trên 30 tác phẩm gồm truyện ngắn, tiểu thuyết, thi ca. Những tác phẩm mới nhất phải kể tới như *Đi và về cùng một nghĩa như nhau; Chấm dứt luân hồi em bước ra; Nhìn nhau chợt thấy ra sông núi.* Tùy bút có *Một đời nắng gió; Bên kia* sẽ được phát hành vào tháng Tám 1994.

Họa sĩ Hồ Thành Đức, dịp này, đã lên tặng Du Tử Lê bức chân dung của nhà thơ.

Rất nhiều bài hát được phổ từ thơ Du Tử Lê đã được các ca sĩ trình bày trong đêm nay.

Buổi sinh hoạt kéo dài rất khuya, quán vẫn đầy người say sưa theo dõi, liên tiếp yêu cầu Từ Công Phụng hát những bài mà mình yêu thích. Tình nhạc, tình thơ một thuở nào bỗng hội ngộ đêm nay khiến giới mộ điệu cảm thấy được sống những phút giây rất hạnh phúc, không biết là của hiện tại hay dội lại tự một quá khứ nào...

BAN KỊCH HỒN NƯỚC TRÌNH DIỄN VỞ KỊCH BẾN NƯỚC NGŨ BỒ

Tối thứ Bảy 16-7-1994, ban kịch Hồn Nước đã công diễn lần đầu tiên ở hải ngoại vở kịch thơ dã sử Bến Nước Ngũ Bồ, tại nhà hát Carpenter Performing Arts Center, đại học Long Beach. Ban kịch tập hợp những người nhiệt tâm với nghệ thuật, song đều là diễn viên không chuyên nghiệp, ngoại trừ nhà báo lão thành Lê Văn Vũ Bắc Tiến, người dựng vở, đạo diễn và thủ vai Lão Lái Đò trong kịch. Nhưng bằng ý chí quyết tâm và nỗ lực vượt mọi khó khăn của tất cả những người chủ trương, buổi diễn của ban kịch Hồn Nước đã là một thành công đáng khích lệ.

Soạn giả Hoàng Công Khanh là một trong số rất ít người viết kịch thơ được coi đạt trình độ nghệ thuật,

ông đã trải qua thời kỳ kháng chiến chống Pháp và còn tiếp tục sống trong những hoàn cảnh khó khăn phức tạp suốt mấy chục năm cho đến bây giờ ở miền Bắc Việt Nam. Lấy đề tài từ lịch sử khởi nghĩa giải phóng ách đô hộ nhà Minh hồi thế kỷ 15, kịch bản viết xong năm 1953 có nội dung chính trị nhất định cho giai đoạn và đã được diễn tại một số nơi trong ý nghĩa ấy.

Vì tính cách lịch sử không chỉ ở nội dung mà còn ở ngay điều kiện hình thành tác phẩm văn học nghệ thuật này, nên "Bến Nước Ngũ Bồ" đã từng gây một vài tranh luận khi lão đạo diễn Lê Văn làm sống lại trên sân khấu Hoa Kỳ. Tuy nhiên, qua buổi diễn lần đầu tiên vừa qua, hơn 600 khán giả có lẽ đều đã đồng ý rằng chỉ còn khía cạnh nghệ thuật và giá trị tinh thần mới là điều đáng quan tâm đối với một tài sản hiếm quý của kho tàng văn học dân tộc.

PHÒNG TRANH NGUYỄN TRỌNG KHÔI Ở BOSTON

Phòng tranh nhỏ nhưng có sức thu hút đặc biệt: Hàng trăm khách thưởng ngoạn đã đến, theo lời mời của họa sĩ, trong ngày khai mạc thứ Sáu 8 tháng Bảy 1994. Mười sáu họa phẩm mới nhất của Nguyễn Trọng Khôi làm thành một phòng tranh rực rỡ cho Eclipse Gallery trên đường Newbury, trung tâm thành phố Boston thuộc tiểu bang Massachusetts, miền Đông Bắc Hoa Kỳ.

Nguyễn Trọng Khôi, tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn, đã từng bày tranh từ năm 1972, tới Mỹ năm 1988, hiện làm việc cho một công ty phục chế đồ cổ ở Boston. Ông cho biết, ông đã "dành hết thì giờ còn lại sau những giờ làm việc ở sở cho việc vẽ tranh". Ông nói: "Tôi ao ước được vẽ, và chỉ vẽ mà thôi. Nhưng muốn đi vào được thị trường Mỹ và quốc tế, thật không dễ".

Những hình kỷ hà tương phản với những uốn lượn mềm mại, những màu nóng tỏa đầy ánh sáng nằm đan chen với những khoảnh mầu tối rất sâu, trên mặt tranh rộng hàng thước vuông, khiến cho tranh Nguyễn Trọng Khôi đầy thách thức, và cũng nhiều bí ẩn.

Chuồn chuồn và đom đóm bay vào tranh họ Nguyễn tạo thành những "mô típ" lạ. Ông nói: "Đom đóm ít có trong tranh". Thật vậy, những đốm lân tinh rực rỡ trong đêm đen có lẽ ở miền quê nơi đâu cũng có. Nhưng đom đóm quanh một cây rơm, với những vệt màu mỏng manh bay lượn, Nguyễn Trọng Khôi đã đưa chúng ta trở về một miền quê hương xa tắp, trong khi mang lại một bầu không khí huyền bí Đông phương đầy quyến rũ với khách xem tranh người Âu.

Họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi, trong phòng tranh của ông tại Eclipse Gallery, Boston, ngày khai mạc 8 tháng Bảy 1994

Ở Eclipse Gallery, Nguyễn Trọng Khôi đưa chúng ta vào tiểu tấu khúc mười sáu bức tranh của âm thanh và ánh sáng -nhạc dạo cho một đại tấu hkúc có thể ra đời vào mùa hè 1995: ông đang chuẩn bị cho một triển lãm lớn- ngoài việc sẵn sàng góp tranh trong cuộc triển lãm kỷ niệm 20 năm người Việt định cư tại Mỹ do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ tổ chức trên nhiều thành phố suốt năm 1995 tới đây.

ĐÊM NHẠC HỘI TÌNH XUÂN

Tối thứ Bảy 25 tháng sáu, 1994, đêm nhạc hội Tình Xuân để tưởng nhớ cố nhạc sĩ Vũ Thành đã diễn ra tại Plummer Auditorium, Fullerton, miền Nam California. Ông Đông Nguyên, người tổ chức, đã ráo riết chuẩn bị cho buổi nhạc hội này từ một năm trước, quy tụ những ca sĩ tên tuổi: Kim Tước, Anh Ngọc, Mai Hương, Hà Thanh, Quỳnh Giao, Lệ Thu, Ái Vân, Tuấn Ngọc, Vũ Anh, Nguyễn Thành Vân, với giàn nhạc hòa tấu do nhạc trưởng Larry Grossman điều khiển. Các ca khúc lãng mạn và trang trọng của Vũ Thành như Tình Xuân, Nhớ Bạn, Gió Thoảng Hương Duyên, Giấc Mơ Hồi Hương, Nhặt Cánh Sao Rơi, Gửi Áng Mây Hàng, Thụy Khúc đã được các giọng ca "đã trở thành cổ điển" của nền tân nhạc Việt Nam tại hải ngoại trình bày. Ngoài ra, một nhạc phẩm (không lời) cuối cùng của cố nhạc sĩ, bài Thỉnh Nhập Vũ Điệu, đã được ban nhạc trình tấu.

Ngoài phần nhạc của Vũ Thành, chương trình còn được phong phú hóa, và do đó, kéo rất dài, với một số nhạc khúc của các nhạc sĩ tên tuổi khác như Phạm Duy, Văn Cao, Dương Thiệu Tước v.v...

Đây là một nhạc hội có tầm cỡ, xứng đáng để tưởng nhớ một nhạc sĩ danh tiếng của Việt Nam, mặc dù nhiều khán giả lấy làm tiếc về một số khuyết điểm trong việc sắp xếp chương trình cũng như việc tổ chức.

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT**: Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

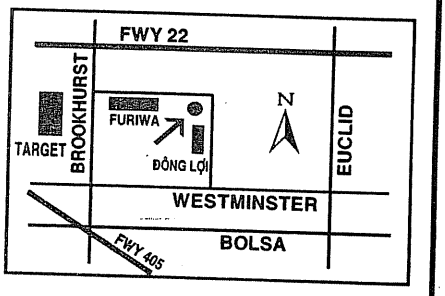

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

Phở Cali

* Ngon mà lại rẻ

*Không bột ngọt

*Ngò gai rau quế bốn mùa

Chè Cali

MUA 2 TẶNG 1

Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S HARBOR, SANTA ANA (GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)

(714) 531-4556

THƠ BÙI GIÁNG

Tuyển Tập Mới Nhất

Một thời gian dài sau năm 1975 chễnh mảng với Nàng Thơ, từ năm 1992 qua nửa đầu năm 1993 nhà thơ Bùi Giáng bỗng bắt lại nhịp sáng tác dồi dào.

Hàng trăm bài thơ trong một cơn *bùng nổ sáng tạo* đầy yêu thương, đau khổ, siêu thoát...

Làm thơ hay nhất đất trời
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên
Cái khùng cũng vậy tuy nhiên
Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay...

Bùi Giáng
Saigon Tháng Năm — 1993

Tột đỉnh của Tài Hoa là sự xuất thần (cái khùng, cái điên) đã mang lại cho đời những vần thơ hay nhất...

Tuyển Tập Mới Nhất

THƠ BÙI GIÁNG

do Nhà Xuất bản và Phát Hành Thế Kỷ ấn hành.

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ... trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về chính mình và về đất nước mình, muốn biết những vấn đề cũng như những giải pháp đề nghị về chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, khoa học...

TÌM ĐỌC **THẾ KỶ 21**

THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

Tạp chí thời sự, khoa học, văn nghệ ra mỗi đầu tháng, phát hành khắp thế giới. Mua dài hạn $32.40 / một năm. Thơ từ, tiền bạc, bài vở, đề và gửi cho: THẾ KỶ 21.

P.O. Box 2054-H39, Westminster, CA 92683. Tel. (714) 894-9121 • Fax: (714) 894-2752

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT**: Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

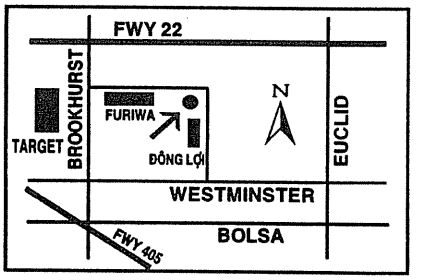

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

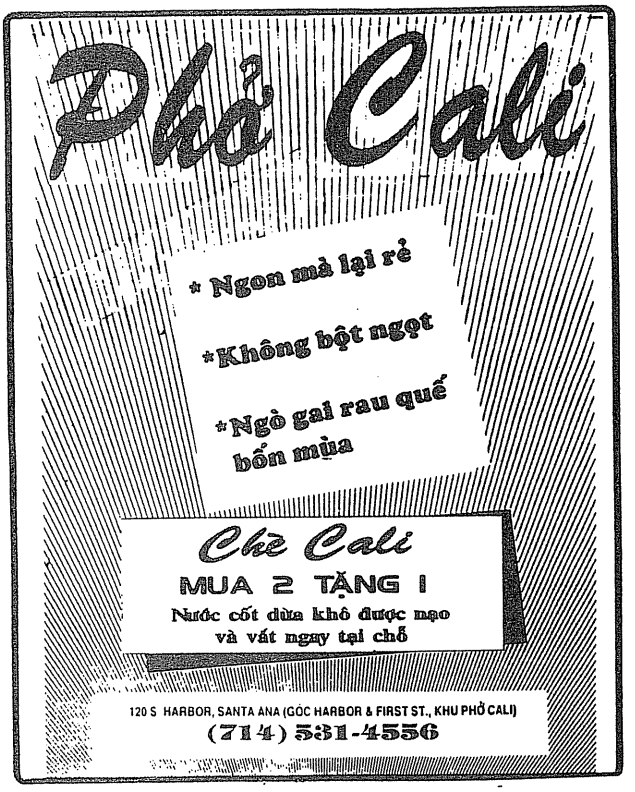

THƠ BÙI GIÁNG

Tuyển Tập Mới Nhất

Một thời gian dài sau năm 1975 chểnh mảng với Nàng Thơ, từ năm 1992 qua nửa đầu năm 1993 nhà thơ Bùi Giáng bỗng bắt lại nhịp sáng tác dồi dào.

Hàng trăm bài thơ trong một cơn *bùng nổ sáng tạo* đầy yêu thương, đau khổ, siêu thoát...

Làm thơ hay nhất đất trời
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên
Cái khùng cũng vậy tuy nhiên
Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay...

Bùi Giáng
Saigon Tháng Năm — 1993

Tột đỉnh của Tài Hoa là sự xuất thần (cái khùng, cái điên) đã mang lại cho đời những vần thơ hay nhất...

Tuyển Tập Mới Nhất
THƠ BÙI GIÁNG
do Nhà Xuất bản và Phát Hành Thế Kỷ ấn hành.

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ...
trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về chính mình và về đất nước mình, muốn biết những vấn đề cũng như những giải pháp đề nghị về chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, khoa học...

TÌM ĐỌC THẾ KỶ 21
THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

Tạp chí thời sự, khoa học, văn nghệ ra mỗi đầu tháng, phát hành khắp thế giới. Mua dài hạn $32.40 / một năm. Thơ từ, tiền bạc, bài vở, đề và gửi cho: THẾ KỶ 21.

P.O. Box 2054-H39, Westminster, CA 92683. Tel. (714) 894-9121 • Fax: (714) 894-2752

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA

BỆNH TRĨ

* Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt
* Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh
* Không cần nằm bệnh viện
* Không mất máu, không đau

* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU.

TRẦN TIỄN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

* Bác Sĩ Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh
* Bác Sĩ Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan
* Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon
* Hội Viên Danh Dự Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Huê Kỳ (Fellow American College of Surgeons)
* Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột Và Trĩ Khoa Huê Kỳ (American Society of Colon and Rectan Surgeons)

14572 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 898-1177

NHẬN MEDICAL * MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG
NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

7151 LINCOLN AVE., # A
BUENA PARK, CA 90260
(714) 527-2777

ĐỀ ÁN 20:
XÂY MỸ GỐC VIỆT
HAI MƯƠI NĂM SAU

Chuẩn bị
sẵn sàng 20 năm
sống xa
quê cha đất tổ

Bánh Mì Cali

$1.55/1 ổ
MUA 2 TẶNG 1

* Bánh mì thịt nguội
* Bánh mì bì
* Bánh mì chả lụa
* Bánh mì thịt nướng
* Bánh mì nem chua
* Bánh mì xíu mại
* Bánh mì gà rô-ti
* Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED — AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + $7 CERT.

VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA; 2 WHEEL $25 MOST CARS; 1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-TTI CHUYÊN TRỊ:

Vô xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ *Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.*

☆ *Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng giá chứ dealers.*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- *Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.*
- *Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.*
- *Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.*
- *Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.*
- *FREE ESTIMATE.*

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

(714) 373-3344

AIR CONDITIONING SPECIALIST

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $50.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

- ** Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System*
- ** Máy lạnh thổi không ra hơi*
- ** Hơi thổi ra không đúng chỗ*
- ** Hệ thống lạnh bị xì*
- ** Xe bị nóng khi xài máy lạnh*
- ** Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET

小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL. (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy qúi khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén diã tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME
ATM

California Lotters LOTTO
California Lotters DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như diã giấy, ly, muổng, nỉa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

Trân Trọng Giới Thiệu

Chương Trình Nhạc Hòa Tấu Hợp Xướng

Đêm NGÀN KHƠI

SAN JOSE, MÙA THU 1994

- Toàn bộ trường ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN của Phạm Duy
- Những sáng tác của LÊ VĂN KHOA, VŨ THÀNH, CUNG TIẾN, PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG, NGUYỄN ĐỨC QUANG
- DÂN CA VIỆT NAM do LÊ VĂN KHOA hòa âm cho TỨ CA và dàn nhạc hòa tấu

với

BAN HỢP XƯỚNG NGÀN KHƠI
MAI HƯƠNG • THIÊN THANH • BÍCH LIÊN • NGUYỄN THÀNH VÂN

Đặc biệt

CA ĐOÀN THIẾU NHI NGÀN KHƠI
và
FESTIVAL SYMPHONY ORCHESTRA

FOOTHILL COLLEGE THEATRE
12345 El Monte Rd, Los Altos Hills, CA 94702 (off Freeway 280)

GIÁ VÉ: Ân Nhân: $ 50 - Đồng Hạng: $ 25
Checks xin đề tên: NGAN KHOI CHORUS và gửi về địa chỉ: 14265 Brookhurst St Garden Grove CA 92643
Tel: (714) 531-2773 & (408) 274-1339

Vé có bán trước tại: Nhà Sách Toàn Thư (408) 292-2788 • Hải Âu Music (408) 270-4866

Tiền lời sẽ được dùng giúp quỹ cứu trợ tị nạn và các hội thiện nguyện

Chương trình được bảo trợ một phần bởi **MCI**, cơ quan điện thoại viễn liên

Giá: US $ 3.00